

8°
INDO-CHINOIS

1937

1933 — N° 8

ĐOÀN-TRUNG-CÔNG



PHÁP GIÁO

NHÀ PHẬT

le dharma

Qui hơn bửu vật ở trong đời,
Huyền bí ai mà độ tới nơi ;
Trời đất, dễ nhường vòng bao quải,
Sanh-ra vạn vật độ muôn loài.

ĐOÀN TRUNG-CON

1933 - 178

1933

Nơi bìa sách này,

kẻ soạn-giả xin kính tặng quý-vị độc-giả

một chữ ký tên :

[Redacted area]

Qui hoc bina vlt & trong đời,
Huyền bí và ma đê lời nói ;
Tuyệt đê, hê những công bao quát,
Đoanh và nạn vôi đê nhân loại.

1933 — N° 8

ĐOÀN-TRUNG-CÔNG

DEPT LEGAL
INDOCHINE
N° 18816

PHÁP GIÁO NHÀ PHẬT

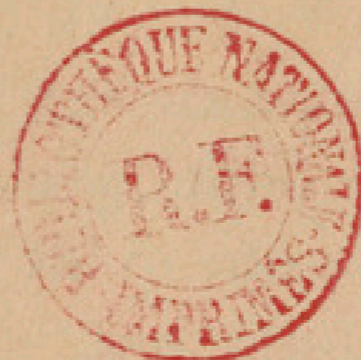
le dharma

Qui hơn bửu vật ở trong đời,
Huyền bí ai mà độ tới nơi,
Trời đất, dễ nhường vòng bao quát,
Sanh ra vạn vật độ muôn loài.

度

8° Indoch.

1937



Saigon, le 25 juillet 1937

Tirage 1000 exemplaires

Imp. ĐOÀN-TRUNG-CÔNG

Editeur : Đoàn-Trung-Công

Directeur : L'Imprimerie
Triển Văn Đoàn



BOAN-YRENT-TOH

1933 - No 8

PHÁP GIÁO

NHÀ PHẬT

Le Chanson

Chanson de la vie et de la mort
Chanson de la vie et de la mort
Chanson de la vie et de la mort
Chanson de la vie et de la mort

[Handwritten signature]

Paris - France
1933
No 8

TIÊU TỰA

Kìa bão, kìa ảnh phút qua,
Kìa sương, kìa chớp, kìa là chiêm bao!

Ở đời biết bao là xao xác! biết bao cuộc tranh tri, biết bao cuộc chiến đấu trong ấy luân-lý và đạo-nghĩa lắm khi phải lu lờ. Rốt cuộc chỉ là đám cỏ xanh thôi!

Nếu cái đời sắc dục với lắm miếng mồi không làm cho mình lụy, cái tuổi của mình không sa vào bể ái-sống-tình, trong lửa tham-cha, biết đâu chẳng phải là ảnh-hưởng cái Nghiệp?

Sự chơi có lắm cái hưng-thú thật! Sắc đẹp làm cho người ta yêu, tiếng thanh làm cho người ta thích, mùi thơm làm cho người ta ưa, món ngon làm cho người ta chịu, nhục dục làm cho người ta khoái, cái giàu làm cho người ta mê, cái danh làm cho người ta say, các cuộc no ấm, khoái-lạc, sung-sướng về vật chất làm cho người ta cứ tham hưởng, khư khư biết lấy một mình mình, nào biết đến người!

Con người muốn cái gì lại chẳng được? Nhưng khổ, khổ: cái muốn là nguồn gốc cái khổ đó! Cái muốn nó hành, nó đốt, nó dày. Có muốn, có ham, có tham, con người tranh giành lẫn cướp, lo làm phương thế để đạt cái sở-thích của mình, được cái này bắt đến cái khác, khổ cực biết bao, cái thân phải làm tội tở, cái trí phải làm nô lệ cho dục vọng!

Đạo Phật là đạo của các nhà tưng-trái. Cũng như Phật đã trái các mùi đời: công danh, phú quý, bần cùng, hạ tiện, Ngài đều có nếm đủ rồi. Nhất là các sự sung-sướng về vật-chất Ngài có hưởng tất cả, nhưng đã hưởng rồi Ngài quyết bỏ mà tìm đến cái cao, cái thật, cái vĩnh-viễn đời đời. Ta cũng thế, giả như đã được giàu sang, danh giá tước phẩm, được các điều thỏa-thích vật-chất thì ta còn chìm mãi trong ấy mà làm gì? Ta đã từng khổ, từng lăn-lóc vì vật-chất, từng thấy trần-gian là giả-cuộc, là phù-vân, ta khá tìm cái

thật để hưởng đời đời. Chính là ta theo học thuyết Phật, sinh-hoạt thanh bạch để tiến lên nẻo cao, tiến lên mãi cho đến cực-điểm, hoàn toàn, hoàn-toàn cái thân, hoàn toàn cái trí. Trong khi lần bước lên cao, ta cũng như người đi núi, cần bỏ những đồ vô-ích tri nặng, ta càng bỏ bớt mãi những dây tình, ta càng lên cao, cho đến ngày ta bỏ tất cả tình-ái triêu-mến thì ta lên đến đỉnh chót-vót, ta nhập Niết-Bàn hay là về cõi Cực-Lạc, nơi Phật-quốc theo tông Tịnh-Độ vậy.

Cuốn « Pháp Giáo nhà Phật » này còn là sơ-siên chứ cũng giúp chút ít tài-liệu cho mấy nhà đương tìm thuyết Phật, nó có thể là sách chỉ nam trong lúc đầu của người học đạo. Nhưng xin đọc-giả phải tự mình tìm lấy. Nhờ được tư tưởng thường thức, yển sáng ban đầu nó dẫn cho, chứ đọc kinh sách để đạt huệ thật là không được, mà phải hành, phải nghĩ, phải tham thiền !

Sách “ Pháp Giáo nhà Phật ” này chia ra sáu phần chánh như dưới đây :

1. PHÁP LÀ GÌ? Pháp (Dharma) là cái vô hình, vô danh vô cùng, vô tận, huyền-bí mà đức Lão-Tử tạm kêu là Đạo, đức Phật tạm gọi là Pháp. Còn theo nghĩa nhỏ thì Pháp là tông-giáo, lý-luận, phong hóa, lễ phải v. v...

2. VỎ-TRỤ VỚI VẠN-VẬT Mà chúng ta biết một cách thông thường, biết để so-sánh với trình-độ học-thức về tôn-giáo của ta. Biết tới đâu ta hay tới đó, chứ trông gì biết tất cả về Vỏ-Trụ và có ai dám xưng rằng mình hiểu hết Vỏ-Trụ chẳng ?

3. NỀN TẢNG ĐẠO PHẬT, ba cái thuyết Linh-hồn, Luân-hồi, Quả-báo đích thật, vững-vàng có thể làm nền phong-hóa rất hay cho thiện-nam tín-nữ.

Bên Phương Đông ta mấy ai chẳng tin theo linh hồn, luân-hồi với quả-báo ? Kẻ nghèo mà không tức bởi hiểu luân-hồi, quả-báo, kẻ giàu lại biết rằng nhờ phúc họ đã gieo. Nghèo lo ăn-ở hiền lành để bớt nghiệp xấu, giàu ráng lập thêm công-đức để hưởng mãi về sau.

4. TỬ DIỆU ĐỀ, là tôn-giáo của Phật rồi. Thi hành Tử diệu đề có thể đến ngay mục-đích, cắt tình-ái và nhập Niết-Bàn. Đời là khổ, phải lo mà thoát khổ. Và bao giờ còn ở cảnh trần hay cảnh tiên, không ai diệt khổ được. Phải ráng đến cảnh Phật, nơi ấy cái khổ không có xâm nhập tới.

5. THAM-THIÊN, giúp cho mình rất nhiều công-hiệu để đạt đạo-lý và cắt đứt tình-dục. Những nhà thành đạo còn ai chẳng nhờ tham-thiên? Những nhà muốn mau lên đến nẻo tốt, nẻo cao, còn ai chẳng tập tham-thiên? Kề thấp hay kẻ cao, mọi người đều tham-thiên được và mọi người đều có thể nhờ cái hay ở sự tham-thiên.

6. Sau hết là NIẾT-BÀN, mục-đích nhà sư, cư-gia với thiện-nam tín-nữ, các nhà học Phật. Niết-Bàn, cảnh cực-kỳ an-lạc, thanh-thời, cảnh trong-sạch hoàn-toàn, cảnh thanh-cao cực-điểm, cảnh thật đời đời không biến đổi. Thuở kia, người ta đạt quả Thánh, nhập Niết-Bàn là nhờ sức riêng của mình. Nhưng ngày nay, ở vào đời mạt Pháp này, kẻ có học thì sa vào tình tội, kẻ không học lại u-mê, nên Phật lấy lòng từ-bi mà vớt đem về cõi Cực-Lạc những ai thành tâm cầu-nguyện Ngài, niệm luôn luôn sáu tiếng

“ NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT ”



Mấy lời nói đầu

Dã có đọc sơ qua văn-chương hi-lạp, mấy nhà hiền-triết hi-lạp, tôi thấy người Phương Tây, nhất là người Pháp được hưởng của quý, thọ tinh-thần của các danh-nhơn quân-tử người hi-lạp. Nhưng văn-chương và triết-học hi-lạp, tôi quyết không bằng văn-chương và triết-học của Phật và các thánh hiền bên Phật. Khi xem văn mấy ông Socrate, Platon, Aristote, Marc-Aurèle v. v. tôi thấy tư-tưởng giống đạo Phật nhiều lắm nhưng thấp hơn ; mừng tượng với đạo Khổng, nhưng cao hơn. Văn-chương và triết-học của mấy ông hiền hi-lạp tôn trọng thần-quyền và ca-tụng Thượng-đế nhiều hơn bên Phật, vì các ngài lấy Thượng-đế và những đức-tánh làm chủ, còn bên Phật thì lấy cái Nghiệp và cái *Pháp* (Dharma) làm chủ, tức nhiên bên Phật trông lấy mình mà bên kia thì trông lấy Trời. Một đàng nữa thì văn-chương và triết-học hi-lạp có nói đến sự cao thượng trong cuộc giải-thoát nhưng chỗ này ít rõ hơn bên Phật, tức là ít thâm trầm siêu việt hơn.

Thế mà nhờ đó, người Pháp được một nền học thuật tốt với những tư tưởng lành. Cái cảm tưởng của tôi là nếu người Pháp và người Phương Tây hấp thụ được tinh thần đạo Phật (nhưng khó cho họ giải thoát vì rhiêm với vật chất quá nhiều) thì trình độ họ mạnh hơn, khỏe hơn, sừng hơn, đáng hơn, cao hơn gấp năm sáu lần.

Như vậy, mình nỡ nào bỏ một nền học quý báu hơn hết sao ? Nếu mình ráng học Phật, năng coi tư-tưởng của Phật và các nhà hiền-nhơn bên Phật-học-giới thì mình sẽ được một cái ảnh-hưởng quý vô ngần ở tinh-thần. Nếu trong nước mình, dân-chúng được dầm nham tư-tưởng đạo Phật thì cái trình độ chung sẽ cao trỗi hơn trước nhiều, cao trỗi hơn sự tụng niệm, vái lạy, lễ bái một cách lờ mờ.

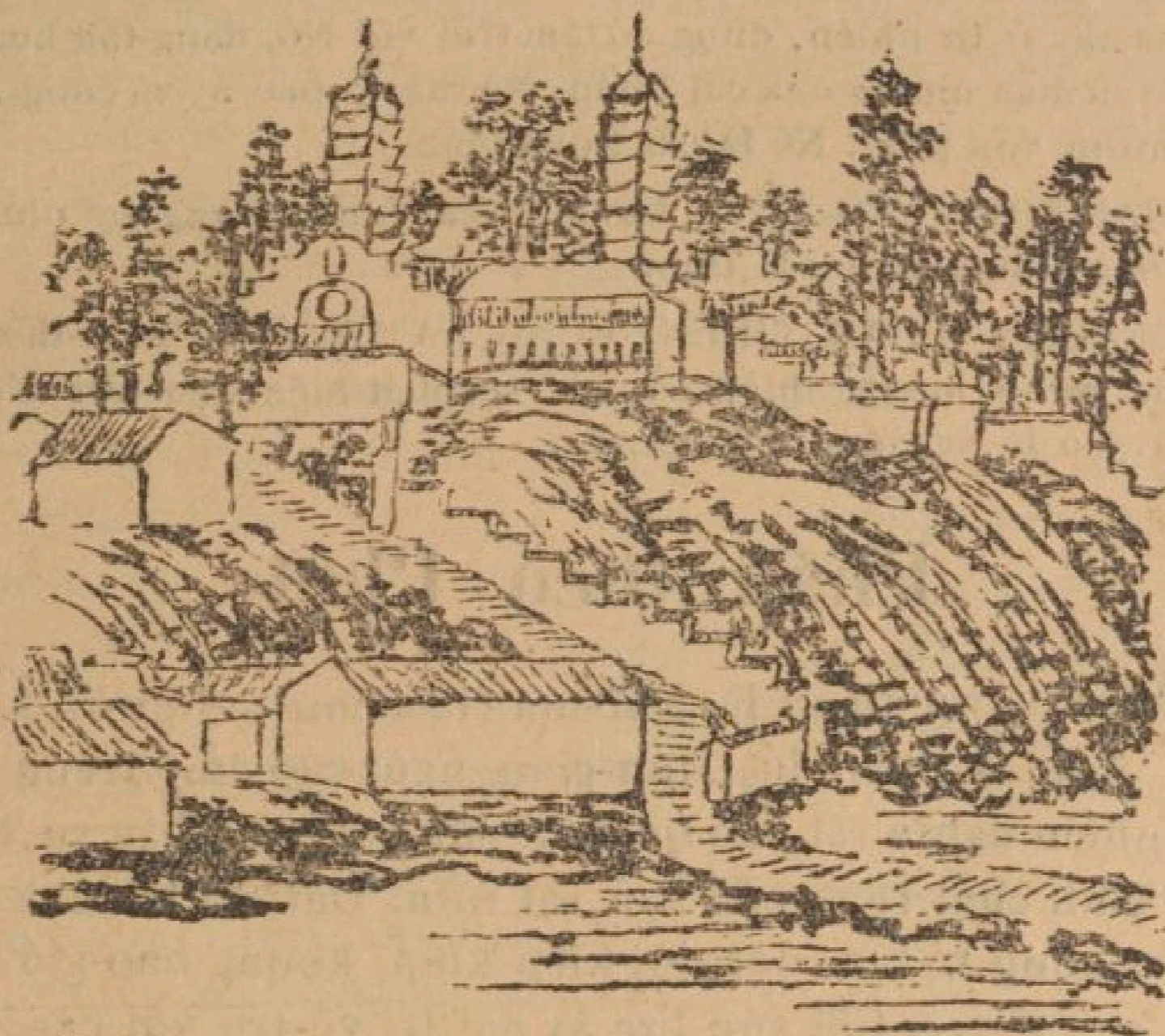
Ai bảo trong khi mình học văn-chương nhà Phật, mình chẳng cho tư-tưởng dung hòa với những sự cao-thượng trong kinh sách ? Việc ấy là cố nhiên. Mỗi ngày gần với

hiền-nhơn, mỗi ngày nghe hiền-nhơn thuyết dạy bằng mấy trương sách lành, thế nào mình chẳng nhiệm mà hành theo? Như vậy tức là tu rồi, ấy là học, tập hay là tu. Chớ không xem kinh thánh, không đọc sách hay, không biết thuận-lý mà mỗi ngày mình những hạ mặt cái thân, cái trí trước mấy lần khói, trước mấy hình tượng và bàn thờ thì bao giờ cho hiểu cái qui của sự tu?

Hằng xem kinh điển nhà Phật, cái trí mình biến cải, tư-tưởng mình tấn hóa, tất nhiên cái nghiệp mình nó tự sửa lẫn, càng lành, càng tốt; càng hay!

Cái mục-dịch tôi là như thế đó, vậy độc-giã các ngài lượng xét cho mà tự học, xét, sửa mình, để mau chơn lên cõi tân-hóa.

Đ. T. C.



PHÁP GIÁO NHÀ PHẬT

I

Pháp là gì

1. PHÁP THEO PHẬT.— Pháp quản trị các trái cầu và vạn vật. Phật phải tùng theo Nó, ở trong Nó mà ra. Phật thuyết về Pháp: cái Pháp khiến cho các hiện-tượng trong vũ-trụ xây vắn rất đều. Nó vẫn tự nhiên, ta hãy ở tự nhiên, đừng có làm trái với Nó, đừng tấn hoá lên, Biết bao sự mâu nhiệm của cái Pháp. Nó thật là bác-ái và công-bằng, vừa thưởng vừa phạt. Nó là cái hoàn toàn.

2. PHÁP THEO LÃO-TỬ.— Cũng là cái Luật tương tự như cái Pháp, bên Lão-giáo gọi là Đạo.

3. BRAHMA (PHẠM THIÊN) CŨNG LÀ PHÁP— Phạm-thiên là vô hình, minh mông, thiên cổ, các sự phát-hiện đều bởi Nó mà sanh ra. Nó là Nguyên-thủy vạn vật.

Pháp theo Phật

Pháp tiếng phạn là Đạt-ma (Dharma). Người Ấn-độ gọi là Pháp, luật, tôn-giáo, ngôi cao cả. Tiếng Đạt-ma có nhiều nghĩa rất bao quát lại cũng chỉ về phận sự, hạnh kiểm, tánh chất riêng của vạn vật nữa. Đạt-ma là cái « Sức lực » vô cùng vô tận, đời đời kiếp kiếp, không bao giờ thay đổi và suy yếu... Cái sức lực ấy cai trị vũ-trụ với các hiện-tượng, Nó cai quản tất cả vạn vật. Nó đã là đời đời kiếp kiếp,

làm chủ vô-trụ và vạn vật, thì Phật không phải là người sáng lập ra Nó : Phật phải theo Nó và đứng ra mà giới thiệu Nó, chỉ dạy Nó cho người đời. Chính Phật phán rằng Ngài cũng dạy một Đạo với chư vị Thế-Tôn trước Ngài, như Nhiên-Đặng (Dipankara), Ca-Diếp (Kacyapa) (1), Ca-la-tôn-đại (Karakouchanda).

Nhơn một cuộc thuyết pháp về Đạo, Phật có dạy rằng :
« Chớ toan dùng lời nói mà đo cõi Vô cùng không thể đo, chớ toan dùng dây tư tưởng mà thông đến cõi Vô tận, thâm thẳm minh mông. Kẻ hỏi thì lầm, người đáp cũng lầm. Thà đừng nói gì hết.

Sách xưa dạy rằng trước vạn vật đã có cái U-u-minh-minh và đấng Phạm-thiên (Brahma) (2) một mình tham-thiên trong cõi ấy. Chớ trông đến Phạm-thiên với Nguồn gốc mà làm gì. Mắt phàm nào có thấy được Ngài với Linh-quang, trí phàm nào có biết được Ngài với Linh-quang. Những bức màn che án sẽ mở ra lần lần và liên tiếp nhau, nhưng phải có rất nhiều bức màn hết bức này đến bức kia nối nhau mãi. Các tinh tú cứ theo đường mà đi vô không hỏi hạn gì. Sống với chết, sướng với khổ đều có cũng như như với quả, với thời-gian kéo chạy, với con nước chảy mãi của kiếp đời, tất cả những cái đó có là đủ rồi. Mà con nước của kiếp đời kia thay đổi mãi, nó chảy đi mãi không ngừng cũng như nước dưới sông cứ chảy đi khi mau, khi chậm, cả hai thứ nước tuy khác mà hẳn như nhau, bắt từ trên nguồn xa mà xuống mãi đến biển hồ. Rồi vàng Thái-Dương rút lấy nước dưới biển lên, nước hiệp lại thành những đám mây dẹt như bông gòn, đoạn mây đổ thành mưa, thành nước, nước lại bắt từ trên núi cao mà chảy xuống nữa, chảy mãi không ngừng nghỉ chút nào. Như vậy là đủ hiểu rồi, đủ hiểu những sự phát hiện với Trời Đất, các Cõi đời và những cuộc biến đổi làm cho tất cả đều cải hóa đi. Những cuộc biến đổi này có khác nào cái bánh xe lượng

(1) Đừng lộn Ca-Diếp, một vị Thế-Tôn trước Phật với Ca-Diếp huynh trưởng học-trò của Phật.

(2) Brahma hay là Thượng-Đế cai trị cả vạn vật.

lực nó chạy quây, quây bởi sự tranh đấu và sức mạnh phi thường mà không ai cản nổi cũng không ai dám đi trái với sự xáy vắn của nó. Chớ có vái van khẩn cầu. Cái U-u mình mình không có sáng ra đâu. Chớ hỏi cái Thanh-tĩnh, nó có nói gì được đâu. Chớ dùng những lối khổ-hạnh mà làm nhọc mệt tinh-thần mình. Chớ mong mỗi trông cậy gì đến các thần tiên và đấng cúng kiến và vái van họ, chớ toan mua lòng họ bằng những đồ tế-sinh, chớ đem bánh trái mà dâng cho họ, ta chỉ trông cậy lấy ta mà tự giải cứu thôi. Tự mình làm ngược mà giam cầm lặt mình, tự mình có đủ các phép huyền diệu bằng các Đấng anh linh cao cả. Đối với các Bậc trên cũng như đối với chúng-sanh có xác thịt và tất cả các vật sống, chính sự hành động nó sanh ra cái vui hoặc cái khổ đó. Cái quá-khứ gây nên cái hiện-lại và cái vị-lai, xấu hoặc tốt : tiên ở cõi trên hưởng quả ở tiền kiếp trong sạch thơm lành, quỷ ở cõi dưới chịu đọa vì các tội lỗi đã phạm từ xưa. Không có cái gì là bền bỉ hết : lắm khi sự đức hạnh phải tiêu tàn mà các tình tội lại được tươi trong. Kẻ khổ thân làm nó-lệ về sau có thể thành một ông hoàng là nhờ những công đức nó đã lom góp từ lâu. Mà một nhà Vua lại có thể lưu lạc lan than rách rưới trên cõi trần vì những việc đã làm hoặc chẳng làm. Mình có thể nâng cái mạng mình lên cao hơn quả vị của Đế-thích (Indra) và hạ nó xuống thấp hơn hạng côn trùng và loài nguyên-tử (atome)(1); cả triệu ức năm mới đưa mình lên tới bậc trên và cả triệu ức năm mới đẩy mình xuống chỉ bậc dưới. Nhưng bao giờ cái bánh xe vô hình kia nó cứ lăn thì không có cái gì là yên tịnh, ngơi nghỉ, ngừng chơn được hết. Kẻ trèo lên có thể té xuống, kẻ té xuống lại muốn trèo lên; chơn cầm xe cứ quây mãi không dừng. Giả như mình dính với cái bánh xe biến cải mà không có kẻ cắt đứt những dây trói buộc mình thì cái tâm của Đấng tự do phải bị thống khổ, cái Hồn của vạn vật phải bị đau thương. Nhưng các anh em không bị dính cứng đâu. Hồn vạn vật vẫn an hoà, tâm Đấng tự do vẫn thanh tịnh ; nghị lực mạnh hơn nạn khổ, cái tốt nó càng tốt thêm, tốt cực điểm. Ta đây, thành Phật, ta đã

(1) Nguyên-tử : vật nhỏ mọn cho đến không phân chia nó ra được.

từng khóc, nước mắt ta bằng số nước mắt của các anh em trong nhơn-loại, ta đã từng khổ, cái lòng của ta nó bị các sự khổ cả thế-giới đánh đập nó tan tành, bây giờ ta cười, ta vui vì ta được thấy cái Tự do vậy. Này, các anh em, nên biết cho rằng mình khổ, mình khổ là tại mình. Không ai xúi giục mình và kéo níu mình để cho mình sống và chết và làm cho mình quáy theo cái bánh xe với óm lầy những chum cam hơi hóp, những vè nước mắt, và cái cốt hư không. Hãy nghe, đề ta chỉ Chơn-lý cho.-- Thấp hơn địa-ngục, cao hơn thiên-dương, xa hơn các tinh-lú, ngoài cõi đức Phạm-Thiên (Brahma) có một cái sức vững vàng và linh thiêng. Nó có trước khi tạo thiên lập địa và Nó không bao giờ cùng tận. Nó vĩnh-viễn như không-gian, chắc chắn như sự thật. Nó cứ xoay vần đến cái phải, cái đáng và chỉ chịu lấy luật riêng của Nó thôi. Chính Nó đem bông cho hoa hường, chính Nó dùng mĩ-thuật mà tô điểm nên hoa sen. Chính Nó ẩn dưới đất và trong hột giống mà dẹt nên cái áo sắc xảo mùa xuân. Này là Nó pha màu cho những cụm mây oanh-liệt và Nó nhuộm sắc cho lòng công. Các tinh tú là chỗ tới lui của Nó, gió mưa là tay sai của Nó. Nó đưa cái tâm của con người ra khỏi nơi mờ mịt và Nó đem con trĩ có cổ đẹp ra ngoài cái trứng tối tăm. Bao giờ Nó cũng làm việc, Nó độ cho những cái sân si, tàn bạo hóa ra thuần nhã đáng yêu. Chính Nó để trứng trong ổ cho chim sáo và Nó để mật trong tàng cho ong; luật lệ của Nó con kiến vẫn theo và con chim câu vẫn biết. Nó dang thẳng cánh phụng hoàng tha mồi về ổ; Nó dắt chó sói mẹ về với con; Nó giúp món ăn uống và bạn bè cho những kẻ không ai ưa. Chẳng có cái gì làm cho Nó chán ngán, ngừng nghỉ được; Nó thương tất cả mọi vật; Nó đem sữa ngọt vào lòng người mẹ và Nó cũng đem cái nọc vào miệng rắn nữa. Nó sắp đặt cho các trái cầu xoay theo vòng trời vô tận, xây một cách phải điệu. Nó cất kín dưới đất sâu hang thẳm những vàng, thủy-xoàng, xa-phia và ngọc-thạch. Cứ định đặt mãi những cái cần mật của Nó, Nó ở ẩn trong rừng xanh và nuôi sống những cây bé nhỏ ngộ nghĩnh mọc theo gốc cây

to, nó chế bày ra những lá, hoa và cỏ non. Nó giết rồi Nó cứu, chẳng qua là để xử tròn cái Mạng. Chính Nó là thợ quây tơ mà cái chết với cái khổ là bàn quây còn lòng Mến-Yêu với sự Sống đời là sợi tơ vậy. Nó làm rồi Nó phá, Nó sửa lại tất cả ; cái Nó mới vừa làm tốt hơn cái Nó đã làm từ trước ; bàn tay khéo xảo của Nó điểm thành vật tốt đẹp, tốt đẹp mãi cho đến khi hoàn mỹ. Đó là những việc làm của Nó mà mình thấy, còn đến những việc mình không thấy thì lại càng hệ trọng hơn, tâm tánh và trí thức con người, tư tưởng, ý định và đường đi nước bước của các dân-tộc cũng đều chung chịu cái Luật lớn lao cả. Mình vẫn không thấy Nó, mà Nó đưa tay tế độ ra mà cứu mình ; mình vẫn không nghe Nó, nhưng tiếng nói của nó còn lớn hơn bão to. Từ bị bác ái làm lợi cho con người vì chúng-sanh mờ mịt đã bị sự hung ác bịt mắt từ lâu.— Không ai dám khinh Nó ; ai nghịch với Nó thì nguy, ai xuôi theo nó thì được ; Nó lấy thanh thoi, an lạc mà thưởng sự phải và hoạn nạn, khổn khổ mà hành sự quấy. Nó thấy khắp mọi nơi và quan tâm đến mọi việc ; mình ở ngay thẳng Nó sẽ thưởng mình, mình ở gian tà nó sẽ phạt mình, không mau thì lâu mình phải bị phạt một cách xứng đáng. Nó không biết oán giận, nó cũng không biết tha thứ ; Nó phán đoán thật là đúng mực, nó đo độ rất công bằng. Nó chẳng quản đến thời giờ, hoặc mai này nó xử, hoặc nó hoãn lại về sau. Có Nó, kẻ tội giết người trở dao đâm lấy mình, quan tòa bất công phải mất thình danh, kẻ xảo ngôn bị hại về sự láo, kẻ trộm hèn mất và kẻ cướp chẳng hưởng được đồ đã thâu đoạt của người. Đó là cái Luật Nó xây về nẻo Công, không ai tránh Nó được. Cái lòng của Nó là Bác ái, cái kết của Nó là An lạc và Trọn vẹn hoàn toàn. Mình phải cố theo ! »

Đồ là Đạo, là Pháp, là Đạt-ma. Thật là một cái luật linh thiêng, một sức mạnh vô ngần, bao quát cả vô-trụ, biến ra vạn vật vô vạn vật chung qui đều về Nó. Lấy mắt thịt, trí phàm mà luận Nó thì không được, con mắt và cái trí ta đâu có thấu nổi Nó. Bởi thế cho nên Phật không chỉ rõ Nó cho học-trò.— Có kẻ tin-đồ hỏi Phật về Vô-trụ bí hiểm thì Ngài quở, không chịu tỏ bày và trách rằng : « Dầu ta dạy cái đó cũng là vô ích, ta dạy môn giải thoát để khỏi nạn khổ, được giác-ngộ, hết luân-hồi và đến Niết-Bàn, ấy là đủ rồi. »

2.— Pháp theo Lão-Tử

Nghi lại Lão-giáo, ta có thể tin rằng cái Luật thiên-nhiên kia đâu có khác với cái Sức linh mà đức Lão-tử tạm gọi là Đạo. Lão-Tử nói rằng ngài thích cái thanh tịnh vô vi, sinh-hoạt tinh khiết để gần cái Đạo.— Đạo là: Bởi cái không mà thành ra cái có, rồi hơn cái có mà thành ra muôn vật, nghĩa là trước hết do bởi cái không mà thành một Vật độc nhất, Vật độc nhất này mới sanh ra muôn vật. Ta có thể gọi Vật ấy là chi? Ta không biết được, song ta tạm cho tên Nó là Đạo. Ta đặt chữ Đạo là cho có mà gọi, chớ thật không sao gọi được, vì cái Đạo mà nói rõ ra được thì không phải là Đạo rồi. Đạo là vật tự nhiên, vẫn có trước khi tạo thiên lập địa, ở đâu cũng có, không thành, không suy, muôn vật trong thiên-hạ đều ở trong Nó mà sanh ra. Đạo thật là to lớn, không hình thể, trông không thấy, nghe không rõ, sờ không được, bao giờ Nó cũng có một mà thôi. Đạo có tánh đơn nhất, sanh ra trời đất, rồi trời đất mới sanh ra muôn vật. Cái tánh đơn nhất ấy linh hoạt lắm, trời nhờ Nó mới sáng, đất nhờ Nó mới vững, thần nhờ Nó mới thiêng, vạn vật nhờ Nó mới sanh sản ra mãi, mà vạn vật đâu đâu cũng đều quay về Đạo, họp làm một với Đạo, rồi hóa ra làm muôn vật nữa, như vậy mãi mình không biết tại sao. Cũng như lời đức Thích-Ca đã tuyên bố, Đạo cứ biến hóa cho vạn vật tốt thêm và thuần thực thêm mãi. Cho nên con người muốn được gần Đạo thì không nên ở sai Luật tự nhiên, phải giữ thanh tịnh như thánh-nhơn, hòa nhã với thiên-hạ, không nên muốn trái lẽ; phải ở có nhân ái, giản dị và khiêm nhượng để khỏi tranh giành nhau và được cái kết quả, sự sung sướng, khoái lạc, an nhàn.

3.— Brahma (Phạm-Thiên) cũng là Pháp

Đạo là linh nghiệm và bí mật lắm. Nó ở ngoài vòng tư tưởng ta, ta không thể tưởng tượng Nó đúng bằng cái trí có chừng hạn của ta. Nhưng nếu không gọi Nó là cái

Luật, cái Sức người ta có thể tưởng tượng nó ra một Đấng anh linh. Có lẽ bởi vậy nên thiên-hạ tìm cách giản tiện mà chỉ Đạo để cho mọi người hiểu cho dễ chút. Như người Gia-tô thì gọi Nó là Chúa Trời (Dieu), người Bà-la-môn Phạm-Thiên (Brahma), người Tàu Thượng-Đế, Hóa Công, người Việt-Nam ông Trời hay đấng Tạo-hóa, người Cao-mên Préas Prohm (cũng là Phạm-Thiên, Brahma) v. v...

Ông Adhémar Leclère nguyên khâm-sứ ở Cao-mên, soạn giả quyển *Le Bouddhisme au Cambodge* (Phật-giáo ở Cao-Mên), có hỏi ý-kiến các nhà đại sư Cao-mên về Préas Prohm, nguyên thủy vạn vật. Sau các cuộc phỏng vấn, ông có giải rằng: « Préas Prohm là Đấng vô hình, minh mông; Nó là mọi vật và ở trong mọi vật; Nó không phát sanh và Nó không tiêu diệt. Nó vừa là quá-khứ, hiện-tại và vị-lai, đối với Nó ta không phân biệt ba thời được, vì với Nó thì Tuyệt-đích (Absolu), không có cái gì là quá-khứ, hiện-tại và vị-lai cả. Những việc mà đối với ta xảy ra trong khoảnh khắc tất đối với Nó là thiên-cổ rồi, vì trước khi những việc ấy phát hiện cho ta nhận biết, chúng-nó đã là thiên-cổ ở trong Đạo rồi, không phải mới sanh cũng không phải cùng tuyệt.

Không ai tạo ra Nó, Nó vô tận, không lấy gì mà đo độ cái sâu xa của Nó được, không có cái đồng hồ nào ghi nổi các thế-kỷ của Nó, vì đối với Nó thì không có chừng độ, không có thời giờ quá-khứ, hiện-tại hoặc vị-lai, mà cái có là không gian (espace) vô cùng vô tận với thiên-cổ; ấy là con số có theo sau vô số những con dè-rô (zéro) và không con dè-rô (zéro) nào là chót.

Cái thiên cổ này, cái vô cùng vô tận này, ta không thấy biết chúng nó được; ta chỉ thấy biết những sự đối đích (relativités), những sự phát hiện (manifestations) mà thôi và mỗi khi ta định trí đến cái Tuyệt đích (Absolu), đến con số có theo sau vô số con dè-rô (zéro) thì cái tư tưởng ta lạc bậy đi rồi.

Nhưng ta hãy xét trở lại. Giả như không có Nó thì không có gì hết, vì Nó là cái nguyên-nhơn của các vật mà ta thấy biết, Nó là cái nhơn và cái quả. Nó vừa ở đây và ở khắp nơi, vốn là cái tinh-túy mỹ miều (essence subtile).

Thật ra, Nó là vô hình và những hiện tượng do nơi Nó phát sanh ra mà ta nhận biết, làm cho ta độ rằng có Nó, chẳng qua là cái hình thể đối-dịch mà thôi, chớ về lý tuyệt-dịch không có hình thể gì hết.

Nó vĩnh viễn, vô cùng vô tận, ở đây, ở chỗ khác, ở mọi nơi, ở ngoài vòng trời đất; Nó vẫn yên tịnh hoàn toàn, không tham, không muốn, không định ý, vì Nó là Hoàn-mĩ, không thay đổi, không hư hao; Nó là cái quyền Công-chánh to tát làm cho nhơn với quả liên tiếp nhau, làm cho cái quả thành ra cái nhơn, chính Nó là cái Luật nhơn quả đó.

Những cái mà chúng ta cho là mới, lạ, thật, chỉ là cái đối-dịch mà thôi, chính là Nó mà con mắt thịt ta không biết nhìn, mà trí giác tầm thường của ta không biết nhận, ta chỉ hiểu Nó ở những cái phát hiện cứ thay đổi hoai chớ ta chưa hiểu cái Chánh ý cao cả của Nó đâu. »

Lại ông (Adhemard Leclère) có thỉnh giáo với một ông Lục về cái Préal Prohm, Phạm Thiên, Đạo hay Phật, ông hỏi nhiều câu rất có lý thú và ông Lục giải đáp tường tận, tỏ ra là nhà sư thông thái như ở Cao-Mên vậy :

— Préal Prohm là gì ?

— Là đấng miên trường, vĩnh viễn đã có trước vạn vật và sẽ có sau vạn vật.

— Nó có phát khởi không ?

— Không.

— Làm sao tưởng tượng ra Nó? Có thể nào tưởng tượng Nó như Tiên, Phật hay như người không ?

Ta không thể tưởng tượng Nó, vì Nó chẳng phải là người, cũng chẳng phải là Tiên, Phật, Nó là vô hình.

Về hình thể ta tưởng tượng Nó không được đã đành, còn về tâm tánh ta có thể tưởng tượng Nó chẳng? Nghĩa là Nó có hiểu việc công-chánh như ta chẳng? Nó có thấy việc tốt mà ta cho là tốt, việc lành mà ta cho lành, việc phải mà ta cho là phải chẳng?

— Không, hoặc về hình thể, hoặc về tâm tánh ta không thể tưởng tượng Nó. Sự cho một việc gì tốt, lành hay phải vốn là của người hoặc của Tiên, chớ không phải là của Nó...

— Nó có biết rằng nó có hay không ?

— Sự biết cũng vốn là của người với của tiên, chớ không phải là của Nó.

— Có phải Nó là vật, vạn vật, vạn vật đã qua, vạn vật sắp tới chẳng?

— Phải.

— Thế thì Nó là ngài với tôi, Nó là mọi vật chung quanh ta, Nó là đất, nước, Nó là cái cây này, cái ghế này chớ gì?

— Phải, Nó là mọi vật đó, mọi vật mà ta thấy, lại vừa là mọi vật mà ta không thấy, mọi vật mà ta có thể thấy bằng mắt phàm nếu ta có thể ở khắp nơi một lượt, mọi vật mà ta thấy bằng mắt thánh nếu ta là Thánh: và Nó cũng lại là mọi vật không hình, không danh, nghĩa là không bao giờ ta thấy rõ được và hiểu thấu nổi.

— Nó có phải là trí ta với sanh-mạng ta chẳng?

— Phải nữa.

— Nó có phải là Phật chẳng?

— Phải nữa.

— Thế thì Nó là tất cả rồi?

— Phải, Nó là tất cả, giả như không có Nó thì mọi vật không khi nào có được.

Vậy thì chính Nó tạo lập ra các vật mà ta thấy được như thần tiên với loài người phải không?

— Không, Nó không có tạo lập gì hết; các vật ấy có là bởi vì chúng-nó phải có, bởi vì theo bản-tánh (nature) của Nó thì chúng-nó phải có (1).

— Có cái luật nào cao hơn nó không?

— Không, có một cái luật chung của vạn vật, mà cái luật ấy không cao hơn Nó. Nó với cái luật ấy đều là một vật chung nhau mà thôi.

— Một Đấng đã là một cái Luật thì làm sao mình tưởng tượng ra cho được?

— Nó không phải là một Đấng mà ta có thể nhận biết bằng trí giác đâu, Nó không có gì giống người, không có gì giống tiên, vì người với tiên là những vật phải chịu thay đổi còn Nó thì tự nhiên.

(1) Lấy theo nghĩa cạn và thờ chủ-nghĩa thần-quyền, người ta có thể nói Nó tạo lập ra mọi vật.

— Nhưng khi nãy ngài dạy rằng ngài với tôi, mọi vật chung quanh ta đều là của Nó, bây giờ sao ngài lại bảo tất cả đều phải thay đổi ?

— Phải, với tiên và với ta thời các vật ấy mà ta thấy vẫn là của Nó, nhưng chỉ là ảnh tượng mà thôi, như mây niệp lại thì ta thấy mà tách ra thì ta không thấy, như những vật khác liền thì có tên mà rời thì không tên hoặc có tên khác, và liền lại nữa thì có tên khác hay phân ra nữa thì có tên khác nữa.

— Nó có thể xen vô với việc người và việc tiên chăng ?

— Không, nếu Nó xen vào thì Nó có khác nào tiên hay người đâu, chính Nó là Nó.

— Vậy sao lại vật này liền tiếp với vật kia ?

— Vạn vật cái này sanh ra cái kia, cũng như cây sanh ra cây, người sanh ra người.

— Được, còn nguyên thủy của vạn vật là chi ?

— Là Nó đó.

Pháp là nguyên thủy của vạn vật, Pháp là nguyên thủy của vô-trụ, Nó quản trị vô-trụ với vạn vật. Vậy ta cần phải biết sơ về vô-trụ với vạn vật.-- Ta chỉ có biết sơ chớ không trông biết rõ cái cuộc minh mông vô tận kia. Ta có thể noi theo sách cổ, noi theo các nhà học Đạo mà biết những cái mình có thể biết để giúp ích mình trên cõi lý-tưởng và trên đời tấn-bộ. Chính là ta có thể dọn thành một bài khái luận (coup d'œil) về vô-trụ với vạn vật.



II

Vô-trụ với vạn vật

1. VÔ-TRỤ. — Vô cùng vô tận, có những trái cầu với các loài, các thê. Mỗi trái cầu sống một cái thời đại dài đặc kèu là Nguơn. Cuộc bài trí ở mỗi nơi đều giống nhau, có trái đất, mặt trời, mặt trăng, các tinh tú và thiên-đường, địa-ngục. Ở giữa là núi tiên Tu-Di, chung quanh có bốn Châu.

2. BA CỠI ĐỜI. — Thượng-giải có: vô-sắc-giải, sắc-giải và dục-giải. Trung-giải có thần tiên và loài người. Hạ-giải có thần, quỷ, hồn ma và các hồn bị trừng trị.

3. CÁC CHÚNG-SANH. — Nhiều cách phân chia trên từ Phật Thánh cho chí súc sanh và bọn mắc tội ở địa-ngục. Giải sự cao thượng và phép linh của Phật, Bồ-Tát, La-Hán. Những bực ở địa-ngục. Các quả đực từ dưới sắp lên.

4. DƯƠNG-GIAN, ÂM-PHỦ, CẢNH TIÊN VÀ CẢNH PHẬT. — Dương-gian là cõi của loài người các hạng.

Âm-phủ một nơi là âm-hồn chờ ngày xuống địa-ngục, lên thiên-đường hoặc đi đầu thai; một nơi khác là địa-ngục. Hãy hiểu rằng các sự trừng phạt và các việc xấu xa ở địa-ngục đều là biểu hiệu (symboles) của tư-tưởng ác và sự tội lỗi của con người.

Cảnh tiên hay là thiên-đường có nhiều tầng bực, tùy theo sự cao thấp ở công đức.

Cảnh Phật cao hơn cảnh tiên, là của các vị thánh sắp lên: La-Hán Đại La-Hán, Bồ-Tát, Đại Bồ-Tát, Phật Thế-Tôn, cổ Phật v. v. ...

1. — Vô-trụ

Nhân nói đến vô-trụ vô cùng vô tận, một nhà thần-linh học (*Camille Flammarion*), có giải trong cuốn Thuật chuyện cõi vô Cùng (*Récits de l'Infini*) một đoạn như dưới đây:

« Này, anh có hiểu vô-trụ chăng? Chính là cõi không-gian (espace) vô cùng, minh mông, không thể đo độ, không có bề ngang, bề dài chi cả. Nó không có bề ngang, bề dài, nghĩa là giả như bắt từ đây anh định đi đến một chỗ nào trong Trời, giả như anh đi lẹ cách gì, đi bao lâu đi nữa, dẫu

cho anh dùng bao nhiêu thế-kỷ mà đi đi nữa, thòi anh cũng không có đi đến đâu hết, anh không tiến bước đến cõi vô tận chút nào, anh càng đi tới thì nó vẫn càng xa, xa mãi, xa tít mù. Ta hãy lấy một cái ví dụ khác. Tỉ như trái đất mà ta đứng ở đây nó rớt xuống cõi không-gian. Giả như nó rớt, rớt ngay hay là rớt lăn tròn trong cả triệu ức thế kỷ, nó rớt mau đến cả triệu dặm mỗi ngày hay là nhiều hơn nữa, sau khi đó nó cũng không tới tận đáy được, bấy giờ đối với võ-trụ cũng như nó ở tự nhiên một chỗ vậy thôi. »

Trong võ-trụ, có những trái cầu với những loài đá, loài cây, loài thú, loài người, đủ các giống, đủ các thể, đủ các cỡ. Nhà học Phật nhận rằng các trái cầu với vạn vật có là nơi theo hồn-tánh của Pháp (Đạo. Dharma) mà phải có, chớ họ không cho rằng chúng-nó có là bởi cái tay chế tạo của một đấng Chúa sanh ra trước vạn vật. Với họ, không có cuộc sáng tạo theo trí tưởng người Âu-Tây.

Các trái cầu trong võ-trụ thường chịu chung cái luật Thành-bại, trải qua bốn kỳ sanh, hoá, tàn, tiêu, hiệp lại làm một cái thời đại kêu là Nguơn (Kalpa), lâu dài cả ngàn muôn triệu ức năm, tùy theo ý-kiến các giáo-phái và các nhà soạn sách.

Những trái cầu, hằng hà sa số, sống và trị bởi hai cái sức lực thiên-nhiên : một cái kêu là Adrietha, vô hình do nơi nó mà thể chất hợp nhau, một cái nữa kêu là Karma (Nghiệp), kết quả những cuộc hành-động từ trước, tốt và xấu. Người ta có thể nói rằng mỗi trái cầu sanh ra là cái kết và cái quả ở các cuộc hành-động của một trái cầu mới vừa tiêu.

Cuộc bày trí ở các trái cầu (monde) đều giống như nhau, nghĩa là mỗi nơi đều có trái đất, mặt trời, mặt trăng, các tinh-tú với thiên-đương, địa-ngục. Và mỗi nơi đều ở được hết. Vậy nên biết một cái là địa-cầu cũng như biết tất cả các trái cầu rồi. Trung tâm địa- cầu có núi sáng và linh kêu là núi *Tu-Di* (*Meru hay Sumeru*). Bởi núi *Tu-Di* ở giữa, một đàng là chơn trời miền Nam, một đàng là Bắc-cực cho nên sách nói rằng mỗi ngày tinh-tú xây chung quanh hòn núi ấy. Theo truyện thần tiên, núi *Tu-Di* cũng như núi *Olympe* đối với người Hy-Lạp : nó là cảnh tiên. Trong

cuốn *Le Bouddhisme au Cambodge*, Adhémar Leclère nói rằng núi Tu-Di cao đến 84.000 do-tùng (1.142.400 km.), bề sâu dưới nước và bề ngang trên mặt nước cũng bằng bề cao. Nó cao hơn hết ở hoàn cầu. Triềng núi, mỗi mặt đều có một màu riêng: bạc phía Đông, xa-phia xanh phía Nam, sang-hô đỏ phía Tây và vàng phía Bắc. Trên đỉnh núi là cảnh của Đế-thích (*Indra*). (1)

Địa-cầu chia ra làm bốn châu: 1. châu *Uttara-Kuru*, phía Bắc núi Tu-Di, là cõi tiên, Bắc-cu lư châu; 2. châu *Diêm-phù-đề* (*Jambudvīpa*) phía Nam hay Nam-thiệm-bộ châu là trái đất chúng-ta ở mà xứ Ấn-độ choán một phần rộng lớn, tên Diêm-phù-Đề có bởi cây Diêm-phù (*Jambud*), vì ở cõi này có cây linh kê là Diêm-phù. Chính dưới bóng cây ấy thái-tử Si-dạt-ta tham thiền nhằm khi người ta cày ruộng; 3. châu *Godana* phía Tây, Tây ngưu hạ châu; châu *Purva-Videha* cõi Tiên phía Đông, Đông thẳng thần châu. Các nhà học Phật, ít ra mấy vị miền Nam đều biết rằng mặt trời mọc phía Nam Diêm-phù-đề nhằm khi nó đứng bóng ở phía Đông, nó lặn ở phía Bắc *Uttara-Kuru* và nhằm lúc nửa đêm ở phía Tây *Godana*.

2.— Ba cõi đời

Lâu nay, kinh sách thường chia hoàn-vũ ra làm ba cõi, cõi thượng, cõi trung và cõi hạ, từ các bậc đại tiên đại thánh cho đến các bậc chịu khổ trong chốn ăn năn. Chia theo trật tự ấy, là hiểu về sự cao thấp nặng nhẹ ở đức hạnh hay tội-lỗi, chớ không nên hiểu theo sự xa cách về không-gian như người thế thường. Vì ai chắc rằng tiên thánh không ở gần ta, trong trời đất này, hằng đi khuyến khích ta theo việc phải hay là vừa giúp ta. Lại ai chẳng cho rằng hồn ma hay hồn quỷ vẫn ở chung quanh ta, chúng nó những bị nặng trầm vì sự trược và có khi chúng nó xúi ta làm việc quấy dặng cho thỏa cái dục của chúng nó nữa.

a) Cõi thượng có ba lớp kê là vô-sắc-giải (*arupavacara*), sắc-giải (*rupavacara*) và dục-giải (*kamavara*).

(1) Hồi đời Phật, đức Indra có hiện xuống nhiều lần, tỏ dấu kinh Phật và tiếp với Phật khi Phật hành Đạo.



Cao hơn hết là quả Phật, Phật Thế-Tôn, từ-bi bác-ái và cứu
nạn cứu khổ cho chúng-sanh. Bởi thế các thiện-nam tín-nữ và các
nhà sư hàng cầu nguyện các Ngài luôn.

Vô-sắc-giái, cao hơn hết, là miền của các Đấng không còn ưa muốn, không còn hình thể, nhập với hư-linh. Nơi ấy có chư Phật thế-Tôn, như đức Thích-Ca cùng ngự với các vị Phật đã lập đạo trước Ngài, và đức Di-Lạc sẽ lên sau. Nơi ấy cũng có Phật Độc-giác (Pratyéka Bouddha) nữa.

Sắc-giái là miền của các Đấng không còn ưa muốn nhưng còn hình thể. Nơi ấy có cung Đâu-suất của chư vị Bồ-Tát, và chư tiên thánh còn lập thêm công quả để lên bực Bồ-Tát. Cũng là miền của Phạm-thiên (Brahma) và Đế-Thích (Indra) và của chư tiên trong ba mươi ba tầng.

Dục-giái là miền của các vị thần tiên còn hình thể và còn ưa muốn, các ngài trông nom và phò tri cho đạo đức, xem xét thế-gian, che chở cho người khởi bị bọn hung thần gạt phá và vui giúp cho các nhà đạo đức, hiền lương.

b) Cõi trung có hai hạng là thần tiên và loài người. Thần tiên này còn thấp, hiểu đạo lý chưa nhiều, có chút ít đức tánh, trước kia là những người ăn ở hiền lành.

Nhơn-loại là tất cả mọi người, xấu và tốt, thấp và cao, kẻ trả nghiệp báo oan gia, người lập thêm công đức để tấn lên, lại cũng có chư tiên thánh giảng thế làm người để lo việc tu chỉnh cho các dân-tộc có duyên lành.

c) Cõi hạ có những hung thần, yêu quái, hồn ma và bọn các bọn tự lấy làm khổ vì bị các tội lỗi dốt, phá, hành hung; người ta gọi chúng-nó là ở địa-ngục.

Theo cái trật tự trên đây, người ta không có sắp thú vật (súc sanh), có lẽ vì người ta cho rằng chúng-nó tấn hóa còn thấp, chưa đáng kể vô với loài người.

Chờ súc sanh cũng khá vậy, cũng có bọn biết tu và khi thoát kiếp cũng được lên cõi thần và đầu thai làm người mà tấn hóa thêm lên.

3.— Các bực chúng-sanh

Người ta cũng có thể sắp các chúng sanh theo trật tự này
1. tiên thánh từ bực cao viễn sắp xuống các vị thần; 2. loài người từ hạng thông thái đến bọn u mê; 3. hồn ma hay là hồn những người đã thác; 4. súc sanh, thú vật trong các

loại ; 5. hần các bợn chịu đau khổ vì tội, hay là ở địa-ngục.

Người ta lại cũng phân các hạng chúng-sanh theo một cách khác nữa, bắt đầu từ những bậc có phép thần cho đến những bợn chôn chặt nơi bắc ám. Ấy là do theo kinh sách thần tiên từ trước. Phân như vậy thì trước hết là Phật Thế-Tôn, kế là Phật Đốc-giác, hạng thứ ba là La-Hán, hạng thứ tư là chư Tiên (Devas) ; hạng thứ năm là chư vị Phạm-thiên (Brahmas) ; hạng thứ sáu là thiên thần (Gandbarvas) lo về âm-nhạc trên trời ; hạng thứ bảy là thần có cánh Garuda (Kim túy Điều) ; hạng thứ tám là long thần (Nagas, thủy thần) ; hạng thứ chín là thần lực lượng (Yakshas, Tula) với hạng thứ mười là thổ thần Kumbhandas, hai hạng này lo phần việc canh giữ các kho vàng bạc hoặc các nơi có đồ quý ; hạng thứ mười một là tiểu thần, hung thần (Asuras, A-tu-la) ; hạng thứ mười hai là quỷ sứ to tướng (Rashasas, Dạ-Xoa) ; hạng thứ mười ba là hồn ma, hạng chót thứ mười bốn là bợn bị trừng phạt ở địa-ngục tối tăm.

Cao hơn hết, sáng hơn hết là quả vị Phật, người ta so sánh Phật với Mặt trời. Trước khi thành Phật, phải sống làm Bồ-tát đi cứu-độ chúng-sanh. Chính đức Thích-Ca khi chưa vượt đến bậc Thế-Tôn, đã trải bao kiếp luân-hồi trong các hạng chúng-sanh, mỗi kiếp Ngài đo không biết ngàn chút nào. Và gần kiếp chót trước khi vào dòng nua vua Thích-Ca, Ngài làm thái-tử Vicvantara, chịu khổ hạnh và nêu gương đại Từ-bi (1). Bồ-tát trải qua ba thời-kỳ : thời-kỳ đầu Ngài suy nghĩ rằng mình sẽ thành Phật, thời kỳ nhì Ngài nhất định một cách quả quyết rằng mình sẽ thanh Phật, thời kỳ ba Ngài được một vị Phật điềm chứng rằng Ngài sẽ thành Phật. Chính lúc trước đức Thích-Ca có giới thiệu đức Di-Lạc với tin-đồ mà chứng rằng về sau đức Di-Lạc sẽ lên bậc Thế-Tôn. Bồ-tát có mười nền đại đức (Ba-la-mật-đa, Paramitas hay Paramis) : khoan-hông, hiền-hậu, thoát trần, trí huệ, sức mạnh ở thần trí, kiên tâm bền chí, giữ theo chánh lý, quyết

(1) Cõi những kiếp trước của Phật trong mấy cuốn : Truyền Phật Thích-Ca, Chuyện Phật đời xưa, Triết-Lý nhà Phật.

định, hòa nhã và nhứt tâm một việc (1). Trong khi lần bước đến bậc Thế-Tôn, Bồ-tát còn có ba mươi bảy cái bổn tánh quý nữa chia ra làm bảy phần:

1. Bốn cái trí nghĩ (smrtyapasthāna) về: việc làm bằng thân thể, cảm-giác, tư-tưởng, phận sự.

2. Bốn cái ý chỉ để: tránh đều ác trước khi nó phát khởi, bỏ cái ác nếu nó đã lỡ rồi, tìm thêm công quả và giữ gìn những quả đã tom góp.

3. Bốn cái phụng lực với *phép huyền diệu* (rddhipada): ý muốn, sự gắng sức, tư tưởng và sự suy xét, cần ích đặng thi-hành phép linh.

4. Năm phép thần thông (indriya, thù thắng) đức tin, sức mạnh ở tâm thần, trí nhớ, trí biết, trí nghĩ.

5. Năm cái sức lực (bala) giống như năm phép thần thông.

6. Sáu việc hiểu biết (bodhyanga): nhớ hay là suy nghĩ, trí xét nét, cố sức về trí, vui lòng, yên tâm, bình tâm chú ý một việc.

7. Đạo Bát-chánh: kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, tinh tấn, niệm định.

Bồ-tát gánh lấy phận sự rất nặng nề, nên Ngài được hưởng lắm phần phước lớn. Nhứt là Ngài khỏi sa địa-ngục, không đầu thai làm đờn-bà hoặc làm giống cái. Sau khi cứu độ các chúng-sanh, sau khi tự giải thoát và giác tri hoàn-toàn, Ngài chứng quả Phật tổ, đức Thế-Tôn.

Thấp hơn Phật Thế-Tôn là *Phật Độc-giác* (Pratyekabuddha) một vị Phật riêng, sáng một mình, độ lấy mình chớ không soi sáng và độ cho người như đức Thế-Tôn. Phật Độc-giác có thể đến Niết-Bàn, nhưng không cứu được chúng-sanh khỏi các sự đau khổ. Phật Độc-giác không nhập Niết-Bàn chung với Phật Thế-Tôn được. Đờ-bà (2), người bà con của Phật, ngỗ nghịch với Phật, vẫn là Phật Độc-giác. Các nhà thiên-văn nói rằng Phật Thế-Tôn là Mặt trời, còn Phật Độc-giác là Mặt trăng. Trong khi Mặt trời soi tỏ các nhơn vật thì Mặt trăng sáng có một mình, và Mặt trăng sáng ban đêm chớ không sáng ban ngày, vì nó bị hào-quang của Mặt trời, của đức Thế-Tôn làm lu mờ. Và độc-giác có lẽ

(1) Theo tiền thừa thì thân lại còn sáu cái Bác nhã ba la mật chớ không tới mười.

(2) Coi những chuyện Đờ-bà nghịch với Phật trong cuốn Truyện Phật Thích-Ca.

còn nhớ trong cuốn *Truyện Phật Thích-Ca* có mấy người ngoại đạo học giỏi, phép cao, nhưng không bằng Phật, mấy người ấy làm giống như Phật, quyết tranh với Phật, nhưng thua Phật. Mấy nhà thiên văn so sánh họ với Ngũ hành tinh.

Bây giờ đến bực thứ ba, chư vị La-hán là bực Thầy, bực Thành, thành đạo, được giải thoát và sẽ nhập Niết-Bàn. La-hán là Hằng-hà sa số, cho nên người ta nói La-hán là các ngôi sao, tức là sau Mặt trời, Mặt trăng với Ngũ hành thì đến các vị Sao. La-hán có nhiều phép thuật huyền diệu. Trước hết các ngài có bốn cái tài cao siêu: 1. hiểu mục-dịch, ý-kiến và công việc có ăn thiệp với mình; 2. thông Đạo-Pháp và bốn-tánh vạn vật; 3. thấu lý văn-chương và nguồn gốc chữ nghĩa; 4. lanh trí trong khi nói và tranh biện với người. Các ngài lại có sáu môn thần-túc (Abhijna) nữa là: 1. thuật cao và mạnh; 2. thiên nhĩ có thể nghe các thứ tiếng trong vô-trụ; 3. thiên nhãn có thể thấy các việc trên thế-giới và biết cách sống chết của chúng-sanh trên các cõi đời; 4. phép đoán trúng tâm hồn người; 5. hiểu về kiếp trước; 6. phép làm cho những sự dơ-bẩn tình tội đều trôi đi. Các ngài đã lướt qua bốn quả đức tốt lành từ bực nhứt (Srotapanna) bực nhì (Sakradagamin), bực ba (Anagamin) cho đến bực tư A-la-hán. Những phép thần thông của chư vị La-hán chẳng những giúp cho chư vị được sung sướng khoái lạc, mà cũng dễ cho chư vị dùng mà giúp cho chúng-sanh nữa. Bởi phép lạ, những kẻ bĩ Pháp ghét Tăng mới tin đạo của đức Thế-Tôn, chư vị La-hán mới dễ mà phò-độ người.

Về phần địa-ngục, cảnh của bực chót các chúng-sanh, những người tu Phật miền Nam nhận rằng có tám cảnh đại khái là: Sānjīva, Sanghatā, Kālasūtra, Raurava, Nahāraurava, Tāpa, Pratāpa, Avīci. Địa-ngục càng thấp thì càng đốt, càng nung, hồn ở dưới thấp chừng nào tài khổ sở nóng nẩy chừng nấy.-- Cảnh thứ tám, A-tì (Avīci) là nguy hơn hết, ở đó hồn chịu hành hạ gớm-ghê hơn hết. Người miền Bắc Đại-thừa cũng nhận tám cảnh địa ngục như trên mà họ cho là nóng, họ còn nhận thêm tám cảnh địa-ngục nữa mà họ cho là lạnh: Arbuda, Nirarbuda, Atala, Hahava, Huhava, Utpala, Padma và Mahāpadma. Người Châu Âu

cũng tin thuyết địa-ngục như người Châu Á, nhưng họ bảo rằng đã bị đọa xuống địa-ngục thì đời đời kiếp kiếp hồn bị khổ mãi, còn người Châu Á, như là người học Phật hiểu rằng địa-ngục là cõi ăn-năn và xả tội của các hồn đã làm lỗi trên thế, rồi đây các hồn cũng lên cảnh tiên, cũng đi đầu thai, cũng lập nên công quả và cũng có thể thành Phật và đến Niết-Bàn. Nhà học Phật biết rất đúng rằng hồn mắc đọa bị đốt, bị hành dữ tợn mà không tiêu, không rả, vì cái Nghiệp vẫn còn. Trong quyển *Triết-Lý Nhà Phật*, trang 32, tôi có chép lời đại đức Na-tiên giải với vua Di-lan-Đà rằng người ta bị thiêu ở địa-ngục cả ngàn năm mà không tiêu là bởi ảnh-hưởng cái Nghiệp nó chưa dứt, cũng như những loài thú ăn thịt cứng, xương và đá vào bụng thì mấy món ấy tiêu mất mà cái thai chúng nó mang trong bụng không sao là bởi ảnh-hưởng cái Nghiệp. Bao giờ cái Nghiệp chưa dứt, người ta còn luân hồi, còn chịu khổ, chính nó là cái nhơn duyên, cái dịp làm cho người ta sống đi chết lại, chính nó là dầu làm cháy cây đèn; cây đèn này là xác thịt, mạng sống, bao giờ nó còn dầu thì nó còn lăn-lóc cháy trong đời, cho đến chừng đặc quả Thánh, thành La-hán, bấy giờ dầu mới dứt, nhơn duyên mới tuyệt.

Hay là muốn cho dễ hiểu hơn hết, ta có thể phân các cõi, các cảnh giải với các bậc chúng-sanh như sau này thì tiện hơn hết : dương-gian, âm-phủ, cảnh Tiên và cảnh Phật.

4.— Dương-gian, âm-phủ, cảnh Tiên và cảnh Phật

Dương-gian.— Dương-gian hay là cảnh trần, trần-gian, trần thế, hay là *plan physique* theo Giáo-hội Société théosophique, là các nhơn vật mà mắt ta thấy, tai ta nghe, mũi ta ngửi, mình ta đụng, tay ta sờ, lưỡi ta nếm, là những loại đá, cây, thú và người. Trọng hơn hết và quý hơn hết là loài người, vì tấn hóa hơn đá, cây và thú. Loài người có tư tưởng rộng và trí thức nhiều. Trong nhơn-loại có rất nhiều hạng, kẻ cao, người thấp, kẻ dở, người hay, kẻ có tài, người thất lực, kẻ có đức, người bất nhân, tùy theo duyên-nghiệp

và sự tấn-hóa, cũng như lời Phật so sánh nhơn-loại với hoa sen, có thứ trắng, có thứ đỏ, có thứ chìm dưới nước, có thứ vượt khỏi nước, có thứ lại ngang mặt nước!

Ai được tấn-hóa nhiều hoặc từng ăn ở hiền lương thì được ăn trên ngồi trước, được kính vi ; tri sáng học cao, ai còn chậm tấn hóa hay đã ở gian tà thì chịu nghèo cực, hèn hạ, ngu ngốc, tối tăm ; và ai mới vừa tấn hóa lên làm người hay chưa từng tu tập thì làm thân tòi tở, nô lệ, tay sai. Nhơn-loại phải chịu cái Luật vô hình rất công bằng, mà người ta thường gọi là Trời hay là Thượng-đế. Ai đi thuận với cái Luật đó thì càng được cao quý, sung sướng, thanh nhàn, mà ai đi nghịch với nó thì chịu nguy, khổ, tai ách. Kể hiểu Luật thiên nhiên hay là hiểu Đạo, ham học hỏi, tu chính, trau dồi trí thức và đức tánh, không bức tức, không bôn chôn, không lười biếng, cứ bình tĩnh mà tấn tới, nhưt là tấn về nẻo lành, cõi tri. Kể thông đạo, người hiền đức không lấy làm phiền về sự bất công trong xã-hội, vì sự bất đồng giai-cấp chốn nhơn-sanh, mà lại đi khuyên dỗ những kẻ uất khí, ngã lòng và hay làm xằng. Bởi sự tấn hóa và nền đức hạnh bằng đồng nên kẻ thấp phải dựa người cao, kẻ nhỏ phải nương người lớn, kẻ dưới phải phò người trên, kẻ tối phải theo người sáng, tớ phải hầu thầy, tôi phải nghe chủ, dân phải kính quan, quan phải thờ vua, con phải vâng theo cha, vợ phải tuân theo chồng. Trái lại, những kẻ trên trước, sáng láng thông thái hoặc có oai quyền phải trông nom, diu dắt, tế độ cho những kẻ kém, thấp hơn mình, phải cư xử cho khoan hồng đại độ, đặng cùng nhau tất cả vừa làm cho cuộc đời thuần túy, vừa tấn hóa một cách khoan hòa mà không duy kỷ.

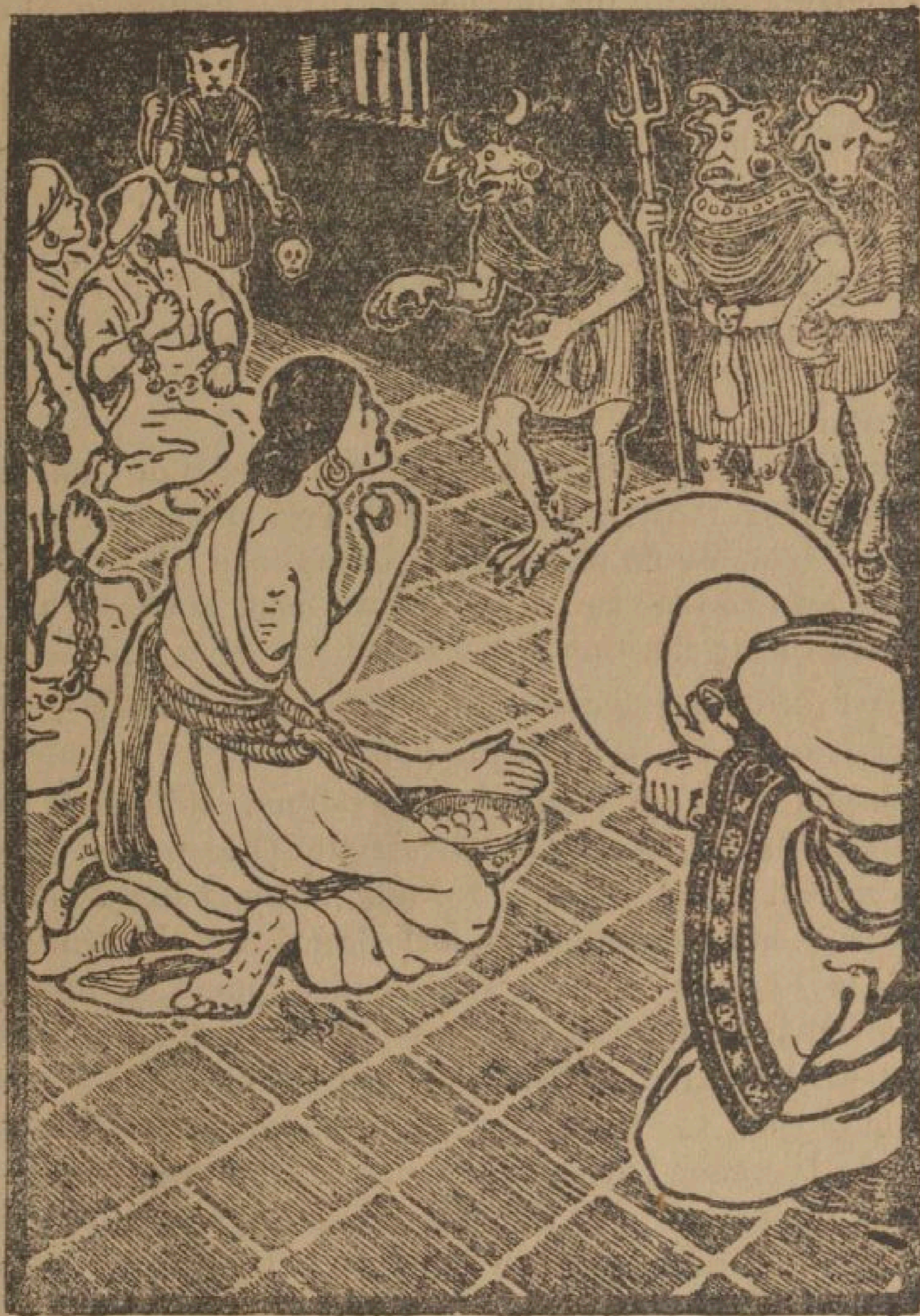
Thường thường trong nhơn-loại, vì sự rung động (vibrations) như nhau hay là tâm đầu ý hiệp, vì sự tấn hóa tương đương với nhau, nên người ta kết nhau thành đoàn, thành phái, rồi những kẻ cùng chung tư-tưởng, cùng chung mục-đích, cùng chung chí ý, hằng đi lại với nhau và chơi thích với nhau, cũng có gần nhau vì duyên nghiệp nữa. Vậy nên kẻ tiểu nhơn thì ưa kẻ tiểu nhơn mà không gần người đại chí, kẻ hiền lành thì viếng thăm nhau và rất lấy làm khó chịu mà họp cùng kẻ gian

xảo. Chính trong trần-thê, nhơn-sanh đã chia ra nhiều tầng, nhiều bậc rồi, những bậc thấp, tối, dơ bẩn, gian ác, thường bị nạn khổ, hay trốn tránh, lo sợ, bất bình, tật bệnh, có khác nào sống trong địa-ngục ở dương-gian. Và những kẻ thông dong, hòa nhã, công chánh, nhơn từ, không lo, không sợ, thường vui vẻ, chính là ở trong những cảnh sung sướng giữa thần, tiên, hay là ở thiên-đường cõi thế rồi.

Âm-phủ, địa-ngục. – Mấy nhà học rộng xét xa, thường nói: Dương-gian âm-phủ đồng nhưt lý, nghĩa là sống sao thác vậy, sống thế nào thác cũng thế ấy. Nói rõ như vậy mà người ta còn không tin. Cái tri con người hay kiếm đều phiền phứt thật! Nên họ chịu biều theo nhà tôn-giáo khéo dùng phương pháp mà tô điểm rất đáng ghê các chỗ về âm-ty, địa-ngục, rất đáng muốn về tiên-cảnh hay là thiên-đường.

Lâu nay người ta thất học (về đạo lý), càng ngày càng tối tăm, càng quá tin theo mấy điều nghiêm răn của các nhà tôn-giáo; càng ngày họ càng hiểu sai. Có khi để cái trí xét đoán vào, họ bắt chán, bắt ghét, rồi dâm theo chủ-nghĩa duy-vật (*matérialiste*)! Như hiện nay biết bao người Âu-châu bỏ đạo Gia-tô vì giận các vị truyền giáo bảo rằng kẻ làm bậy, làm ác phải bị đọa ở địa-ngục đời đời kiếp kiếp. Cũng như ở Phươg Đông các nhà thiếu niên tân học đưng bắt cái thuyết địa-ngục của mấy thầy tu đạo Phật và họ chê mấy bức thập điện trong chùa là dị đoan mê tin.

Khoan chê, khoan trách, khoan giận, ó các anh em! Mấy nhà tôn-giáo kia mượn cái phương tiện để khuyên đời mà! Đành rằng cái lý bị đọa đời đời kiếp kiếp là quá đáng và không đưng, nhưng các sư Gia-tô quyết bảo tồn luân-lý đạo-nguĩa nên mới thốt ra lời ấy. Nhưng cũng có ít nhiều kẻ độc ác sâu hiểm phải bị chôn chặc trong cõi ở trước, xấu xa đến cả ngàn cả muôn năm mà chưa di dẫu thai đưng, như vậy cũng như là đời đời kiếp kiếp rồi. Các sư đạo Phật cũng vì chủ-nghĩa khuyên đời nên mới dạy kĩ về các sự trừng trị ở âm-ty. Ấy là một cái



Người tu Phật và học Phật hằng lo cho cha-mẹ ông-bà ở âm-cảnh,
 nhiều khi cầu nguyện giúp cho vong hồn bớt khổ và được thành
 thoi. — Đây là hình đại-dức Mục-Liên đi độ mẹ, ở Âm-tử.

phương tiện (emploi de moyen) trong sự hành đạo. Còn mấy bức thập diện kia là biểu hiệu (symboles) mà, biểu hiệu của các tư tưởng ác độc, các tình dục không thỏa của kẻ gian xảo hiện thành hình mà đốt, phá, cưa, xẻ... chúng-nó. Những sự hình phạt ở địa-ngục cũng như những giấc chiêm bao của ta trong mấy lúc mà lòng dạ ta không yên, tâm trí ta không thật, ta những lo sát nhưn hại vật thì khi nằm mộng ta thấy các việc hung ác nó chực phá ta chớ gì ! Rồi nếu ta ăn ở cho đáng, cho nghiêm, cho phải thế, giấc ngủ ta sẽ nhẹ nhàng, êm ái, có khi ta thấy ta lên đến cảnh tiên nữa, ấy là thiên-đường rồi ! Vì giấc ngủ là một cái chết nhỏ, cái hồn ta lúc ấy lia xác một đêm, cũng như khi ta chết nó lia xác luôn vậy.

Đức Phật từng thuyết pháp về địa-ngục. Con mắt sáng suốt của Ngài thấy rõ các cõi trong Trời Đất, nếu Ngài nói sai thời Ngài đâu có phải là Đấng Hoàn-toàn (Phật, Parfait) Ta hãy hiểu cho các sự trừng trị ở địa-ngục là các biểu hiệu, các hiện tượng của tình dục, sự ác.

Địa-ngục là những cảnh trong cõi âm-phủ, chớ không phải tất cả âm-phủ đều là địa-ngục đâu.

Âm-phủ, âm-cảnh, âm-ty, Diêm-Đình, chín tuổi, cửu-tuyền, tuyền đài, bên Giáo-hội Société Théosophique gọi là plan astral, cũng là ở trong đời này, nhưng bằng cái lột thịt của mình, mình không nhận biết được. Âm hồn, vong hồn nghĩa là hồn của kẻ chết, vẫn ở chung quanh ta, nhưng ta không nhận biết, vì là hai cảnh giới khác nhau : ta sống bằng cái thể thịt, họ sống bằng cái thể khác.

Khi ta chết, tức là cái xác thịt ta đã hư, hoặc đến kỳ mà cái hồn ta không còn dùng nó nữa, cái hồn ấy với các thể khác đi ra khỏi thân ta. Bấy giờ ta qua bên âm-cảnh, ta sống bên ấy cũng đủ cơ-thể theo nhưn-vật trong cảnh ấy vậy. Bên âm-cảnh có nhiều tầng, bậc, nghĩa là kẻ sống tấn hóa khác nhau thì vong hồn cũng vậy, kẻ hiền đi lại với người hiền, kẻ ác cùng ở với người ác, các vong hồn cao thấp, hay dở khác nhau, cũng hệch như ở dương trần.

Kẻ thác phải ở âm-cảnh một thời gian, lâu hoặc mau, chờ cho một ít cơ-thể tan rã rồi mới qua cảnh khác, sau khi

đó hoặc họ đi chịu đau đớn ở địa-ngục, hoặc họ đi hưởng sự thỏa thích ở cảnh tiên, thiên-đường.

Mấy người trong sạch dừng chơn ở âm-cảnh rất mau rồi họ lên cảnh tiên. Những người thường phải ở đó lâu lâu, kể phải xuống chịu khổ ở địa-ngục. Sau khi đó họ mới đi hưởng phước ở thiên-đường nếu họ có phước. Cũng có người ít tội ít phước, vừa ở âm-cảnh xong thì đi đầu thai. Lại cũng có người có phước, nhưng không muốn hưởng sự sung sướng ở thiên-đình; hết ở âm-cảnh họ cũng được đầu thai lại làm người để lập thêm công đức.

Khác hơn những kẻ chết thường, mấy kẻ chết bất đắc kỳ tử, chết chưa tới số, như bị nạn rui, tự vận, bị chúng giết bay chết thình lình, chúng-nó không hay rằng mình chết. Nếu chúng-nó hiền lành thì hồn chúng-nó ngủ êm cho đến ngày số định. Còn như chúng-nó bức tức bậy bạ, chơi bời, mà chết sai luật tự nhiên, thì chúng-nó cứ lấy làm đau khổ vì sự chết ấy, chúng-nó cứ lập đi lập lại cái cách chết của chúng-nó mãi, hoặc bị treo đầu trong vòng, bị đâm, hoặc bị bắn. Vì vậy có nhiều khi ta thấy hiện hình ma thất cò, ma đồ ruột, ma chết trôi v.v. Ấy là chúng-nó không dè rằng chúng-nó chết, chúng-nó bị đau đớn trong cảnh đó khá lâu.

Ở âm-cảnh hoặc ở địa-ngục, có một cách này làm cho mình bớt khổ, bớt đau, có khi dứt khổ mà lên cảnh tiên nữa, là quay, đổi tư tưởng, ăn năn một cách nhiệt thành. Nhưng than ôi! có mấy người biết khôn như vậy! Phần đông đều là hạng u mê, quá ham tửu, sắc, tài, khí; chúng-nó đâu có biết tưởng đến việc cao thâm, hiền đức, nhân từ. Chúng-nó cứ bị các tánh xấu biến thành hình mà dọa, hăm, thiêu... mãi.

Trong cuốn *Triết lý nhà Phật* của tôi trang 23-27, chàng Mê-tra-ca-ny-a-Ca đương bị đau đớn ở địa-ngục về tội bất hiếu xúc phạm mẹ, chàng biết rằng những kẻ bất hiếu như chàng đều phải bị cái vành lửa ghiêm trên đầu. Chàng lấy lòng từ bi nguyện chịu thế cho tất cả những kẻ phạm. Liền đó cái vành lửa xút ra và bay lên trên không.

Trong khi phần đông các vong hồn không biết đối tượng dữ ra lành, còn có cách này làm cho họ bớt đau, nếu ta là người trong thân-tộc. Chính là cách giáng tiếp. Ta thỉnh một vị sư hiền đức tụng kinh siêu độ cho vong hồn cha-mẹ ta, nếu ta biết tụng kinh ta tụng cũng được. Hay là ta hằng cầu nguyện cho cha-mẹ ông-bà ta. Ta có cái tục cúng cơm là tốt, trong khi ấy ta vừa dâng cho vong hồn những món ăn uống, ta vừa cầu nguyện luôn cho. Người đạo Thiên-chúa có câu «*Priez pour lui (pour elle)*» cầu nguyện giùm, cũng là đỡ vớt cho vong hồn nhiều.

Ở thế-gian, mình có thể biết cuộc sống của mình sẽ tới, nơi âm-cảnh. Như đời mình nhẹ nhàng, phải lẽ, mình sẽ ở âm-cảnh một cách thông thả rồi lên cảnh tiên hoặc đi đầu thai. Còn nếu nét xấu, tánh dữ mình nhiều thì khi thác mình phải lại âm-cảnh chỗ nặng nề, ô trược, tanh hôi, tức là địa-ngục vậy. Vì mình thác là thác cái xác thịt, chớ cái tánh, cái trí, cái nó khiến, nó đốc mình làm ác, nó cứ theo mình, nó cũng là cái nghiệp-báo của mình. Chính cái đó nó trì, nó niều, nó kéo mình xuống cảnh thấp, xuống địa-ngục, mình phải chờ cho cái thể bọc cái đó tan đi mình mới lên cảnh cao được.

Ở âm-ty chỗ thấp hay là ở địa-ngục thì khó chịu lắm, vì là nơi đầy những tư-tướng độc hiểm, trái với sự lành, nơi dồn dập những kẻ nhiễm các tình dục xấu xa. Ở đây hình thể hung ác bạo tợn của họ thấy rất đáng chường, hi hợm như cầm thú, nửa giống súc vật nửa giống người. Họ không che giấu tâm tánh của họ được. Người có tật gì lộ ra tật ấy, lộ ra thấy hình một cách như nhuộm, góm ghê. Vậy mới biết Phật và các vị thánh tả cảnh Địa-ngục rất đúng, và mấy bức thập-diện treo trong chùa là không sai. Mỗi cái tội đều có một cái hình, một cách trừng phạt, hình ấy và cách trừng phạt ấy là cái biểu hiệu, cứ xem đó thì biết vong hồn phạm những gì ở thế-gian. Giả như ở âm-cảnh, kẻ bôn sên muốn ăn không ăn được, dầu có cầm tới đồ ăn thì đồ ăn cũng hóa ra lửa than. (chuyện bà Thanh-đề, tích rằm tháng bảy trong cuốn Chuyện Phật đời xưa). Đời nay con người quá xao xác, tranh giành, lẩn cướp, tham lam, xảo mị. Khi chết họ mang theo tư-tướng và quả

báo nặng nề, độc-địa, nó tri họ xuống sâu, mà họ không gỡ ra đặng. Vì vậy nên họ bị hoặc giòi đục, hoặc lửa thiêu, hoặc nước ngập, hoặc nấu dầu, hoặc ngọp khói, hoặc núi đè, hoặc thú rượt, chó cắn, cọp xé, voi vày, ngựa đạp; họ bị cưa, bị chặt, bị kéo lưỡi v. v.

Nói cho phải, những sự hành phạt ấy không có thật, đều là biểu hiệu, hình tượng của những sự độc ác, những tánh tham chạ của họ ở trần. Nhưng đối với họ ở âm-phủ, những việc đó là thật, làm cho họ đau lắm.

Mỗi người đều bị sự trừng trị riêng, nếu họ làm ác nhiều tất họ bị bành khổ nhiều. Giả như họ ở trong đám chim cú, chim ụt ấy là biểu hiệu tư tưởng ác, muốn sự rủi cho người. Bọn hay nóng giận thì bị khói làm dui; bọn gây gỗ thường nghe đánh đập và thường tranh đấu; bọn hà tiện tiếc tiền mình mất mãi; bọn quốc-sự giả dối thấy mình bị thú dữ chụp; bọn háo sắc thì ốm còn xương lại bị quỷ khảo bằng roi. Các sự hành phạt, các điều ghê gớm, các biểu hiệu nói không cùng và chẳng chừa một dân-tộc nào hết. Trái lại nếu dưới âm-cảnh hồn phạm tội nhẹ thì ở vào chỗ dễ chịu. Thoản như hồn có nhiều đức tánh thì được tự do mà suy nghĩ, học hành, làm phải; họ muốn cái gì được cái nấy; tư tưởng của họ tạo thành các món đồ cho họ dùng, như nhà cửa, cơm nước, áo quần, sách vở v. v. Trong khi chờ ngày lên cảnh tiên, những hồn lành đã được sung sướng rồi, vì cái tri của họ có đem theo những duyên nghiệp tốt năng đỡ và họ họ lên. Họ muốn cái gì, có hiện ra cái nấy, giả như họ nhớ nhà cũ thì cảnh nhà lộ ra trước mắt họ, họ tưởng vợ con thì vợ con chường ra liền.

Ta được biết và chắc sự sống của các hồn ở âm-ty là, bởi nhiều lý-cớ. Từ xưa tới nay các nhà có huệ nhãn, Phật và chư Thánh thường giảng với ta về âm-cảnh. Thỉnh thoản mấy người đồng thiệp cũng thuật lại, hoặc mấy người chết đi sống lại nói cho ta hay. Và nếu ta không đủ sức mà thấu những cái rung động ở cõi ngoài trong lúc thức thì khi ta ngủ cái thần của ta xuất đi, nó gặp mấy vong hồn, nó xem họ biết họ sướng cực thế nào. Hay là ông-bà cha-mẹ ta muốn cho ta vững lòng hay mong cho ta cầu nguyện hoặc làm chay siêng độ, bèn về mách rằng ở âm-cảnh

các ngài dễ chịu hay khổ thân, no ấm hoặc cơ hàn. Sự nằm chiêm-bao là thường hơn hết. Những nhà vô học, tấn hóa còn chậm lụt, thường thấy vong-hồn bà-con mình rách rưới, nghèo hèn. Sau khi đó họ cũng một bữa cơm và cầu nguyện, dùng tư-tưởng mà an ủi âm-hồn. Có ít người nhà hiền đức nằm mộng thấy kẻ thân-thuộc mặc áo đẹp, có người bầu, đi xe tốt, và cho hay rằng đã lên được cảnh thần hoặc cảnh tiên.

Cảnh tiên.--- Con người khi thác mà có nhiều đức tánh thì ở âm-cảnh rất mau rồi lên cảnh trên làm thần, tiên, thánh, hưởng các điều sung sướng, vui đẹp, an lạc theo công quả của mình. Cảnh này tiếng phạn gọi là Dévasthan, Giáo-hội Sté. Théosophique viết trại ra là Dévakhan, người đạo Phật gọi là Soukhâvati (dịch là Cực-lạc-quốc), người đạo Gia-lô gọi là Thiên-Đường. Giáo-hội Société Théosophique sắp cảnh tiên về plan mental (cảnh trí), cao hơn plan astral (cảnh phách) và plan physique (cảnh xác-thịt vật chất).

Cũng như ở cảnh trần và ở âm-cảnh, cảnh tiên có rất nhiều bậc, tấn hóa khác nhau, đức hạnh và công nghiệp khác nhau. Cũng là một lớp ở trong trời đất này, các ngài hoặc tới lui nơi thị tứ mà trông nom nhưn-loại và diu dắt người hiền hoặc yên ngụ ở các nơi thắng cảnh danh sơn. Nhưng kẻ trần tục không mấy ai biết rõ, vì sự trược của họ rất nhiều, họ dễ đồng ửng với những hồn thường ở âm-cảnh hơn là những hồn linh ở Thượng-thiên.

Cũng giống như cõi tiên thánh phía trước chia ra đực-giái, sắc-giái và vô-sắc-giái, và mỗi giới lại phân ra nhiều tầng, cũng như thế, tùy theo công quả tom góp, tùy theo tư tưởng và sự cảm xúc tốt lành khi ở thế-gian, tùy theo những công gắng về thân-thể, trí não, tùy theo những đức hạnh, tức nhiên tùy theo sự khéo giữ mình và giúp đời của mỗi vị, mà hồn được an nghỉ ở những tầng bậc cao thấp khác nhau. Cho đến những người phạm tội mà có tác phước, sau khi chịu khổ ở địa-ngục, họ cũng được hưởng sự sướng ở cảnh tiên. Nhưng hột giống lành gieo ít thì hưởng kiếp tiên lẹ và ở bậc thấp, trái lại sự xả thân cứu thế, sự tế độ cho đời và sự thống trị những tư tưởng khó, đưa mình lên quả vị cao cả và lâu dài. Đâu đâu cũng là một cái luật ban thưởng và rùng trị rất công bình !

Phật có dạy rằng nhiều lần sướng ở cảnh tiên không bằng một lần sướng ở cảnh Phật, vì ở đó còn phải đối đời và không bền. Song đối với cảnh trần thì cảnh tiên có lắm phần thật hơn, tốt hơn, chắc hơn, bền hơn, phải hơn, thuần hơn. Trong khi ta ở cảnh này ta vẫn cho nó là thật và ta cứ đeo theo nó, ta muốn sống lâu để hưởng các sự vui mà ta đâu có cho là bả ảnh, thì chính ở cảnh tiên ta mới thật là sướng, không có những cơn đau nỗi khổ, không có những điều giả-dối, gian-xảo không có những mặt miệng grom lòng mà ta hằng thấy chung quanh ta ở đây! Những vị đương ở cảnh tiên, ngoài lại cảnh trần thì chán, ghê, sợ lắm, cứ cho là đảo điên, ngược ngạo, thô kịch, uặng nề. Cho đến có nhiều vị không muốn ở gần loài người đầy những chướng-khí, tà-dâm; các ngài thích tình với những nơi thanh tịnh, tinh khiết, sáng láng, cao ráo, thơm lành.

Ở cảnh tiên, các ngài không bị cái xác (physique) và cái phách (astral) trói buộc, các ngài có cái trí (mental) sáng suốt, thông minh, dễ mà tấn-bộ hơn ở cõi trần nhiều lắm. Người ở thế ham học, giả như thích âm-nhạc, ưa mĩ-thuật, mê khoa-học, khoái văn-chương, yêu triết-lý, mộ đạo-lý, khi lên cảnh trên, họ tha hồ tập luyện thêm, mau được sắc sảo tinh thông. Có lẽ nhờ vậy nên mấy vị chứng quả thứ ba không cần phải trở xuống thế, mà ở ngay Thượng-thiên cũng chứng luôn quả La-hán và qua Niết-bàn. Và cái gì tốt, đáng, ở thế mình làm chưa xong, ở cảnh tiên, nó nảy nở rất dễ dàng. Những cái hi-vọng ở thế lên đây thành những sức linh. Những việc làm nửa chừng, những cuộc thí-nghiệm (expériences) lên đây đều thành tựu một cách mĩ miều. Ở Thượng-thiên chẳng biết bao nhiêu là tư tưởng và sự rung động quý báu tốt lành, trong một thời-gian ngắn ngủn mình có thể thấu những cái đó mà bù, sửa, phấn khởi và chấn chỉnh cái của mình. Mấy nhà học đạo khi còn ở thế nhờ những cơn tham thiền cho thần trí lướt qua đến cảnh Thượng-thiên, thấu những cái rung động thắm mĩ ấy nên phát huệ rất mau và chứng quả Bồ-đề rất chóng. Lại mấy nhà khoa-học Phương-Tây cũng nhờ suy nghĩ, tham thiền, thần trí vượt lên cao và bắt được

điền linh, mấy ông nhờ đó mà làm cho sự nghiên cứu, khám xét, bày chế, phát minh của mình được vẹn toàn.

Bà Annie Besant, soạn giả cuốn Đạo cổ (Sagesse antique), có phân cõi Trời ra làm bảy bậc, đại khái theo dưới đây :

Bậc dưới hết là những người yêu thương gia đình, cha hiền, con thảo, vợ khéo, chồng khôn và bầu bạn trung hậu; cũng có những người kính mộ mấy trang có tài đức hơn mình, và những người ham theo đường tri thức và đạo nghĩa. Mấy người này hưởng phước không nhiều và không lâu, nhưng cũng là một cách thanh thú và một cái biểu hiệu ban thưởng của Luật linh thiêng mà người ta gọi là Chúa, Trời v. v.

Bậc thứ nhì, khá hơn, là phái-đồ các tôn-giáo, từng lấy lòng thành tín mà thờ đạo mình và yêu thương vị Chúa-tể lập đạo và tạo nên vạn vật. Ở đây, họ trọng Đấng cao cả ra thế nào thì Đấng ấy hiện ra thế ấy cho họ; Đấng ấy dùng sức linh hoạt của mình mà biến theo sở nguyện và lòng thành của kẻ tín-đồ.

Kế bậc thứ ba là những nhà trung chánh, nghĩa dũng, những tay anh hùng, nghĩa hiệp, từng giúp ích cho đất-nước của họ ở trần. Lên đây cái lòng quản đại, hào hiệp của họ càng phát ra, họ vừa hưởng sự an lạc vừa chờ ngày tái thế để trải thân giúp đời nữa.

Bậc thứ tư là những tay kĩ-thuật kỳ tài, những nhà khoa-học trừ danh, những bậc văn hào xuất chúng, những trang bác sĩ thông minh, những đấng học đạo nhiệt thành. Ở bậc này các ngài cầu luyện thêm, các ngài khoái vì sự khảo cứu, tra vấn, học hỏi của mình; và được cái hân hạnh gần thầy dạy thêm cho mình. Mấy nhà thông thái và học đạo ở thế nhờ xuất thân lên đây nên được biết tinh tường về mấy chỗ hiểm gât của mình.

Bậc thứ năm, đã cao lắm rồi, là hồn linh của mấy nhà có tư tưởng cao siêu và hạnh kiểm đoan trang đùng đấng. Ở đây các ngài biết thêm chơn-lý và đạo-lý.

Bậc thứ sáu là những hồn tinh tấn hơn; không lụy trần khi ở thế, các ngài ngó cuộc đời như không không, chỉ những nong nả đuổi theo cõi xa vời về tri huệ. Bây giờ

các ngài hết còn bị cái quá khứ nó vương lấy nữa. Các ngài hưởng sự hiện-tại đời đời. Ở đây cũng là mấy bậc đại công-thần, đại chí-sĩ ở nhơn-gian.

Cao hơn nữa, bậc thứ bảy là chư thánh và mấy vị chứng nhiều quả linh, quả đạo đức, quả Bồ-đề. Mà ngài đừng chơn, tam nghĩ ở đây, tham thiền thêm đặng sang qua cảnh Phật, Niết-Bàn.

Cảnh Phật. — Cảnh thứ tư, cao hơn mấy cảnh physique, astral, mental, người bèn Giáo-bội Société théosophique gọi nó là cảnh Phật (plan bouddhique). Nó là cảnh Bồ-đề thứ tư, quả La-hán bèn Đạo Phật. Nó thuộc về cõi Huệ. Người ta cũng gọi nó là Niết-Bàn rồi. Nhưng chánh ra thì Niết-Bàn bắt từ cảnh thứ năm sắp lên.

Cảnh Phật bậc thứ tư đây là cao viễn lắm rồi, người không dày công tu luyện trông gì đạt tới nổi.

Từ đây sắp lên là miền từ bi bác ái, lòng đạo lai láng tràn trề. Từ các vị La-hán cho tới mấy vị đại sư, đại tồ, Bồ-Tát và Phật Thế-Tôn v. v. Các Ngài đều là những Đấng từng xả thân cứu thế, bao phen lăn lộn dưới trần để phổ độ quần-sanh. Ở cảnh trên còn chịu sự đời đời, tiên hưởng hết phước còn phải lộn xuống trần, còn phải luân hồi khổ não, e khi phải mất phẩm vị xưa. Chớ ở cảnh Phật từ bậc thứ tư, các Ngài đáp một hòn đạo vững vàng mà sống bề trên luân không ngập nổi. Các ngài có thể hưởng mãi ở đó và khỏi di đầu thai. Nhưng đã đứng về địa vị nhà sư từ bi bác ái (tôi kể luôn các vị đại đức trong các đạo) các Ngài đâu có nở vui hưởng cảnh an lạc mãi cho. Thỉnh thoảng các Ngài xuống trần, giáng thế, khi lại nước này, khi sang nước khác, các ngài cũng làm người thường-nhơn như chúng ta, nhưng các Ngài có đủ huệ đức mà khuyến khích ta và diu dắt cho ta làm lành. Sau khi mãn kiếp, các Ngài trở về ngôi xưa cảnh cũ, có khi các Ngài đắc quả thêm cũng có. Còn về phần các Đấng ở cảnh cao hơn, quả Bồ-đề thứ năm, thứ sáu, các Ngài, Bồ-tát anh linh, hằng cho linh quang xẹt xuống trần, cho những cái tinh túy của các Ngài đi ta-bà các nơi trong vũ-trụ mà độ lấy muôn loài. Công đức của các Ngài vô cùng vô tận, không có bậc

tiên nào sánh bằng. Các Ngài ở những tầng lớp minh mông mà trí thường ta không độ nổi, chính các Ngài với đức Thượng-đế không mấy khác, vì các Ngài rất nông nả mà truyền-bá đạo-lý cho nhơn-loại và chư tiên chư thánh. Nhất là các vị Đại-giác và các vị Phật Thế-Tôn, bậc thứ bảy, các Ngài làm một với đức Thượng-đế, làm một với cái Luật linh-thiên bao quát và quản trị hoàn cầu...

Ngoài đầu trông lại sự tán-bóa từ bậc nguyên-tử cho chí Phật Thế-Tôn, bậc Đại-Giác hoàn toàn, làm một với Linh-Quang, Thượng-đế, thật biết bao công trình, biết bao sức lực, biết bao cuộc mệt nhọc về cái thân và cái trí ! Các chúng-sanh muốn lên cho chí quả-Phật tất nhiên phải luân hồi biết bao phen ! Cho nên những ai đã hiểu đạo Phật và triết-lý các đạo xưa đều phải công nhận rằng có linh hồn, luân hồi và quả-báo. Ba cái lý này, ba cái vấn-đề này là ba cái nền tảng chịu lấy Pháp Phật đó.



III

Nền tảng đạo Phật

1. LINH HỒN. — Các dân-tộc Phương Đông từng nhận rằng có linh hồn. Trong linh hồn có cái bất sanh bất diệt (linh quang, atma) nó đi với con người cho đến Niết-Bàn. Bọn Du-dà và các nhà tham thiền từng cho thần hồn lên cõi Thượng-thiên. Các sư Lạt-ma có phép xuất hồn đi các nơi.

2. LUÂN HỒI. — Có linh hồn tất có luân hồi. Người ta luân hồi sướng hay khổ là bởi cái nghiệp của mình. Hiểu luân hồi người ta hi vọng về đời sau và khéo ân-ở. Thường thường con người ta luân hồi từ bậc thấp tới bậc cao, từ hạng hèn lên hạng sang. Thuyết luân hồi là luân lý khuyên người làm lành để được sướng đời sau. Hồi đời thanh Pháp, người ta chê sự luân hồi, dốc đến Niết-Bàn. Người ta hễ thác thì làm hồn ma một lúc, rồi chịu khổ ở địa-ngục hay hưởng phước ở Thiên-đường, kể đi đầu thai.

3. QUẢ BÁO (NGHIỆP). — Nó quản trị riêng từng người và chung các dân-tộc, các trái cầu. Người Âu Châu bất bình vì chẳng hiểu nghiệp quả, người Á Châu được an lòng nhờ có hiểu. Phật thuyết về cái Nghiệp nó đầy xuống hoặc nó nâng lên. Lão-Giáo cũng hiểu cái Nghiệp, bên ấy họ kêu là Mạng. Ba cái cơ nghiệp: Thân, Khẩu, Ý. Thân nghiệp là: sát sanh, trộm đạo, tà dâm. Ngữ nghiệp là: Vọng ngữ, ý ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu. Ý-nghiệp là: tham, sân, si. Tất cả các tội đều ăn với mười cái ác đó, nhưt là từng theo cái ý-nghiệp. Cái ý-nghiệp đầy đọa người Phương Tây nhiều lắm vì họ quá tham tiền tài, sắc lịch và các sự nhục dục. Trong làm việc, tuy làm bằng thân thể chơn tay, mà người ta cần tội phước bằng cái lý, cái cơ, cái ý. Kể ít nghiệp ác dễ tấn hóa hơn người phạm tội. Cái nghiệp tốt đỡ cho thân-tộc, ông-bà.

1. — Linh hồn

Từ xưa đến nay, các dân-tộc Á-châu hằng chú trọng về linh hồn, hàng trí thức hay bậc thường dân, mọi người đều hiểu rõ linh hồn. Nhưt là ở Ấn-độ và ở Tàu, người ta thông thuộc hơn hết, vì chư Thánh thường giảng sanh trong hai cõi ấy. Đồng thời với nhau, đương khi đức Thích-Ca dạy Nghiệp-quả cho chúng-sanh giữ mình để cho linh hồn khỏi sa địa-ngục, đặng đến cõi tiên, đặng đầu thai tốt số và đến Niết-Bàn thì đức Lão-tử giảng thuyết Đạo cho người để họ sinh hoạt thanh-bạch đặng gần Đạo, đặng hồn trở nên tinh khiết mà hiệp làm một với Đạo. Và trong khi tin-đồ của

đức Thích-Ca nổi nghiệp Ngài mà giải cho đời biết rằng nếu con người hồi tưởng lại, biết dứt với cuộc trần giả dối thì tâm hồn không còn mang lốt thịt mà chịu sống chết, nó bèn về Niết-Bàn, học-trò đức Lão-tử công bố rằng con người những lầm lạc, để cho hồn mê lụy với thế-cuộc mà trở nên như bọn xấu xa, giả như nó trong sạch lại thì nó sẽ nhập với Linh quang vậy.

Trước Phật, Ấn-độ đã có nhiều phái đạo rành về linh hồn rồi. Giáo-lý Bà-la-môn truyền rằng linh hồn (atma) vẫn trường sanh bất tử, nó ở với chúng-sanh từ hạng cầm thú đến nhơn-loại và thần tiên, nó là một phần nhỏ trong cái Đại Linh hồn nguyên-thủy, một phần nhỏ của Linh-quang vô cùng vô tận, của đức Phạm-thiên (Brahma) làm cho cả vũ-trụ được thơ thái tinh-anh. Lúc tạo thiên lập địa, nó tách ra khỏi Linh-quang mà vào trong vật chất nặng làm cho vật chất sống, nhưng về sau, chịu ảnh-hưởng của vật chất, nó mê theo, đeo theo và dính theo vật chất, nó tự buộc chặt vào những dây tình mà nó cắt không đứt, gỡ không ra. nên nó không về với Linh-quang được, nó không trở lại đức Phạm-thiên được.

Đạo cổ Védantisme dạy rằng linh hồn là vĩnh viễn, vô hình, giác quan không nhận được nó và nó không tan rã như vật hữu hình. Vạn vật thì biến đổi, cuộc đời là ngắn ngủi, phù thế là tang thương, con người phải lo thoát ra và đưa linh hồn vào Đại Linh-quang.

Lại trước Phật vài thế-kỷ, một vị đạo nhơn tên *Kapila* có lập phái *Sankhya*, thuyết rằng bởi quá yêu vật chất, xác thịt, nên hồn mới luân-hồi ; chừng nào nó có thể phá nát những dây xiềng trói nó, chừng đó hồn mới thoát ra, không còn dính với thể chất nữa. Vạn vật bày sắp trên trần đời là giả dối, bào ảnh, mộng ảo cả, chúng-nó chỉ làm cho hồn mắc vào thể chất và chịu những sự đau thương thôi. Nhà hiền triết phải giữ thanh tĩnh, vô vi, ngảnh mặt với sự thế, như vậy linh hồn mới thong thả, thanh thoi, nó bèn nhập vào cõi thanh nhàn và an lạc đời đời. Phật thành Đạo, Ngài thống nhất các lý-tưởng tôn-giáo ở Ấn-độ và Ngài làm cho mấy thuyết linh hồn, luân hồi với quả báo điều hòa đặng dễ cho dân-chúng hoan-nghênh.

Theo đạo Phật, cái thân thì nát, cái hình thì tan, nhưng cái hồn vẫn còn, nó chuyển mãi với cuộc luân hồi, nó theo mãi kiếp sống cho đến khi nhập Niết-Bàn, Hư-linh, Đạo. Chính Phật có dạy rằng : « Một người đã thác thì cha mẹ, anh em, bậu bạn muốn làm gì với cái xác thúì-tha thì làm, thiêu, bỏ xuống nước, dập dưới đất, thí cho thú, hoặc treo trên cây. Chớ cái mà ta gọi là thần, hồn, trí, nếu nó đã tản-bộ, tinh anh, thấu đạo, học cao, hiền đức, thì nó không hư nát, nó đi thẳng lên Trời.» Cũng như kết chuỗi thành xâu ta phải nhờ lấy một sợi dây làm cho chuỗi đầu lại, trải qua các kiếp sống ta cần đến một vật gì nối cho các cuộc đời liên tiếp nhau. Vật ấy tức là linh hồn, tinh túy, cốt yếu của sự sống và sự thay đổi đó. Phật có so sánh linh hồn với ngọn đèn, cái thân với cây đèn, tinh dục, luyện ái với dầu ; tinh dục và luyện ái của ta nó làm cho ngọn đèn cháy, nó châm dầu thêm mãi. Thường thường lúc hồn lia xác, người ta gọi là chết, là hết rồi, người ta làm, người ta không hiểu, người ta thấy cạn, người ta chỉ biết cái tượng ảnh mà thôi. Thật ra, cái chết chẳng qua là bóng dáng : cuộc đời đã xài hư cây đèn, hoặc một sự rủi đã làm bẽ cây đèn, nhưng dầu không mất ; tinh dục, lòng ưa muốn, sự ham sống của ta châm dầu thêm nhiều hoặc ít, tốt hay xấu và nó châm dầu vô một cây đèn chỗ khác, như ở cõi tiên hay ở địa-ngục, chính ngọn đèn cứ cháy mà ta không thấy. Đến sau, khi người chết đã hưởng cuộc vui ở cảnh trên hay đã chịu sự khổ ở cảnh dưới, ngọn đèn mới cháy trở lại trong một cây đèn mà ta thấy, nhưng cây đèn này khác hơn cây đèn lúc trước, chính những cuộc hành động lúc trước làm thành kiểu thức tốt xấu và mạng số cây đèn này. Rồi ngọn đèn cháy nữa, cháy bằng dầu khác, bằng tinh tội khác, hoặc giả như hết dầu thì nó hết cháy, nó tắt, nó nghỉ trọn vẹn ở Niết-Bàn theo công-quả của nó. Ngọn đèn, linh hồn, nhập vào Niết-Bàn, nhập với Linh-quang, làm một với Linh quang, không còn khác với Linh-quang nữa. Mà trước kia nó kém hơn Linh-quang, nó sống bởi tinh tội, nó sống theo các cuộc luân hồi, các việc hành động xấu nhiều hơn tốt, các điều ưa muốn, triêu mến, các sở vọng về sự thỏa-thích ở trần-gian. Bây giờ nó giải thoát sau khi

cắt lằn lằn các dây tinh ái chặt chĩa, nặng nề. Nó lướt lên, lên mãi cho đến khi hết muốn, hết mê, hết tội, hết khổ, nó hết mang cái thân, nó vào Hư-linh, bấy giờ nó hết luân hồi. « Ta đã luân hồi bao kiếp rồi. Ôi thôi ! Luân hồi mãi thật là khổ ! » Đức Thích-Ca phán lời ấy khi thành Phật, đạt Niết-Bàn lúc Ngài còn ở thế, vì bấy giờ Ngài có thể hưởng Niết-Bàn, nhưng Ngài sống để truyền Đạo cho đời.

Và sau đức Thích-Ca cũng có lắm vị tăng thành đạo, đưa linh hồn đến cõi Thượng-thiên. Phái-đồ của môn Du-dà (Yogaçaras) rất trọng cái tâm linh, hằng dùng cách tham thiền mà cho nó đi các nơi theo ý định của mình. Đức A-tăng-Dà (Asanga) lão-tổ phái ấy, hồi thế-kỷ thứ năm (111-115 Triết-lý nhà Phật) có xuất hồn lên cung Đâu-Suất mà châu Bồ-tát Di-Lạc (Maitreya) và thỉnh giáo với Ngài. Lại thầy Huyền-Trang trong cuốn “Văn minh nhà Phật” cũng đã từng tham thiền và cho thần hồn nhập với cõi Trời. Một lần bị vua xứ Turfan quá yêu cảm ép thầy ở lại, thầy nhập định đến bốn ngày trong lúc ấy linh hồn xuất đi, thầy xác không biết gì hết. Một lần khác thầy bị bọn cướp bắt, chúng-nó toan làm thịt thầy mà tế thần Đuộc-Ga (Durga) theo đạo Xi-hoa (Civaisme), thầy liền xuất hồn, bay qua khỏi ba mươi ba tầng trời, đến ngay cung đức Di-Lạc nhằm khi Ngài thuyết đạo giữa chư vị thánh thần. Vừa lúc ấy một trận cuồng phong làm cho sóng nổi đá bay, bọn cướp sợ hãi, không dám giết thầy lại còn giải nghiệp, quăng gươm giáo dưới sông Hằng-hà.

Hiện nay tăng-chúng còn giỏi về môn tâm-linh, nhất là các sư ở miền Tây-tan. Trên ấy, chư vị Lạt-ma thành đạo, dứt bỏ thế-cuộc, thường xuất hồn lên Trời và đi lại với tiên thánh. Cái xác không trói buộc các ngài được, sự luyến-ái về thế chất không dụ-dỗ các ngài được, giác quan không phỉnh-phờ các ngài được, các ngài muốn nhập cõi trên lúc nào thì nhập. Hiện đương sống, các ngài có thể bỏ cái thân mà đi trong nhiều ngày và có khi cho hồn mình nhập vào xác kẻ khác nữa.

Thỉnh thoảng những tâm thần giải thoát, những linh hồn tinh khiết, thanh bai. Một phen đã qua biên khổ, trông lại thì

nước đục lờ; một phen đã lướt đến đỉnh cao, xem lại thì thế-sự tanh hôi dơ dáy! Nhưng biết bao công trình tu tập, đức hạnh đắp bồi, biết bao cuộc lạc nẻo lầm đường, biết bao căn kiếp chuyền luân khờ cực! Trước khi chừng quả lành chur vị tiên thánh đã trải qua các cuộc luân hồi, khi chìm, khi nổi, khi thấp, khi cao, mọi mùi đã nếm!

2. Luân hồi

Trong Phật-giáo trích ra, thuyết luân hồi đủ làm một nền đạo đức rồi. Thật đối với người Đông-Phương, thuyết luân hồi rõ ràng là đạo đức và phong hóa đó. Nó có thể nuôi tư tưởng về đạo-nghĩa một cách vinh-vang, nó lại nâng cao sở vọng của con người, khuyến tánh trí và tâm hồn cho được ôn-hòa, thơ-thái. Lắm người không hiểu đạo, nhưng tin một thuyết luân hồi họ có thể yên ổn trong lòng và lánh dữ làm lành: họ biết rằng số mạng hiện thời do ở việc làm kiếp trước, và số mạng đời sau sẽ do ở việc làm kiếp này. Biết như vậy họ không dám ở ác sợ kiếp khác phải nghèo cực, bèn hạ, thấp thối, đau ốm, xấu xa, ngu dại và chết yểu. Trái lại họ cố làm lành để kiếp tới sẽ được giàu có, cao sang, vinh diệu, mạnh khoẻ, tốt lành, khôn lanh và trường thọ. Trong khi cư xử hiền hậu, từ trí tưởng, lời nói cho đến việc làm, họ đều giữ theo nhưn đức, công bình, họ được khoẻ khoắn trong tâm, yên tịnh trong trí, nghĩ rằng thế nào đời sau mình cũng vui hưởng sự phúc hậu, công quả đã tom góp, vun trồng. Những khi lễ Phật, viếng chùa, thấy mấy bức tranh góm ghê về địa-ngục, từng nghe các sư và các bực lão thành giảng về sự trừng trị ở âm-ty, nhắc gương lành của tiên thánh, ca-tụng sự khoái lạc ở cõi Trời, bao người muốn cho khi thác hồn chuyền đến cõi vô hình, được tránh nơi địa-ngục mà lại đến cảnh tiên, họ những lo sợ và ước nguyện trong lòng, nên họ không dám theo nẻo tà.

Lại như hiểu đạo, người ta trọng thuyết luân hồi hơn nữa. Người ta dễ hi-vọng vào nó rất vững, người ta thích nó hơn khoái chủ-nghĩa Niết-Bàn. Niết-Bàn khó và xa, thâm-thẳm, biết mù, biết chừng nào mới chứng được!

Còn sự chuyển kiếp, cuộc đời tới, chết rồi đầu thai lớp khác thì gần, gần lắm. Cho nên ngay lúc hiện-tại con người đã lo đầu thai công-đức rồi. Đầu người Tàu, người Nhật, người Cao-Mên, người Xiêm, người Miến-Điện hay chúng-ta, có học hay vô học, ai cũng đề lòng mong mỏi về sự luân hồi: dân-tộc Á-châu có danh sống về cuộc tương-lai, sống về đời tới! Cái lòng mong mỏi, cái mối hi-vọng, các điều sở nguyện về sau thật là vững chắc, êm ái, thâm trầm! Cho hay ảnh-hưởng thuyết-luân hồi là mạnh, lớn, mạnh và lớn hơn thuyết Niết-Bàn nhiều lắm!

Mà thuyết luân hồi có từ thiên cổ, chớ nào phải từ Phật trở lại đây. Chính trước Phật, trên cõi Ấn-độ con người đã vững tâm nhờ nó rồi. Phái-giáo Bà-la-Môn từng dạy rằng linh hồn con người phải đầu thai cả ngàn cả muôn kiếp khác nhau, thấp hoặc cao, khổ hay sướng, ở với nhơn loại, ở với thần tiên, hoặc có khi phải lộn kiếp giữa đám súc sanh và sa vào địa-ngục nữa. Chính là phải theo nấc thang vạn vật, khi xuống khi lên, tùy theo những kiếp trước vậy hoặc ngay và phải lên thang tiến-bộ tùy theo bước của mình. Cứ theo luật Nghiệp-quả, việc làm của mình tạo cái đời mình về sau: mình càng làm quấy, càng làm ác, càng ngã theo tình tội thì mình càng trói buộc linh hồn mình vào thể chất. Trái lại mình càng tinh khiết, càng bớt mê đời, càng chịu khổ hạnh về tôn-giáo thì mình càng rời linh hồn mình ra, mình càng cắt bớt những sợi dây chằng. Muốn cho những kiếp tới được vinh hoa, phú quý, thung dung và sau rốt được giải thoát, ngay ở kiếp này mình phải giữ đạo-ngiã, làm tròn phận sự đối với tôn-giáo và xã-hội, bố thí, tụng niệm, thuộc kinh Huê-dà (Védas), nhất là phải giữ giới-cấm và tham thiền về nguyên tánh và công quả của đức Phạm-thiên (Brahma). Quý hơn hết là làm người: có làm người mình mới tìm được sự giải thoát hoàn toàn. Nhưng ở quê hương của Phật, con người chia ra làm bốn hạng, bốn địa vị, bốn chương phân biệt và xa cách nhau. Bà-la-Môn (Bramanes) nhà đạo, linh mục; Sát-đế-lợi-vương (Kshatriya) nhà vua, nhà tướng; Phệ-trú-thương-cổ (Vaisya) thương gia, trưởng giả; Tuất-dà-la đồ hội (Sudras) nhà nông, nhà công. Trong bốn chương, Bà-la-Môn có đặc quyền hơn hết, có thể nhập

vời cõi Phạm-thiên. Người trong ba chương kia, dầu có phước đức đến đâu cũng phải luân hồi trong chương Bà-la-Môn rồi mới được thoát kiếp lên cõi trên, về với đức Phạm thiên.

Phật giáng sanh, lập thành đạo, cải cách tôn-giáo, lấy lòng đại từ đại bi mà cứu độ muôn loài. Ngài không phân biệt các chương. Ngài trọng cái Nghiệp-quả của mỗi người. Lắm kẻ có duyên lành nhưng phải mang lối hèn hạ để đến tội kiếp trước và nhiều tay vinh sang đời này mà đời sau sau sẽ dè mạt, vì chẳng giữ phận sự và nghĩa vụ mình. Phật đưa hai tay ra taâu anh đồ thùng tiêu, người hạ tiện, thấp hơn hết (1), anh này chứng quả thánh trong mười ngày. Mà Phật quả thái tử Ajataçatrou (A-trừ-thế) bằng một bài học về tíc con sáo với con tôm (2), vì thái-tử sẽ giết cha và sanh giặc, bị vua láng giềng đánh bắt, có khác nào con sáo lường gạt bị thua trí con tôm.

Trong đạo Phật, luân hồi và quả báo choán một phần lớn, là phong-hóa và đạo-nghĩa, khiến cho người ăn ở từ bi và nhứt là bố thí chẳng quản thân. Thường khi ngói thuyết pháp, Phật thuật những kiếp trước, những cuộc luân hồi của Ngài: làm chim, làm thú, làm thần, làm dân; làm quan; làm vua. Chuyện kiếp nào Ngài cũng ở theo sự công chánh, hiền lương, bố thí bằng tiền của, bằng lời hay, bằng vật chất, bằng tinh thần. Ngài khéo tom góp công quả mà Ngài gia giữ chin chắn hơn anh hạ tiện giữ vàng. Bao nhiêu những cuộc luân hồi và đức hạnh gồm thâu đưa Ngài lên quả vị Bồ-tát và tôn Ngài lên ngôi Phật Thế-Tôn.

Lắm lúc Ngài nói rõ những kiếp của tăng-đồ và tin-đồ. Thành Phật chẳng những Ngài hiểu các kiếp của Ngài; Ngài lại thấu các đời trước và sau của kẻ khác nữa. Nhân một thầy tăng nhỏ nhập đạo trong bảy ngày thì thành La-hán (Chuyện Phật đời xưa trương 25 - 28) Phật nhắc rằng thuở xưa thầy ấy là một kẻ chăn bò nhờ cùng sữa cho nhà sư nên mấy kiếp sau được các đấng phúc hậu và được một kiếp làm vua; lại một kiếp khác sanh ra dưới mồ sau khi người mẹ chết, thầy có sữa mẹ mà

(1) Chuyện Phật đời xưa trương 99

2) Truyện Phật Thích-Ca kỳ nhì trương 73

uống là nhờ trước kia đã thí sữa. Phật thuật nhiều tích nhắc hạnh đức của A-nan (Ananda), đệ-tử yêu qui của Ngài, được hầu cận bên Ngài, nhắc quả qui của Xá-lợi-Phất (Xariputra) với Mục-kiền-Liên (Maudgayayana) hai người qui-y Pháp một lượt, nhắc các tội của Đê-bà (Devadatta) trờ ngỗ nghịch sa-xuống địa-ngục A-tì (Avici). Lại có nhiều lúc nói đến vua A-dục (Açoka), Phật phán rằng vua ấy có tiền phúc và nhờ cúng cho Ngài một bụm cát, đời sau vua lập nên 84.000 danh tháp (Chuyện Phật đời xưa trang 95), Ngài có chỉ một chỗ đời sau sẽ thành xứ Hoa-thị (Pataliputra) kinh đô vua A-dục. Và khi dùng bữa cơm cuối cùng tại nhà lão thợ rèn Thuần-đà (Cunda) (1), Phật cho hay rằng có đái bữa cơm ấy, đời sau lão thợ sẽ hưởng phước to. Phật dẫn tích luân hồi tương tận, còn ai chẳng nghe theo mà làm lành, giữ giải đề bước lên các bậc trên đặng hưởng sự sung sướng, nhân lạc đời đời.

Thuyết luân hồi cũng là cái sức khuyên người và làm cho người yên vui mà sống : nói chuyện với lão thợ rèn đái cơm, với hai vợ chồng anh mục đồng có hạnh phúc về vật chất, vui vi thú gia-đình, dê, bò, ruộng, đất, vợ, con, tôi tớ; với vua Bimbasara (Tần-bà-sa-la) cúng cho Ngài cảnh rừng Tre và qui-y Tam-bửu, Phật có phán rằng chẳng những Ngài gặp gỡ mấy người ấy trong đời thành Phật, mà từ mấy đời trước Ngài với họ từng quen biết và bà-con nhau rồi. Một bà kia rầu nỗi con chết, toan quyên-sanh (Triết lý nhà Phật trang 13). Phật đến trước bà, dùng cách khéo mà độ cho bà hiểu rằng không ai là tránh khỏi chết. Phật mới giảng rằng : « từ trước đến nay con bà chết biết bao lần rồi, chớ có phải là chết một lần này thôi đâu. » Nhờ Phật giác tri cho, bà ấy tỉnh hồn, mới biết mọi người phải chịu luật chết sống cho đến khi thành Thánh, thành Phật, chúng ấy mới là bất sanh, bất diệt.

Luân hồi lại là thuyết nhưn từ khiến người vững bụng, vì nhờ nó người ta hiểu cuộc tấn hóa của vạn vật, cuộc xây vắn của vô-trụ, sự cứu cánh (fin) của kiếp đời là cảnh Niết-Bàn. Phật và đệ-tử dạy rằng mọi vật đều có thể thành Phật và đạt Niết-Bàn. Phái Thiên-Đài (Tendai) bên Nhật-

(1) Truyện Phật T. C. kỳ nhì trang 139.



Thường khi ngồi thuyết Pháp, Phật thuật những kiếp trước, những cuộc luân hồi của Ngài. — Đây là một kiếp Ngài làm một vị thái-tử đại-từ đại-bi, ngự chơi thấy chúng làm thịt thú mà đau lòng.

Bồ-sáng lập hồi thế-kỷ thứ tám bởi đại sư Saichō, nhận theo Phật rằng mọi vật đều chung một gốc Phật, một tánh Phật, sẽ thành Phật. Phái này công bố rằng bất kỳ vật gì, người, thú, đá, hoa, trùng, dế đều có một kiếp thành Phật hết. Chính Phật có dạy rằng chúng-sanh hèn mạt đến đâu, tội lỗi bực nào cũng được hưởng quả Phật và Niết-Bàn. Công-bình và cao-thượng thay !

Nhưng đời Phật và ít trăm năm sau là một thời-kỳ Phổ độ, cửa Niết-Bàn mở rộng cho người. Bấy giờ như tài nhiều, nhà đạo đông, đều thoát khỏi luân hồi mà đến ngay Mé lành. Bấy giờ thuyết Niết-Bàn, sự giải cứu, lối giác ngộ hoàn toàn mạnh hơn thuyết luân hồi. Lại huệ-đức của Phật kéo được rất nhiều người lên đến Niết-Bàn. Phật phán rằng cõi tiên có sướng bực gì cũng không bằng một phần mọn của Niết-Bàn, vì tiên phải còn chịu luân hồi.

Ngay như em của Phật, Nan-Đà (Nan-Đà Truyện Phật Thích-Ca trang 100-102) muốn về Trời mà chung hưởng sự sung sướng với một cô tiên, Phật rất khinh-bĩ em và cấm học trò gần em, cho là người tu chẳng dứt bỏ tình lụy, còn đeo theo sắc đẹp dòn bà. Thật ra, hiền luật luân hồi có thể giúp cho người tài đức nhiều lắm: có so sánh luân hồi với Niết-Bàn, người ta dốc chí tránh cái trước mà đạt cái sau, bỏ quách sự sung sướng làm người với sự thỏa thích làm tiên để tìm nơi cực lạc của Phật Thánh.

Và ai đã hiền luật luân hồi, tất nhiên biết đến công cuộc luân hồi. Một nhà sư Cao-Mên có giải như vậy: « Thân người đã chết, tất cả đều rã, dầu cho đức lành, tánh xấu, nghiệp-quả về sau cũng không ở lại được. Những món về thể thì hườn nguyên vật chất, nhưng hườn chậm chạp, lần hồi theo sự tan rã; những món tinh khiết hơn hết như hồn, thần, trí v.. v.. thì đi trước hết, thơ thần làm hồn ma bóng quế một lúc, rồi đến chừng các món thô-kịch đã tan đi hết thì con người lại có hình-thể nữa, bây giờ mới sanh ra hoặc xuống địa-ngục để chịu tội, hoặc lên cảnh thần tiên để hưởng phước, hoặc đầu thai trở lại làm người liền lúc đó. Mà hình như người ta lo cái kiếp tới của mình ở nơi trần thế hơn, lo sao cho chừng ấy họ sẽ được cao sang, thông thả, vinh diệu hơn trước, lo sao cho tránh khỏi các sự nghèo cực,

hoạn nạn, tật nguyên và khỏi mang lốt thú cầm. Việc đầu thai liền lại cõi trần làm người hay làm vật thật ít. Nhưng thỉnh thoảng cũng có xảy ra. Bần tăng có biết một người kia, thông minh, tưởng cho con gái mình kiếp trước là con gái một người bạn của mình. Chính ông ta biết rõ nàng ấy và có thấy nàng khi nàng chết nữa. Lần khi bần tăng cũng có gặp những dịp luân hồi liền trong các tin-đồ Cao-mên.» Nhiều nhà học Đạo nói rằng người ta đầu thai mà không nhớ tiền kiếp của mình bởi hai lẽ : 1°/ con người mất trí nhớ trong khi lọt lòng mẹ, vì lúc ấy đứa trẻ bị ép mạnh quá nên nó mất cái trí nhớ đi. Vậy thì trước khi ra đời, linh hồn của đứa bé vẫn còn trí nhớ, nhưng thường khi nó không có dịp dùng đến nên nó không dùng. Người ta thuật rằng hồi còn nằm trong bụng mẹ, đức Thích-Ca thường thuyết pháp với chư tiên về những tiền kiếp của Ngài. Nhưng đến chừng ra ngoài, Ngài lại mất cái khí ấy đi, mãi đến khi được Khoát nhiên đại ngộ dưới cây Bồ-đề Ngài mới thu lại nó và mở tung nó sáng ra, tức là Ngài nhớ khấn khấn bao nhiêu những kiếp trước của Ngài và của người. (1)

2°/ Cái người sanh ra và sống hiện thời nào phải là người đã qua, các món trong thân đều khác, chỉ còn có linh hồn (Atma) và nghiệp báo mà thôi. Hai cái này tạo thành một người mới với những thể chất mới và một cái mạng vận mới. Linh hồn (Atma) đây là món bất diệt, cái tinh túy, cái cốt yếu của sự sống, nó bỏ cái xác này mà qua cái xác khác cho đến khi hoàn toàn trong sạch thì nó tịch Niết-Bàn. Còn Nghiệp-báo là cái kết quả những việc làm đời trước, nó hiệp với linh hồn mà luân chuyển mãi cho đến chừng linh hồn nhập Niết-Bàn thì nó mới tuyệt.

3. — Quả báo (Nghiệp)

Ai chưa hiểu Luật này thật khó mà yên tâm với những cuộc thành bại trong vận vật, với những sự nên hư, may rủi, họa phúc xảy đến cho mình. Nghiệp, Quả báo, tiếng phạn Karma, tiếng ba-lợi Kamma, là cái Luật, cái sức, cái kết liễu những việc làm lúc trước hoặc đời trước của mình : mình đã làm phải, làm lành, ăn-ở công chánh thì mình sẽ được cái quả tốt nó nâng mình lên phẩm vị cao quý ; còn

(1) Khoản này ai chưa tin, chưa hiểu chớ vội chê đùa.

mình đã làm quấy, làm ác, ở gian thì cái quả xấu nó dày mình xuống những cảnh bần cùng, khổ nhục, đau đớn, xấu xa. Do những việc trước, mỗi người đều có Nghiệp riêng quản trị đời mình công bình lắm. Do những việc trước, mỗi xứ, mỗi nước, mỗi cõi, mỗi trái cầu cũng có cái Nghiệp chung nó đùm bọc, sửa định một cách khéo léo cần mật. Ảnh-hưởng cái Nghiệp làm cho có người yên trí, có kẻ khổ tâm, có người thông dong, có kẻ nhọc nhằn, có nơi thanh tịnh, có chỗ xao động, có nơi phong phú, có chỗ ngặt nghèo.

Người Âu-châu nhiễm với đạo Gia-tô, không hiểu luật Nghiệp quả, bèn cho là cuộc định đặt của đức Chúa Trời. Cái lý này không phải là sai, nhưng cạn, không đủ sức an-ủy tâm trí kẻ thống khổ; nó không thể giác hồn kẻ chán đời, không thể ban sự khoái-lạc cho kẻ biền lạnh, không làm khiếp sợ những đấng tội hơn, những phường giả trá. Trái lại, Nghiệp quả là một nền đạo đức có thể giải phá mối lòng kẻ bức tức với đời, hờn tủi duyên phận, hồ vi thân thế; nó có thể đáp xuôi với lời than tiếng khóc, với lối giận hờn của bậc hạ-nhơn mà nó khuyên dạy rất dễ dàng.

Ở bên Âu-châu muốn thoát phiền nạn khổ của mình, người ta ngoài đầu hỏi các sư đạo Gia-tô rằng: « Cũng đều là người sao những kẻ kia thì giàu có, vinh vang, ăn gì chẳng có, muốn gì chẳng được, còn chúng tôi đây nghèo quá, nguy quá, lẫn lóc quá mà chẳng có gì? » Không trả lời ngay theo câu hỏi, các sư đành nói nhỏ nhỏ rằng: « Các anh có thương Chúa thì các anh ráng chịu khổ vì Chúa và nguyện ước với lòng từ bi của Chúa, rồi các anh sẽ đến Thiên-đường, chừng đó các anh sẽ sung sướng, có muợn gì! »

Ở Á-châu, sư đạo Bà-la-môn, đạo Lão và nhất là đạo Phật phân nghe rõ rệt, trụng lý, gọn gàng, mà đích xác, giải thì ít mà không ai cãi nổi « *Tội nghiệp thay! Các anh đáng với tình cảnh ấy rồi; chính việc làm đời trước của các anh kết thành cái quả đời này, không ai tránh khỏi sự báo ứng về việc xấu của mình. Mình đáng với những cái thiện, cái ác mà mình đã gieo.* »

« Chúa đã muốn như vậy, Chúa đã làm như vậy; Chúa dắt mình đi đâu mình đi đó, đặt mình đâu mình ngồi đó, chớ mình làm sao mà biết được. » Những lời ấy thật không có vững, không giải rõ, là lời tụng tụng. Con người bị khổ đành cúi đầu mà nhận lấy nó rồi tụng niệm, đem các sự nguyện ước mình mà dâng lên đức Chúa-Trời ! (1)

Đạo Phật và đạo Bà-la-môn không có cái sở định gặt hẹp đó ; mạng số của hai tôn-giáo này bao quát một cái trí ý vững vàng về đạo đức và xã hội, vì nó khuyến khích người ta ăn-ở khác hơn : « Tôi chịu cái kết quả việc làm của tôi, tự tôi gây khổ lấy tôi ; kiếp trước tôi lỗi lầm, phạm tội, kiếp này tôi đền trả, tôi không than phiền vì xã hội, tôi không trách móc với ai, tình cảnh hiện thời của tôi là cái quả báo của tôi. Vậy muốn được khá kiếp sau thì kiếp này tôi quyết bỏ ác mà theo lành để lập nên công đức. »

Một nhà sư tiền thừa có luận rằng : « Người này làm quan vì đời trước nó đáng làm quan rồi. Nhưng trong khi làm quan, nó không niệm tâm, không đạo nghĩa, không công bình, không bố thí, không hành lễ, không treo gương hiền đức cho nhơn dân, vậy nó hưởng hết cái phước làm quan đã góp đời trước và nó không thâu trữ thêm để đời sau. Nó sẽ sanh ra làm dân-giả, nghèo khổ, và những viên quan rồi đây cai trị nó sẽ kém tài sức hơn nó hồi đó, nó chịu họ làm khổ bởi những sự khổ nó đã làm cho kẻ khác trước kia. Như vậy là Nghiệp quả đó. »

Trong một cuộc thuyết pháp, Phật có giảng rằng : « Số mạng mỗi người là cái kết quả những tiền kiếp của mình: trước đã là vậy nay phải rầu lo, đau đớn, trước đã ở thẳng, nay được yên vui mọi sự. Mình gặt cái mình đã gieo. Kia đám đất đó! bây giờ là mè vì trước là mè, bây giờ là lúa vì trước là lúa. Mạng người cũng thế. Người ta gặt mè hay lúa bao nhiêu là bởi kiếp trước người ta đã gieo bấy nhiêu. Người ta gặt cỏ xấu, cỏ độc bao nhiêu là bởi kiếp trước người ta đã gieo bấy nhiêu; chính cỏ đó làm cho vira người, vira đất đều đau khổ. Giả như mình lam giỏi, nhổ hết cỏ và gieo lại vật tốt thì đất trở nên thanh, đáng và lành, mùa màng phát đạt. Một người đã hiểu sự khổ ở đâu kéo đến, bèn bèn gan mà chịu lấy, rán sức trả

(1) Lấy theo công lý mà biên ra, chớ tôi không có lòng kích bát chi hết.

các món nợ cũ gây bởi tội xưa, vừa trân trọng Bác-ái và Chơn-lý. Nó trực cái giả trá và lối duy kỷ ra khỏi máu mạch mà không làm tổn hại ai, nó chịu khổ về mọi nỗi một cách hiền hậu, lấy ơn mà đáp oán, tha thứ cho những kẻ ác tâm. Mỗi ngày nó thêm nho nhã, trong sạch, công bình, dễ thương và chơn thật hơn trước; nó bỏ sự ham muốn với gốc rễ đầy máu cho đến khi không còn luyến ái với đời. Làm như vậy, khi chết nó khởi xướng một kiếp đời mới là cái công thân góp của nó, các cuộc hoạn nạn đau khổ đều tiêu mất và đã đáp đền. Bây giờ số chỉ tồn là cái lành từ trước hoặc mới đây; cái lành này làm cho nó hưởng quả ngon. Mọi người như thế không cần bo bo giữ cái mà ta gọi là cái mạng sống nữa, cuộc đời phát khởi từ trước, bây giờ dứt rồi; người ấy đã xử tròn số mạng làm người. Nó không còn bị bối rối, tình tội không còn làm cho nó dơ bẩn, vui buồn xen lộn trong cái khổ không phá sự an lạc vĩnh viễn của nó nữa, những cuộc sanh tử không còn đảo đi đảo lại với nó. Nó nhập Niết-Bàn!

Cũng như đức Thích-Ca với tín-đồ dạy Nhơn-sanh bằng cái Nghiệp, đức Lão-Tử với học-trò bằng dùng cái Mạng mà khuyên đời. Đạo Lão cũng cho rằng mỗi người đều có Mạng và vạn vật đều có Mạng, tùy theo cái Mạng mà ở đời: sống già, chết trẻ, giàu có, nghèo hèn, khỏe tri, khổ tâm, thông dong, cực nhọc. Hiểu Mạng, chẳng những mình bớt lần cái mạng xấu, mình lại tạo thành cái mạng tốt về sau nữa. Một hôm Tử-Dur đến thăm Tử-Tang, đi gần tới cửa thì nghe Tử-Tang vừa đờn vừa ca rằng: « Cha ôi! Mẹ ôi! Trời ôi! Nhơn loại ôi!... » Tử-Dur vào nhà vừa lúc Tử-Tang buông đờn nằm xuôi cò, vi dơi lăm, đã không ăn nhiều ngày. Tử-Dur hỏi: « Anh ca bài gì đó? » — Tử-Tang đáp: « Tôi vừa nghĩ đến những cái duyên cơ làm cho tôi phải nghèo đói đến đời. Thật không phải tại cha mẹ tôi, cũng không phải tại trời đất bao bọc và nuôi-nấng vạn vật. Ấy là cái Mạng tôi vậy. »

Trong kinh Phật, biết bao những câu chỉ rằng cái Mạng, cái Nghiệp là gây bởi mình và đã gây Nghiệp thì không thể thoát khỏi ảnh hưởng của nó: khi cái Nghiệp vừa muối, cái

quả vừa chịu, kẻ tội nhưn chạy đường nào cũng không khỏi. « *Những việc ác mà người đã phạm không phải tại cha người, không phải tại mẹ người, không phải tại thầy chủ người. Chính một mình người đã phạm và một mình người phải chịu quả.* » Kinh Dévadata-Sutta nói như vậy là buộc những kẻ toan chối, tránh, đổ lỗi cho người, bảo rằng họ quên dục và xúi giục mình. Kinh Pháp-cú (Damma-pada) dạy rằng : « *Dẫu người chạy lên trời cao, ẩn dưới biển sâu, trốn trong núi thẳm, không có nơi nào mà người tránh khỏi cái quả ghê gớm về tội ác của người.* »

Cũng có lắm câu kinh ca tụng kẻ ở phải, khen họ được tự do mà hưởng quả lành. Kẻ làm phước đi đến đâu cũng gặp phước, thấy cái phước theo sau mình, đi trước mình, chực rước mình : « *Cha mẹ và bạn bạn, thấy mình đi xa về được khỏe mạnh thì mừng, vui và khen mình. Người chánh trực cũng thế, khi từ cõi này mà đến cõi kia, được những việc phước thiện của mình đón rước như cha mẹ bạn bè.* »

Người phương Đông ta, thâm nhiễm lý Nghiệp quả nhà Phật, rất dè dặt lấy mình : từ việc làm, lời nói cho đến lý tưởng, ta giữ chính chắn lắm. Vì ta cho rằng cái Nghiệp phát khởi, xấu hay tốt, đều do nơi ba cái cơ này : thân, khẩu, ý.

Thân là vật sai khiến của ta, chính ta phải dùng nó mà làm, phải hay quấy, cho nên nó mới tạo cái Nghiệp nhiều hơn hết. Cái thân là tên đầy tớ rất giỏi của ta, nó tuân theo ta mà làm những việc ta đương mong mỏi, ham mộ, nó lại còn biết đoán trước cái sở thích của ta. Có nhiều khi nó sốt sắng mà làm ngay trước khi ta sai đến nó. Đành rằng đương thời ta không muốn làm, ta không muốn phạm, ngại trước kia và mấy đời đã qua ta đã từng phạm, ta đã có cái tánh thiên-bẩm rồi, nên cái thân ta nó biết rúng động với cái thiên-tánh đó, rúng động một cách nhạy vô cùng cho đến ta không hay, ta không kèm nó được. Vậy nên cái quen tánh về chỗ quấy, chỗ ác là một cái rất hại cho ta, rất mật thiết với cái thân ta, nó là một cái nghiệp mà ta khó thắng lắm.

Việc làm của ta có ảnh hưởng với người chung-quanh ta và đồng loại ta, ta có thể làm vui sướng họ, ta cũng làm

hại họ được nữa. Và bởi cái duyên nghiệp ở sự làm của ta như vậy từ trước cho nên ta mới sanh ra ở cõi thế đặng đền trả những ơn nghĩa, công nợ và đặng cho kẻ khác xử đáp lại với ta nếu họ thiếu ta. Giả như ta đã từng ra công, giúp của, làm lợi cho người, cái Nghiệp ấy nó trở lại cho ta bằng mấy dịp may khiến cho ta được yên ổn về vật chất. Mà nếu ta từng làm khổ, làm hại, làm nguy cho người, thì cái nghiệp ấy nó đưa lại cho ta mấy việc rủi, hao tài tổn của hoặc mang tật bệnh. Ta phải rán kèm cho khéo cái thân, đừng cho nó phạm ba tội mà đạo Phật rất nghiêm cấm : *sát sanh, trộm đạo, tà dâm*. Bao nhiêu những việc khác đều ăn với ba cái tội, ba cái nghiệp đó hết.

Trong khi ta giữ kĩ tam nghiệp của cái thân, ta phải cẩn thận về cái miệng (ngữ) nó phạm tới bốn nghiệp lạt : *Vọng ngữ, ý ngữ (ché, nói hiếp), lưỡng thiệt (hai lưỡi, đâm thọc) và ác khẩu*. Đức Phật dạy nên giữ cửa miệng như cửa đền một ông Vua cả, phải nói cho thành thật và có lễ nghi như có đức Vua ngự trước mình. Độc-giả có lẽ hiểu rằng về đời quân chủ chuyên-chế cái quyền của nhà vua là to lớn thế nào !

Cẩn thận về lời nói là một cái đức rất quý. Những ai muốn làm nên sự nghiệp, những ai muốn có địa vị trên trước trong thiên-hạ, những ai muốn được mọi người kính phục, đều phải bảo tồn cái đức ấy hết. Đức Khổng-tử có dạy rằng : Phải lúc nói mà không nói, có khi lại mất một người. Chẳng phải lúc nói mà nói, thì lời nói vô ích. Kẻ tri không để mất một người, cũng không để mất một lời nói.

Cái nghiệp ở thân cũng đi với cái nghiệp ở khẩu. Nhiều khi lời nói là nguyên nhân, căn cội của cái nghiệp bằng thân. Người ta nói chơi, nói diễu về tình dục nào đó, nói cho khuấy lãng, nói mà bỏ qua, nói cho có chuyện mà nói. Nhưng người ta có dè dặt lời nói ấy xâm nhập vào trí của kẻ khác và dính khấn ở đó rồi thành ra một cái hình dạng, một cái sức lực độc kẻ ấy làm xằng. Vậy mình phải trân trọng lời nói, phải thốt ra những tiếng có ơn hậu, êm ái, phải thế, và năng khuyên những kẻ

nói càng, dựng tạo nên một cái ảnh hưởng tốt lành chung quanh mình. Những trang khôn ngoan, hiền đức phần đông đều tho cái giáo-dục ở gia-đình, những lời huấn nhã, nghiêm nghị của cha-mẹ ông-bà.

Mạnh hơn hai cái nghiệp bằng thân và bằng khẩu, cái nghiệp bằng ý là đại khái hơn, trọng hệ hơn, lợi hại hơn gấp mấy lần. Người ta hiệp ba cái nghiệp bằng thân, bốn cái nghiệp bằng khẩu, với ba cái nghiệp bằng ý là *tham, sân, si* mà làm thành mười cái *dữ* gọi là *Thập Ác* — Ai tránh được mười cái ấy mà làm nghịch lại thì chúng-nó hóa thành mười cái lành gọi là *Thập Thiện*.

Ý nghiệp là tư tưởng, lòng dạ, các sự muốn của ta. Nó thuộc về phần tâm, phần trí. Thường thường ta không thấy nó bằng con mắt thịt, chớ nó mạnh vô ngần. Chính nó lập thành các sự vật, chính nó làm mọi việc. Tuy ai cũng làm phải, làm quấy bằng thân thể tay chơn chớ thật cái ý là chủ động, đứng trước trong ba thứ nghiệp, nó là đầu dây mối nhợ của các cuộc hành vi. Thân và khẩu chỉ là bọn phụ lực của nó mà thôi! Cũng như trong lăm việc long trọng ở đời, cũng như trong những cuộc chiến tranh to tát, mấy anh chường mặt, xuất thân là bọn tá sự, mà mấy cậu ngồi trong buồng giấy, trong thơ viện, với ít con số toán, với ít bức họa đồ, mấy cậu đó mới thật là lợi hại nhất, chúng-nó nắm lấy vận mạng của cả đoàn: cái ý, cái trí cũng như thế.

Cái ý của ta điệu dàng mà hùng dũng, mềm mỏng mà oai cường, nó có thể sai khiến cái thân ta bây giờ, mà nó cũng chịu nằm êm ở trong trí ta rất lâu; có khi đến vài ba chục năm sau, một hai đời tới nó phát hành cũng không chừng. Miễn là ta dung nó, không phản kháng nó thì liền đó nó thành ra cái nghiệp, hễ có dịp là nó làm, nó báo.

Tư tưởng, lý lẽ, ý muốn của ta có hình dạng ở trong trí ta, và cái hình ấy thường hiện ra ngoài, nó nhập vào trí não của người khác, nó đi tìm những cái trí tương ứng với nó. Lắm khi ta muốn một việc gì, người ở gần ta cũng muốn việc đó, như vậy chẳng phải cái ý bên người này nhập qua người kia sao? Như trong việc ái-tình, nếu ta đem lòng thương ai, thì cái ý của ta vợ vưng theo người ấy, nó bay chung quanh người ấy, nó nhập vào người ấy, nó rung

động với cái tri người ấy, rồi người ấy bắt nhớ ta, bắt yêu ta. Lại như ta để ý cho ai là sát sanh, nếu về sau kẻ đó sát sanh tức là ta mang tội vậy. Tôi có thấy một anh thầy kia đoán vận mạng, anh ta đưa cây đèn cầy cháy trước mắt, nơi trán, anh ta che tay phía trước cây đèn rồi dòm vào bóng; một lát anh ta nói rất đúng, giả như nói rằng kẻ nào đó háo sắc, du côn, hay giận; anh ta cũng thấy luôn những tượng ảnh về sự may rủi hiện-tại và vị-lai nữa. Mấy vị có huệ nhãn coi biết tâm ý của người ta. Nhứt là ở âm-cảnh và ở cõi thần tiên, sự muốn lộ ra rất rõ ràng bằng hình dạng; nơi ấy không ai giấu giếm cái sở ý của mình được. Kẻ học Đạo phải thống trị và trừ tuyệt những cái ý xấu của mình, chính là đoạn cái nghiệp ác và dưỡng lấy những ý tốt lành, đặng có nâng đỡ mình lên quả vị cao.

Trong các ý muốn tung theo ba nghiệp tham, sân (giận), si (ngu), cái tham là ghê hơn hết. Trong cái tham, có cái ham tiền tài là mạnh lắm, nhưng còn cái ham sắc-dục là dữ hơn nữa. Bốn cái tội lớn làm tiêu hết tịnh hạnh nhà sư, làm cho kẻ ti-kheo bị trục xuất, khiến họ lộn lại cuộc luân-hồi, đày họ ra ngoài cảnh khổ ở thế; bốn cái đại giới sát sanh, trộm đạo, tà dâm, vọng ngữ, đều phát ra bởi tham tài và tham sắc. Phật vì thương tín-đồ mà lo trước; Ngài dặn kẻ Thích-tử không bao giờ nên ngửa tay mà lãnh tiền bay mượn kẻ khác lãnh giùm mình. Ngài cũng dặn ti-kheo không nên dòm qua người đờn-bà : « Không nên thấy họ. Có thấy họ, không nên nói với họ. Có nói với họ, phải giữ kỉ lưỡng cẩn thận cho lắm. » (1)

Trong các điều khó giữ hơn hết là cái sắc-dục. Thắng nó nổi thì bao nhiêu những cái ác khác đều là dễ; vì tất cả đều do nơi nó hết. Một người háo sắc sợ gì mà không bại người giết vật, không ăn trộm, không loạn dâm, không nói sai, nói thêm bớt, nói hiếp, nói hai lưỡi, nói hăm he; sợ gì mà không tham, không giận, không mê sa! Trái lại một người mà diệt được cái dâm thì có khó gì mà chẳng diệt nổi Thập-ác mà hành Thập-thiện?

Có lẽ nhờ thống trị cái tâm-dục, nhờ một đêm giữ nghĩa với hai chị dâu trong cảnh trường khoản vắng, mà đực Quan-Công dể lướt đến quả thứ ba, thành thánh và qua cảnh Phật.

(1) Lịch sử nhà Phật trang 11.



Nghiệp quả là một phần đại khái trong đạo Phật. Đức Thích-Ca mà được lên tới bậc Phật Thế-Tôn, được muôn đời tôn trọng, là nhờ nghiệp quả đã tom góp trong biết bao đời. Hình đây là lúc Ngài còn làm Bồ-Tát, một vị thái-lữ, hằng bố đức cho chúng-sanh. Ngài đương thí cho dân nghèo.

Con người mà tướng đẹp hay thô, lành lẽ hay tật nguyên, thấy phát thương hay phát ghét, thấy muốn gần hay muốn xa ; con người mà sanh ra chỗ dã-man hay nơi văn-vật, nhà phúc hậu hay bực hạ tiện, đều do nơi cái nghiệp của mình tốt hay xấu, nhất là cái nghiệp về ý. Cái này vẽ thành hình tượng, nó sắp xứ sở và gia đạo nơi ấy mình phải đầu thai. Ta thử xem chung quanh ta, đứa ác thì bộ dữ, người hiền thì mặt đều, kẻ tốt thì thô bỉ, người tri thì tinh-anh. Hát bội họ có cái mỹ ý vẽ những biểu hiệu của kếp và đảo. Bá tánh cứ xem mặt trên sân khấu thì biết ai trung, ai nịnh, ai ngay, ai gian, ai vua chánh, ai tặc thần. Ở đời cũng thế, cũng có thể xem mặt mà biết người, vì cái lòng, cái ý vẽ trên sắc tướng những tánh nết của mình. Nhơn-tài có khi cũng xấu tướng là vì họ bị một cái nghiệp ác nào đó ; kẻ thường nhơn được lành mạnh, phương phi là nhờ trừ một ít đức lành. Thường thường cái tướng ta có thể cải hóa ngay trong đời hiện tại của ta. Vậy ta khá ăn ở cho công chánh, cư xử cho thành thật, lo tính cho phân minh, thuần thực ; ta khéo tu chỉnh tánh ý thì những cái khi sắc hung ác trên mặt ta sẽ tiêu lặn, người của ta sẽ trở nên đẹp đẽ, oai nghi. Đức Thích-Ca là một người mà sự hành động và ý tứ đều hoàn toàn cho nên cái Nghiệp lành vẽ cho Ngài một gương mặt và một bộ tướng hoàn toàn.

Trong lăm việc làm, sự tội phước nặng nhẹ không thể đoán bằng cái thân, bằng sự thấy trước mắt, mà phải đoán bằng cái ý, cái lý tức là bằng cái cơ (motif) vậy. Kẻ làm việc nghĩa mà cái dụng tâm là cớ động cho sự buôn bán của mình, cái cơ là một cách rao hàng thì cái đức lành rất kém. Người làm phước để cầu cho hết bệnh, cho tai qua nạn khỏi, cũng không được nghiệp hay. Cái thân làm phải mà cái ý chủ về việc tư lợi, ích kỷ, như vậy chỉ có tiếng chút ít mà thôi. Trái lại, làm ác mà ít tội cũng bởi cái duyên cớ : thế thường kẻ sát nhơn vì ái-tình không có tội trước mặt pháp luật, hoặc là chịu tội nhẹ. Giết một người cứu muôn người là một cái phước khá lớn, kẻ ấy có thể trả quả nhỏ mà hưởng quả to. Các sư ở Tây-Tạng biết dụng lý cơ cho nên có khi các ngài tam lấy cung thương mà bảo tồn quyền lợi chung cho đất nước, cho số đông người. Các sư Nhứt-bồn cũng thế đó.

Cái có trọng hệ hơn việc làm nhiều lắm, nghĩa là cái ý-nghiệp đại khái hơn cái thân-nghiệp. Vậy trong những khi đứng trước nhiều phận sự khó tính, cái này trái với cái kia, cái kia nghịch với cái nọ, ta cứ bình tĩnh mà chọn lấy cái nào cho hợp và phải lẽ hơn hết mà thi hành dần đi. Dầu có gây nghiệp này ta có nghiệp khác bù sót chỗ che cho.

Người Á-châu ít ưa sự phiền phức, không moi móc trong trí để tìm những cơ lắt léo và làm những việc khuấy lấp, bí mật, cho nên nạn khổ ít đập dồn và không rối nhau như ở Âu-Mỹ. Ở mấy nước ấy, trong cuộc sanh hoạt, người ta tranh trí dữ tợn lắm, người ta lấn nhau bằng những cách xảo lắm, người ta dùng đủ kế sâu hiểm; mà luật chánh-phủ không có thể nào can thiệp vào và trừng trị đặng. Họ làm cho cái nghiệp càng tăng, càng gắt, càng trói, càng hại họ một cách kín đáo, rối rắm lắm. Nếu họ tưởng đến lý Nghiệp-quả nhà Phật thì đỡ cho họ biết báo, họ sẽ cải ác lần lần. Nhưng than ôi, con quỷ rất mạnh: sự ham mê vật-chất rất lớn, lòng tham tài, tham sắc, tham nhục dục rất cao, họ dễ gi mà vui lấp, mà tiêu diệt những lý cơ độc hiểm! Cái sống của họ khác với cái sống của ta cả trăm cả ngàn lần. Lắm cơ-sở trưng ra cái mặt đề đạm, chính đáng theo phép luật, mà bề trong họ tha hồ bộc lộ! Lắm cái nhà mát, nhà tiệc chỉ là chỗ chứa bạc mà thôi! Lắm nơi xưng giỏi về cách chọn vợ gả chồng, nhưng than ôi! chúng là bọn bán thịt buôn người! Lắm nhà ngân-hàng, lắm hãng bạc, hãng bảo-kê, là phường cướp tồ!

Cho đến trong sự giao-tế, các nước ấy, các chánh-phủ ấy cũng chỉ dùng những cơ mật yếu, giả trá mà thôi! Họ những lừa đảo nhau, họ bảo nhau là liên-ban, mà họ rất thù-nghịch nhau vậy!

Cái nghiệp ác tăng lên cực điểm, làm gì chẳng có những nạn long trời vỡ đất, những cuộc chết chum, những cảnh tang thương đủ lối từ cá-nhơn cho đến xã-hội? Nghĩ mà thương, mà sợ cho cái lòng mê, lòng tham của họ!

Trong các kinh Phật và các cuộc thuyết pháp của Phật, Nghiệp báo với luân hồi choán một phần lớn, mỗi khúc, mỗi đoạn đều có. Cái đạo cứu nhơn độ thế mà không có

nó thì không ảnh-hưởng mạnh khuyên người làm lành, không còn đức tin lớn đối với phần số về sau, không còn sức khiến người bố thí, cúng dường, không còn sự vui mà xả thân cho tất cả chúng-sanh đề lên quả Bồ-tát, không còn khoái-lạc mà chịu khổ-hạnh và học đạo tham thiền để thành tiên thánh, không còn sợ mà tránh ác để khỏi nơi địa-ngục và chịu kiếp súc-sanh.

Ở phương Đông người ta tin theo luật Nghiệp quả dữ lắm. Ảnh-hưởng nó thâm nhập vào tâm hồn rất khấn chặt, khấn chặt cho đến mỗi phút ta đều thấy ảnh-hưởng ấy phát hiện ra trên gương mặt, ngoài đầu môi. Lắm người bị chúng gạt, có thể lôi chúng tới tòa, bỏ chúng vào khám, nhưng họ đành thôi, và nói buồn bã rằng : « Biết đâu kiếp trước tôi gạt nó, tôi thiếu nó, nên kiếp này tôi đền, trả cho nó. Tôi trừng trị nó thì được rồi, nhưng cái quả của tôi chưa tan, e kiếp tới tôi còn phải trả, chi bằng trả ngay kiếp này ! » Nhiều kẻ nguy khốn về hình thể, lỗi thói về thân phận, lỡ dở về công danh, duyên nợ, bèn không trách trời đất, cha mẹ, đành than rằng : « Có lẽ đời trước tôi hung ác, hại người, phá chúng, ý thế, nên đời này tôi phải chịu khổ mà đền bù. »

Lại cũng có kẻ hiểu rằng cái Nghiệp chẳng những thưởng phạt về đời tới, mà ở đời hiện tại nó cũng thi hành được nữa: một người làm quan biết nhờ lúc nhỏ mình siêng học ; một người tàn tật tưởng mình khi trai tráng có mưu sự hại người, giành giật của chúng, hoặc rửa hờn, gỡ nhục, trả thù ; một người ngồi khám hiểu cho rằng mình đền tội mình, mình trả quả vì mình đã giết kẻ khác, bằng cứ rõ ràng để cho tòa án xử phân một cách minh chánh. Biết, tưởng và hiểu như vậy thường thường chưa chắc là trúng, nhưng khiến kẻ làm phải được khoái mà làm phải thêm, kẻ làm sai phải tổn mà sửa mình.

Thỉnh thoảng có ít đứa bất tin, bạo ngược, la rằng chúng nó lấy làm tức mà thấy người hiền phải mang họa và kẻ dữ được sung sướng trên đời. Một nhà sư nói : « Mấy đứa ấy là phường ngu dốt, quân ác khẩu, bọn tự cao vi trí, lủ xác xược bạo gan ngỡ rằng có thể thấy tất cả bằng con mắt, hiểu tất cả bằng cái trí và độ trúng tất cả bằng lời nói của chúng-nó. Ngoài ra đức La-hán, La-hán rất ít, không ai biết chắc quả nào về việc này, quả này về việc nào, việc lâu đời ai

cũng quên, kẻ phạm cũng không nhớ vì nó làm từ mấy kiếp đã qua. Không phải mọi người đều thấu luật Nhơn quả, riêng có bậc La-hán sắp lên mà thôi. Kẻ dữ được sung sướng đời này vì đời trước nó đã làm lành, nhưng đến đời sau nó sẽ đền tội, bởi vì nó hưởng hết quả chớ nó chẳng thấu vô. Có khi kẻ ác bị trừng trị ở địa-ngục hoặc lộn kiếp súc-sanh, chừng đó trở lại làm người nó không còn mắc tội bao nhiêu. Ấy mấy đứa bất tín, tự phụ, hồn ầu, xác xược không thấy bằng con mắt, không biết bằng cái lòng, không hiểu bằng cái trí vô minh của chúng-nó, chúng-nó lại lấy làm thỏa thích mà biết rằng sớm mai mặt trời mọc hướng Đông, chiều nó lặn hướng Tây. »

Như lời Phật dạy, con người dẫu phạm tội lớn bậc nào, bị phạt ở địa-ngục nặng cách gì, sanh ra làm người vất vả thế mấy, khổ sở cách nào, cũng có thể làm việc lành, lập công đức, không ngã về linh tội, cố sức theo việc phải, kiếp tới sẽ hưởng địa vị khá cao. Thuở trước có một người hà tiện tên Kanta, con của một bà lão như từ. Kanta không cho mẹ bố thí, nó nhốt bà dưới hầm cho đến khi bà thác. Nó sa xuống địa-ngục, rồi sanh lại làm người bà-la-môn; nó phạm tội nữa, bị đọa ở địa-ngục nữa, nó lại sanh làm nhà sư khất thực, kể đến đời Phật nó luân hồi làm người bà-la-môn tên Kracika. Vì Nghiệp bà tiện trước, nó chịu đói cả đời, tuy chừa quả La-hán chớ nó cũng còn thiếu hụt về món ăn: mãi đến khi chết nó còn chịu đói và mới trả dứt tội mà nhập Niết-Bàn. Với con người đại chí, không có việc gì mà họ làm chẳng xuê, không có núi non sông biển nào mà họ lướt chẳng qua. Đành rằng chịu khổ mà đền tội, nhưng họ không phải là người chìm mãi trong vòng độc ác và họ không mắc tội báo mãi đâu. Trong khi trả quả, họ có thể trở lại đường ngay, nhưng có một điều đáng thương là họ tiến bước chậm hơn kẻ ít lỗi lầm. Dầu cho không còn phạm tội, họ khó mà tinh tấn mau lẹ, vì đã trượt chơn theo lối ác họ dễ mà trượt luôn. Sự ác cảm dễ dễ lắm, nó giục làm ác thêm, nó khiến thối lui, nó bắt đi chậm bước, nó làm cho giác quan lộn xộn, thần trí bất yên. Kẻ đã phạm tội phải nhọc nhằn cố sức lắm mới hầu theo kịp người ngay, vì người này vẫn thanh thoi, đi thông thả, khoan hòa, mỗi kiếp

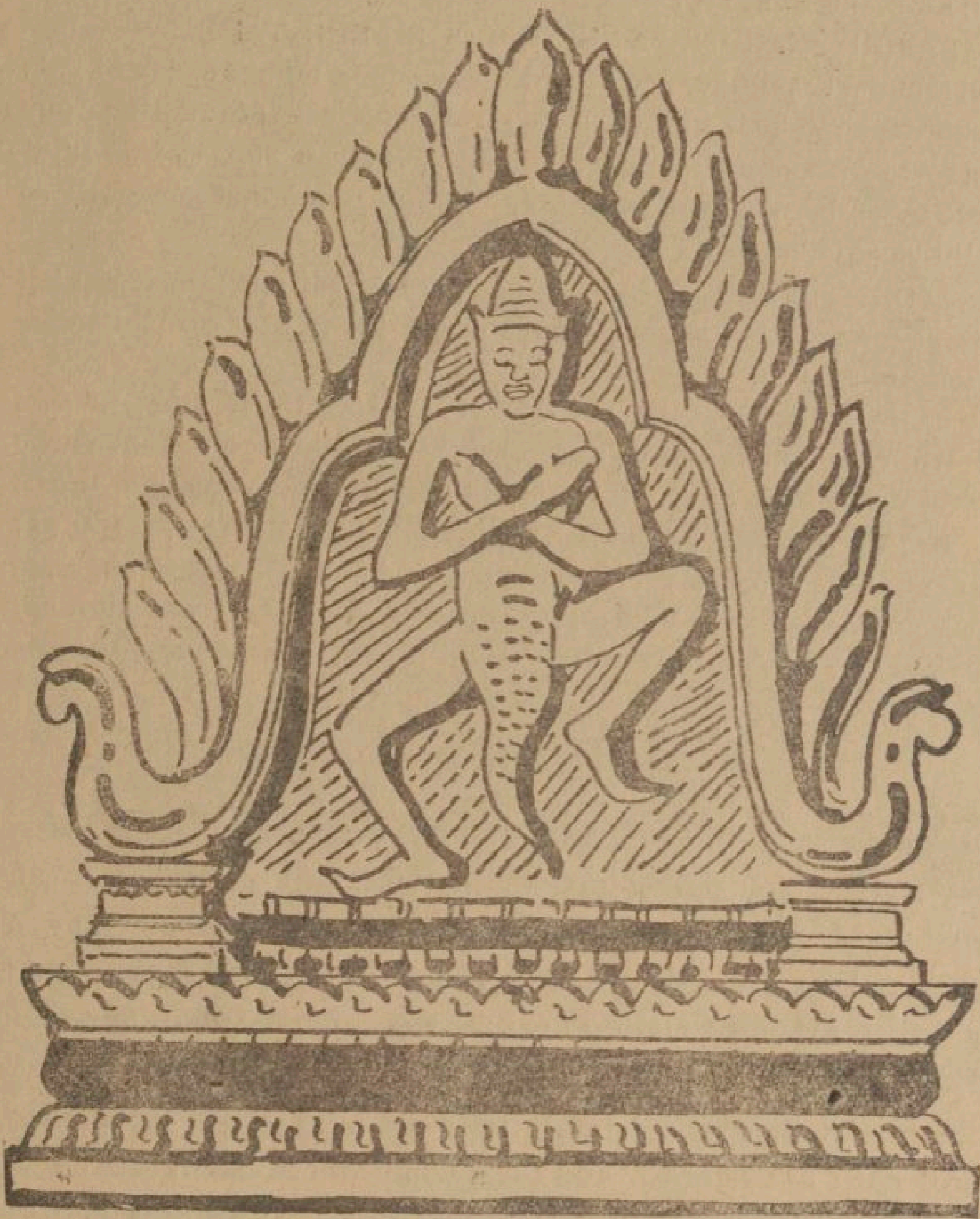
tóm thâu nhiều công đức mà ít xài ra. Nhưng trong trần có ai là chẳng lỗi lầm? Cho đến Phật trước kia Ngài cũng phạm tội, cũng chịu khổ và cũng sanh ra trong hạng thấp thường. Không ai dám tự xưng là trong sạch; khoe mình cũng là phạm tội rồi! Kẻ hèn mạt mà ở có hơn, biết đâu nó chẳng đầu thai làm một nhà vua; một nhà vua cường thịnh chưa chắc giữ mãi ngôi vàng, cũng có thể bị cái Nghiệp đày xuống làm người hạ tiện.

Trong khi góp được nhiều công đức, mình độ lấy mình đã đành, mình cũng độ cho người và vớt cho người được nữa. Các hạng trí thức đều công nhận cái lý này. Các nhà sư đều cho rằng làm con có đức có thể giúp cho cha-mẹ ông-bà bớt đau đớn ở địa-ngục, nếu họ chưa đi đầu thai. Chính Phật có đem lý ấy mà tuyên bố với học-trò nhân khi đức Mục-Liên dốc lòng cứu mẹ khỏi chốn trừng trị dưới Âm-ty. Tăng-đồ thường nói rằng con người qui-y Phật và được công đức có thể làm giảm tội cho cha-mẹ với bà-con hiện-tại và đã qua đời. Bởi sự từ thiện của mình, bởi lòng hơn đức của mình, mình dễ mà độ cho hồn người thác bớt khổ và mạng kẻ sống bớt nguy. Lắm khi trong gia đình mình có kẻ chưa lành, gần mình, chịu ảnh-hưởng mình, lần lần họ cảm mà hóa ra lành và họ hưởng được nghiệp tốt là nhờ mình. Nhiều lúc các nhà sư hòa cái tâm thiện phước với câu kinh huyền bí mà làm nên Sức linh, có thể đánh tan những vòng lửa đương đốt kẻ mạng vong, có thể làm tỉnh ngộ những hồn đương mê muội.

Trái lại, cha mẹ có thể thọ Nghiệp xấu, chịu tội vì con hư. Tức là những kẻ làm cha mẹ bất nghiêm, không giáo hóa con, không khiến con theo người hiền. Đành rằng đứa con gốc có Nghiệp ác nên nó theo ác, nhưng sự thất giáo kia rất dễ mà làm cho cái Nghiệp phải xấu thêm. Chớ chi cha-mẹ khéo dạy, dầu cho không cải trọn cái Nghiệp chớ cũng giảm được một ít phần hư. Nếu cha mẹ là kẻ gian tà, chẳng biết dạy con, mà cái nghiệp của đứa con vẫn lành, nó không theo hoàn cảnh gia-đình mà trở nên xấu, thì khi cha mẹ qua đời nó có thể lấy lòng hiền đức mà nguyện cho cha mẹ bớt tội và được khá chút khi trở lại thế gian. Vậy nên làm con ta phải cố theo việc lành, ăn ở từ thiện, trở nên người chơn

chánh, thâu trừ phước đức thì ta dễ mà cầu nguyện cho cha-mẹ, ông-bà. Ai bảo người hiểu Đạo chẳng phải là có hiếu, ai cho kẻ tu Phật chẳng giữ phận làm con ?

Ta cần hiểu lý Đạo, biết suy nghĩ, tham thiền. Ta cần biết Tứ Diệu Đế, sự khổ, nguồn gốc sự khổ, diệt khổ và phương pháp để diệt khổ hay là Khô đề, Tập đề, Diệt đề và Đạo đề. Biết được Tứ Diệu Đế, chẳng những ta cứu lấy ta, giúp cho cha-mẹ bà-con mà ta lại còn tiếp cho nhiều người được nữa.



IV

Tứ-diệu-đề

1. MÔN GIẢI THOÁT. — Đức Thích-Ca thấu Tứ-diệu-đề hồi tham-thiền dưới cội Bồ-đề. Ngài định đi truyền Đạo cho đời, dạy Tứ-diệu-đề đặng cho chúng-sanh thoát khổ.

2. SỰ KHỔ (KHỔ ĐỀ). — Đời là khổ. Từ trước Phật, đạo Bà-la-môn đã từng dạy rằng con người phải chịu khổ nhiều lắm. Phật làm cho cái đề khổ sắc sảo hơn. Các thầy tu đạo Phật đều nhiệm cái đề này: sanh, lão, bệnh, tử.

3. NGUYÊN-NHƠN VÀ NGUỒN-GỐC SỰ KHỔ (TẬP ĐỀ). — Người ta vì lầm mà tham, mê, đeo theo đời bóng dáng, mộng ảo, nên bị khổ. Họ những khao khát, những sa đắm trong cuộc chơi bời. Cái lòng ham nó đẩy đọa con người lắm nỗi: ham của tiền, ham sung sướng. Nhứt là cái sắc-ái là phá nguy hơn hết, nó không chừa mặt nào, càng có tài thì càng mển sắc!

4. DIỆT KHỔ (DIỆT ĐỀ). — Hãy làm tiêu cái khổ: thoát ra khỏi những sự chơi thấp thường ở đời, hãy giữ thanh tịnh cái tâm, thống trị các tình dục.

5. ĐẠO ĐỀ DIỆT KHỔ (ĐẠO ĐỀ). — Phật có thuyết Pháp về Đạo đề: hành đạo Bát-chánh và diệt mười hai cái Nhơn-duyên. Được vậy thì con người hóa ra hữu hạnh, thông minh, giác ngộ, giải thoát.

6. BÚT TÍCH CỦA MỘT BỤC NHÀN CƯ GIẢI THOÁT. — Một bài cảm của một vị ẩn cư nhứt-bổn được cái tự do đặc biệt trong cuộc thoát trần ở non cao. Người được cả ngàn lần hữu hạnh hơn khi ở thế bảy giờ là một tay phong lưu tài tử. Tư tưởng trầm tĩnh, nhẹ nhàn, tinh khiết, thanh tao.

1. Môn giải thoát

Sau mấy năm khổ hạnh, sau mấy năm nghiên cứu, truy tầm, sau mấy ngày tham-thiền nơi cội Bồ-đề ở xứ Ourouvéla, đến ngày Khoát-nhiên đại-ngộ, Đức Thích-Ca thấu Tứ-Diệu-đề. Liên đó mọi vật đều tỏ ra nơi Ngài: mắt Ngài thấy tất cả từ việc quá-khứ, việc hiện-tại cho đến việc vị-lai. Ngài Giác-ngộ hoàn toàn và thành Phật Thế-Tôn.

Nhưng Ngài còn suy nghĩ nữa, còn ngồi tham-thiền bốn mươi chín ngày nữa ở gốc Bồ-đề. Sau khi đó Ngài mới nhứt định đi hành Đạo, Ngài đã hiểu rõ việc nào đáng dạy, việc



Đức Phật thuyết Đạo cho chư tăng thấu lý để lo mà giải thoát các sự giả-trá ở trần, diệt cho xong cái khổ. Ngài dạy cho lãng-đồ và tín-đồ thông rõ Tứ-diệu-đề, đạo giải thoát : « Ở các trò, cũng như biển cả có một mùi là mùi mặn của muối, Đạo ta chỉ có một mùi thôi là mùi giải thoát ».

nào không, việc nào cần ích trong cuộc giải thoát thời Ngài dạy, việc nào không hay cho tư-tướng đạo-đức thì Ngài bỏ qua : Ngài định truyền bá Tứ-Diệu-đề. Ngay lúc quay *Bánh xe Đạo-lý*, thuyết pháp lần đầu ở thành Ba-la-nại (Bénarès) Ngài công-bố Tứ-Diệu-đề với năm vị Chơn-nhơn. Và trong đời cứu nhơn độ thế của Ngài, Ngài hằng giảng về Tứ-Diệu-đề đặng có giác trí và thoát khổ cho người. Nhơn loại những chịu khổ và gây khổ mãi bởi sự dốt (vô minh). Mà dốt việc gì? Tức là dốt Tứ-Diệu-đề.

Cho nên thấu Tứ-Diệu-đề thì cái tâm sáng ra và thi hành Tứ-Diệu-đề thì dứt tuyệt cái khổ (1) « Đây là sự khổ : sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ. Gần với nhơn vật mình không ưa, không thương, không mến : khổ. Xa với nhơn vật mình yêu : khổ. Không được như nguyện : khổ. Đeo theo thân thể, giác quan, cảm động, trí biết : khổ.

Này là nguồn gốc sự khổ : Ham sống làm cho nhơn loại chết đi sống lại mãi, mà hề biết ham sống tất biết ham những việc vui sướng, càng được càng ham. Muốn ham cho được thì phải có quyền lực về mình. Vậy thì ham quyền lực, ham vui, ham sống là nguồn gốc sự khổ đó.

Này là phương-pháp để trừ sự khổ : Hạ cái lòng ham xuống, rồi lần lần bỏ nó đi, trục nó ra khỏi mình và không còn biết đến nó nữa.

Này là đường Đạo để trừ sự khổ nó có tám lối, kêu là đạo Bát-chánh : Chánh-Kiến, Chánh-Tư-Duy, Chánh-Ngữ, Chánh-Nghiệp, Chánh-Mạng, Chánh-Tinh-Tấn, Chánh-Niệm, Chánh-Định.

Một hôm ngự tại xứ Câu-đàm-di (Komsabi) trong một vườn hoa, Phật cầm trong tay ít lá cây và hỏi học-trò rằng : « Lá ta cầm trong tay đây là nhiều hay là lá nội vườn này là nhiều ? »

— Bạch Thầy, lá Thầy cầm trong tay là ít, còn lá nội vườn là nhiều.

— Cũng như vậy đó các trò, những việc ta đã khảo ra là nhiều, nhưng ta không đem hết mà dạy các trò, vì ta nhắm không ích gì, không làm cho các trò tiến đến nẻo linh-khiết,

(1) Truyện Phật Thích-Ca kỳ nhì trương 55

không giúp cho các trò xa cuộc trần-gian, dứt sự ham muốn bỏ cái giả dối, đến nơi an nhàn, thông thái, sáng suốt, đến cảnh Niết-Bàn. Ta dạy các trò những gì? Ta dạy các trò sự khổ, nguồn gốc sự khổ, cách diệt khổ và đạo để diệt khổ».

Phật không cần Đạo Ngài phải thành một khoa triết-lý khảo tường tận Vô-trụ với không-gian và các sự bí-thầm. Ngài muốn nó là môn giải-thoát, cứu chúng-sanh chìm đắm trong vòng đau-khổ, Đạo Ngài dạy cho người hiểu sự khổ, nó chỉ đường cho người theo để dứt khổ. Vậy nên Phật có phán rằng: « Ở các trò, cũng như biển cả có một mùi, là mùi mặn của muối, Đạo ta chỉ có một mùi thôi là mùi giải-thoát đó».

Tuy vậy chớ hiểu đạo Ngài, hiểu môn giải thoát, không phải là người thiếu trí, mà là hạng cao học, bậc hiền hơn. Phật-giáo từng là một Đạo cao siêu, tư tưởng từng làm thích chí các nhà học giả xưa nay. Mấy người hữu tâm và nhứt là chúng tăng đều có thể hiểu mấy phần lớn trong Phật-giáo, chớ số người thấu đáo hoàn toàn thời thật là biếm. Lắm người rất có chí về đạo và cả đời sinh hoạt trong ấy, nhưng chưa dễ đã rõ thông diệu lý đâu. Còn đến kẻ phàm phu tục tử những lẫn lộn giữa phong trần thì trông gì biết khá! « Nhưn loại cứ xao-xác chốn bụi hồng, cứ quây kiếp sống trong đám bụi hồng mà họ rất vui thích, ắt không dễ mà hiểu đạo ta với luật Quả-báo, Luân-bồi.» Ấy là lời Phật phán một mình trong khi Ngài còn ngần ngại, chưa định đi truyền Đạo cho đời, chưa muốn cứu khổ, cứu nạn cho chúng-sanh.

2. Sự khổ (khổ đế)

“ Có thân ắt có khổ ”, ấy là lời của các nhà hiền triết phương Đông. “ Cái khổ không rời với cuộc đời ”, ấy là lời Phật gọi đề thứ nhứt trong Tứ-Diệu-đề. Dân-tộc phương Đông còn ai chẳng nhận đời là khổ? Đồng thời với Phật, đức Lão-Tử dạy người bớt tranh giành chém giết, bớt phá hại nhau để bớt sự khổ cho nhau. Và trước Phật, phái đồ Bà-la-môn đã cho đời là khổ, gắng sức cho hồn nhập đến cõi Phạm-thiên (Brahma).

Giáo-lý Bà-la-môn nhận rằng sự khổ choán một phần rộng lớn trong đời, rộng lớn cho đến đối đối với cái khổ,

cái vui chẳng có tẻ gì, rộng lớn cho đến đời không ai tránh khỏi nó. Giáo-ly ấy dạy rằng muốn được sướng hãy tìm đến cảnh Phạm-thiên, nơi ấy con người được cả ngàn lần sướng hơn ở cõi đời.

Khác hơn đạo Bà-là-môn không mấy chút, mà đạo Phật rất cao, vượt khỏi lên gấp mấy tầng. Phật dạy rằng chẳng những cái khổ choán một phần lớn trong đời, mà nó choán cả đời, vạn vật đều khổ và cái khổ ở trong mọi vật. Phật lại dạy rằng chẳng phải đến Phạm-thiên, đến Niết-Bàn đặng tìm sự sướng, mà đến đó để thoát khổ, bấy giờ con người không còn hoạn nạn nữa.

Ông Adhémar Leclère, do cảm tưởng các sư Cao-mên, có chép về sự khổ như vậy : « *Cái khổ ở khắp chung quanh ta, nó gần với mọi vật. Người với thú ăn nhau, tranh nhau, giết nhau. Và người với người cũng tranh nhau và giết nhau nữa ; người với người giành giật nhau dường như thú khác loại. Những khi ăn uống, đi đứng, cử động ta khó mà tránh sự giết thóc và làm khổ ; muốn sống tất phải hại. Biết bao mạng chết, biết bao mạng khổ tạo thành một mạng sống. Thú dữ rình người, hại người, giết người : muỗi mòng chích người với thú, rồi bị chim chóc bắt và ăn, kể chim lớn lại xé chim nhỏ. Chính hồi nằm trong nhao, mình đã chịu khổ và làm cho mẹ khổ rồi, vừa lớn mình vừa khổ và làm cực mệt mẹ những khi mẹ cho bú và ẵm bồng. Mình làm khổ cha vì người phải làm mà nuôi mình ; mình làm cực anh chị ; mình đánh và mình bị đánh. Khi nên người, mình phải làm mà nuôi thân và nuôi vợ, nuôi con ; vậy mình phải khổ. Con giao cấu cũng là một việc mệt, nó làm hao mòn và nó giết mình. Vả lại mọi sự đều là khổ, cái khổ kèm theo cái sướng luôn luôn, nó có mãi, cái sướng chỉ thoáng qua mà thôi ; không một nhơn vật nào dám nhận rằng mình sướng trọn vẹn. Lại không một nhơn vật nào dám nhận rằng trong những giờ sướng lại chẳng có cái khổ xen vào. Dưới đây cõi lòng bao giờ cái khổ cũng hờm sẵn và nó cắn rứt mình, nó thiêu mình như ngọn lửa độc !*

Cái khổ ở khắp nơi, trong mọi vật và theo vạn vật : không ai là khỏi nó : những kẻ ra tuồng hân hoan đều là khổ, họ

khổ cũng như những kẻ ra tuồng khốn đốn, có lẽ họ khổ nhẹ hơn chút ít, hay là họ khổ cách khác tùy theo căn phần của họ, nhưng họ vẫn khổ thật. Và một nhà sư nói rằng : «Cái khổ cực nó ở khắp nơi chớ gì : khổ nổi quan bất công, tòa đại đột, vua chơi bời, dâm dục, tham lam, khổ nổi nắng gắt, mưa dầm, nước lụt, trời hạn ; những tai họa ấy không biết ở đâu lại, cũng như nạn giặc-giả, bệnh thiên-thời, sự sợ-sệt ; mọi nơi đều đầy kẻ chết, người đau ; mọi nơi đều đầy nạn khổ nguy đập dồn. Cho đến không còn vui cũng là khổ : như ngửi mùi hoa rồi đi cũng là khổ, vì mình tiếc ; có con là khổ vì sợ nó chết, lo nó đau. Số nước mắt của một người trong các kiếp sống tràn dư bốn biển ; máu của chúng-sanh mà một người giết, thừa ra đến mười sáu lần số nước trong bốn biển. Ôi là khổ ! Đời là khổ ! »

Chẳng những mình khổ một kiếp này, mà trong cả ngàn kiếp quá vãng mình đã khổ rồi, và nếu mình chưa được giải thoát thì trong cả ngàn kiếp tới mình còn khổ nữa. Biết bao lần mình đã rầu, buồn, lo, sợ ; biết bao lần mình đã khóc vì cha chết, mẹ chết, anh chết, chị chết, con chết, vợ chết ! Nếu mình không diệt được cái khổ, rồi đây cũng biết bao lần mình sẽ rầu, buồn, lo, sợ nữa ; biết bao lần mình sẽ khóc vì cha chết, mẹ chết, anh chết, chị chết, con chết, vợ chết nữa ! Trong các cuộc luân hồi cao thấp hoặc sang hèn mình đều chịu khổ cả.

Và trong trần không ai tránh khỏi bốn nỗi sanh, già, bệnh, chết. Phật sớm tỉnh ngộ hơn các chúng-sanh, từ lúc nhỏ Ngài đã ưu-tư trong lòng. Ngài đã toan đem đức từ bi ra mà cứu đời. Mãi đến khi đạo ngoài thành ba lần gặp ba người già, bệnh, chết, Ngài bèn nhứt định tìm cách diệt khổ. Đức vua cha không nỡ để Ngài chịu cực ở non cao, Ngài nói quyết rằng : « Nếu phụ vương muốn cho con không tìm sự giải-thoát, vậy phụ vương làm sao cho con sống hoài không chết, mạnh hoài không đau, trẻ hoài không già, thanh hoài không suy. » Đức vua làm thế nào mà ban cho Ngài bốn điều ấy, bao giờ chưa dứt nợ đời, chưa tự giác thì có cách gì mà không ở dưới luật sống chết thành bại được cho !

Nhơn khi bà hoàng hậu băng, vua Mounda ở thành Hoa-Thị (Patalipoutra) rầu, đại đức Narada xưng văn tế, có đọc

một đoạn như dưới đây : « Có năm việc mà không ai làm được, hoặc một vị sa-môn, hoặc một thầy Bà-la-môn, hoặc một ông tiên, hoặc quỷ Ma-Vương, hoặc đức Phạm-Thiên, hoặc một đấng nào khác trong đời. Năm việc ấy là gì ? Chính là cái phải già mà không già, cái phải đau mà không đau, cái phải chết mà không chết, cái phải suy mà không suy, cái phải dứt mà không dứt. » Trong các nỗi khổ của loài người, cái chết là đau đớn hơn hết, nhưng nếu hiểu đạo thì giải lập nó được và rán ăn ở tinh khiết với suy-nghi, tham-thiền để bớt lòng tham thì bớt nỗi khổ.

Con người tầm cái sướng ở trần, có thể nào tránh khỏi bại hoại, cái không nó vẫn buồn không, chẳng qua làm thân giả trắng xe cát vậy thôi ! Rồi phải đau đớn, thất vọng, mòn mỏi, hư hao, mới vui liền khổ, mới mạnh thoát già, thoát chết. Những ai ham giàu có, buôn bán, làm ruộng, nuôi bò, đi lính, làm quan đều phải chịu nóng, chịu lạnh, bị muỗi chích, bị rắn cắn, bị đói, bị khát, họ quá đầy-đọa tâm thân. Không được việc, họ than, họ phiền : Tôi cực khổ, nhọc nhằn quá mà không ích gì, chẳng được gì ! Còn có thành công, họ lại lo lắng và mệt ngất vì phải giữ của đã làm ra : sợ vua quan thâu đoạt, sợ trộm cướp chiếm lấy, sợ hỏa hoạn thiêu hết, sợ nạn lụt làm trôi, sợ bà con giựt mất. Bởi ham của cải và sung sướng, cha mẹ đánh đập với con, anh em cốt nhục cắn xé nhau, vua chúa chiến tranh nhau, trên mặt đất quân lính tha hồ đâm chém, bắn giết nhau. Bởi tham danh lợi, con người cứ xảo ngôn, trộm đạo, giết hại và đâm-ô, họ phải quây mãi trong vòng tội ác mà chịu các sự thống-khổ. Khá hơn một chút, có kẻ ưa cái sướng ở cảnh tiên, và mong kiếp tới được thanh nhàn : nhưng dầu ở cảnh tiên cũng không khỏi khổ, hưởng hết quả rồi cũng chịu sống chết và tinh tội như mọi người, dầu kiếp tới có được thanh thoi cũng tránh đâu khỏi sự khổ ở đời, có thân là có khổ !

Kinh Pháp-Cù (Dhammapada) có chép nhiều câu rất có lý thú để chỉ trần gian giả cuộc : « Giỏi thật, các anh cứ vui, các anh cứ chơi ? Kia lửa đỏ cháy đều. Các anh mờ ám, sao không tầm yển sáng cho mau ?

Vi vui mà khổ, vì vui mà sợ. Kẻ nào không thêm vui tất không còn khổ, không còn sợ.

Vi triêu mà khổ, vì triêu mà sợ, kẻ nào không còn triêu tất không còn khổ, không còn sợ.

Kẻ nào lấy mắt ngó xuống trần coi nó như bọt nước ; như giấc mộng, kẻ ấy thoát khỏi sự chết. » Đã biết vạn vật là khổ, ta há không tìm cho đến tận gốc cái khổ sao ?

...

3. Nguyên nhân và nguồn gốc sự khổ (tập đề) :

Theo cuốn *La Lumière de l'Asie* (Yến sáng Á-châu), Phật thuyết pháp đến đề này, có giảng rằng : « Có cái khổ nào nó đến là tự nó chứ không phải do nơi sự muốn chẳng ? Giác quan với vật cảm chạm nhau, liền đó cái tia tham nháng ra ; như vậy tình dục và lòng khao khát cháy bùng !

Các người những đeo theo bóng-dáng, các người những mê theo mộng-ảo, các người trồng ở giữa một cái bồn-ngả (môi) giả trá, rồi chung quanh các người cất thành một cảnh đời tượng-ảnh.

Các người quáng không trông ánh sáng chói lòa, điếc không nghe tiếng gió mát ở cõi cao hơn cảnh Đế-Thích (Indra), cảm không đồng ứng với Đấng đã bỏ cuộc đời giả mà qua cuộc Đời thật. Bởi thế cho nên những việc chiến đấu và tình dục kéo đến và làm cho sự tranh giành tung hoành trên mặt đất, bởi thế cho nên tâm hồn lầm lạc phải khổ, giọt nước mắt cay đắng phải tràn, bởi thế cho nên lòng mê, tham, ganh, ghét mới mọc ra; bởi thế cho nên những năm hung ác chơn đập đầy máu đuôi theo những năm ô trược vì sự nuốt sống ăn tươi ! Bởi thế cho nên ở đâu mà hạt giống có thể mọc thì cỏ hại lại choán đi với rễ xấu và bông độc, hạt giống lành rất khó mà tìm chỗ phì để rớt xuống và mọc lên. Rồi linh hồn phải lưu lạc, triêm nhiễm với nước độc, rượu nồng, rồi cái Nghiệp lai sanh với một tấm lòng khao khát mới; cái bồn-ngả đã nóng nhiệt thêm bị giác-quan giục tới, nó bèn làm ác nữa và chịu quả-báo bi thảm nữa. »

Chính nguồn gốc sự khổ là như vậy: cái khao khát với sự sống đời làm cho mình luân hồi mãi hết kiếp này đến kiếp kia, nó đi chung với cái vui và cái tham, nó cứ lăm sự sung sướng ăn chơi; dễ thứ nhì, nguyên nhơn, nguồn gốc sự khổ tức là khao khát với sự vui, khao khát với sự sống, khao khát với lợi quyền.

Con người lấy làm thích mà được sống lâu và cố sức để đạt danh giá, chức tước, giàu sang. Ít ai có hi-vọng đến Niết-Bàn. Mọi người đều muốn kiếp này được mọi điều thỏa-thích và mong kiếp tới được sung sướng hơn. Cái muốn ấy, cái lòng khao khát ấy, nó lừa phỉnh, nó nhận chìm, nó đày xắt trong vòng khổ sở và đọa lạc vào các nẻo luân hồi! Chớ chi con người không thêm ham sống, không cần làm thỏa tình dục, không mê, không thiếu sự đời, thời đâu có mắc, đâu có sa vào thế cuộc tang thương!

Nhưng mà lòng khao khát, tình dục, lối mê mạnh lắm, con người rất khó mà thắng nó và cự nổi! Kể ít trí, thiếu tài hồ dễ đã biết muốn đậm đà: họ muốn, muốn một cách đơn sơ; chớ người đã có tài, có trí thì cái muốn phải lớn, cái tình phải nhiều, tức là có tài là có tình, càng tài tình, càng oan nghiệt, lại càng thống khổ! Trong trần ai chẳng bị cái lòng khao khát quẩn rít theo mình? Ai chẳng bị một vài cái muốn hoành hành mình trong một ít thời gian? Ôi thật là khó chịu, thật là khổ, thật là bận lăm ru!

Còn nhớ hồi mấy năm trước, tôi còn bình bút một tờ tạp-chí, đồng lương rộng, huê-hồng cao, tôi bắt muốn một cái xe hơi. Chớ chi ở cảnh bần chật, làm vừa đủ ăn, đâu dám mong cầu cái món đồ xuê đó! Ấy càng muốn, càng được, lại càng muốn thêm. Không có bao giờ ta muốn mà không được! Nhưng cái thời-kỳ muốn chưa được là khổ biết bao! Bắt đầu cái ý còn dịu, nhưng lần lần về sau nó xâm nhập vào trí mình, càng ngày càng thêm khẩn khít. Đi xe máy, bóp chuông và thấy xe kéo không tránh, tôi buồn, tôi tức. Lắm khi đi bộ hoặc ngồi xe kéo, xe hơi chạy bay qua đưa bụi vào mặt mũi mình, tôi giận, tủi và ước không có xe hơi để khỏi « ăn » bụi khi dạo chân thành! Có lúc qua đò gặp người quen ngồi xe nhà coi sướng mắt, tôi lấy làm then,

không dám nhìn, không dám ngó người ! Coi nhứt báo tôi lật chỗ quảng cáo bán xe cũ để kiếm một cái cho vừa. Sau rốt tôi sắm được xe hơi... Có nhiều lúc sướng và thích lắm : những buổi chiều tự mình cầm bánh cho xe chạy đường Catinat, những hôm trải qua non xanh cảnh lịch, những hồi hứng gió biển ở Vũng-tàu. Mà lắm lúc khổ tâm thật : xe bề bánh trên khoản đường xa, trong xe có một mình mình với vợ ; hụt dầu « xăng » giữa đường rừng, xa nghe tiếng thú rền đáng ghê ; lại có một lúc dựng xe, trọn đêm tôi không ngủ được nữa giờ, lo, sợ, tỉnh, bối rối như tờ vò !

Còn đến cái dục, nhứt là dục tình, mền sắc thì có ai dám nhận rằng mình chẳng mấy phen đắm đuối trong bể tình ? Trừ ra nhà sư tuyệt dục từ nhỏ, con người ai chẳng mền sắc ắt không phải là người tài ! Kẻ bất tài, bất lực trông gì lập công nghiệp hoặc chứng quả đạo lành. Và có tài, có chí mới mong thống trị lấy mình và cắt đứt dây tình. Cái tình có lắm cái thú vị, nó cũng có lắm nỗi chua cay, đau đớn, nhục nhã, thống khổ. Cái thân, cái trí vì nó mà vất vả lắm phen, bao khi chỉ vì một cuộc tình mà cả năm xót xa, cả đời ân hận ! Bao khi chỉ vì một cuộc tình mà phí đi một mạng sống, lỡ dở một cuộc đời ! Bao khi chỉ vì một cuộc tình mà sanh-linh ta-thán, non nước tan tành ! Trước mắt tôi, biết bao cảnh sa sút, bại hoại, gian nguy vì tình !

Một nhà hiền-triết người Đức hồi thế-kỉ vừa qua Schopenhauer từng xem sách Phật và mộ lý Phật, có ra cái án về ái-tình như dưới đây :

« Tình-dục chiếm lấy phân nửa tâm hồn và lý-tưởng của hạng thiếu niên trong nhơn-loại. Nó là cái mục-đích cuối cùng trong tất cả mọi việc gắng sức của con người. Cái ảnh hưởng bối rối của nó xâm nhập vào các cuộc hệ trọng hơn hết ở đời. Mỗi giờ phút nó bắt những cơ sở nghiêm trang hơn hết phải ngừng. Nó làm cho những cái đầu óc mạnh dạn hơn hết phải trên dưới lộn nhàu. Nó không ngại gì mà chen vô giữa cuộc thương-thuyết của mấy nhà lãnh tụ quốc-gia và giữa cơn nghiêm xét của mấy tay thông thái đặng phá rối chơi. Nó tầm thế đầy những bức thơ tình và những mảnh tóc cho tới trong bốp-phơi của mấy ông thượng và trong tập hồn-thảo của mấy ông hiền. Nó khiến

cho đường thương mại, mỗi ngày phải thêm phiền lụy, thâm sâu. Nó chặt đứt những cách giao thông rất quý giá. Nó bứt ngang những dây liên-lạc rất bền. Nó dám bắt hi-sanh số mạng, sức khỏe, sự phong phú sang trọng và cuộc hân-hạnh của con người. Nó làm cho kẻ hiền-hòa ki-lượng không còn biết ngần ngại gì, nó bắt những tay thành-thật hóa ra gian-tà. Nói tóm lại là trong mọi việc, nó làm như một con quỷ hung ác toan ra sức phá đổ, làm bấn loạn và hư nát hết vậy. »

Cũng như Phật, Schopenhauer rất ghê ái-tình và rất sợ đờn bà, kẻ dùng gương sắc với sóng tình mà chém đứt và làm ngập mất các công-quả của con người từ bọn hạ đẳng cho đến bậc thượng lưu, quân-tử.

Tình dục với lòng mê làm cho dây xiềng thêm chặt, dây xiềng này trói mãi vào cõi đời, nó buộc mãi ở mặt đất, nó ghệt mãi với kiếp sống khổ. Sống đời này, lo đời sau. Bởi lo đời sau nên phải sanh ra nữa và đã khổ rồi còn khổ nữa ! May mà đời này làm được điều lành thì cái khổ đời sau dễ chịu, chớ đời này phạm nhiều tình tội thì cái khổ đời sau nó sẽ đập dồn trên mình. Nhưng dầu cho khổ ít hay khổ nhiều, khổ nặng hay khổ nhẹ, há không phải khổ sao ? Vậy trước hết phải lo trừ cái khổ, thoát khỏi nó.

4. Diệt Khổ (Diệt Đê)

Đê thứ ba là diệt khổ, làm tiêu cái khổ. « *Chính sự an lạc phải thắng tình thương Thân với lòng triêu Đời, xé ngực mà tống ra lòng mê với gốc rễ ăn sâu và làm cho sự chiến đấu trong người trở nên êm dịu. Lòng bác ái sẽ lấy làm thỏa mà được khấn khít với cái mỹ-miền thiên cổ ; người ta lấy làm vinh hạnh mà được tự chủ lấy mình và vui mà được sanh-hoạt cao hơn cõi Tiên ; người ta giàu có vô cùng vì tom góp của cải ở những việc giúp ích, những phận sự xử tròn một cách nhơn đức, những lời nói hiền lành và sự sống đời tinh-khiết. » Bao giờ người ta còn sống thời của cái ấy không hư và dẫu họ có thác nó cũng không tan được. Vậy thì cái khổ nó tuyệt, vì Sanh Tử đã đứt rồi ;*

cây đèn hết dầu làm sao chày được nữa? Sồ thiếu đủ đã trả tất rồi, sồ mới vẫn trống trơn, như vậy con người đạt đến cảnh khoái lạc hoàn toàn.»

Cái khao khát làm cho người ta khổ, luân-hồi, chìm mãi ở bề trần. **VẬY MUỐN HẾT KHỔ, DIỆT KHỔ, TỨC NHIÊN PHẢI DIỆT LÒNG KHAO KHÁT VỚI SỰ MUỐN VÀ TÌNH DỤC.**

Các nhà học Phật nghĩ như vậy: « Ham vui, thích tình dục, triều việc đời bắt phải sống, và sống là khổ, vậy muốn diệt cái khổ phải dứt tất sự ham vui, không ngã theo tình dục, không triều việc đời với phú quý công danh. Vậy là phải lắm, vì dứt tất sự ham vui, tức là dứt tất lòng khao khát với đời, diệt tình dục, không còn đuổi theo sự khoái ở cõi trần, cắt đứt những sợi dây trói người với người, hành đạo khổ hạnh, tự thoát ra khỏi việc đời, không còn thương, không còn ghét, không còn chuộng việc gì ở trên mặt đất nữa. Tức là đạt đến cảnh trí tự nhiên và quyết chí không sanh-tồn, đạt đến cảnh này không còn cái gì làm cho mình bối rối, dẫu sự thế hay việc nhà.

Con người đạt đến cảnh yên tịnh tự nhiên, không còn cái gì ảnh hưởng đến họ được; họ thong thả không còn bị trói buộc; họ lướt lên nẻo hoàn toàn, họ lướt cao cho đến đôi ở trong tâm của họ quả đất cũng như một điểm nhỏ nhit ở chốn không-gian (espace). Sự thoát trần của họ to lớn, thành thật, sâu xa cho đến đôi đối với họ mọi vật đều chìm mất và họ đến quên mình, vì mắng chú tâm về Niết-Bàn. Họ vẫn là người chịu khổ hạnh, thoát trần, cho đến không còn dễ ý rằng mình đã thoát trần, họ vẫn là người đã cắt đứt những dây tình trói mình vào sự sống. Đến ngày tịch họ không sanh ra nữa: họ đã chứng Niết-Bàn trong khi sanh tiền, bấy giờ họ đã tuyệt dục rồi. Và giả như cái khổ nó đến cho họ thì họ đâu có cảm, họ tự nhiên, thanh tịnh luôn.»

Ấy là vấn-đề Giải-thoát đó. Con người khi hết khổ, nhập vào Niết-Bàn là cảnh trí hoàn toàn cho đến không còn cảm giác gì nữa, lý này khác với lý đạo Gia-Tô với nhiều đạo khác nhận rằng khi được tự thoát con người sanh lên một cõi sung sướng vô cùng. Một đàng là không còn sống theo

trí độ con người, một đàng khác là còn sống; một đàng là hết khổ, một đàng lại được sống. Dầu có khác nhau nhưng hai đàng đều là môn giải cứu tất cả.

Mà muốn được giải cứu, muốn diệt khổ, phải hiểu về thứ tư là phương pháp hay là Đạo để diệt khổ vậy.

5. Đạo để diệt khổ (Đạo-đề)

Nó là đề thứ tư, con đường mở rộng và bằng phẳng mà mọi gót chơn đều bước tới được; nó dễ và gần; ấy là Đạo Bác-Chánh dẫn đến cảnh an lạc và hết khổ. Đã nhiều dấu chơn đưa đến mấy hòn núi kia cùng đứng chung một chỗ với nhau; núi có tuyết bao phủ, chung quanh có mây vàng cuốn tròn; người ta trèo theo triền núi, dốc hoặc lại; đề tới những đỉnh cao nơi ấy hiện ra một cảnh-giải khác. Nhưng ai mạnh chơn tay có thể lướt đường gắt hiểm mà sấn ngay triền núi. Mấy kẻ yếu phải đánh vòng đường xa hơn và ngừng nghỉ nhiều chỗ. Đường Đạo Bác Chánh là như vậy; nó đưa đến nơi an lạc. Nó trải qua những lối cao gắt hoặc vừa vừa. Linh hồn càng đảm thì mau chơn, linh hồn yếu nhược phải chậm bước. Cả thấy đều đạt đến nơi tuyết phủ có yển sáng mặt trời.

Điều thứ nhất là Chánh-Kiến. — (Thấy Chánh). Con người ở đời nhận biết các sự vật trong vô-trụ trước hết bởi con mắt thật và thấu các việc cao thấp ngay gian bởi cái chỗ thấy, con mắt bề trong chính là hiểu bằng cái sở kiến của mình. Vậy thì hoặc người ở thế hay hạng xuất thế, kẻ tại gia hay bực xuất gia, ai nấy đều phải giữ cho kĩ càng, chín chắn, dè dặt. Một người kia đến xin một câu chữ của một vị sư Thiên-Tông. Vị sư biên cho hai chữ: *coi chừng*. Người ấy không bằng lòng, xin vị sư viết hộ thêm. Vị sư giúp thêm hai chữ nữa: *coi chừng*. Người ấy thấy còn cụt, xin vị sư nối thêm. Vị sư cũng viết nữa một lần thứ ba: *coi chừng*.

Một vị cô-phật, đức Thích-khi (Sikhin) có dạy rằng: « Hễ có mắt thì người ta vượt khỏi các nơi hãm hố. Cũng như thế, hiền-nhơn thoát khỏi các nỗi đau khổ.»

Vị Phật đương-kim, đức Thích-Ca Mâu-Ni có dạy rằng :
« Có bước tới phải coi chừng Đạo-Pháp (Dharma). Hãy tránh sự gian ác hại người, hãy coi chừng cái Nghiệp nó tạo nên mạng mình và hãy giữ mà thống-trị giác-quan.»

Trong khi tấn hóa, mình phải coi chừng dữ lắm mới được. Mình phải biết chọn bạn lành và gần những tay ham học, tức là tránh những kẻ quen thuộc không nghiêm, những người mà lòng dạ chẳng công bình, chánh trực. Một nhà hiền-triết người Hy-lạp có nói : để một cục than nguội kích một cục than cháy, nếu nó không bắt cháy theo cục kia thì nó làm cho cục kia phải tắt. Cũng như thế, nếu mình không khéo giữ trong khi tâm tánh mình chưa vững vàng, đạo hạnh mình chưa xuất sắc mà mình gần với đũa ác thì mình nhiễm theo nó ngay. Chẳng những mình không nên gần đũa ác, mà mình lại phải tránh xa các nơi có thể làm cho mình sa-sụp hoặc không để cho mình tấn hóa dễ dàng. Kẻ học đạo nên theo người hiền và ở chỗ hiền, đừng cho sự mở-mang về trí-thức nhờ đó mà phát mau. Họ lánh những xóm chơi bời, những xứ có phường bất-tin và kiêu ngạo. Độc-giả hãy xem trong cuốn *Tăng Đồ Nhà Phật* ra tiếp cuốn này, cách chọn chỗ rất kĩ của mấy nhà sư muốn cất am và liêu, cốt của mình : các ngài lựa đất xong rồi còn phải đi hỏi ý kiến của mấy vị khác họp lại nữa. Đại khái không nên gần mấy chỗ tưu lâu, những trường hát xướng, bạc bài, những vùng có vua chúa ngự chơi, những chốn mà quan viên và bực phong lưu, công tử ăn uống ngã nghiêng ; không gần những lối nguy hiểm về tánh mạng, có bọn trộm cướp hoặc có thú dữ, và những chỗ có kẻ ố đạo và bất-tin. Con người mà có Chánh-kiến tất thấy rằng mấy chốn ấy và các bọn người ấy đều không đáng cho mình đi đi lại lại.

Con mắt của chúng-ta nếu nó linh, nó linh tại ta, thì ta dễ mà trôi bước theo bực hiền-nhơn quân-tử. Ta hãy kèm và chế ngự nó luôn luôn, đừng cho nó tuân theo cái trí xúi giục của ta. Khi nào cái trí ấy và con mắt ta thích những sự vui thấp thường, ô trược, tức thì ta phải cự lại mà làm lơ đi. Vì nếu ta chăm chú đến sự dở thì làm

sao mà người trông lên những cảnh thanh cao? Nhứt là ta rần ðừng cho con mắt ta nhìn tới tài sắc, hai món cảm ðỗ mạnh mẽ hơn hết ở đời. Vì trước hết mắt thấy tai nghe rồi sanh ra chạm xúc, chạm xúc sanh ra cảm giác, cảm giác sanh ra ý muốn. Tới cái muốn là tới cái khổ, cái ác, cái tội, cái nghiệp vậy. Bởi thế những nhà học ðạo không dám nhìn ngó tiền của, ðồ quí và sắc ðẹp người ðờn bà. Với cái sở kiến của ta, ta biết những tình cảnh chung quanh ta, trước mắt ta và xa xuôi cả ngàn dặm. Cái sở kiến ấy nếu hèn hạ, tức là ta hèn hạ thì ta ðâu biết những cái mỉ mỉu ẩn bí. Người mang kiến ðen làm sao thấy vạn vật trắng cho ðược? Ta rần ðừng cho lắm. Biết bao những cảnh mà ta hiểu trật, thấy sai, vì cái sở kiến ta còn chậm lụt, thấp thỏi, hẹp hòi. Giả như người ta ðương sung sướng thỏa thích hơn hết mà mình chỉ thấy cái bề ngoài, thấy người ta ðưa mình tràn, ði chơn không, ở nhà lá, nằm vạt tre, uống nước lạnh, ăn cơm rau, mà mình vội cho người ta là ngu hèn, rồi mình chê ngạo người ta. Lại giả như kẻ khác ðương bấn loạn trong ruột, ðương áo nảo về gia ðình, ðương ðào xói cái tri mà tầm cả trăm, cả ngàn lỗi ác, nhưng mình thấy họ mặt trắng, hình sang, tiền nhiều, của tốt, mình tưởng cho họ là bực nhứt ở cõi thế, vui hưởng cuộc đời, rồi mình xá bái, kính trọng họ như thánh thần. Vậy thì mình làm, mình có tà kiến ðó.

Mình phải tập lần cho có Chánh Kiến, nhận sự vật theo cái giá trị thật của chúng-nó. Muốn ðược Chánh Kiến, không có gì hay bằng xem kinh sách, ðọc triết-lý, ðạo-lý của mấy ông hiền. Nhờ vậy mình biết cái giá trị cao thấp, ngay gian, của vạn vật ở cõi này. Trước hết mình nên có cái sở kiến này : mọi vật ðều tan rã, giả ðối, không bền, tất cả ðều là phát hiện, ðối ðịch; bao nhiêu những cái sướng cũng ðều là giả, ðều chứa cái khổ, chỉ có ðạo-lý là bền, tri huệ là vững và tuyệt ðịch mà thôi.

Điều thứ nhì là Chánh Tư-Ðuy. — Tức là suy nghĩ, chiêm-nghiệm những lẽ chánh. Tức là lòng lành ðối với các chúng-sanh. ðã có cái Chánh Kiến thì có thể có cái Chánh Tư-đuy, vì cái sau này ăn thiệp rất thân mật với cái trước. Con mắt ta tầm chỗ lành, cái sở kiến ta thấu sự phải trái trong mọi

việc, thì ta để mà để tâm vào nẻo chánh. Lại chính cái lòng dạ, ý định của ta nó cũng đi với cái chánh kiến, nó tập cho con mắt ta bỏ sự dở mà thấy sự hay, đẹp cái tà mà trông cái thẳng. Người Nhứt trong phái Thần-giáo thường nhắc câu này : « Mắt ta có thể thấy đều đờ bần, nhưng tâm trí ta vẫn trong sạch ». Họ thấy cũng như không thấy, họ đâu có để ý tới cái tà, họ có cái Chánh-Kiến, họ không nhiệm trược, thì tâm họ trong sạch, họ có cái Chánh Tư-Duy. Mấy nhà sư thanh bạch trong đạo Phật là hạng người mà cái Chánh Tư-Duy thành đến cực điểm. Các ngài ăn thì ăn chớ không biết món mình ăn là ngon dở thế nào. Các ngài ăn để nuôi cái thân sống đặng hành đạo, độ đời, chớ không quang tâm, để ý đến thức ăn. Không có khi nào ăn cơm của khách mà các ngài khen ngon như kẻ thế thường. Về sự ngủ, các ngài cũng tập cho quen với cảnh đơn sơ, tập không mền cái đời vật chất, cho đến chẳng màng ngủ mừng nệm như người đời : một hòn đá, một gốc cây đủ cho các ngài yên giấc khi đêm. Các ngài dứt tất lòng tham rất trọn vẹn. Các ngài không cần eo của cái vật liệu gì hết. Còn như có thì là đồ của Giáo-hội, của Chùa của Phật, các ngài không nhận món gì là thuộc về mình. Mấy nhà sư ở chợ vì sự giao thông, cần phải tạm dùng đồ vật chất, dùng mà không triền, không ham, không tham, chớ mấy vị ẩn cư nơi cốc quận, non cao thì chẳng hề bận đến vật dụng phụ thuộc e chúng nó làm cho các ngài phải lo tới mà mất chút ít tự do tinh-thần.

Các ngài cũng dẹp được cái oán, giận, dọn cho cái tâm được yên ổn nhẹ nhàng. Có khi ở giữa kẻ ác, kẻ ngu, kẻ thù hềm, các ngài vẫn bình tĩnh, lại còn dùng cái lòng lành mình mà khuyên bọn ấy nữa. Các ngài không muốn ác, không muốn sự rủi cho ai và không vui mà thấy người lâm nạn. Các ngài lại cầu chúc cho đời được an cư lạc nghiệp, mong cho bá tánh được vui thú thanh nhàn. Các ngài thường cho cái trí mình xuất đi ta-bà độ thế, yên ủy kẻ khổ người nguy. Thật các ngài sống đời như gió mát thoảng qua.

Không được như các sư trọn lành, Chánh Tư-Duy, song chúng-ta cũng nên tập lòng dạ của ta theo nẻo tốt. Ta nên có cảm tình và muốn phải cho người : vui mà thấy người

thành công, hữu hạnh, và buồn giùm khi thấy người thất bại, thâm sâu. Cái lòng từ thiện của ta không được như các bậc Thầy mà bao quát tất cả chúng-sanh từ hạng nguyên tử đến bậc thần tiên, nhưng ta hãy tạm thương kẻ đồng loại, đồng bào, thương người như thương thân.

Con người, linh hơn muôn vật, sống bằng tinh thần nhiều hơn bằng xác thịt. Vậy mình hãy rán mà nâng cao tinh thần, bồi dưỡng trí ý, nghiêm xét các điều lành.

Một nhà hiền triết Hy-lạp có nói : Nghĩ đều lành thì sống một cách lành. Nghĩa là tưởng thế nào, sống thế ấy, cái trí càng hiền thì cuộc đời càng nhân hạ, khoái lạc. Vậy ta hãy nung đúc cái Chánh Tư-Dạy, cây cột thứ hai trong cái nhà phúc huệ mà ta đang gầy dựng.

Điều thứ ba, cây cột thứ ba là Chánh Ngữ, lời nói chánh. Cũng như đoạn trước, tôi có biên rằng Phật ví rất đúng cửa miệng như cửa đền Vua và Ngài có dạy nên nói cho êm ái thành thật như có đức Vua ngự trước mình. Hồi tưởng lại về cổ-thời, lúc còn ở trong vòng quân-chủ chuyên-chế, quyền hành của nhà Vua là oai-thế bậc nào ! Đền Vua bao giờ cũng nghiêm trang kín cẩn, có cả chục cả trăm quân hầu một cách oai-vệ.

Những kẻ ngay đi ngang còn khiếp, huống gì bọn bất chánh, chúng-nó càng sợ hơn nữa, đâu dám lướt qua. Cũng như thế cửa miệng ta phải như cửa đền Vua, ta khá giữ, lựa lọc lời nói, cân phân từng tiếng, đừng cho những câu bất nghiêm lọt khỏi mà ra ngoài. Và ta phải trân trọng lời nói như có đức Vua ở trước ta. Nếu ta nói sơ-siển, nói quấy, nói ác thì Vua bắt ta mà hành hình ngay, dầu ta là kẻ như phẩm đại thần ngài cũng trị ta vì tội khinh Quân. Trái lại nếu ta nói phải thế, nói đáng, nói hay, nói lành thì ngài ban thưởng cho ta, dầu ta là một kẻ chẳng có chức tước gì ngài cũng nhắc ta đến bậc hiền thần.

Vậy thì lời nói trọng hệ lắm, chẳng những đối với ta mà với tất cả gia-đình và xã-hội nữa. Mấy hạng tầm thường không bao giờ để ý đến cuộc trọng hệ ấy, họ coi lời nói là dễ lắm. Có miệng, họ cứ nói, tha hồ nói, nói cho vui mà ! Nguy thật, than ôi ! họ đâu có dè ! Họ nói nhiều, nhưng

những lời của họ không có giá trị gì hết. Trong cả ngàn câu của họ người ta không có lấy được vài câu, thấy đều là hư hại, vô nhơn đạo, phạm luân thường, xúi chuyện dâm ô!

Nhà đạo có cái lệ tốt này là bắt những kẻ mới nhập môn phải *tịnh khẩu*, ngậm miệng, không nói trong một thời gian một đôi tuần, vài ba tháng, cả trăm ngày. Cái miệng kia đã từng không biết dè dặt, nay phải chịu khổ-hạnh đã. Muốn nói không nói được người ta mới định tâm, hồi nghĩ lại mà ăn năn bao nhiêu lời nhẹ nết mà họ đã tuông ra bấy lâu. Bấy giờ họ lựa lọc, lựa lọc cho chính đính, để sau này không còn thốt ra những lời dư, những tiếng vô công-hiệu. Ta thấy cái hạnh này rất đáng phục trong các nhà sư đạo Phật, là các ngài rất ít nói. Kẻ không hay gần các ngài, nhứt là người Âu-châu ngỡ rằng các ngài làm thái, làm kiêu. Nhưng không phải. Nhờ cuộc *tịnh khẩu* lúc trước và nhờ những cơn ngồi thiền, các ngài kèm được cái miệng, dẫn được lời nói, không bàn những chuyện vô lối, e gây nghiệp ác và mang tội.

Người ta nếu thống trị được lời nói của mình thì nó trở nên qui giá biết bao. Nó không còn là một món đồ hại nữa, một lưỡi gươm giết người nữa, nó bèn trở nên một cái phụng-lực rất có công hiệu cho cái tay biết dùng nó. Trong khi mà đưa tiền nhơn hại danh giá, tánh mạng người ta bằng lời nói, người quân tử, bực hiền nhơn lấy nó mà giúp nước, độ đời. Kẻ sứ-giả khéo dùng ba tác lưỡi mà làm cho nhơn-sanh được êm thuận, xứ sở được an hòa. Các tay thời-miên biết nâng cao cái mãnh-lực lời nói mà trị bịnh cho bá tánh và an-ủy kẻ rùn chí, chán đời. Các nhà mô phạm từng noi theo sách thánh hiền mà thốt ra những lời chánh đáng, nhơn đạo, tinh anh để diu dắt kẻ chậm bước hơn mình. Phật từng dùng lời nói mà thuyết pháp một cách hùng hồn, chẳng những loài người tỵ tới cả ngàn cả muôn đề thỉnh giáo với Ngài, mà đến âm hồn với tiên thánh (mà người ta không thấy bằng mắt thịt) cũng hội lại, nghe các bài giảng của Ngài.

Nhà đạo phải có cái Chánh Ngữ đã đành, lại kẻ còn trong vòng thế tục cũng phải rán coi chừng cửa miệng và lời nói cho lắm. Khó mà giữ cái Chánh Ngữ cho hoàn-toàn. Bao

giờ ta còn đua chen với thế sự, còn đi lại trong chợ lợi trường danh, còn dùng môi miệng mà mưu việc sanh-nhai thì ta còn phạm vọng ngữ hoặc ít hoặc nhiều. Dầu là người thông kim bác cổ, dầu là tay cao trời về triết học, cũng khó mà đừng trau chuốt lời nói vì cái sở hành, vì món hàng, vì mối lợi của mình. Họ khoe cái cơ sở của họ, năm bảy ra chín mười; họ nói thừa về khách mua hàng, số người tiêu thụ đồ của họ; họ hứa càng những việc mà họ biết là quá sức họ; họ nói hành, họ chê mặt người đồng nghiệp, kẻ tranh thương, tranh quyền; họ bợ đỡ và nói tung những hạng giao thông với họ và làm lợi cho họ; nói giễu, nói pha lửng, có khi họ buộc phải nói thô để chiu lòng khách, đưa đẩy khách. Ấy là chưa kể những bọn vô danh, kiêu ngạo thường hay khoe mình, nói phách, nói bốc, nói hốt, nói bường, nói càng, nói xảo, nói bậy để cầu được một tiếng khen là lịch duyệt, một cái danh là giỏi, là biết nhiều, để chùng tin, để ăn tước lời nói của kẻ khác và chối ngược với người. Như loại chỉ là một phường lão thôi! Trách nào họ chẳng gây nghiệp thêm mỗi ngày. Nếu ta tránh được một phần lớn trong bao nhiêu những cái tật đó, ta sẽ được khá rồi, đường giải thoát, cõi trí lần lần sẽ mở ra cho ta. Ta hãy khéo giữ lấy mình. Trừ ra khi dùng phương tiện để làm một việc đáng, cao, lành ta có thể xây trở lời nói, ngoài ra ta không nên phạm tội vọng-ngữ. Ta không nên nói ác, nói hành và chê người, vì lời nói là một cái sức mạnh, trong ấy có điện-lực, nó khiến kẻ khác để ý, nghe theo mà sa vào việc chẳng lành. Giả như chê ai trước mặt họ, ta làm cho họ thối thần, mất chí, hay làm cho họ tức, phiền, gây oán với ta. Còn nói xấu kẻ vắng mặt, ta làm cho người nghe ta nhiễm cái tánh ác của ta, nhiễm cái ảnh hưởng ấy mà ta mới vừa thoát ra, ta lại làm cho kẻ vắng mặt phải xốn xang, khó chịu, có khi họ phải thôi bỏ, bỏ việc hiền đức mà họ đương thi hành!

Lời nói của ta là mũi tên xẹt tới đầu óc của người, nó là tư tưởng bay chung quanh người, vẫn vít theo người. Bởi có cho nên mấy nhà hiền triết, mấy bậc xuất gia, mấy trang tâm đạo không thường ở nơi quê quán, vì những lời dèm pha của người xưa bạn cũ không để cho họ mau tẩn tới trên đường huệ.

Những trang hiền đạo thường tập cái miệng rất tốt, cái lưỡi rất thơm, cái môi rất dịu, lời nói rất hiền. Các ngài thường nhắc nhở lời lành của chư Thánh, chuyện phải trong kinh-sách, ở văn chương. Các ngài cao thượng, không gièm pha kẻ cố oán và toan phá hại mình, các ngài lại tâm mà biết và nói ra những cái đáng của bọn ấy nữa. Lời nói các ngài bao giờ cũng ngọt như mật, thơm như hoa. Tức nó là cái phản chiếu ở lòng lành của các Ngài. Các ngài có cái Chánh Ngữ hoàn toàn vậy.

Điều thứ tư là Chánh Nghiệp, việc làm Chánh. — Một cái tư tưởng, một lời nói đã là nghiệp rồi, thay vì việc làm. Song tư tưởng hay lời nói là cái nghiệp còn ngầm, có khi chưa phát hiện, là cái quả chưa mùi, còn việc làm chính là cái nghiệp thiết-nghiệm, cái quả mùi, cái hành-dộng ngay bằng thân. Việc làm là cái nghiệp chánh hay tà. Nghiệp chánh nâng ta lên cao, nghiệp tà đẩy ta xuống thấp, ta càng làm ác thì dây xiềng oan-trái càng trói buộc ta, ta càng làm lành thì ta mau được giải thoát lên cõi Huệ.

Con người ở đời tránh sao cho khỏi làm. Trong những khi tình-thần không vững, lòng dạ bức tức, ta dễ gì mà giữ cho được công bình, ngay thật. Cùng những lúc túng cùng, gấp rút, suy nghĩ không kịp, ta có thể làm cang, gây sự khổ hại cho người. Hoặc khi đương độ đầu xanh tuổi trẻ, nhiệt huyết đương thanh, máu giận hay sôi, bấy giờ tri phán đoán ta chưa đủ, ta tránh sao khỏi làm lếu mà về sau ta rất ăn năn. Nhất là những cơn mê sắc-dục, ta thường phạm tội nhiều hơn hết.

Không kể những việc làm mấy đời trước sanh quả báo mà ta chưa trả dứt, ngay ở kiếp này ta làm quấy cũng đã nhiều rồi. Vậy thì trong khi ta hiểu Đạo và biết tự hối, mỗi việc làm của ta phải trị được một cái lỗi hay giúp một sự phúc cho được gia tăng. Hãy tự coi ta như một viên sỏi bại trận, thất danh tiếng con nhà tướng, mất tên tuổi đáng anh hùng, và để cho vua chúa lo sợ, bá tánh âu sầu. Ta phải phấn chấn lên, dùng đủ mưu chước và gom hết tài lực để thắng giặc nghịch đảng thực tội và lập công. Cũng như thế, mỗi ngày ta quyết làm phải, giúp người, bố thí, một phần là để đền ơn, đáp nghĩa, trả nợ, rửa sạch các điều lầm lỗi, chuộc lại các tội xưa nay, và một phần nữa là để tom góp quả lành,

trừ thâu công đức. Chính cái phần này nó sắp đặt ngôi vị cho ta về sau và nó sẽ trân trọng ta một cách đặc biệt, vinh vang vậy.

Người Pháp có câu tục-ngữ này : « Chín có người ngu dại chớ không có nghề ngu dại, hèn hạ. » Câu ấy có thể khích-thích kẻ khiếp nhược, biếng nhác, còn đối với người trí, nó không ăn thua gì. Ta phải biết chọn nghề, lập nghiệp ở đời. Nơi đô-thị đông người, nhiều dân-tộc, khác ý và khác sở-thích lại lắm kẻ dư ăn dư để, họ cần dùng và ưa khoái nhiều việc phiền phứt và khác lạ. Kẻ biết chịu lòng dục vọng và tánh háo kỳ, háo sùng của họ, bèn bày ra những nghề nghiệp có lợi cho chúng-nó lắm. Lúc sau này Á-Châu cũng chìm đắm dưới làn sóng dục vật như Âu-Châu. Các trang thiếu niên công tử rất ham lặn lội trong những chuyện mới mẻ, họ đua nhau chơi bời xa xỉ rất phong lưu về xác thịt. Tất phải nảy sanh ra những nghề hạp với tánh nghinh-tân của họ. Trong các nghề ấy, có lắm nghề mà kẻ giữ gìn thuần-phong mỹ-tục, bảo tồn đạo-đức luân-lý, không hề làm, đâu lời đến bạc trăm, bạc ngàn trong năm ba khắc một đời canh.

Đại khái người hiền lương không làm những nghề phạm về Ngũ-giải : sát sanh, trộm đạo, tà dâm, vọng ngữ và tửu nhục. Mấy vị cư-sĩ khi qui-y thọ phái, có tuân theo lời khuyên của nhà sư, nguyện không làm những nghề ấy. Ở xứ mình đã có một số khá nhiều những cư-sĩ chuyên nghề phạm giải, chớ ở miền Ấn-độ và ở các nước theo Tiểu-thừa người ta giữ kỉ lắm, vì ở mấy nơi đó người ta hiểu đạo, họ dễ ngán mặt với món lợi hèn. Trong các nghề phạm Ngũ giải, cái thì hại về luân-thường đạo-nghĩa, cái thì độc ác sâu hiểm, nhưng kẻ bất tin lợi dụng họ cứ nong nả đuổi theo. Cũng có cái ít hại người mà hại vật, không mấy ác, nhưng bực chán đại quyết không làm, vì nó là không tốt, không hạp ý lành.

Nhiều hơn hết là nghề xúc phạm đến tội tà dâm. Lúc sau này tuy là thời-kỳ kinh-tế khủng-hoảng mà người ta cũng mở ra nhiều nhà khiêu-vũ (Dancing). Ở đó trai gái ôm nhau mà nhảy và ăn uống chơi bời chết mệt ; họ vút đồng tiền như tro bụi, quăng nó như sỏi đá. Sau lưng những cuộc vui

trận cười ấy, biết đâu chẳng có những cái quả khốc hại, thảm ghê về gia-thế và cơ nghiệp của kẻ mê tâm. Tôi không muốn mong sự buồn cho mấy tay tài-tử này. Tuy vậy mắt ta hằng thấy lắm chuyện điên-đảo vì sắc lịch: ông này suy vi, ông kia mất sớ, ông nọ tự ái, lắm kẻ giết người, thực "kết", bỏ vợ con. Mỗi ngày, tòa án xử phạt chẳng biết bao nhiêu là khách lịch-duyet trong trường tình!

Sau mấy người mở khiêu-vũ, những kẻ dạy nhảy, nhiều tay chủ phòng ngủ, chủ nhà hàng, những phường bán thịt buôn người đều làm nghề ô trọc đối với bực tri hiền. Mấy tay viết tiểu-thuyết tình góp món lợi ở bọn háo sắc mê dâm; mấy kẻ chuyên nghề hát xướng đưa tiếng lãnh lót của cô đào vói bộ tịch lá loi của cậu kếp vào tâm người ta, làm cho người ta càng chìm trong bễ tình chớ không phải trân trọng phong tục theo họ nói. Ta có thể kể vào nghề xấu, cuộc thú lợi ở những đĩa hát về tình-dục nữa. Người ta khéo nâng cái tánh mê tình ái bằng lắm cách sắc sảo, huê dạng, họ biết dùng cái tiếng *mỹ-thuật* mà chỉ mấy nghề dâm ô ấy. Người Âu-Châu quen với văn-minh vật chất, coi các sự giải trí ấy là cần; người Á-Châu ta từng sống về tinh-thần, không theo họ được.

Tương đương với nghề tà-dâm, mấy nghề trộm-đạo làm hại xã-hội cũng không phải ít. Các tay chuyên môn không đề đến phạm luật nước hữu-hình. Chính họ lại thông luật hơn ai hết, càng thông luật họ càng lừa đảo luật! Nhiều bác trạng-sư và lắm anh chạy việc là những hạng người cướp của thiên-hạ, chúng-nó bốc lột thẳng tay. Lắm hãng bảo kê, tiết kiệm, lắm sở cho vay, lắm Công-ty vô-danh (*Sociétés anonymes*), lắm sở khai phá, có tiếng mà không có miếng, nghe như hùng-hồn mạnh dạn, mà toàn là những bọn dùng mẹo luật, toán số mà ăn trộm của người.

Nói gì mấy chủ chứa bạc và các tay gầy sòng, đều là quân lặn mặt, gian tà. Họ những khổ thân, họ hại biết bao người ngoài cuộc, nhưng họ cứ mê mẩn trong nghề đồ bát, họ có cái khoái riêng trong cuộc đen đỏ nên họ khó mà hồi tâm, theo nghiệp chánh.

Nghề rượu cũng không phải là môn đáng làm: rượu phá trí não con người, nó rù quên và càng làm loạn tâm những

kẻ đương ham mê tài sắc. Các thứ thuốc hút và nha-phiến làm cho thiên hạ gầy mòn, nhu nhược, tiêu điều; người ta tứa tiền ra để đổi lấy hơi ngọt mà thôi! Lại có một thứ mới tràn sang Đông-Á, tức là món phiến trắng (cocaine); nó là một con yêu đã từng nhiều hại bọn làng chơi bên Âu-Mỹ.

Nghề vọng ngữ ít hơn: mấy anh thầy kiện ham tiền thường binh vực chuyện bất bình; họ nói quanh co xảo trá đủ lối để lật úp luật-hình; mấy tay bói khoa dốt nát, lặn vách, bình bát, dọa hăm để sống lây lất tháng ngày.

Nghề sát sanh cũng ít: những kẻ buôn súng và những thợ săn. Đi săn là một cách giải trí của người Âu-châu, lâu nay những bậc giàu-có, sang-trọng ở xứ ta cũng ưa thích nó lắm. Sự chơi của con người lạ thật: tằm vào rừng, xứ sở của thú, mà giết chúng-nó, vợ con, bạn bè, đồng loại của chúng-nó, như vậy mà họ gọi là vui, vui nổi gì? Giả như có một dân-tộc nào săn vào xứ ta mà là làm như thế, ta có bảo họ là độc ác, bất nhân chăng? Làm thịt, bán thịt, bắt cá, buôn cá không phải là trọng tội, vì là cách nuôi sống một số đông người, nhưng cũng không hợp với con nhà trí-thức hiền lành.

Nếu ta hiểu đạo thì ta nên chọn nghề tốt mà nuôi thân và giúp đời tùy theo tài, sức của ta, nhất là những nghề ăn với cái thiện-ý của ta. Không quá xao xác, không quá vất bỏ cái thân, ta làm việc một cách thanh thú để sống đời, nuôi vợ nuôi con; có dư, một phần ta để dự trữ, một phần khác ta giúp cho kẻ nghèo. Không nên làm tội-tớ cho đồng tiền, nô-lệ cho sự-vật, ta hãy giữ mình một cách thông thả, khỏi phiền lo. Có kẻ than rằng: « Bây giờ tôi hiểu đạo, tôi lại nghèo.» Thật như vậy, hồi chưa hiểu đạo người ta dùng đủ chước ăn thiệp về các sự sát sanh, trộm đạo, tà dâm, vọng ngữ, tửu phiến, người ta không hề ngại ngùng; bất cứ việc gì miễn có lợi thì làm. Như vậy họ có tiền, nhưng họ chất chồng nghiệp báo; cái nghiệp chưa mùi nên họ chưa thấy các tai-ương, nạn-khổ. Tôi chừng họ hiểu đạo, một phần là cái quả kia vừa mùi, họ phải chịu lấy chớ trốn tránh sao khỏi, một phần nữa là họ không dám làm như trước, cả hai phần ấy làm cho họ chịu đau, chịu nhẹn, chịu nghèo, chịu lụy. Nhưng rồi đây họ sẽ an tâm, vì họ sẽ trả

xong nợ xưa nghiệp cũ. Họ sẽ sống một cách vui thú hoặc họ chết mà không ăn-năn. Người hiểu đạo biết rằng làm các sự tà để đạt công danh phú quý là vô ích, như đánh banh vào tường, như cầm lửa chạy ngược gió, như phun nước lên trời.

Trong khi ở thế, vừa lo sự sống, ta hãy tìm cách giúp đời và làm ăn cho phải lẽ. Thành thật, vui vẻ, ta không thiếu ai, ta không sợ ai, ta bằng lòng vì ta, ta không hổ thẹn với thánh thần. Đủ ăn đủ mặc, có nhà có cửa, ta không cần ham các sự sướng về vật-chất chúng-nó buộc trói và dày dọạ ta.

Mấy nhà sư vẫn thanh bạch, thông thả hơn ta vì các ngài khỏi lo sanh kế. Mỗi giờ phút các ngài hằng làm việc lành. Trông qua các ngài, người ta biết là người có lòng bác ái, cũng như dòm ngang hột thủy-tinh người ta thấy sợi dây bạc ở trong.

Điều thứ năm, giống như Chánh-Nghiệp mà trôi hơn, quý hơn, khó hơn, tức là Chánh Mạng. Từ đây tới điều thứ tám là cao hơn bốn điều phía trước nhiều lắm. Những gót chơn nào không còn đạp trên đường trần mới có thể theo mấy nẻo này: Chánh Mạng, Chánh Tinh-Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Bởi thế đức Thích-Ca có khuyên kẻ thiện tín như vậy: « Ở hồn chưa mọc đủ lông, chớ toan bay lên mặt trời. Không khi ở miệt dưới là hiền, và vật-dụng ở nhà mà người thường xài thì không có độc. Riêng những bực đồng-lực mới có thể ra khỏi cái ổ mà mỗi người tự lột lấy. Tình thương vợ mến con là quý, ta vẫn biết thế; nghĩa bạn bạn và cuộc giải trí ở đời là sướng, sự bố thí ngọt ngào của một đời hiền hậu là có lợi ích; cái sợ tuy là sai, nhưng nó khẩn chặt lắm. Các người nếu phải ở như vậy thì cứ sống như vậy đi; hãy dùng cảnh yếu đuối của các người mà làm thành một cái thang bằng vàng; các người cứ năng thi hành những cái tượng-ảnh ấy để bước lần lên chơn-ly đáng yêu hơn. Như vậy là các người tiến lên nẻo sáng hơn, các người dễ mà lên cao hơn, các người sẽ tẩy tội mình nhẹ hơn, và các người sẽ chứng được một cái ý định vững vàng nó đập nát dây xiềng buộc của giác quan, rồi các người sẽ bước chơn vào Đường Đạo.»
 Khó hơn Chánh Nghiệp là những việc lành mỗi giờ hoặc mỗi ngày, Chánh Mạng là một cái đời lành, một kiếp nhơn-tử.

Người ở thế mà có lòng bác-ái có thể giữ cái Chánh Mạng từ khi nhiễm mùi đạo, ăn năn tự hối và quyết sống một cuộc đời khác hơn cái thời đã qua. Nhà sư ở theo Chánh Mạng là từ lúc hiểu luật ti-kheo (hãy xem cuốn Tăng-đồ nhà Phật), nguyện giữ giải trọn đời và xá thân cứu thế.

Ở theo Chánh Mạng là người thông-minh khá, hiểu đạo cao, thấu nhiều lý mỹ thâm và có tư-tưởng sâu xa.

Người ấy biết bảo tồn mạng sống một cách trong sạch và bồi dưỡng sức khỏe rất chính đáng. Người biết chọn món ăn, dùng những thứ nhẹ nhàn, thanh đạm, rau cỏ, trái cây, chớ không bỏ sức bằng mấy món trược như thịt thú-vật. Người uống nước lọc, nước sôi, chớ không màng các thứ rượu khai-vị hay tiêu bồ chúng-nó làm cho mê-dục. Người biết phương-thế hô hấp là cách dưỡng-sanh rất quý: ở chỗ có gió tốt, thở dài hơi. Người có điều độ trong sự nghỉ ngơi, ngủ sớm, thức sớm, trưa tịnh từ một giờ tới hai giờ xế, nằm nghiêng bên mặt, tay mặt để trên gối dưới đầu.

Nhứt là người biết kèm lấy tinh-thần là trọng hệ hơn hết đối với sức khỏe. Người chề ngự các sở dục như một tay cỡi ngựa giỏi cầm cương; người bình tĩnh trong trí, không giận, không phiền, không bức tức, không lo rầu về nhơn-sự ở ngoài, người vẫn tự nhiên. Người biết tham thiền, đưa cái tâm lên cõi cao viễn chớ không để nó đeo theo những hình-dạng thấp trược. Người không lười biếng, không bôn chôn, hối hả, không quá đày cái óc và cái thân, không buông việc này bắt việc kia một cách hợp tốp. Người mở rộng lòng bác ái, trông ra thế cuộc bằng cặp mắt thuận-hậu, hiền hòa và thương tất cả chúng-sanh.

Nhờ thống-trị tinh-thần và thân-thể, người được khỏe khoắn, nhẹ nhàn, mạnh giỏi, không đau đớn về xác-thịt và không hề có bệnh về thần-kinh.

Trọn đời người giữ cái mạng sống tinh khiết, vừa đem nó ra mà giúp đời. Chính vì cái mục-đích cứu nhơn độ thế nên người mới lo sức khỏe cho được hoàn toàn.

Trái với thường nhơn ham sống vì sự ích-kĩ, tham dục, người sống vì chúng-sanh. Trọng cái bần-mạng mà không trong cái ta, người lật cái của mình ra làm cái của người. Mắt thấy việc giúp người, tay làm việc cho người, chơn

chạy việc cho người, miệng tụng niệm, cầu chúc và dạy đạo nghĩa cho người, trí khuyên người làm lành. Sống một cách khoan-hồng, quảng-đại, người cứu giúp, bố thí luôn-luôn, và gặp cơn nguy biến người cũng dám hi-sanh vì chủ nghĩa từ-bi vậy.

Tôi đâu người rẫy hoa quả tốt lành tới đó, cuộc hành-động của người có ảnh-hưởng rất quý cho bá-tánh, họ đua nhau mà theo gương phước thiện của người.

Người dễ mà bước lên nẻo thứ sáu là chánh-tinh-tấn, tinh-tấn về đạo hạnh.

Đã bước khá dài trên đường giải thoát, người tinh-tấn ngoài đầu trở lại trông các chúng-sanh thì ngui ngui tất dạ, mong cho họ chóng được như mình. Nhưng người quyết mau chơn hơn nữa, rồi đây người sẽ còn trở lại đặng cứu độ cho dễ dàng hơn, linh nghiệm hơn.

Người tinh-tấn là một bực đồng-sĩ thẳng giặc nghịch một cách vẻ vang : giặc nghịch tức là nạn khổ, sự phiền lụy, chúng-nó đâm chém bằng các thứ khí-giải của chúng-nó. Người tinh-tấn là một vị danh-y, trị được bịnh độc : bịnh độc là sự đau đớn, thắm sâu về xác-thịt nhứt là về tinh thần.

Người tinh-tấn là một nhà bác-học trừ danh, biết hiệp lại và tách phân những món phát minh bởi mình.

Người hiệp lại thì thấy là một khối vui sướng, nhưng người tách phân thì thấy sự vui sướng có những từng bực khác nhau, có thứ xấu, có thứ tốt, có thứ thanh, có thứ trược, có thứ dễ cho bực hạ, có thứ vừa cho bực thường, có thứ đáng cho bực cao. Người chọn thứ thanh cao để cho cuộc tinh-tấn của mình đặng mau lướt tới chỗ cuối cùng, nơi giải thoát.

Người tinh-tấn cũng là một nhà luân-lý thiết-nghiệm đại tài nữa. Người trông khắp thế-giới, xem từ việc quá-khứ, việc hiện-tại cho đến việc vị-lai, lấy mắt linh mà đo độ các bực tấn hóa trong nhơn-sanh, người biết rất rõ về sự phải quấy, thiện, ác, sướng, khổ ở đời. Chẳng qua là những cái đối địch mà thôi : việc phải chỗ này chưa ắt là việc phải chỗ khác, sự quấy ở đây không phải là sự quấy ở đàng kia ; cái thiện của kẻ này đâu phải là cái thiện của kẻ cao hơn, cái ác của bọn kia chưa chắc là ác đối với chúng-nó, nhưng một bọn khác bảo là ác ; cái sướng của người này đối với người

kia là khổ, là hại, và cái mà tôi bảo là khổ thời anh lại cho là sướng v. v.

Người tinh-tấn biểu cho những sự hành động, các cuộc phát hiện đều là đối-dịch, người nong nả tới cái tuyệt-dịch, cái của Phật thánh ; và người giúp cho kẻ khác được vui sướng tức là mình vui sướng vậy.

Người tinh-tấn là một tay rõ thông thời-cuộc, nguyên-lý tan rã, giả dối của mọi sự-vật, nên người sống một cách vừa vặn phải thế ; cái sống ấy đức Lão-tử cho là sống theo Luật tự-nhiên, đức Khổng-tử gọi là Trung-dụng và đức Phật bảo là Trung-Đạo. Tức là người tinh tấn ăn thì cũng ăn nhưng không ham, không cầu sướng miệng bằng các món lạ, uống thì cũng uống nhưng không ưa trà, không thích rượu, ngủ thì cũng ngủ, nhưng không mê ; người tinh-tấn giữ vệ-sanh có điều-độ, có chừng-mực ; người không chịu khổ-hạnh về hình xác mà người cũng không quá căng dưỡng cái thân. Người tinh tấn cũng ở đời, một cách thanh nhàn, không triều, không tham, không muốn riêng cho mình, chẳng mong những sự vô ích cho cuộc tấn-hóa của mình. Người tinh-tấn không có của mà có của, không giàu mà giàu, không sướng mà sướng : vì tiền của, đồ quý và cái sướng đều ở trong mình mình, khỏi lo ai cướp giật, khỏi cần người coi chừng, khỏi cần kho lẫm mà giữ, khỏi mang dao súng mà ngừa : cái đạo-lý, cái trí-huệ nó ở luôn luôn nơi mình và mình thác nó cũng theo mình chứ không phải mình nắm tay không như kẻ trực phú và đưa cướp quyền.

Người tinh tấn sống rất nhiều bằng tinh-thần, từng niệm tâm và thỉnh thoảng cũng nhập định.

Chính nhờ cái Chánh-niệm nên người mới mau tinh tấn, vậy có Chánh-Tinh-Tấn tức là có Chánh-Niệm, nếu thứ bảy trong đường giải thoát rộng lớn và xa vời. Người Chánh-Niệm ở trong một cái thế-giới thuộc về tâm, về trí, cái thế giới này người tự tạo lấy, từ khi nó còn là nhỏ nhít, hẹp hòi cho đến nay nó bao quát tất cả vạn vật một cách yêu thương vô hạn. Cái tâm, cái trí ấy xưa kia còn ngờ, còn lẫm, còn ghét, còn ganh, còn biết riêng của mình, của người, nay nó quang minh chánh đại, nó cường tráng hoành liệt, nó chứa đầy sự thương người xót vật, nó không còn nhìn tới cái ngã, nó chỉ trọng lấy cái hơn mà thôi. Người Chánh-

niệm có khi yếu về thân-thể, nhưng không hề yếu về tinh-thần, vì cái này làm chứng cho sự Chánh-Niệm vậy. Các tia sáng và lành trong tinh-thần của người bằng xét ra chung quanh người và nếu chúng-nó mạnh cũng như của Phật, của Bồ-Tát thời chúng-nó tỏa ra khắp trong tam-giải lặn. Người Chánh-niệm đi tới đâu thời chúng-nó xông ra như hoa thơm bông lả mà cảm lòng của chúng-sanh, nên bất kỳ nhưn loại hay súc sanh mà gần người Chánh-Niệm thì liền thấy mình nhẹ hơn, vui hơn, hiền hơn bình thường.

Trước kia, lướt qua cái Chánh-tư-Duy, nẻo thứ hai, người còn giữ lấy tài-liệu, nhờ cái Chánh-tư-Duy mà có lòng lành, bây giờ ở trong cảnh Chánh Niệm, cái lòng lành, lòng từ ấy càng mở tung thêm, càng sáng rỡ thêm ra. Người từng suy nghĩ về các đức-tánh, các mối-từ-tâm, nên người trở nên hiền đức vô hạng, cũng như người thợ chuốt ngọc, mỗi ngày mỗi gọt, đẽo, sửa, chùi, đánh bóng, lâu ngày hòn ngọc phải thành ra một món đồ quý xảo vô giá chớ sao !

Người tham thiền không biết chán : đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống gì người cũng tham thiền được hết. Mỗi giờ, mỗi phút người cứ nghĩ, xét, nghiêm, phân, cân, độ các mối lòng ; người làm cho những cái hẹp hóa rộng, những cái tối hóa sáng, những cái chưa thiết lành hóa ra lành một cách toàn- vẹn.

Đức của người vững như núi Tu-Di, đời đời kiếp kiếp người nắm nó mãi. Lòng của người là một cái lòng sắt đá mà những cái tham, dục, vui, buồn, nạn khổ không lay-động nổi vì người đã dày công đánh đuổi, diệt sạch cái vọng-niệm, bây giờ người còn giữ lại cái Chánh-Niệm mà thôi. Lại những sự từng trải ở đời, những sự nghe thấy các việc phát hiện, càng làm cho lòng dạ người thêm cứng cõi và nhận biết sự thật. Những cái vui bề ngoài, những cái sướng về giác-quan đều là không đáng ; cái an lạc về tâm mới đáng. Sự vui sướng sanh nạn khổ, đau đớn ; sự an lạc cho cái khoái ở tâm hồn, bao giờ cũng là an lạc và vững bền. Sự vui sướng không hề biết thỏa, càng được càng ham, cái phạm-vi của nó ở nơi giác quan mà thôi chớ nó không qua khỏi cửa ngõ của cái tâm mà vào trong được. Sự an lạc thì không phải như thế, nó rung động khắp cả trong tâm, nó là một người bạn hiền mà mình không chán, nó xây

một cái nền rất vững ở trong tâm. Sự vui sướng bao giờ cũng là ích kỉ, người ta muốn vui một mình mình, một nhà mình, nó xen với sự khổ, nó đi chung với giọt nước mắt của con người, nên nó không làm bản hạnh được. Sự an lạc không biết tư lợi, hằng bố thí cho chúng-sanh, nó giúp công, cho của, truyền pháp, thí thân, nó làm phải cho con người, nó mới thật là hữu hạnh.

Hiền-nhơn Chánh-Niệm đành nghiêng vai gánh lấy sự khổ cho người và nguyện vái giúp người, chớ không phải như đũa hiềm thấy mình mà bỏ người.

Bực Chánh-Niệm hiểu rõ sự thiện ác hơn người. Không kể những sự phải quấy đối địch xét theo trình độ từng người, từng dân-tộc, thiện là sự làm cho số đông người được yên vui; ác là làm cho số đông người phải sầu thảm. Thiện là theo Đạo-Pháp, theo ý Trời Phật, theo sự tấn-hóa trong vũ-trụ, giúp sự tấn-hóa ấy mau đạt tới nẻo cao; ác là cái làm nghịch Đạo-Pháp, nghịch ý Trời-Phật, làm cho vũ-trụ chậm bước, không tấn tới được. Thiện là nối theo chơn Tiên gót Phật, ác là trở lại với bọn yêu quỷ súc sanh. Cái tâm của người Chánh-Niệm từng thẩm xét, nó cân phân rất đúng sự thiện ác của mình và của người. Đại khái sự thiện cũng như sự an-lạc, là làm cho bá tánh, giúp cho chúng sanh, bố thí chẳng quản thân, còn ác cũng như sự vui sướng, là bo bo lo riêng cho mình, giành lấy phần mình; bởi ham cái bổng-ngả, người ta giết chẳng gớm tay, gây các nổi chiến-tranh, các cuộc đồ thân, các nạn đáng ghê, làm rối nhàu cái Nghiệp.

Người Chánh-Niệm có cái đức Nhẫn là qui vô ngã. Người thành đạo được là nhờ cái đức này nhiều lắm. Có nó, bị thương không biết đau, ngồi giá không biết lạnh, bị phỏng không biết nóng, chẳng ăn uống không biết đói khát. Có nó, bị chửi không giận, bị đánh không phiền, bị xúc phạm không tức. Có nó, nghèo không sợ, sang không cầu, cho đến thấy chết cũng không nao. Có nhẫn, Phật mới ngồi rất lâu ở cây Bồ-đề, không ăn uống cử-động gì hết, chim làm ổ trên đầu Ngài cũng chẳng để ý tới, bò câu mỡ hột trong bình bát Ngài cũng chẳng đuổi, chịu lạnh giữa tuyết đông-thiên Ngài cũng không hay. Học-trò của Ngài và các thầy tu chân-chính trong đạo Ngài cũng Nhẫn một cách đáng phục. Trong cuốn Triết-lý nhà Phật trang 28-29, đức Buộc-Na (Purna, Tàu

dịch Phú lâu Na) vẫn là con một nhà quý phái Bà-la-Môn ở xứ Ca-ty-la (Capilavastou), nhưng đến khi qui-y theo Phật, người nhân đến đều: « Nếu có ai nói dữ tợn, cộc cằn và lỗ mắng với tôi, nếu họ giận mà chưởi mắng tôi thì tôi sẽ nghĩ rằng đó là họ tử tế, không lấy tay mà đánh hay vác đá mà ném tôi. Nếu có ai lấy tay mà đánh hay vác đá mà ném tôi, thì tôi sẽ nghĩ cho họ là biết đều nên chẳng lấy cây mà đập hay lấy dao mà đâm tôi... Nếu có ai lấy cây mà đập hay lấy dao mà đâm tôi, thì tôi lại nghĩ rằng như vậy không sao, vì họ chưa giết chết mạng tôi... Còn nếu có ai muốn giết tôi, thì tôi sẽ nghĩ rằng đó là tốt lắm, vì cái lỗi người mà tôi mang đây chứa đầy những sự ô trược cho đến có nhiều vị sa-môn muốn dứt đi với nó bèn tìm cách mà diệt nó vậy.»

Mấy vị đại hiền-triết bên Hi-Lạp từng có Chánh-Niệm và biết nhẫn tâm lắm. Như ông Epictète có nói rằng: « Nhà chuyên-chế mà hỏi sự mật-tin của tôi thì tôi không nói, bất quá họ có xiềng thì xiềng chơn tôi, họ không xiềng cái tự-do tư-tưởng của tôi được. Họ có bắt tôi cầm ngục thì họ chỉ cầm cái thể của tôi mà thôi. Họ có chém đầu tôi thì tôi sẽ bảo rằng đầu của tôi đâu có bền, muốn chém nó thì chém lấy.»

Ông hiền Epicure đến bữa chết, rất đau ở bao tử, nhưng bình tĩnh viết thư cho bạn Idoménee của ông rằng: « Ngày nay là ngày chót của tôi, cũng là ngày hân hạnh của tôi nữa.»

Cái Chánh-Niệm nhờ cái nhẫn nên kềm và diệt được biết bao nhiêu những chuyện đáng buồn, đáng chết, đáng ăn tươi nuốt sống người ta, tức là nó trị được biết bao nhiêu những mầm, những nghiệp chiến-tranh và nạn khổ ở xã-hội. Biết nhẫn, thấy người sung sướng không ham lại nghĩ lấy cái quý của mình để bù qua cái đó, còn nếu mình không có mà bù thì hãy vui chịu vì là cái nghiệp của mình. Biết nhẫn, con chết không quá tiếc, không quá sầu; vợ hư không mệt, không oán, cha bị chúng giết, không thiết trả thù e gây nghiệp-báo về sau.

Người Chánh-Niệm và nhẫn nhịn rất đáng làm thầy trong thiên-hạ, rất dễ mà thành Tiên tác Phật. Người Chánh-Niệm có đủ các mối từ-tâm, tức là những sợi dây truyền diễm tốt lành nối người với Tiên Phật. Trong khi niệm, bao

nhiều những nỗi lòng từ đều nâng cái đức tin của người lên. Bấy giờ có một luồng từ-khi bắt từ óc của người mà thấu lên cho tới vị Phật-Thánh mà người đương vái nguyện giả như đức Quan-thế-âm, đức A-di-Đà, đức Thích-Ca v. v. Lòng của người càng lạnh thì luồng điện ấy càng chắc, càng mạnh, càng linh. Ai có vọng-niệm, có nhiều tánh trước thì khó mà nguyện vái cho được hiển linh, vì vừa khi họ cầu khẩn thì cái lòng tà của họ liền lướt lên, nó cắt đứt hoặc nó làm yếu cái luồng điện ấy đi. May ra người thế thường có thể giữ Chánh-Niệm, lòng thành tín, nhưng trong khoản khắc mà thôi, họ cũng được Phật Thánh chứng cho họ, nhưng một cách vắn-vỏi, kiểm khuyết.

Người lành bao giờ niệm Phật cũng được linh, luồng điện rất mạnh, sự rung động rất lạnh, hiệu-quả rất chóng. Người dùng cái Chánh-Niệm của mình mà nguyện cho chúng-sanh, trị bệnh về hình-xác hoặc về tinh-thần ; người có thể đuổi tà ma, cầu Phật Thánh ban bố sự phước và dẹp nạn cho nhơn dân.

Cũng có việc công ích mà một mình người cầu không xuể, như nạn lụt, thất mùa, nắng hạn v. v. Ấy là cái nghiệp chung thì người khuyên dân sự ăn chay trong năm ba ngày đặng lọc bớt cái trước (1) sau khi đó người với bá-tánh tự đến một chỗ mà cầu khẩn Trời Phật Thánh Thần.

Đời xưa phong tục thuần-phác, con người ít phạm tội và có đức tin, có lòng Chánh-Niệm, các bực hiền-nhơn, các sư-cụ với nhiều nhà vua hằng dùng điện-lực của mình mà trực-tiếp với Ông Trên, lắm khi được hiển hích lắm. Đời nay con người ít thông về đường đạo, không mấy kẻ có đức tin, người ta cứ chôn mình trong cõi khoa-học thiết-nghiệm, đâu có hiểu nổi cái mẫu-nhiệm ở sự Chánh-Niệm. Nếu có ai giảng về đức tin với lòng Chánh-Niệm ắt lắm người sẽ bảo là ngây ngô vậy.

Nhưng ở miền Ấn-Độ và Tây-Tạng, nhiều nhà đạo Chánh-Niệm từ bi, bác ái, còn giữ mạng sống, song các ngài gần với Phật-Thánh luôn luôn. Các ngài rất đáng là tay gián-tiếp cõi trung-giải với cõi thượng-giải, phía nhơn-loại với phía Thần-Tiên.

Người Chánh-Niệm ít sống vì mình, mà sống vì đồng-loại. Đời của người là đời thanh bạch, thanh bạch đặng dễ cầu-nguyện cho nhơn-sanh.

(1) Vì trong khi ăn chay thì bỏ đều ác mà tưởng đều lành.

Nếu được cái Chánh Định, nẻo thứ tám, nẻo cuối cùng nữa thì người giác ngộ rất mau, chứng quả Bồ-đề rất chóng: bảy giờ cửa Thượng-thiên rộng mở, nhà giải-thoát tha hồ nhập định. Chánh-Định là tham thiên (coi đoạn tham thiên phía sau) nhưng tham-thiên bậc cao của mấy vị có huệ-đức nhiều lắm rồi. Người Chánh-Định được cái khoái-lạc vô cùng vô tận mà kẻ thường, kẻ chưa tu-luyện không có thể nào hiểu nổi. Cái khoái ấy người Pháp gọi là *Extase*, cảnh thiên ấy họ gọi là *Contemplation* hay là *État Exlatique*. Người Chánh-Định có thể rút những sự rung-động, những diên linh trên cõi Thượng-thiên xuống tới cái trí mình lúc mình tỉnh, hay là thấu các sự rung-động trong vũ-trụ ăn thiệp với chủ-nghĩa của mình. Người Chánh-Định cũng có thể xuất thần lên các cõi Thượng-thiên hoặc đưa nó đi các nơi để xem xét, nghiên cứu hoặc tế độ cho người.

Nhờ Chánh-Định, nhà đạo thông hiểu rất mau. Những lý bí hiểm, ẩn nệm mà bình thường tầm không được, người nhập định giây lát là thấu ngay, thấu những cái lý ấy từ trên cảnh-giải của chúng-nó xuống tới cái óc mình. Mấy nhà bác học ở Thái-tây cũng nhờ nhập định nên công cuộc họ được hoàn-mĩ, thiện-xảo.

Người nhập định ngồi nhà mà biết chuyện thế-sự, không ra khỏi cửa mà biết việc năm châu, không đọc sách mà thông tường tận, không học mà hay! Mấy nhà hiền triết Hy-lạp như Plotin, từng nhập định. Tin-đồ của Lão-tử, trước hết là Trang-tử, Liệt-tử bằng nhập định, xuất thần, được phái nhà Nho kính nể lắm. Nói gì tới tới đạo Phật, các sư thanh bạch nắm giữ cái chìa khóa bí ẩn cửa Thiên. Các sư Tông Du-già và mấy vị Lạt-ma trên chùa Tây-Tạ đều hiểu phép Chánh-Định và nhập định như ăn cơm bữa.

Các bậc thầy thành đạo thường xuất thần, để cái thể ngồi nhà, lấy một cái thể khác và đi với nó khắp nơi mà vớt người lâm nạn, an ủi kẻ ưu phiền. Có khi khổ-chủ thấy dạng các ngài họ ngỡ là Phật, Tiên hiện xuống tiếp trợ cho họ.

Có lẽ phải chứng những quả Bồ-đề cao rồi mới hành Chánh-định mau có công hiệu. Mấy thầy tu đạo Phật chứng quả thứ ba, hay là mấy ông hiền trong các đạo, bậc thứ tư La-hán, hay là chư thánh các đạo, chư vị Bồ-Tát sắp lên cho đến Phật Thế-Tôn đều nhập Chánh-định được hết.

Và nhờ Chánh-Định người bực này mới lên bực kia, lên riết, lên mãi cho tới khi lên tới bực Thế-Tôn, thành Phật hoàn-toàn...

Vậy thì từ khi mới tấn đức cho chí lúc Giác ngộ, con người phải theo tám nẻo lành, đạo Bát-Chánh, trước theo bốn nẻo : Chánh-Kiến, Chánh-Tư-Duy, Chánh-Ngữ, Chánh-Nghiệp, kế phải rán theo bốn nẻo nữa : Chánh-Mạng, Chánh-Tinh-Tấn, Chánh-Niệm, Chánh-Định.

Nhưng muốn hành đạo Bát-Chánh, muốn mau thành Thánh, thành Phật, thì phải dứt với thế-cuộc, bước khỏi trần-gian mà vào ngay đường Đạo một cách dạn-dĩ. Cũng có thể ở trong trần mà hành Bát-Chánh, giữ đạo, nhưng không nên quá yêu, quá thiếu các vật ở đời.

Muốn vào Đường Đạo, muốn giải khổ, phải diệt cái dốt mà làm cho thông, diệt cái u mà làm cho minh, diệt cái tối mà làm cho sáng. Vì dốt mà làm, vì dốt mà sống, vì dốt mà ham, vì dốt mà khổ. Ta không biết nhận nhiều bằng cảm giác, tưởng như ta bị cảm giác phỉnh gạt, chớ thật là ta dốt đó. Phải diệt cái dốt nó làm cho ta lụy trần, tất là học cho thông, đạt cái học nó làm cho ta công nhận việc đời một cách trúng đích, nó làm cho ta thấy cái giả, nó làm cho ta thoát ra khỏi cuộc sống đời. Nhà thông thái được tâm hồn mới mẽ, họ bình tĩnh, khôn ngoan, tự trị, không phải bị trôi như bèo thường như tục tử, không nhiễm tình tội thấp hèn, làm chủ cảm giác mình, biết rõ những việc mình về cái thân lời nói và trí lý. Người thông thái hiểu Tứ-Diệu-đề cũng cảm như đứa ngu, nhưng ở một đằng cái cảm gây ra tham dục tội lỗi, còn ở một đằng khác nó sanh ra tham-thiền đạo-nghia ; kẻ ngu như một chiếc thuyền không chèo, nó trôi theo dòng nước, người hiền vẫn đứng đằng sau thuyền, chơn bẻ lái, tay chèo, lướt khỏi dòng nước ngược và tấn tới luôn. Chính cái dốt là đầu mối trong mười hai cái nhơn-duyên, nếu diệt được nó thì diệt được các nhơn-duyên làm cho con người sống chết, khổ não.

Trong mười hai cái nhơn-duyên :

1./ *Cái dốt (vô-minh)* đứng đầu. Bối dốt, không hiểu đạo, không hiểu một đề nào trong Tứ-diệu-đề, không từng coi kinh sách, không hiểu cõi đời là đối-đích, là phát hiện, là

giả, là tan, người ta lầm, người ta ngỡ rằng đời là thật, các vật thấy trước mắt, nhận bởi giác-quan là chắc hẳn, người ta đeo theo, mê theo chúng-nó mãi. Người Âu-châu vô-minh, không hiểu đạo-lý, họ học nhiều mà họ chỉ biết các sự nhận bởi ngũ quan và trí-giác mà thôi chớ không mấy người hiểu sự mĩ-thẩm, với luật nhơn-quả, họ cứ mong lấy cái sướng, họ chỉ biết những cái không thật mà thôi.

2./ Dốt (vô-minh) sanh ra hành (*samskaras*), tức là sự hành-động trong lòng. Chẳng thông đạo vay trả công-bình, người ta hóa ra tham, tham mọi vật ở đời. Người ta thương con mến vợ lắm, không dám rời đi nửa bước. Có ai đánh con họ thì họ giận, họ nóng, họ đánh lại mới nghe; có ai dắc vợ họ thì họ oán, họ tức, họ làm đủ thế dặng giựt lại và báo thù. Người ta mê sắc lắm, những tưởng cho cái sắc là vĩnh-viễn, hay là người ta tối tăm không nghĩ đến bề trái của nó, buổi hậu-lai của nó, nên họ cứ thích tìm đủ cách để đeo theo bóng dáng lừa đảo của đờn-bà. Người ta ham tiền bạc của cái lắm, không tưởng rằng chúng-nó chẳng có bền, chúng-nó có thể ngưng sự tấn-hóa về tinh thần của mình; dẫu cho họ có đủ, họ cũng quyết có thêm. Người ta u-ám lắm, họ ngỡ các vật họ thấy chung quanh họ trên mặt đất là đáng hơn hết, họ dẫu có biết rằng cho đến những vật vi-đại như đất nước, non biển, địa-cầu còn phải tiêu thay; họ cứ nắm lấy và giữ chặt cái họ đã được, đã quen.

3./ Sự hành-động trong lòng, tình cảm, lòng mê tham sanh ra thức (*vinana*) sự nhận biết. Cái tình đối với nhơn-vật nó kéo tới cái trí. Cái trí này nhận các sự-vật trong vô-trụ.

4./ Trí nhận biết sanh ra danh-sắc (*nama rupa*). Chính nó cho vật nào là tốt, vật nào là xấu, nó thích món này, nó chê món kia, nó nhận và đặt tên mọi vật trong hoàn cầu thuộc về đất, nước, lửa, khí; nó biết màu này, màu kia.

5./ Danh-sắc sanh ra lục nhập tức là ngũ quan: mắt, mũi, tay chơn thân-thể, lưỡi, lỗ tai; với cái trí. Danh-sắc phải có sáu thể trí giác mới có giá trị, con người mới biết nhận một cách trúng theo sự đối-đích của giác-quan. Họ cứ ngỡ cho ngũ quan và cái trí của họ là thật, chớ họ không dè chúng-nó cũng lầm, cũng lạc. Nhiều khi chúng nó nhận bậy hết. Lại chúng-nó là đồ về xác-thịt mà thôi,



chờ ở nơi ta còn nhiều cái thể linh với giác-quan linh, nhưng vì ta chưa tinh-tấn về đạo-hạnh nên chúng-nó chưa mở thông.

6./ Sáu thể giác-quan sanh ra *xúc* (phassâ), chạm, trực-tiếp. Chính có sự chạm xúc ấy, có sự dội độn ấy, người ta mới thấy, mới nghe, mới biết mùi nếm, mùi ngửi, mới sờ, làm bằng thân-thể chơn tay, mới nhận chắc bằng trí.

7./ Xúc sanh ra *thọ*, tức là cảm. Khi giác-quan độn với vật thì mình liền chịu cái cảm mà cho là đẹp mắt, hay không đẹp mắt, êm tai hay không êm tai, hạp miệng hay không hạp miệng, vừa mũi hay không vừa mũi, sờ thấy mịn hay không mịn, phải lòng hay không phải lòng. Cái cảm của mình hoặc thích hay nghịch, vui hay buồn, sướng hay khổ.

8./ Thọ sanh ra *ái*. Người ta có cảm, thì có chịu, có vừa, có ưa, có thích, có thương, có mê. Sau khi thọ cái cảm, con người liền thương tưởng, nhớ mãi. Về các tình-dục, cái *ái* mạnh hơn hết, nó bắt yêu một cách tối tăm, nồng nàn. Mê gái, ham rượu, đánh bạc, hút thuốc phiện là những cái luyến rất dữ, chúng-nó bắt người ta làm nô lệ cho chúng-nó, chúng-nó khấn chặt vào trí muốn mà sai ngũ quan làm các việc nhục nhã, khổ não, song người đương cuộc không thấy, không dè. Cái *ái* có khi êm dịu mà sự xúi giục của nó ăn về lâu, khó chữa, cũng có khi nó tức tốc mà mau thỏa, nhưng dầu êm dầu không, ta cũng phải dè dặt cho lắm và diệt chúng-nó cho được mới nghe.

9./ Ái sanh ra *thủ*. Con người mê, dâm, tham, trọng, làm đủ cách để đạt ý muốn của mình. Chưa có, phải làm sao cho có. Có rồi phải lo mà bảo thủ, đặng cái vật yêu của mình khỏi thất lạc, khỏi qua tay kẻ khác. Về tiền của và sắc lịch, cái *thủ* mạnh hơn hết, nó giữ chòng-chọc món tiền của nó, nó chịu cực nhọc đi xuôi về ngược, dãi nắng dầm mưa, dùng hết tâm lực mà bảo trọng lấy nhà cửa và vật-liệu của nó. Nó coi chừng rất kỹ người vợ yêu của nó, nó ngăn thế này, nó đón thế khác để cho người đờn-bà của nó không giao thông với kẻ ngoài, nó lóng nghe từng lời nói, xem từng cách cử-chỉ của vợ nó, của tình-nhơn nó, như có cái gì đáng ngờ là nó trừ ngay.

10./ Thủ sanh ra *hữu*. Con người khi giữ được và vui với các món khoái của họ, liền mê và quyết sống lâu, sống mãi

để hưởng đời đời. Có đau, có rủi, họ sợ lắm, sợ chết bỏ “con thơ vợ yêu”, bỏ cơ-nghiệp gia-thế, bỏ công chuyện làm chưa hoàn thành. Họ ham sống cho phỉ cái lòng thương người mền vật của họ. Khổ thật !

11./ Hữu sanh ra sanh. Đã ham sống, họ còn lo tới sự sống của họ đời sau. Họ mong cho kiếp tới họ cũng sanh lên được sung sướng, ăn chơi như kiếp này. Họ phải luân-hồi, luân-hồi mãi. Nhưng họ mê về cuộc thế, đâu có biết ngó lên Cõi trên. Họ những vui mà luân-hồi, để hi-vọng về luân-hồi. Họ lầm thật.

12./ Sanh sanh ra khổ. Như có sanh, có luân-hồi tức nhiên phải có các nạn khổ. Trọn đời, con người vì thất vọng và không được như ý nên rên siết kêu la mãi. Sanh đã là khổ, khổ thân lại làm nhọc cả cha-mẹ bà con. Bệnh là khổ, vì thấy sự vui thú đã không hưởng được lại còn đau đớn trong mình như nhức đầu, đau bụng, mỗi lưng, sưng mình, té bại v. v. Già là khổ, vì tiếc mà chẳng được sướng như hồi còn trai, khổ mà thấy mình giác-quan hư tệ, thân-thể gầy mòn, mất cả vẻ đẹp những ngày. Chết là khổ, vì buồn mà bỏ lại một bọn người thương, một đám vật yêu, bỏ lại bao nhiêu công cụ ; té ra khi nhắm mắt, tay không vãn buồn tay không. Lại xen trong bốn cái nạn đại khái ấy, còn những việc muốn mà không được cũng làm cho con người lo lắng, rầu rĩ, tức tối trăm bề.

Phật đã làm thấy mười hai cái nhơn duyên ấy dày xắt con người, nên Ngài khuyên nhơn-loại phải diệt chúng-nó cho tuyệt. Khởi sự từ dưới sắp lên, từ cái thứ mười hai tới cái thứ nhất, diệt lần lần, diệt riết cũng như mình lấy bắp, diệt mãi cho đến khi còn cái vô-minh mình cũng diệt nó luôn. Minh liền sáng ra, mình giác-ngộ, thấu đạo, không còn lầm ; mình thấy cái thiệt, cái Chơn lý ; mình hết khổ, hết luân-hồi trong các nẻo.

Vậy thì trong đạo Phật, Tứ-Diệu-Đề là bốn món trọng hệ hơn hết và trong Tứ-Diệu-Đề, Đạo Bác-Chánh với Thập-nhị nhơn duyên là phải thi-hành cho đúng ; chúng nó gồm tất cả môn giải thoát. Nhơn Tứ Diệu đề, tôi xin hiển bốn bài thơ cảm và một bài giải sơ về Đạo Bác-Chánh, vì Đạo Bác-Chánh ở trong đề thứ tự.

KHỔ

Mọi vật đâu đâu chẳng có bền.
 Khi thành, khi bại, lúc lênh đênh ;
 Trông qua Vô-trụ đều là khổ,
 Vương nổi tử, sanh, lão, bệnh, phiền.

NGUYÊN NHÂN SỰ KHỔ

Phiền khổ trăm năm bởi có gì ?
 Con người mắc phải cái tham si :
 Tranh quyền, ham thọ, lo phân phước,
 Vui, triều, mê, sa, lấm lỏi nghi.

DIỆT KHỔ

Lỗi nghi, tội ác, phải trừ ngay.
 Nạn, khổ, sợ, lo hết đọa đày.
 Khao khát, dục tình đều diệt sạch,
 Đâu còn trói buộc với bi ai !

ĐẠO DIỆT KHỔ

Bi ai, sâu thẳm bởi vô-minh,
 Phải rón tâm Đương, đạt Đức linh.
 Thân, ngữ, ý hành theo Bác-Chánh,
 Tức là An-Lạc với Thông-minh.

BÁC CHÁNH

Một là Chánh Kiến thấy ngay,
 Mắt trông Nghiệp, Pháp, chẳng sai việc₂ làm.
 Hai là cái Chánh Tư duy,
 Xét suy quảng đại, thương vì chúng-sanh.
 Ba là Chánh Ngữ, lời lành,
 Giữ răn cửa miệng như đền Vua to.
 Bốn là Chánh Nghiệp phải lo,
 Ở ăn trụng phép, làm cho người nhờ.
 Năm là Chánh Mạng như lò,
 Trọn đời chớ khá phỉnh phờ một ai.
 Sáu là Tinh Tấn Chánh ngay,
 Đốc lòng phấn khởi theo rày đạo cao.

*Bảy là Chánh Niệm thanh tao,
 Chẳng cầu, chẳng vọng việc nào tà tây.
 Tám là Chánh Định cao thay,
 Cái tâm bất loạn trông ngay Đạo màu !*

Phải học, học cho dũ mới thấu Tứ Diệu-đề, đạo Bác-Chánh đạo Giải-thoát ; vừa học vừa suy nghĩ, tham thiền. Nhờ tham thiền trúng diệu và siêng cần, người ta mới trông rõ cái mà giác quan không nhận biết được. Nhờ tham thiền người ta mới cắt đứt luyến ái và được giải thoát hoàn toàn mà nhập Niết Bàn. Luôn đây xin hiên cho độc giả khoản đời thanh thú của một nhà sư Nhứt-bồn thoát trần, ông Tchômei hồi thế kỉ mười hai. Trong khi nhàn cư nơi cốc quạnh, ông đã hưởng cái thú vị khác phàm, ông đã thành tiên thánh, nhưng vẫn còn khiêm tốn một cách đáng yêu. Ngồi trong lều tranh viết bài bút tích, hồi tưởng lại khi ở thế, ông thấy mình hân hạnh cả ngàn lần nhiều hơn. Trần gian là giả cảnh, là bọt nước, với phú quý công danh.



6.— Bút tích của một bức nhàn cư giải thoát.

Bài này gốc chữ nho, M. Steinilber-Oberlin, soạn giả quyển Tông phái Phật-giáo Nhật-bồn (*Les Sectes bouddhiques japonaises*) dịch nó ra chữ pháp. Nay tôi dịch lại, nương theo bản chữ pháp, biết đâu chẳng có một hai cái danh từ không hợp với gốc chữ nho, nhưng đại-khái có thể làm cho độc giả thấu cái ý-vị thâm trầm của một bức sĩ phu bỏ công danh phú quý vào tịch tịnh ở non xa rừng vắng. Vậy độc-giả hãy trầm tĩnh mà đọc và trong khi đọc, hãy tưởng tượng rằng mình đang ngồi nơi sơn lâm thanh tịnh, xa miền trần tục khổ não, phiền lụy.

Nước dưới sông cứ chảy hoài không dứt, nhưng chẳng bao giờ là một thứ. Bọt ở cuộn nước khi thì tan khi lại hiệp nhưng chẳng có bền. Ở đời này người ta và nhà cửa cũng như vậy đó.

Nơi đô thị rục rỡ, nhà phố kẻ quyền quý và kẻ bần hèn đứng khít nhau, kèo giao nhau và màu ngói liên tiếp nhau, tuồng như ở đó lâu đời và ở mãi. Hãy ngó cho gần coi nào : có vài cái cũ mà thôi. Mấy cái này năm ngoái đã hư sập và cất lại năm nay, mấy cái kia nghèo và yếu choán chỗ mà trước kia là đèn đài. Người ở trong nhà cũng thế, chẳng có bền-bỉ gì. Vài ba mươi người mà ta quen biết ở một chỗ nào, trong ít năm thử coi còn được mấy người ? Người ta sanh buổi mai, người ta chết buổi chiều. Cuộc đời là như vậy : bọt trên mặt nước.

Dầu họ có sanh, dầu họ có chết, con người nào biết ở đâu họ đến và họ đi đâu ? Họ biết cái gì nữa kia ? Họ có hiểu rằng trong đời vắn-vỏi của họ ở cõi này, họ rán sức (1) và xao-xác lắm có nhắm vào đâu chẳng ? Họ có biết phân biệt cái gì làm cho họ hân hạnh với cái gì làm cho họ vui mắt chẳng ? Cái không chắc và không bền là phần của chúng-ta : chủ nhà với nhà, đảng nào đời đời nhiều hơn ? Người ta không nói được. Người và vật đều khuất như nhau.

(1) Rán sức tranh giành các việc ô trược.

như thể sương đọng cành hoa. Khi thì sương rớt đi và hoa còn, nhưng đến sáng bị bóng mặt trời, hoa phải héo. Khi thì sương đọng lại, và hoa tàn, nhưng chưa kịp tối sương đã ráo khô».

Tchōmei tiên sanh, tác giả bài này có thuật rằng ngài trải qua các sự khốn-đốn nên ngài thấu tánh vạn vật, chơn-lý cốt yếu này: mọi vật đều giả dối, trống trơn và biến đổi. Ngài thấy kinh-đó Nhứt-Bồn bị hỏa hoạn hồi năm 1177, lại một kỳ bão to làm cho nhà cửa bay tróc như gió thổi lá mùa đông, rồi thì nạn đói, nạn động đất v. v.

« Những sự rất buồn mà tôi mới vừa kể, những sự khổ não mà tôi đã qua, những món ấy là phần số thường lẽ của con người, nó chỉ rõ rằng đời là giả và mọi vật chẳng bền. Giữa các cảnh ấy, ta dùng cái đời vắn của ta mà làm gì?

Muốn cứu cảnh an-lạc bề trong của tôi, của cái độc nhứt của tôi, tôi định không ở hồng trần.

Không vợ, không con, không chức tước, không danh giá gì có thể bịn lầy tôi; tôi bỏ hết, tôi đi. Kẻ ở thế mất hết tự do: nó đi đi lại lại không được thỏa chí, muốn cười nó không cười được, muốn khóc nó không khóc được. Muốn làm vui lòng người và cầu cho họ tươi cười, nó phải tổn hại mạng; muốn mich bụng người, chúng sẽ bảo nó là điên. Túng theo nhà thế lực, nó thành ra kẻ nô-lệ và trước mặt nhà thế lực, nó run cũng như chim sâu làm ổ gần chim ó. Đùm-bọc chở che cho ai, nó phải thương người ấy mãi và nó cũng mất cái thong thả của nó đi.

Tôi bỏ hết, tôi đi, và đã năm lần thu đông, tôi cư ngụ nơi am thanh này, chỗ tưởng đạo có mây bay, trên đỉnh sáng núi Ohara...

Bây giờ tôi già. Tôi đến cái tuổi mà giọt sương không còn tan dễ nữa (nghĩa là đến tuổi mà sự buồn không dễ gì khuấy-khỏa.) Tôi được sáu mươi tuổi. Tôi cắt một cái lều, lá cuối cùng của một cành cây hết lá. Tôi dọn cái lều này nhỏ và tạm thời, cũng như kẻ lữ hành cất trại để ngụ đêm, hay cũng như con tằm già bắt cái kén cuối cùng. Sánh với nhà tôi thuở trước, cái này nhỏ hơn một trăm lần. Bởi tôi càng mòn, chỗ tôi càng hẹp.

Cái lều của tôi không phải là cái nhà thường. Nó vừa được mười thước chơn (pied) bề ngang và bảy thước chơn bề cao. Nó không phải cất để ở mãi một chỗ, mà nó sẽ dời đi theo ý tôi, nên tôi không có xây nền; đất nện bằng chơn là đủ. Nóc nó bằng sậy để trên có ít miếng cây kết lại với nhau. Khi nào tôi không còn thích cảnh này và theo ý tôi, tôi dời nó đi chỗ khác rất tiện.

Hiện nay tôi ở đây, trong núi Hino sâu thẳm, xa khuất cõi trần, tôi ẩn tích mai danh. Phía nam tôi có che mái hiên bằng lát và lá dây leo; mái hiên có bóng mát, ở dưới tôi trải chiếu. Phía tây tôi dọn một cái bàn thờ sơ-sĩa, có chung một cốt Phật A-Di Đà. Mặt trời chiều rọi ngay vào trán sáng-suốt của Ngài. Phía hữu và phía tả tôi có treo hình Tonghen và Foudo. Kế trên một cái bàn nhỏ tôi có sắp vài cái tráp đựng thi phú, bản đàn và vài ba quyển kinh. Gần đó có cây đàn và ống tiêu của tôi, đồ tháo ra được, vốn của thi-sĩ lữ hành. Về phía đông tôi dọn một cái giường bằng lá cây và rơm. Trước cửa sổ tôi để cái bàn thấp, nơi ấy tôi viết bài bút tích này. Gần cái gối dờn lá của tôi, tôi có đào một cái lỗ để đốt lá sưởi. Ở phía bắc lều, tôi có xây chung quanh vườn nhỏ, một vòng hàng rào cây sống, trong vườn tôi trồng hoa và thuốc. Nhà tạm một giờ của tôi là vậy đó.

Mùa xuân tôi xem hoa (glycine) thướt-tha và thơm-tho. Qua hè, nghe tiếng chim câu, tôi bắt nhớ đến cảnh ngoài (cõi chết). Mùa thu ve ngâm đầy không khí những giọng thiết-tha, tuồng như chúng-nó khóc cái thế cuộc trống lỗng như cái vỏ mà chúng-nó lột bỏ mùa này. Sang đông tôi ưa xem tuyết đọng, hình như giả cảnh của người đời, rồi tuyết tan đi. Mấy lúc rạng đông, tôi thấy trên mặt hồ bọt sóng trắng, trí tôi nhớ tới ông đạo Mansei trước mạn thuyền:

*Ta sánh với chi cái cuộc đời,
Sánh cùng lăn nước chiếc thuyền khơi,
Hay cùng cái bọt theo lăn nước,
Hay với ban mai buổi rặng trời !*

Buổi chiều những khi có hứng, tôi thổi tiêu bản thu phong. Tiếng thông reo hòa với giọng tiêu của tôi. Hay là tôi thổi nhẹ-nhàn theo tiếng suối ro-re. Tôi thổi tiêu để tôi nghe mà thôi, chớ không thổi cho ai. Tôi cũng ca ngâm cho

một mình tôi. Tôi chẳng có tài gì. Tôi chỉ dựa vào lòng chút ít hứng thú mà thôi. Đồ mặc, tôi vui chịu với một cái mền và một cái áo vải. Không đi lại với trần thế, tôi có cần đồ đúng kiểu mà làm gì? Đồ ăn, trái rừng với lúa đồng là đủ cho tôi rồi. Và như mùa màng không mấy khá, tôi lại thấy đồ ăn có mùi vị thanh nhã và chơn thành hơn. Tôi sánh buổi đã qua của tôi với buổi này, tôi phải buộc mình nhận như vậy: bây giờ tôi hữu hạnh một ngàn lần nhiều hơn trước. Tôi sống không bảm muốn, không mục đích, không sợ, không rầu, không lo một mảy gì: tôi phó thác cho trời cuộc định đặt cái mạng của tôi. Tôi vô sự và nhẹ nhàn như cụm mây thanh bạch bay trên trời xanh (azur). Tôi không quá chú-trọng đến tôi, tôi cũng không tự chê tôi lắm. Tôi rước lấy mấy cái khoái-lạc nho nhỏ của tôi từng cái một, chúng-nó đến mỗi giờ, mỗi chập. Ban đêm, kê đầu trên gối lá, tôi thấy những điềm mộng nhẹ nhàn mát khỏe. Ban ngày tôi lấy làm sững mà thấy màu và yếm sáng đổi lạ mãi một cách thanh lịch, đổi với thời tiết và qua mau...

Tôi cất cái lều nhỏ cho tôi mà thôi. Con ốc thích ở trong vỏ của nó, bởi vì ở có một mình, nó biết cái vỏ đủ cho nó rồi. Chim diều ở trong hang đá sâu bởi vì nó sợ loài người. Tôi cũng như ốc và diều.

Tôi cất cái lều tôi lớn hơn để làm gì? Để cho ai? Tôi chẳng mong bạn bạn tôi tớ chi cả. Bạn bạn lo lam thân với kẻ giàu để nhờ. Họ đâu chịu gần người công chánh và tốt lành. Tôi tớ chỉ thấy tiền công và món lợi, sợ đánh đập, mà không muốn ở thanh nhàn với một người chủ tử-tế. Trong buổi hiện thời này, người ta không tin ai được. Và như có cần bạn thì tôi có bạn: ấy là cây đờn và ống tiêu của tôi, trăng và hoa.

Chính cái tâm của ta nó tạo nên cái mạng vận của ta và nó chủ trị Tam-Giải. Giả như tâm anh không được yên ổn thì vàng bạc của cải, ngựa và bò có ích gì cho anh? Càng có lâu dài anh càng muốn thêm lâu dài. Mà tôi đây, trong cảnh hiêu quạnh này, ở dưới nóc lều, tôi được yên tịnh và cái tâm tôi bao giờ cũng vui. Chớ chi tôi ở kinh thành, tôi sẽ lấy làm thẹn mà thấy tôi nghèo. Ở đây tôi lấy làm thương bọn diên cuồng, những khổ cực dặng nắm lấy cát bụi giàu

sang. Tôi thương cái nghèo, cái tịnh và cái chòi của tôi. Con cá vui ở dưới nước, nhưng muốn hiểu cái tâm của nó, phải là cá mới được. Con chim vui ở trên rừng, nhưng muốn hiểu cái tâm của nó, phải là chim mới được. Vậy nên nghèo và tịnh là sở-thích của tôi, nhưng muốn hiểu nó phải là tôi mới được.

Dưới chơn núi có một cái nhà lá nữa; ấy là nhà của người tiểu phu. Người có một cậu con trai, có khi cậu lên viếng tôi. Nhưng hôm tôi buồn, tôi đi dạo với cậu và tuy hai tôi khác tuổi với nhau rất xa, cậu mười sáu, tôi sáu mươi, nhưng chúng-tôi đồng chung hưởng mấy cái vui với nhau. Khi thì chúng-tôi bẻ hoa, hái trái, khi thì chúng-tôi moi khoai rừng và ngắt ngò, có khi chúng-tôi đi xuống ruộng ở dưới đồng và mót những vé lúa rụng đặt đơm thành bó và giăng thành dây.

Mấy khi trời trong, người bạn trẻ của tôi và tôi đồng trèo lên một vài đỉnh núi cao, nơi ấy tôi trông về cố quận xa-xuôi. Chúng-tôi thấy núi Kobata, làng Toushimi-Tola, Hitsou-kishi... Một cảnh đẹp không thuộc về ai cả và không ai cản tôi thưởng cảnh được.

Khi trở lụng về, tùy theo mùa, chúng-tôi mé chùm lý hay bẻ cành mai hoặc cành dây leo, hoặc nữa là lượm trái cây. Rồi cúng Phật xong, chúng-tôi chia nhau dùng đồ ăn đem về.

Mấy đêm thanh tịnh, tôi nhìn bóng trăng rọi tới trong lều, tôi lấy làm cảm-khích mà nhớ đến người xưa, nhớ đến cha mẹ tôi đã qua đời. Và khi nghe vượn hú, tôi khóc, nước mắt ướt đầm tay áo (!). Ngoài xa đốm đốm trên cổ tường như đèn của kẻ đánh cá ngoài hòn Maki. Rạng đông có khi tôi nghe giọt mưa rớt tựa hồ như tiếng lá ào-xào dưới chiu gió. Và khi nghe công tổ-hộ, tôi tự hỏi một cách cảm-động rằng không biết có phải hồn cha hay mẹ tôi trở về đó hay không?

Nai trong núi không sợ, đến viếng tôi. Cuộc quen thân với mấy con thú này là cái bằng chứng tôi đã thoát khỏi hồng trần. Buổi chiều, một hai khi chụm lửa dường như tôi thấy vong hồn một ít người bạn trở lại thăm tôi. Tiếng chim cú trong núi đưa lại tâm hồn tôi một cái buồn dịu-dàng. Mặt trăng đời tôi gần đến khuất và đây rồi nó sẽ lặn sau núi tối tăm.

Tôi có nên lo đời nữa không, dầu là những việc khiêm-tốn và đơn sơ ? Gần đến giờ mà tôi phải vào cảnh u đó.

Phật có dạy con người không nên làm nô-lệ cho vật bề ngoài. Cho đến như tôi triều cái chòi nhỏ cũng kể là tội rồi. Lại đến lúc nằm mơ màng ngủ hay định trí tham thiền, tôi hưởng sự khoái lạc một cách lười biếng, ấy cũng là một cái trở lực cho cuộc giải cứu của tôi. Dầu là đơn giản cách gì, những cái thích mà tôi mới vừa tả đều là giả dối hết.

Một buổi sáng êm tịnh kia tôi nghĩ đến mấy điều ấy một độ lâu, đoạn tôi thành thật hỏi tấm lòng tôi rằng:

« Vì cái mục-dịch đạt bề an-lạc trong tâm và theo nẻo Phật nên người bỏ trần thế và làm bạn quen thích với núi, rừng, hoa cỏ và đêm trăng. Nhưng dầu cho cái bóng dáng bề ngoài của người là thanh nhơn, chớ cái lòng của người vẫn chưa trong sạch. Cái cốc của người chẳng qua là giống không đáng với cái cốc của đức thánh Jomyo (ông thánh này có phép thần thông, mời cả ngàn đấng vào cốc mình, một cái cốc mười thước chơn bề ngang) và tánh trí của người không bằng kẻ thấp thường Han-So-Kou (người thấp thường này giữ theo lời Phật dạy). Vậy chớ tại cái nhơn tánh của người còn khuyết-diễm hay là tại tình tội mờ tối nó lẫn-lộn trong nhơn tâm người ? »

Tôi hỏi câu ấy, tấm lòng tôi không trả lời. Liền đó cập môi tôi nho nhỏ niệm :

« NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT ».



V

Tham thiền

TẠM GIẢI VỀ MỘT VẤN-ĐỀ RẤT KHÓ

1. THAM THIỀN LÀ GÌ. — Đức Na-tiên giải nghĩa tham thiền với vua Di-lan-đà. Nghĩa tham thiền theo Plotin nhà hiền triết hồi thế kỉ thứ ba, theo Wedgwood một nhà soạn sách đạo. Người ta có thể tham thiền về sự vô hình và hữu hình.

2. BA THỜI THAM THIỀN. — a) Định trí làm cho tư-tưởng và đề mục tụt lại và khấn chặt vào trí mình. Mấy nhà thông thái nhờ định trí mà phát minh: Denis Papin, Newton, Archimède. — b) Thẩm xét là tách phân và hiệp lại theo đức Na-tiên, suy nghĩ kĩ lưỡng. — c) đại định là cách tham thiền cao của bậc Thánh.

3. BỐN BỰC THAM THIỀN. — Mỗi bực là một quả đức, đến bực thứ tư là quả La-Hán. Đại-sư Cưu-ma-la-thập chỉ về bốn bực tham thiền.

4. CÁCH THAM THIỀN. — Tham thiền thế nào cũng dặng, nhưng người mới học cần giữ kĩ những phương pháp về hình thức: cách ngồi, cách thở, giờ tham thiền; tập lấy những đức lành giúp đời.

5. THAM THIỀN LÀ CẦN ÍCH. — Nó trị các tật bệnh về hình thể và tinh thần. Nó giúp cho mình thấu lý mau hơn là học bằng sách. Nó làm cho người ta trở nên hiền lành rất chóng và được an lạc.

6. THIỀN TÔNG VỚI SỰ THAM THIỀN. — Ảnh hưởng đạo Thiền mà đức Bồ-đề đạt-ma truyền qua Cực-dông giúp cho người Tàu và rất thích hợp với lòng dạ oai cường của người Nhật. Sự hay bề trong của đạo Thiền. Ít bài thâm thúy của đạo Thiền. Sư Thiền-tông là cao thượng lắm: sinh hoạt đơn sơ, không hề sợ chết và ưa trắng trong gió mát, họ mến cái đời tự do của nhà đạo như mấy vị tín-đồ bên Lão-giáo.

7. LÃO-GIÁO VỚI SỰ THAM THIỀN. — Đức Lão-Tử từng tham thiền và giao thông với các nhà tôn-giáo ở Ấn-độ. Tư tưởng đạo Lão rất chú về sự tham thiền, tâm cái giác-huệ nơi mình chớ không phải lấy trong sách sử của cổ-nhơn.

Ay là một vấn-đề lớn khó mà phân-giải cho rõ-ràng. Thật ra, trong nước ta có mấy người hiểu thấu sự tham-thiền? Chỉ có bậc tiên, bậc thánh và La-Hán sắp lên mới rõ lý tham-thiền và dạy nó cho học-trò.

Nhưng vậy soạn-giả cũng biết sự cần-ích của tham-thiền, biết cái ảnh-hưởng to-tác mạnh-mẽ của nó và cũng thấy ít đều làm được trong cái đại vấn-đề này.

Tam góp tài-liệu và biên ra đây, tôi mong cho độc-giả thấy những điều lợi ích trong sự tham-thiền. Nhất là nó giúp mình càng thêm hay, thêm tốt, thêm hiền lành.

Thấy khó mà bỏ qua thì đâu có hay ho gì? Một vị đại-đức chứng quả linh mới tham-thiền, còn bọn ta không tham-thiền được hay sao? Ai cấm ta tham-thiền? Ta cứ tham-thiền, tham-thiền theo bực của ta, để bớt lần những cái tà-vạy, để dọn đám đất cho sạch rồi ta sẽ gieo hạt giống tốt lành; cái huệ sẽ phát ra; ta sẽ vững-vàng mà đi đến nẻo Giác.

« Anh hãy giúp anh rồi Trời sẽ giúp anh », một câu cách-ngôn phương Tây nói đúng vậy. Có tham-thiền mình mới chứng lần lên bực cao, chớ có phải chờ đến mấy bực đó mình mới tham-thiền đâu. Đức Đạt-Ma trong khi qua truyền đạo ở Tàu ngồi tham-thiền chín năm; nhưng mấy đời trước Ngài đã quen tham-thiền rồi. Đức Lão-Tử và đức Phật đâu phải tham-thiền lúc lập Đạo cho đời, nhiều kiếp trước hai Ngài đã có tham-thiền và tâm-tối rồi.

Xin thưa với độc-giả rằng phần tham-thiền sau này không phải là cái lịch-duyet của tôi truyền lại cho độc-giả, -- tôi không phải là Thánh, mà là một bài khảo-cứu, một phần góp nhặt những chuyện xưa nay và những cảm tưởng có ăn-thiếp với sự tham-thiền.

1 — Tham thiền là gì?

Một hôm vua Di-lan-Đà (Milinda) hỏi đại-đức Na-Tiên (Nagasena) về sự tham thiền. Vua hỏi: « Bach Ngài, có phải nhờ tham thiền định trí (attention concentrée) người ta thoát kiếp luân-hồi chăng? »

— Phải, nhờ tham thiền định trí mà cũng nhờ đạt lý (sagesse) và những mối đạo tâm (états d'âme) khác nữa.

Vua hỏi tiếp: « Vậy chớ trí không phải một thứ với lý hay sao? »

— Không, ấy là hai thứ khác nhau: những loài dê, trừu, bò, trâu, lạc-đà định trí được chớ không bao giờ đạt lý được.

Vua hỏi nữa: « Tham thiền định trí và đạt lý là gì? »

— Một đàng là thông hiểu, một đàng là đoạn tuyệt.

— Sao vậy ? Trăm không hiểu, xin Ngài so-sánh cho trăm biết.

— Bệ-hạ có biết bợn gặt chẳng ?

— Trăm biết.

— Tay trái họ nắm lấy bó lúa, tay mặt họ cầm lưỡi liềm, họ bèn cắt đi.

— Nhà đạo cũng làm như thế. Người ta tham thiền định trí mà làm cho thần trụ lại, rồi người ta dùng lý mà cắt các tình dục. Cho nên hai đàng cùng đi với nhau, định trí là thông hiểu và đạt lý là đoạn tuyệt. (1)

Ấy theo đại-đức Na-Tiên, người ta tham thiền định trí làm cho thần trụ lại ; đã thông hiểu và đạt lý, người ta bèn dùng lý mà cắt tình dục, diệt những cái xấu-xa ô-trược ở trong mình.

Nhà hiền-triết *Plotin* hồi tuế-kỉ thứ ba có dạy rằng : « Người hãy bớt những cái thái quá, sửa những cái chẳng ngay, đưa yển sáng vào những chỗ tối, làm cho cả thảy đều được sắc sảo tươi xinh và người cứ gọt đẽo cái tượng cốt người mãi cho đến khi yển sáng đạo đức Cao-viên rơi tỏ nơi người, cho đến khi người thông vào đó mà thấy cái hoàn-mĩ cao-nghiêm rất đáng nâng lên Bàn thờ tình-khiết. » Cũng như đại-đức Na-Tiên, *Plotin* chỉ cái quý ở sự tham thiền nó làm cho con người dùng cái trí mà suy-nghĩ, bỏ cái xấu lấy cái tốt, bỏ cái ác lấy cái lành, bỏ chỗ tối đến chỗ sáng, sửa lần tâm-tánh mãi cho đến khi hoàn-toàn.

J. I. Wedgwood, soạn giả quyển Tham thiền để cho người mới bắt đầu học đạo « *La Méditation à l'Usage des Commencants* » có giải nghĩa tham thiền như dưới đây : « Tham thiền là sự gắng sức làm cho có một vài chút trí giác linh-thiên ở cõi trên nó vào tâm mình khi mình tỉnh, nghĩa là vô trong cái trí nhằm lúc nó khỏe-khoắn sốt-sắn như thường. Mình lấy lòng thành-tin mà tạo nên một cái đường kính, rút cái ảnh hưởng Nguyên-thủy Thượng-thiên (tức là mình chọn thật) nó theo cái đường kính ấy mà vào làm cho cái hèn tối của mình trở nên sáng tỏ thông mình. » Ông *K. P. Blavatsky* nói : Tham thiền là cái chí nguyện không thể phân tổ, cái chí nguyện nhiệt-thành đưa tâm thần lên nhập với Cõi Vô-cùng Vô-tán.

(1) Đoạn này có biên trong cuốn Triết-lý nhà Phật trang 52.

Thuyết tham thiền có thể là vô hình, như một cái đức tánh, ví dụ tình thương cảm, sự công-bình; nó có thể là lý-tưởng về Yếu-sáng trong người, về cái Nguyên tánh thượng thiên tức là cái bản tánh chơn thật của con người; nó cũng có thể là một cái ý-nghĩa về một điều gì còn lộn xộn phân vân ở trong trí mình. Hay là đề mục tham thiền là sự tượng tượng ra hình một đức Thầy, một ông Giáo-chủ. Ta cũng có thể đề trí tham thiền về một người nào mà ta kính và phục. Vậy nên đề và kiểu tham thiền rất khác tùy theo tánh riêng của mỗi người và tông-phái mà họ theo. Cao hơn hết là cách cho thần hồn lên nhập với Nguyên-Thủy, cho cái bản-tâm mình không còn tánh riêng, nó hiệp làm một với cái Bản-Tâm chung cùng bao-quát tất cả. »

2 — Ba thời Tham thiền

Người ta nhận rằng tham thiền có nhiều thời, nhưng có ba thời chánh : *Định-trí* (Concentration), *Thâm-xét* (Meditation) và *Đại-định* (Contemplation).

Định-trí là gom cái trí lại một vật, một lý-tưởng hay một vấn-đề rồi giữ cho nó ở đó. Muốn cho dễ định trí, mình cần phải làm chủ cái trí và tập lần lần cho cái sức-lực của nó dồn lại và đưa ngay vào một điểm một... -- Người ta chọn một lý-tưởng hay một vật gì, người ta định trí vào đó. Trước hết phải đuổi ra khỏi trí những cái lạ, đuổi ra những lý-tưởng nào không thuộc về đề-mục. Lý-tưởng lạ thường sẵn mạnh vào trí, liên tiếp nhau cũng như những bức ảnh trên màn chớp bóng. Có phương pháp này hiệu nghiệm hơn hết làm cho người ta định trí rất dễ : là phải thích cái đề-mục của mình, thích cho đến nỗi mình chui trọn cái ý vào đó mà làm cho tư-tưởng lạ không vào trí được. Như những khi cần phải làm sổ, tính-toán công-việc, viết thơ-từ, mình buộc phải làm ngay trong lúc nào đó kéo trễ nải, thất sở-lợi, mất dịp-may, thì mình dễ mà định trí lắm, bấy giờ tư-tưởng lạ không thể nào xâm nhập được. Muốn định trí phải tập chú-ý cho giỏi, cho mạnh, tư tưởng lạ, việc nào khác, tiếng động ở ngoài môi không làm cho mình xao-lãng.

Nhờ quá thích việc của mình và quen định trí, nhiều nhà chi-sĩ lập nên công-nghiệp với đời. Nhà vật-lý học Denis Papin, người Pháp hồi thế-kỉ 18 đã suy-nghĩ và định trí lâu

rồi về máy hơi. Một hôm ngồi nấu nước, thấy sức nước sôi đưa cái nắp ấm lên, ông liền chip lấy đó và noi theo đó mà tìm ra được máy hơi.

Nhà vật-lý học *Newton* ở thế-kỉ 17 cũng nhờ tham thiên định trí mà tìm ra luật nặng (*lois de la pesanteur*) như khi ông ngồi dưới một cây « Bôm », nhằm lúc một trái « Bôm » rụng ngay dưới mặt ông.

Nhà hiền-triết *Archimède* trên hai trăm năm trước *Giato*, định trí cho đến đổi một hôm què hương ông bị quân *La-mã* chiếm mà ông không hay. Lúc ấy ông đang chìm trong một vấn-đề. — Một tên lính *La-mã* đi gặp ông. Nó hỏi ông, ông không đáp. Ngỡ là ông, một tên dân bị chinh phục, dám làm kiên, nó trở giáo đâm ông chết tươi.

Định trí vào một vật dưới ngũ quan còn dễ, chứ định trí vào một lý-tưởng, một cái tánh, một cái đức thì không mấy dễ đâu. Nhưng nếu đã được với cái hữu hình tất sẽ được với cái vô hình. Giả như mình định trí mãi về lòng bác-ái, mỗi ngày mình dùng nửa giờ mà nghĩ đến nó. Lâu ngày chầy tháng, cái đức ấy ăn-nhập vào trí mình và nó chỉ chờ dịp mà thi hành thôi. Mình trở nên người hiền thương tất cả chúng-sanh.

Qua khỏi cảnh định trí rồi, người ta tới *thẩm-xét* (*méditation*). *Thẩm-xét* là dò xem một cái vấn-đề, phân-tách nó ra từng mặt, từng phía, từng cách-thể khác nhau. Như cuộc *thẩm-xét*, *suy-nghĩ* này, vua *Di-lan-Đà* với *đại-đức Na-Tiên* nói chuyện với nhau rất có lý-thú. (1)

— Bạch Ngài, *suy-nghĩ* có bốn tánh gì ?

— *Tâu Bệ-hạ*, toán ra và hiệp lại.

— Toán ra là thế nào ?

— *Suy-nghĩ* toán ra các mối phát-hiện trong tâm : thanh hoặc trược, đáng chê hay không đáng chê, xấu hay tốt, đen hay trắng với những nhánh-nhóc. Toán ra thấy bốn bực tham-thiền, bốn lần gắng sức, bốn nền diệu-pháp (*pouvoirs magiques*), năm mối đạo tâm, năm lần sức-lực, bảy quả *Bồ-dề*, một đạo *Bác-chánh*. Toán ra thấy an-lạc, thiên-nhân, thiên-nhĩ, khoa-bọc và môn giải-thoát. Sau khi toán ra nhà đạo chọn những cái đáng chọn, và tránh những cái đáng tránh, làm những cái đáng làm, bỏ những cái đáng bỏ. Ấy vậy *suy-nghĩ* có nghĩa toán ra đó *Bệ-hạ*.

(1) “*Triết-lý nhà Phật*” trang 54-55.

— Xin ngài so-sánh cho trăm biết.

— Cũng như quan kho bạc của vua sớm tối hằng nhắc những tiền của với vua : « Tâu Thánh thượng, Thánh thượng có bao nhiêu voi, bao nhiêu ngựa, bao nhiêu xe, bao nhiêu binh, bao nhiêu vàng bạc và của cải. Xin Thánh thượng nhớ lấy. » Suy nghĩ cũng thế, nó phân ra trong tâm, bởi vậy nó có nghĩa là toán ra đó.

— Còn hiệp lại là thế nào ?

— Suy nghĩ phân xét các khoản tốt xấu. Nó cho thứ này tốt, thứ kia xấu, thứ này có ích, thứ kia hại. Nhà đạo sau khi suy nghĩ bèn bỏ những thứ xấu mà góp những thứ tốt. Suy nghĩ cũng có nghĩa hiệp lại là ở chỗ đó.

— Xin ngài so-sánh cho trăm biết.

— Cũng như một vị đại thần của vua biết ai là có ích cho vua, ai là hại, ai là tốt, ai là xấu, vị đại thần ấy bèn bỏ hạng sau mà tuyền hạng trước. Suy nghĩ cũng như thế. Phật có phán rằng : « suy nghĩ giúp ích cho mọi người. »

Nhờ suy nghĩ, thăm-xét, tham thiền lâu ngày, người ta phân biệt cái tà với cái chánh, cái dở với cái hay, bỏ đi những cái không đáng, góp lấy những đức quý, dứt chỗ thấp mà lên danh cao. Chính Phật đã dày công suy nghĩ lắm. Đi, đứng, nằm, ngồi và ngủ mấy tuần lễ ở cây Bồ-đề. Ngài cứ suy nghĩ mãi. Ngài mới bỏ hẳn các mối nghi ngờ.

Hết thăm-xét, người ta đến cái thời thứ ba là *đại định* (contemplation) nghĩa lý rất sâu xa, riêng cho nhà đạo chứng quả cao mà thôi. Đã hết sức tầm tòi suy-xét, người ta bèn vào cảnh thật, tánh trí ôn hòa, an lạc, trông rõ chơn lý : người ta bước lên cầu, từ giả cõi học mà qua cõi Huệ. Bấy giờ người ta làm một với Thượng thiên, người ta nhập Niết-Bàn, thần trí muốn xuất đi lúc nào cũng được. Trong vô-trụ người ta muốn đi tới chỗ nào cũng dễ. Đức Thích-Ca nhờ tham thiền thăm-xét mà giác ngộ. Sau khi đó Ngài hãy còn ngồi Đại định nơi cội Bồ-đề, cho thần trí trải qua các cõi trong Trời Đất.

Các nhà đại đức đã chứng quả Thánh, thường ngồi đại định một cách thông dong, thỏa thích trọn vẹn.

Và người có phép nhập định, không còn dính dấp với bụi trần, được nhiều phép huyền diệu mà kẻ phàm phu lấy làm

khâm phục. Trong cuốn *Triết Lý Nhà Phật* trang 36-37 có chuyện một con yêu muốn hại đại đức Xá-lợi-Phất (Çari-poutra) lúc ngài đương ngồi nhập đại định ngoài trời. Yêu dùng thần lực mà đánh trên đầu đức Xá-lợi-Phất, nhưng ngài vẫn ngồi thiền như không có xảy ra chuyện gì.

Thảnh thơi an lạc thay là các nhà đại định.

Các ngài hiểu cái thích ở trong, cái thích riêng vì mình thấu chơn lý, cái thích vô cùng vô tận vì mình chứng quả Thánh, Phật. Cái thích ấy không làm rộn trí các ngài. Nó càng khích cho các ngài giải thoát thêm thế-cuộc, vì các ngài có học, có huệ và từng ẩn ở từ thiện với chúng-sanh.

3. Bốn bậc tham thiền

Đứng về nhà đạo, người ta công-nhận bốn bậc tham thiền đại khái, mỗi bậc ngang hàng với mỗi quả đức, cho đến tham thiền bậc thứ tư thì chứng quả La-Hán. Còn nhiều bậc tham thiền cao hơn nữa nhưng cái trí phạm của ta tạm biết đến bậc La-Hán đã là quá tốt rồi.

Người học đạo sinh-hoạt tinh khiết và hiền từ, thống trị giác quan và thấy xa hiểu rộng, có thể tập định trí nơi chỗ thanh tịnh. Người đã bỏ những cái tham, giận, biếng, nhác, nghi ngờ. Người tách ra khỏi những lối cảm chúng-nó phỉnh dỗ giác quan, bèn đạt cảnh thiền bậc đầu: người đương suy nghĩ, vui thích vì nơi êm tịnh và đương tâm tối. Chứng cảnh thiền bậc đầu hay là quả thứ nhất thì nhà học đạo thoát khỏi ba mối: không còn lăm mà đeo theo cái bèn-ngã; không còn ngờ Pháp Phật; không còn dám cho rằng lòng thành tín về sự lễ bái là chẳng có linh. Kể chứng bậc đầu còn bảy kiếp đầu thai mới nhập Niết-Bàn.

☸ Sau khi bước lên khỏi và diệt được cái trí luận bàn và suy nghĩ phân vân, tuy hãy còn biết sướng thỏa và biết vui, chớ người đạt được cảnh an lạc, bình tĩnh trong trí ấy là thiền bậc nhì. Chứng cảnh này hay là quả Bồ-đề bậc thứ hai, nhà đạo chỉ còn có một kiếp luân-hồi. An tâm mà trông ra cõi đời, người không còn mê nó, coi nó là một cảnh tạm thời. Người quây tư tưởng trở vào trong, cũng như giọt sương góp đọng trên hoa sen vậy.

Không còn tìm cái vui nữa, người giữ mực tự nhiên, thông suốt, tự trị, người chứng thiền bậc ba, thấy trong tâm trắng kiền thọ thái lẫm. Chứng cảnh thiền bậc này hay là quả Bồ-đề thứ ba, nhà đạo tịch hưởng cảnh Thượng-thiền. Ở đó rồi ngài lên cảnh Phật, bậc thứ tư chờ khỏi đầu thai, nghĩa là ngài chứng quả La-Hán luôn ở Thượng-giải.

Người đắc quả thiền thứ ba thì được giải khỏi thêm hai mối thứ tư thứ năm là tình dục và lòng oán ghét ố kị.

Rồi người tấn lên nữa, không còn biết khổ, cũng không còn biết sướng, người đạt đến một cái cảnh trí tự trị một cách thanh bạch vô ngần và trang nghiêm đúng bậc : ấy là cảnh thiền thứ tư, quả La-Hán, sẽ nhập Niết-Bàn.

Ở bậc này, nhà đạo còn đánh đổ được năm mối nữa : sự triêu với đời vật chất ; sự triêu với đời tinh-thần (cảnh tiên) ; lòng tự cao ; tánh tự trọng về hạnh đức của mình ; và sự mê dốt vô minh.

Đức La-Hán không có của cái gì, không ham cái gì, không tiếc cái gì. Các sự đau đớn, hoạn nạn, khen, chê, đều không xâm nhập vào tâm của các ngài.

Trên bậc La-Hán còn nhiều bậc tham thiền nữa, đại-khái có ba bậc hay là ba quả đức nữa là quả thứ năm, quả thứ sáu là Bồ-tát và Đại Bồ-tát Ma-ha-tát và quả thứ bảy là bậc Phật-tồ Thế-Tôn. Hồi đức Thích-Ca giảng thế, Ngài hiện voi sáu ngà vào lòng bà hoàng-bậu bên Ấn-độ. Cái tiêu biểu sáu ngà chứng rằng Ngài là bậc thứ sáu, Bồ-tát Ma-ha-tát, sắp đạt bậc thứ bảy, Phật Thế-Tôn. (So sánh với bảy bậc (plans) của hội "Société Théosophique").

Ông Cưu-ma-la-thập (Kumara-jiva), một nhà đại sư Ấn-độ hồi thế-kỷ thứ tư, sang truyền đạo bên Tàu, nhưn khảo về bốn bậc tham thiền, có chỉ nhiều phương pháp rất đáng. Như về cảnh thiền bậc đầu, ông có dạy cách nghĩ về một cái hài cốt đã rã thịt như dưới đây... Trước hết châm chỉ ngón một ngón chơn cái của mình cho đến chú ý trọn vào đó và ngưng thần. Kế tưởng tượng trong trí một cái yển sáng mờ mờ như bóng trắng lu. Rồi giữa cảnh mờ mờ ấy, mình tưởng tượng cái hài cốt và mình ngó vào nó một cách mạnh mẽ. Ban đầu mình muốn thấy nó đen, mình nhìn riết cho

đến khi thấy nó thật đen. Kể mình muốn thấy nó thắm, mình cũng nhìn riết cho đến khi thấy nó thật thắm. Kể đó mình muốn thấy nó trắng, mình cũng nhìn riết nữa cho đến khi thấy nó thật trắng... Nghĩ đến đề nào, vật nào, mình nhìn kĩ hết những mây mù mà mình cố sức mà nhìn mãi cho đến khi cái hình tượng hiện rõ ràng trong trí mình cũng như cái ảnh trong kính chụp hình. Về cảnh thiền bực nhì, bực ba và bực tư, đề mục không còn là những vật thiết nghiệm như ở cảnh đầu, mà sâu hơn, bực càng cao thì đề càng sâu, như nghĩ rằng cuộc đời là không thật, càng cao như vậy thì nhà thiền càng dứt mọi sự, dứt lần lần cho tới hết. Những vật mà con mắt thấy có quả là thật bằng? Dầu cho chúng nó có thật chút ít, người ta há không phân chúng nó tan nát ra thành những miếng vụn, những bột nhỏ rứt, những nguyên tử được sao? Kia vua Di-lan-đa bảo rằng có người, chính mắt vua thấy người, ăn, uống, đi, đứng, bố thí, tụng kinh v. v. . Mà đại-đức Na-tiên còn phân ra thành những chất rời rời, không có người. Tên X, tên Y, là tiếng dùng để chỉ những mắt, tai, lỗ mũi, miệng, chơn, tay, rưng v. v. hiệp lại, vẽ thành một vật mà mình gọi là người rồi mình đặt tên cho có mà kèn đờ thôi. Cũng như một cái xe, không có xe gì hết. Chẳng qua là những món như gọng, cốt, thùng, roi, ngựa v. v. hiệp lại vẽ thành một vật rồi người ta dùng cái tiếng xe, mà chỉ chờ đâu có xe, vì gọng không phải là xe, thùng không phải là xe, roi, ngựa cũng không phải là xe nữa v. v.

Vậy thì cái hiệp lại đó chẳng qua là một cuộc tạm, khoảnh khắc, rời rời, không thật, một hòn bọt trên mặt nước, một cái ảo, một cái bóng, một cái giả. Có một cái thật không sai chạy là sự hiểu rằng vô-trụ là bóng dáng, mộng ảo, vạn vật đều là tan nát, giả dối. Cái Chơn-lý này, mình phải để nó vào cái tâm hư-không của mình. Thông hiểu nó, mình đạt bực thiền thứ ba. Thông hiểu nó mà không còn đề ý đến sự thông hiểu ấy mình đạt đến bực thiền thứ tư. Cái bước vững chắc, là bực ba lên bực tư; nhà giác ngộ không còn cái tâm thức (Conscience) nữa. Không có thể gì, không có việc thiết nghiệm gì giúp cho mình bước lên được, mà mình bước

thình linh trong khi mình bao quát nhìn chòng chọc vào cái vô-trụ mộng ảo, hư không. Bấy giờ mình ở trong cảnh đại định, mình nhập *vô biên hư không* (*Vide sans limite*). Đạt đến bậc thứ tư, chứng quả La-hán mình có nhiều phép thuật huyền bí. Phép thăng thiên, tự bay ngang cõi không-gian. Phép hóa mưa, hóa lửa. Phép tàn hình, hóa thân. Phép biến đổi vật này ra vật khác. Phép thiên-nhĩ có thể nghe lời than, tiếng nguyện và sự ham muốn với các sở-vọng trong tâm của vạn vật. Phép thiên-nhãn có thể thấy mọi nơi, thấy cái hữu hình và thấy cái vô hình trong tâm trí. Phép *tri túc Mạng*, hiểu cái tiền căn hậu quả của chúng-sanh và thấu cuộc đời vị-lai của mọi vật nữa.

Thành Thánh, La-hán, Phật người ta không còn chịu luật tan rã, người ta được vĩnh viễn ở cõi Niết-Bàn.

4. Cách tham thiền

Tham-thiền cho trúng diệu không phải là dễ, phải có thầy hoặc có sách điều dắt chỉ dẫn cho. Mình sẵn học khá và từng bỏ thi, ăn ở hiền lành, khi gặp thầy giỏi, sách hay, mình tấn phát mau. Còn không thì tập theo cách sơ-luận cũng được. Nhưng tham-thiền thuộc về tâm, mỗi người tấn hóa mau hay chậm gì cũng do nơi mình, chớ đâu có thầy cao, sách đúng mà mình còn u-ám nặng-à thì cũng chẳng có ra gì. Và tuy đại khái tham-thiền là ở về cách luyện tâm, tánh chớ cũng có một phần phương pháp về vật chất và hình thức nữa. Nhất là mấy người mới tập, họ cần phải giữ phép chính chắn hơn những bậc học cao, vì phương thể bề ngoài rất ấu chịu với sự hay ở bề trong.

Tác giả cuốn Tham-thiền để cho mấy người bắt đầu học đạo (*La Méditation à l'Usage des comme çants*), ông Wedwood có chỉ vài phương pháp mà tôi biên dưới đây.

Cách ngồi. Khi khởi sự tham thiền, mình có thể chọn một cách trong hai cách này : 1. ngồi thẳng lưng trên ghế dựa, nhưng lưng ghế không quá nghiêng ra sau, tay chấp lại và để trên đầu gối hay là mỗi bàn đờ trên mỗi cái đầu gối ; chơn khít lại với nhau, hay là chơn mặt xếp trên chơn trái. Ngồi cho gọn, thẳng, cái đầu giữ cho ngay, không cứng lăm

cũng không gự' xuống ngực, nhắm mắt và ngậm miệng lại, và giữ cái xương sống cho thiệt thẳng, vì có một luồng điện từ- (hi (fluide magnétique) đi theo xương sống. 2. Hay là ngồi xếp chơn trên ván, trên giường hoặc dưới đất. Phải lấy tay mặt mà nắm chơn trái và lấy tay trái mà nắm chơn mặt đặng không cho cái sức điện của mình tủa ra ngoài bởi đầu ngón tay và ngón chơn.-- Ngồi thiền kiểu xếp chơn có cái này hay nữa là cái thần được thông thả nó bèn xuất ra, bay lên chung quanh mình cũng như một cái vỏ bọc giữ lấy mình.

Các sư thiền tông tham thiền như thế này: *ngồi xếp chơn, bàn chơn mặt trên bắp đùi trái, bàn chơn trái trên bắp đùi mặt. Bận áo quần đoan trang, thẳng thớm và không chạt chọi. Kẽ đờ tay trái, lòng bàn tay trở lên, trên bắp chuối chơn trái; lưng bàn tay trái trong lòng bàn tay mặt và cho hai ngón cái đụng nhau. Giữ cái mình cho ngay, không nghiêng bên này bên kia, dằng trước dằng sau; lỗ tai cho gần với vai và lỗ mũi đưa ngay xuống rún. Cuốn cái lưỡi cho đụng đốc giọng (voûle du palais), ngậm miệng và khít răng. Mở con mắt và thở như thường. Thở cho dài hơi kẻo coi mình ngồi có ngay hay không, đưa cái mình qua bên mặt một chút. Bấy giờ mình mới tham-thiền, suy nghĩ đến chỗ cao hơn cái trí của mình.*

Không nên nằm mà tham thiền, vì nằm thì hay buồn ngủ. Vả lại lúc ấy máu chạy chậm, cái óc mình không tương ứng với những sự rung động ở cõi trên. Cho nên sớm mai trước khi ngồi thiền, phải tắm hay rửa mình bằng nước lạnh và đi bộ một lúc đã.

Thở và vai việc lật vật.-- Ngồi thiền như trên có thể làm cho mình thở hơi dài ở dưới bụng. Nhưng người quen tham-thiền đều thở được dài hơi, thở đúng và đều, càng thở dài, đúng và đều hơn cho đến khi thở chậm và êm không nghe máy động. Cái thở dài hơi rất có công hiệu đối với cuộc bài trừ sự phiền não và đuổi tư tưởng lạ. Mình có thể tập thở, lúc đầu hơi còn vắn, lần lần nó dài thêm, mãi đến sau hơi thở vô ra chậm và đều đúng lắm. Trước khi ngồi thiền, mình nên đốt trầm hương để khử mùi như-uế, làm cho

không khí trở nên tinh khiết. Nếu mình ăn chay được thì nên ăn, tránh rượu, thịt là những đồ trược, nhưt là rượu rất bại, nó có thể đốt phá cái óc và làm cho mình điên đầu.

• *Giờ tham-thiền.* — Có ba thời rất tiện cho việc ngồi thiền : lúc mặt trời mọc, lúc đứng bóng và lúc mặt trời lặn. Không nên ngồi thiền liền sau bữa cơm và lúc khuya; ăn cơm vừa rồi máu dương vận động cho đồ ăn tiêu hóa mà mình phải tư tưởng làm cho máu chạy lạc thì đồ ăn không tiêu. Còn lúc khuya, thân thể và trí hóa đều mệt, khó mà tham-thiền. Vả lại lúc này ảnh hưởng mặt trăng có hại cho cuộc thiền.

Thường thường khi ráp cuộc hoặc mãn cuộc người ta tưởng mấy đều lành : *Tôi ngồi yên tịnh, chơn xếp, mình ngay, có một cái tư tưởng mạnh mẽ bao chung quanh mặt tôi, tôi cho sức mạnh lòng lành (bienveillance) của tôi với các chung-sanh, nó bay ra theo thứ tự trong bốn phương trời.*

Tôi lấy tư-tưởng từ-bi (compassion) mà trông ra cõi trần và lòng từ-bi của tôi nó tràn lan khắp bốn phương, hết phương này đến phương kia ; kể tôi lấy lòng từ-bi, một tấm lòng từ rộng lớn thêm mãi, rộng lớn vô hạn, mà bao quát cõi trần to tát, bao trọn cho chí những nơi cùng tận.

Tôi lấy tư-tưởng bác-ái (amour) mà trông ra cõi trần và lòng bác-ái của tôi nó tràn lan khắp bốn phương, hết phương này đến phương kia ; kể tôi lấy lòng bác-ái, một tấm lòng rộng lớn vô hạn mà bao quát cõi trần to tát, bao trọn cho chí những nơi cùng tận ».

Mình cũng nên dùng những tư tưởng hiền hậu khác mà giúp đời, như vui, cảm tình, muốn phải. « *Tôi cho cái sức mạnh lòng lành (bienveillance) của tôi bủa ra một cõi đời, kể bủa luôn trong cõi thứ nhì, cõi thứ ba và thứ tư, từ trên tới dưới, bủa ngang, dọc, đủ phía, khắp nơi, khắp cả trên võ-trụ. Cái sức mạnh lòng lành của tôi nó đầy trong tư tưởng rộng, lớn, vô cùng vô tận của tôi, tư tưởng không biết ghét tôi cho cái sức mạnh ấy bao chung quanh tôi ».*

Nhà tham-thiền từng giúp đời bằng tư tưởng hiền lành. — Còn nhớ một tay viết báo người Âu-tây đến phỏng-vấn Thánh Gandhi có nói rằng : « *Lại gần ông tôi rất lấy làm dễ chịu, nhẹ nhàng.* » Ấy Thánh Gandhi là một nhà đạo,

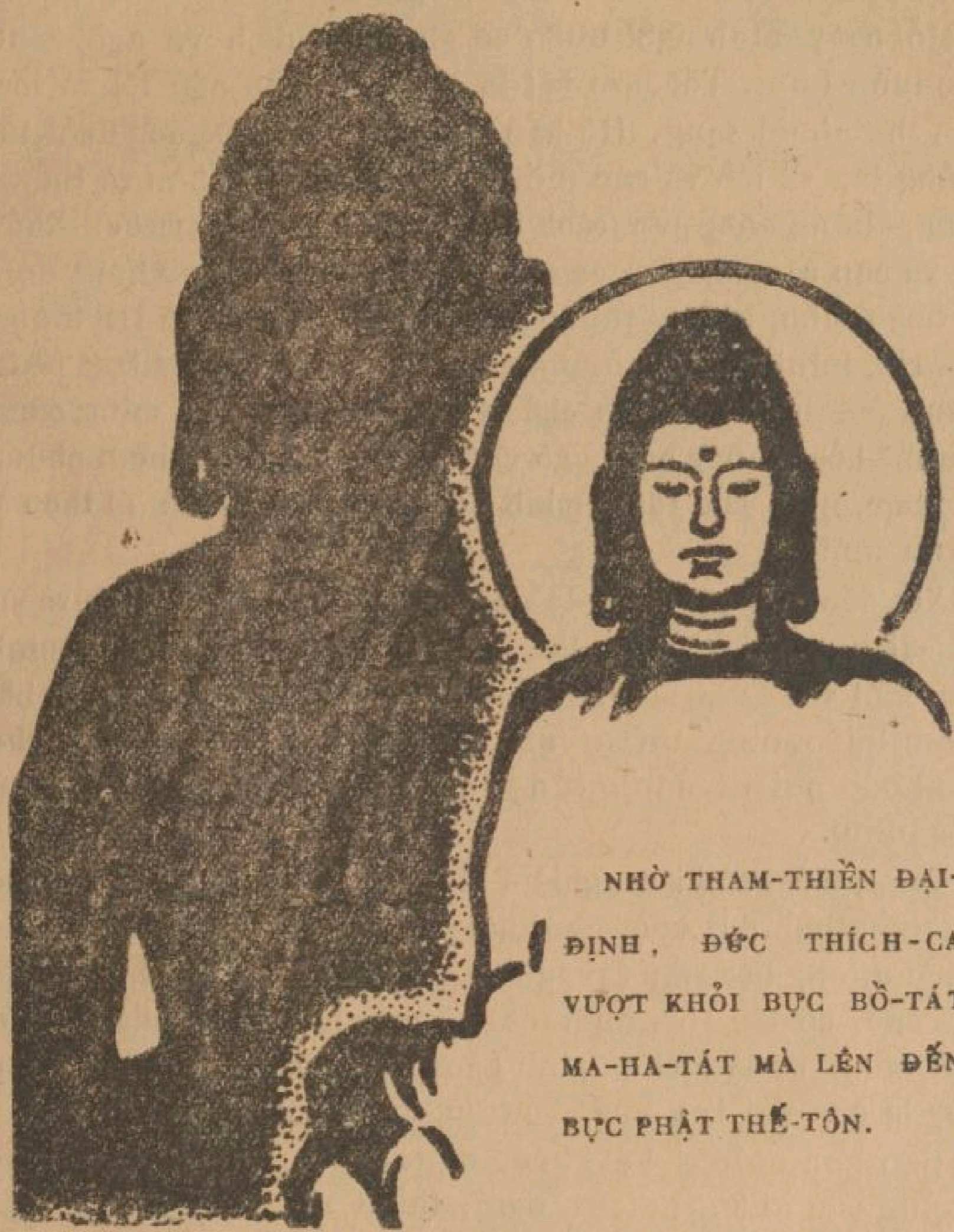
hàng cho tư tưởng lành rười khắp nơi và chung quanh mình.

Ai có lòng lành to lớn, có lòng đại-từ đại-bi, tất có phép huyền diệu, khỏi phải chuyên học thuật phép như những kẻ thường. Một tia sáng của lòng lành bay ra đủ làm cho người và vật trở nên hiền hậu, cái ác từng thiện. Như bụt Đê-bà (Dêvadatta) ngỗ nghịch thả một con tượng dữ toan hại Phật. Nhưng chịu ảnh hưởng lòng lành của Phật, tượng bèn quì dưới chơn Phật. Một lần khác A-nau (Ananda) cầu Phật độ một nhà quý tộc tên Rôja, vì anh này chưa tin đạo. Phật bèn cho sức mạnh lòng lành của Ngài bay đến Rôja. Liền khi đó Rôja bị nhiễm cái sức linh ấy, anh ta đến làm lễ Phật và nguyện qui-y Tam-bửu. Có một lúc kia đi đường Phật gặp một con trâu dữ. Bọn chãng lấy làm sợ, kêu to cho Ngài tránh. Ngài cứ tự nhiên đi tới. Con trâu chạy xóc lại. Đến gần Ngài, cảm bởi lòng lành của Ngài, nó quì xuống và liếm chơn Phật. Nó tự hối và được hân hạnh mà nghe Phật khuyên nó theo nẻo lành để tiến lên cõi thần.

5. Tham thiền là cần ích

Bác sĩ Isnard, soạn-giả cuốn «Đạo-lý của Phật và môn An-Lạc» (La Sagesse du Bouddha et la Science du Bonheur) mong cho trong các trường người ta đem sự tham thiền mà dạy nam nữ học sanh. Chẳng riêng các học sanh, mà mỗi người bất luận lớn nhỏ già trẻ cần phải tập tham thiền, vì tham thiền là một cái sức mạnh đỡ nổi hoàn cầu. Mỗi ngày ta nhìn vài mươi phút hoặc nửa giờ mà ngồi thiền thì tối biết bao. Nhờ đó ta mau tiến lên cõi học và cõi khoái lạc. Sớm mai và chiều ta năng tham thiền thì còn chi quí bằng. Ấy là những dịp mà ta hiểu lấy ta, ta suy nghĩ, luận xét và ta mở thông trí thức và đức hạnh đó. Tham thiền thật rất có ích. Ta ngồi thiền tùy theo tuổi tác, sức lực, tài trí của ta, ta cố tấn hóa tới đâu thì ta hay tới đó.

Các hạng người đều tham thiền được, từ kẻ lao động nhọc khổ về thân thể cho đến nhà thông thái lấy trí mà phần



NHỜ THAM-THIÊN ĐẠI-
ĐÌNH, ĐỨC THÍCH-CA
VƯỢT KHỎI BỤC BỒ-TÁT
MA-HA-TÁT MÀ LÊN ĐẾN
BỤC PHẬT THỂ-TÔN.

*Người hạng nào cũng tham-liền, thăm xét được hết. Thấp thì
nghĩ theo thấp, cao thì suy theo cao, cốt là lẫn hóa cho mau mãn, sáng
suốt cho lệ làng, có đủ huệ-dực mà giữ mình và giúp đời.*

đầu giúp đời. Những ai rầu, lo đều nhờ tịnh mà lướt khỏi. Những ai đau đớn đều nhờ thiền định mà khỏe khoắn ; tư tưởng con người mạnh mẽ vô ngần. Biết dùng nó mình trị được các tật bệnh về thân thể và tâm hồn.

Mỗi ngày mình ngồi thiền có giờ nhứt định và ngồi một chỗ luôn luôn. Tốt hơn hết là chọn lúc gần ngủ tối và lúc vừa thức buổi sáng. Hô hấp dài hơi một độ đặn đuổi tư tưởng lạ, vô ích và các mối cảm. Ngồi xếp chơn và thẳng lưng, không động địa (cách ngồi đã có chỉ phía trước). Khởi sự xả cho các bắp gân và cả thân thể. Vừa lúc ấy không nói, không muốn, không tưởng gì hết. Đã cho thân và trí thông thả rồi, mình nói nhỏ nhỏ vừa đủ nghe những tiếng rằng mình mạnh khỏe, mình chắc ý và mình tin rằng mình cũng mạnh khỏe, không nghi ngờ chút gì. Mình tưởng thêm những lý khác, như cho rằng mình có những đức tánh gì theo ý mình muốn.

Xét đến một cái chơn-ly nào ; so sánh sự tuyệt-đích và sự đối-đích ; nghĩ về cuộc thế phù vân ; giả dối ; định cho mình làm một với Thượng-giải, Hư-linh, Niết-bàn v. v. Khi hết tham thiền mình tưởng mấy đều hiền lành mà mình cho lan khắp nơi và ảnh hưởng các chúng-sanh luôn dịp bao bọc mình.

Tham thiền có hiệu nghiệm lắm : nó khích thích mình bỏ sự thấp thỏi, dứt cuộc chơi bời hèn hạ, cắt những dây ràng buộc mình, diệt mấy cái sừng giả ở đời. Nó lại nâng mình lên cao, nó săn sóc, nuôi nấng, mở mang cái mầm Đạo ở nơi mình, nó làm cho mình gần với Đạo, gần với Niết-bàn, hay là gần với Tạo-hóa, Thượng-đế, theo ý mình.

Cao hơn những kẻ khác, người tham thiền không vái, không cầu khẩn, họ suy nghĩ, thẩm xét, họ ngó vào tâm mà tìm, luận, phân, quyết, định. Trong khi nhiều cư-sĩ và tăng-chúng đem lòng thành tín mà cầu nguyện với đức Quan-thế-âm, với Phật A-di-đà, các nhà cao trời cứ bình tĩnh mà tham thiền, lướt lên đường giải thoát, mau chơn đến Niết-bàn. Bao giờ họ cũng bình tâm, tỉnh táo, ôn hòa, an lạc ; tuy ở trong vòng khổ mà họ ra tuồng sướng, tuy mang cái lột tạc nát thúi tha mà họ thích, như vậy há không

phải là dễ chịu hay sao? Các sư được một cảnh trí bề trong êm thuận, thanh thú, thật cũng lắm công phu, đã lâu năm luyện tâm, tập tánh, quán trí cái thân và cái trí. Nhiều nhà tăng Tiều-thừa được cái hân hạnh ấy. Và các sư Thiên-tông ở Tàu hay Zen (Thiền) ở Nhật từng hưởng cái thú vị tham thiền.

6. Thiên-tông với sự tham-thiền

Ấy là một cảnh đạo lấy chơn-lý ở sự trực-giác trong tâm mà thôi, chớ không do theo kinh sách hay lời dạy của ai cả. Lão-tổ tông này, Bồ-đề-đạt-ma (*Triết lý nhà Phật 115-119*) là một nhà Y-bát chơn truyền bên Ấn-Độ. Ngài qua khuyến đạo ở Tàu hồi đầu thế-kỉ thứ sáu, đời vua Lương-vô-đế. Ngài từng tham thiền về cái Đạo-tâm. Ngài ngồi đại-định một chỗ đến chín năm trời, day mặt vào tường.

Ảnh-hưởng đạo ngài ăn nhập vào trí của các bậc sĩ-phu tàu, nhật và làm cho họ trở nên hùng hờa, yên ổn, nhưt là làm cho con nhà tướng nhật-bồn càng thêm oanh liệt, cang cường, vì đạo thiền coi như không, cái chết và cái nghèo. Những hôm chiều, cùng ngồi với nhau, mỗi người uống một vài chung trà, năm ba bạn đồng suy nghĩ một ít lý tưởng thanh cao. Mỗi người nghĩ riêng theo cái sở tâm của mình và đồng chúm chím cười một cách kín đáo, cần mặt như mối Đạo-tâm. Vì Đạo Thiền (Zen) không có thể cắt nghĩa bằng lời nói, bằng câu sách. Người ta thấu đạo bằng tâm và hiểu nhau bằng cách chuyển đi tư tưởng mà thôi.

Cái hay là từ trước kia, lúc đức Thế-tôn truyền giáo: một hôm, Phật cầm một cành hoa sen trong tay, ngó hoa mỉm cười, không nói gì hết. Trong các tín-đồ, không có ai hiểu cái mỉm cười ấy là nghĩa gì, duy có một vị, đức Ca-Điếp ngó Phật và cũng mỉm cười: cả hai, Phật và vị học-trò hiểu nhau, hiểu chớ giải rõ cái mỉm cười ấy không được, dầu có giải cũng mất cái mĩ-ý đi nhiều.

Thật thế, đạo Thiền có cái giá trị ở sự suy nghĩ vậy. Tôi biên ra dưới đây ít bài văn tắt chứng-rằng cái hay một phần lớn là ở trong tâm.

Hỡi các nhà đạo mong tìm chơn-lý, như các ngài muốn thấn chánh-lý đạo Thiên thì các ngài coi chừng kẻo làm. Chớ cho một sự gì ở trong hoặc ở ngoài nó ngăn cản cái trí mình lướt lên cao. Như đi đường mà gặp Phật, hãy giết Phật đi. Như gặp Lão-tổ, hãy giết Lão-tổ đi! Như gặp La-hán, hãy giết hết đi, chớ có ngại gì. Ấy có một cách đó là đến cõi giải-thoát mà thôi!

...

Một hôm một nhà tăng cày ruộng, chặt đứt một côn trùng ra làm hai. Người hỏi sư Shito rằng: « Trong hai đoạn này, tánh Phật ở đoạn nào? » Sư Shito không nói gì hết. Ngài chỉ đoạn này rồi đến đoạn kia và chỉ khoản phân cách hai đoạn.

..

Một nhà danh sư, ông Tentchu được người ta kính phục lắm, ông ăn ở rất nghiêm và có tiếng là người tranh biện sâu sắc, nhậm lẽ. Một hôm, một nhà sư khác, ông Hackuin đi kiệu ngang chùa ông, hỏi kiệu-phu rằng:

— Sư Tentchu có phải ở đây không?

— Bạch phải!

— Chú gặp ông, nhớ nói lại giùm như vậy: Có một ông sư đi ngang chùa hỏi tôi có phải sư Tentchu ở đây không, lại còn nói với tôi rằng Lão Tentchu đi hòm, ngu ngốc ấy sao còn sống mãi.

Kiệu-phu nghe nói, bất bình, phiền khách thất lễ với đại-ức Tentchu. Nó giận lắm nó đi đọc lại với Tentchu.

Ông nghe, rất vui lòng vừa mỉm cười vừa nói rằng:

— Chắc sư Hackuin nói đó chớ ai.

— Kiệu-phu ngạc nhiên hỏi:

Lời lỗ mắng ấy ngài chịu được sao? Tentchu càng vui thích hơn nữa, vừa đi vừa nói nhỏ nhỏ rằng:

— Lời khen quý lắm! Lời khen quý lắm!

...

Sư Taikouan một hôm có thỉnh nhiều nhà bác-học, luật-sư, văn-sĩ, sai đưa tiều rớt một chén nước nóng đầy cả miệng và hỏi tất cả mọi người rằng:

— Có thể nào rót nước thêm vô chén này nữa chàng ?

— Không, mấy ông đáp, vì nước sẽ tràn ra ngoài.

Sư tiếp :

— Trừ các ngài cũng thế, nó ngập chỉ miệng những môn học, lý-luận, thuyết-luận, Thiền (Zen) với học hai cái khác nhau.

Ai nấy đồng hỏi rằng :

-- Vậy chớ Thiền là gì.

-- Thiền, sư đáp, là cái tâm và cái hồn của một đứa em nhỏ.

...

Tin-đồ Thiền-tông phải tự mình kiểm lấy chơn-lý theo tư tưởng riêng của mình chớ không được theo chế-độ cũ và giáo-lý xưa. Họ không cần soạn sách dày, luận lâu lắt. Năm ba tiếng nói, một hai bài kệ đủ làm cho người ta nhận họ là giỏi rồi.

Ngũ-tồ Hoảng-nhẫn (Ko-nin), nổi nghiệp đức Đạt-ma có hứa ban áo và bát cho vị nào trong số bảy trăm học trò làm một bài kệ có ý tứ đích đáng hơn hết.

Đại-đức Jin-shu viết rằng :

«Cái thân cũng như cây Bồ-đề (Bodhidruma); cái tâm cũng như mảnh gương trên bàn rửa mặt; phải năng lau chùi nó cho kĩ; không nên để nó đóng bụi».

Ngũ-tồ đọc xong, khen rằng: «Giả như người đời sau hành đạo theo cái lý luận này thì họ được khá lắm.»

Đại-đức Huệ-Năng (Eno) nghe được bài kệ trên kia, cho nó là hay, nhưng chưa đạt lý hoàn toàn. Vậy người mới làm một bài như vậy :

« Không có cây Bồ-đề, cũng không có gương trên bàn rửa mặt; không có cái gì là có thật hết; làm sao mà có chỗ bụi đóng được ? »

Ngũ-tồ vừa xem bài kệ, liền vui lòng truyền áo và bát cho đại-đức Huệ-Năng, phong ngài làm Lục-tồ.

Tin-đồ Thiền-tông được cao thượng và mau tiến bước trên đường đạo là nhờ hai cái tánh chất này: không lo sống chết và chẳng sợ giàu nghèo. Họ thích sinh-hoạt đơn sơ, khoái cảnh thanh bần.

Nào họ có thêm ngó đến việc dẽ tiện, nhỏ nhoi ! Nào họ có bôn ba theo những việc ô nhục xấu xa ! Họ giữ mình rất thanh bạch, dầu có chết họ cũng không bỏ nghĩa-vụ và đức-tánh. Đại-sư Seigen hồi thế-kỉ mười-ba có một lúc bị bọn cướp bóc lột. Chúng nó hãm giết ngài. Bình tĩnh và tươi cười, ngài nói với chúng-nó rằng : « Trời với đất nào phải là chỗ ở của ta. Hình thể và tinh thần đều là giả. Cái đao của các anh như thể lẳng chớp sáng, nó sẽ chém ngọn gió mùa xuân. »

Bọn cướp rất phục, không dám động tới ngài. Lại một tích nầy nữa chứng rằng các sư không hề sợ chết.

Hồi đời chiến cuộc, các nhà tướng Nhựt-bồn thích học tập đạo Thiên. Một hôm, một vị tướng tên Shingen đến viếng một cảnh chùa Thiên-tông và hỏi một đũa tiều rằng :

— Thiên-đường và địa-ngục ở đâu ?

— Đi ra ngoài kia ăn đồ dơ đi.

Shingen chụp lấy cườm tay chú tiều lỗ mảng và vắn rất mạnh.

Tiều nói :

— Cái nầy là địa-ngục.

— Còn thiên-đường ở đâu ?

— Kiểm coi.

— Có nói cho ta biết hay không ?

— Tôi không biết.

— Ta giết người.

— Sự sống nó ở ngoài cảnh tan rã lặn.

Rồi chú tiều đi, một cách ôn hòa, không ngó trở lại phía sau.

Đến cái thanh bần, các sư thật là hoàn toàn. Một nhà sư hiện thời bên Nhựt-bồn có giảng rằng : « Nghèo là cái hoàn cảnh giúp cho mình được tự trị về đức-hạnh và mở mang những khiếu trực-giác đó. Muốn cho trí mình được thông thả mà sống đời, hãy tránh những cái làm cho mình bối rối và lẳng xao. Tiền của, công danh, dục vọng, lễ nghi, tập tục, tư lợi, biết bao nhiêu những đều làm mờ mắt ta, không để cho ta thấy cái giá trị kín đáo ở trong, cái tánh Phật của ta vậy. Vì chúng ta mỗi người đều có tánh Phật. Nhưng ta không có một cái minh tâm và ta không làm cho cái tánh

Phật đó mở thông, vì ta không tự giải thoát bằng lối tự do tinh thần, cách cày nghèo. Sự nghiệp sư đạo Thiền gồm trong một cái tráp : một bộ đồ dề thay, một cái bát, v. v. Vậy là nhiều rồi. Khi hành cước, họ mang cái tráp nơi vai là xong. Họ vui với cái nghèo đặng hưởng cái thích trong tâm và cái tịnh trong lòng. »

Ông hiền Mumon có dạy rằng :

« Mùa xuân có hoa, mùa thu có trăng, mùa hạ có gió, mùa đông có tuyết. Ta còn thiếu vật gì nữa ? Mỗi giờ là một cái thích của ta ! »

Ông hiền Kyogen cố đạt cái nghèo, có nói rằng :

« Khi trước tôi chưa nghèo trọn vẹn. Trong cảnh ấy tôi hãy còn một chỗ khuyết, nhỏ như cái đầu dùi. Bây giờ hết khuyết rồi, tôi mới là nghèo thật. »

Ông hiền Kobo Kugen bảo rằng :

« Hiền-nhơn mà còn thấy chỗ khuyết trong cái nghèo của mình chưa hẳn là nghèo. Ai mà còn biết rằng mình không có gì hết, chẳng qua là kẻ giữ cái nghèo mà thôi. Ta đây, lúc sau này ta thật là nghèo vì ta không còn thấy ta nghèo nữa. »

Ngoài ra cái không sợ nạn khổ, nạn chết, không màng tước lộc giàu sang, người nhà Thiền lại có một cái sở thích đáng quý nữa là sự ham mộ gió mát trăng trong, sơn-thủy hữu tình. Cái sở thích này hiệp với hai cái kia mà nâng cao cái trí, làm cho con người trông lên cái mỹ-sắc tối cao.

Basho tiên-sanh, một nhà thi-sĩ đại danh hồi thế-kỉ mười bảy ở Nhật vẫn là con nhà thế phiệt. Nhưng ngài sống đơn sơ, thường thông dong ở các nơi danh lâm thắng cảnh, xem hoa buổi sáng, chờ trăng ban chiều. Trong mấy khi hành cước, ngồi với bọn nhà quê, hoặc nghỉ mát nơi sườn non, ngài làm thành nhiều bài thơ tuyệt diệu.

Cái thích thanh bản và tình yêu sơn-thủy của tiên-sanh tạo nên cái tâm trí đặc biệt, tinh anh, thâm thúy, cao viễn, giúp cho tiên-sanh trực tiếp với linh hồn chúng-sanh và muôn vật.

Thiền-tông, một chi ngành của Phật giáo, từng chiếm địa vị rõ ràng, từng được các nhà sĩ-phu tôn trọng lắm. Nó chịu ảnh hưởng của đức Thích-ca, nó cũng nhờ tư-tưởng

của đức Lão-tử nữa. Còn ai chẳng biết Lão-giáo là mừng tượng với Phật-giáo và cũng là một đạo trực-giác. Kẻ đạo-sĩ nhận rằng ngòi nhập định giữa trời, bên sườn non, hay dựa bờ hồ, có hiệu nghiệm hơn là xem cả trăm pho kinh sách. Vì sự nhập định nó mở mang Chơn-tánh và đức quý rất mau. Kẻ hiểu phép thiền thì nhập Niết-bàn theo Phật, tới gần Đạo theo Lão-tử. Bấy giờ con người không còn luân hồi khổ não, không còn ở dưới quyền lực của cái Nghiệp theo Phật, hay là không còn chịu sức chủ trị của cái Mạng theo Lão-tử.

7. Lão-giáo với sự tham thiên

Đức Lão-tử, nhà sáng lập Lão-giáo, sống một cách thanh nhàn hồi thế-kỉ thứ năm trước Dương-lịch (570-490), đồng thời với đức Khổng-tử và đức Thích-ca. Khác hơn đức Khổng-tử, mà giống với đức Thích-ca, ngài không màng phú quý công danh, không trương bươm trên bề hoạn nhà Châu. Ngài đi mai danh ẩn tích chốn rừng sâu núi thẳm. Ngài có để lại cho người bạn, Quan-ling trấn tại xứ Y-hỉ, bộ sách Đạo-đức-Kinh của ngài.

Ông Jean Marquès Rivière tác-giả quyển *À l'ombre des monastères tibétains* (Nương bóng chùa tây-tạng) có nói rằng ông có nghe một vị sư Lạt-ma nhắc rằng sau khi giao bộ sách cho Quan-ling, đức Lão-tử bỏ nước Tàu mà sang Tây-phương, chính là ngài đi qua phía đông miền Tây-tạng tịch cốc ở non cao, xa lánh bụi trần.

Người ta truyền rằng những cơn thiền định, ngài bắt trượng của các nhà đạo bên Ấn-độ, nên giáo-lý của ngài mừng tượng với học-thuyết của Phật như là của bọn Upanishad đồng thời.

Cuốn Đạo-đức-kinh của ngài có lắm đoạn phù hợp với các tôn-giáo ấn-độ. Ngài dạy rằng Đạo là huyền bí, trông không rõ, biết không thấu, nó minh mông vô cùng vô tận, cũng như đức Thích-ca chỉ Niết-bàn, người Bà-la-môn gọi Phạm-thiên (Brahma) và các phái khác bảo là Nguyên-thủy (Brahman). Ngài cũng nhận linh hồn, luân hồi, nghiệp báo mà ngài gọi là cái Mạng. Ngài cũng cho rằng người hoàn toàn thì hiệp một với Đạo, nghĩa là Phạm-thiên,

Nguyên-thủy, Pháp, Niết-bản. Ngài cũng khuyên con người không nên tranh giành, xao xác, mà phải cố theo cái luật tự nhiên để tấn hóa cho hợp lẽ. Ngài có chép trong cuốn Đạo-đức-kinh mấy đoạn này :

Con người hiểu hay không hiểu cái Nguyên-thủy vô-trụ là do nơi họ. Trí họ nếu không vướng lấy tình tội thì họ hiểu cái huyền-bí nguyên-thủy. Trí họ nếu vướng phải tình tội thì họ chỉ hiểu cái phát hiện mà thôi.

Biết người là khôn ; biết mình là khôn hơn, vì cái thiên tánh của mình nó ẩn ở trong sâu. Bắt người theo ý mình là quyền, tự bắt mình theo ý mình là quyền cao hơn vì mình rất khó mà kèm chế tình dục của mình.

Không ra khỏi nhà, mình biết được mọi người. Không dòm ra cửa sổ, mình biết được đạo trời, nguyên-thủy quán trị vạn vật. Càng đi xa, càng ít học. Hiền-nhơn tới không cần đi, thấy không cần xem, rồi không cần làm, vì hiền-nhơn hiểu Đạo và dùng ảnh hưởng của nó.

Ai nói nhiều thì không hiểu đạo.

Người hiểu Đạo không có nói, ngậm miệng, ngưng thở, giảm sức hân hái, tránh sự phiền phứt, không se sua, ẩn mình trong đám thường nhơn. Ấy là cách nhập với cõi Huyền. Người như vậy không ai lấy chức tước mà mua lòng họ được, cũng không ai lấy sự hành khồ mà làm cho họ sợ được. Họ không màng được hay mất, phú quý hay bần cùng. Như vậy họ là người quý hơn hết trên đời.

Mấy đoạn trên đó rất ăn thiệp với sự cao quý và lợi ích về tham thiền. Đức Lão-tử lại dạy rằng : « Trong mười người, vừa có một người giữ mạng sống cho đến cùng mà thôi, vì người ấy thoát ra khỏi nó. Kẻ nào thoát khỏi mạng sống thì khỏi bị hại nơi sừng tây, vấu cộp, gươm đao. Sao vậy ? Bởi vì họ tự xuất ra cõi ngoài, không còn dính dấp với cuộc đời, họ khỏi số chết. »

Tham thiền choán một phần đại khái trong Lão-giáo. Lão-tử và mấy thầy tổ trong đạo hằng ngồi đại-định, xuất thần, nhập với nguyên-thủy, Đạo hay Niết-bản. Hai thầy tổ có công hơn hết là Liệt-tử và Trang-tử, đều có tư tưởng

cao siêu, lồi lạc, chẳng màng danh lợi, thích cảnh thanh bần, ở nơi êm tịnh và hằng suy nghĩ, tham thiền.

Hồi Liệt-tử còn làm học-trò, thầy tập ba năm mới quên cách luận bàn và bình phẩm bằng lời nói. Bảy giờ tôn-sư thưởng cho thầy một cái ngó.

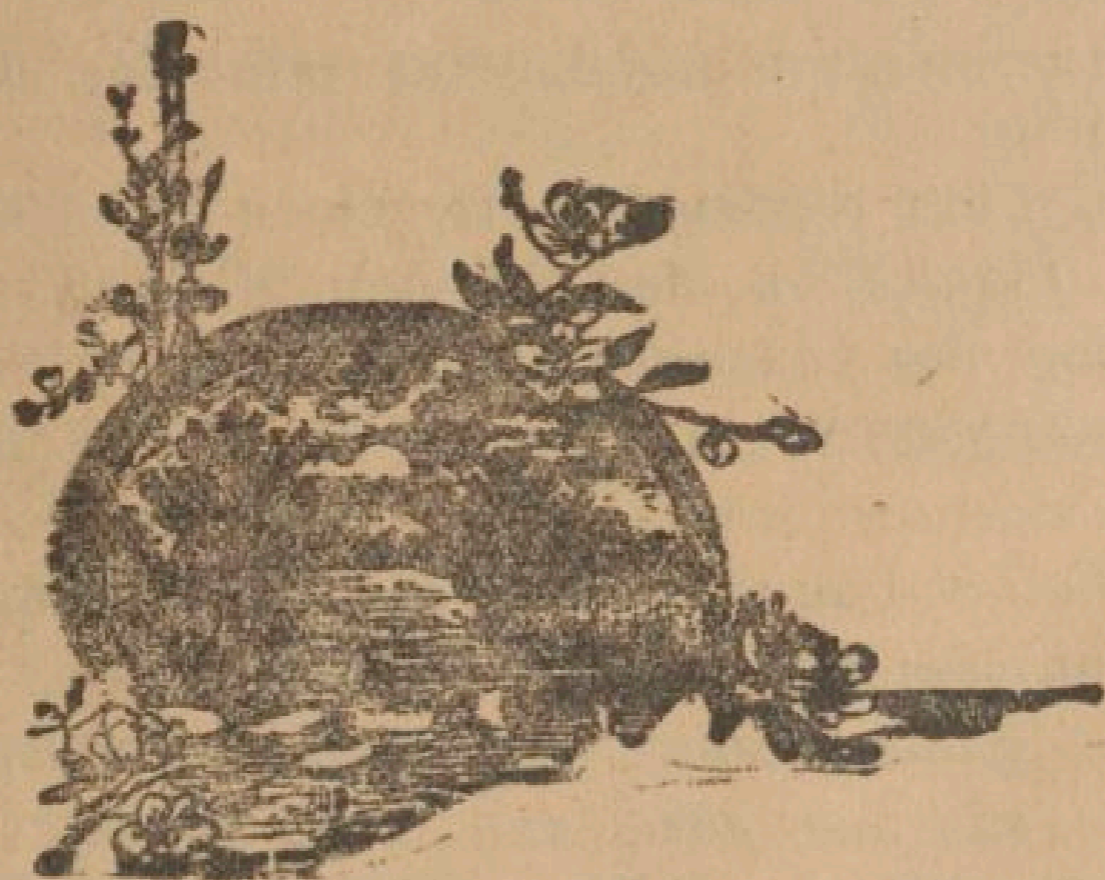
Đến năm năm thầy không còn luận bàn và bình phẩm bằng cái trí. Bảy giờ tôn-sư thưởng cho thầy một cái cười. Đến bảy năm, thầy dứt sự phân biệt cái có và cái không, cái lợi và cái hại. Bảy giờ tôn-sư mời thầy ngồi chung một chiếu. Đến chín năm, thầy diệt sự nhận biết cái công với cái bất công, cái phải với cái quấy, cái của mình với cái của người. Đến khi thầy giữ được tự nhiên đối với mọi vật, thì tâm thần của thầy cùng thông với cõi ngoài. Thầy không còn dùng đến giác-quan, và thầy thấu đáo mọi việc bằng môn học cao siêu, vô cùng và bí thiết. Cái thể thầy càng mềm, cái thần thầy càng cứng; xương và thịt thầy rất nhẹ nhàn, thầy không còn biết rằng mình ngồi trên ghế và đề chơn trên đất, Cái thần của thầy bay theo chiều gió, Đông, Tây, Nam, Bắc, bay đi các nơi nhẹ như bông gòn, mà thầy không nhận rằng đó là tại gió đưa thầy hay là thầy lướt gió.

Trang-tử sau Liệt-tử mấy chục năm, có dạy rằng: *đời này sách sử thanh hành lắm. Sách-sử là tiếng hiệp lại. Tiếng cho ra ý nghĩa. Ý nghĩa thật ở trong Đạo mà ra, không thể bày tỏ bằng tiếng nói cũng như Đạo. Những câu trong sách chẳng qua là bày tỏ ý nghĩa theo nghi-pháp. Ý nghĩa này ít hạp và không hạp với bản-tánh vạn vật, với chơn-lý. Ai thấu chơn-tánh không giải bằng lời nói. Ai giải bằng lời nói ắt không thấu chơn-tánh. Kẻ thường-nhơn làm mà kiếm chơn-lý trong sách: ý nghĩa sai lạc đó mà thôi! Sách là cặn bã của người xưa, đồ thừa ở những thời đọi quá vãng của họ.*

Tuy mĩa mai Khổng-giáo có hơi nặng, lời luận của Trang-tử thật hay. Quả là nhà đạo từng tham thiền, hiểu rằng tự mình thông suốt bởi mình, không nhờ sách sử của cổ-nhơn được. Đạo Thiền của Phật cũng dạy như thế, mọi người phải tâm lấy tư tưởng riêng của mình, chớ đi lượm lặt, tom góp của người thì bao giờ cho cao thượng đặc biệt, bao giờ cho thành của mình?

Mấy vị đạo-sĩ và các sư bên Thiên-tông thật không cần học theo sách vở. Điều này ắt là nghịch ý với thanh niên chúng-ta hiện-thời. Nhưng cái học của người là khác, cái học của tiên thánh là khác. Chính ông Jean Marquès Rivière đã đậu nhiều cái bằng cấp lớn bên Âu-châu nhưng khi ông qua Tây-tạn, thì sự học của ông đối với các sư Lạt-ma, chẳng qua là đồ sơ giải của trẻ con mà thôi! Sư Thiên-tông bảo rằng các môn học đều ở trong Pháp (Đạo) mà ra, và từng theo Pháp, dẫn cho học hết các môn, có khác nào một người đi vòng quanh, toan đồ nước cho tràn cái miệng chén, có ích gì? Mà học cho đạt đến Đạo, giác ngộ, thành thánh, thành Phật, thì thông tất cả. Có nhiều nhà đạo, không hề đọc một chữ trong sách, không hề nói ra lời, chỉ ngồi thiền định trong một khoản thời gian ở nơi thanh tịnh, hoặc năm năm, bảy năm, mười năm, mười mấy năm, họ có thể đạt mục-dịch, giác ngộ. Bấy giờ họ thỏa thích ở núi non, hoặc tịch Niết-bàn, hoặc ra đi cứu đời. Ông Găng-di (Gandhi) bên Ấn-độ làm chứng cho sự học bằng cách tham thiền!

Muốn có tư tưởng riêng của mình, muốn cho bản thật cao thượng, mình phải suy nghĩ, tham thiền. Và muốn được giải thoát, muốn diệt khổ, hết luân hồi, tất phải tham thiền, cố sức tham thiền. Cho đến khi tham thiền được giác ngộ thì mình nhập với Đạo mà bên Phật gọi là Niết-bàn.



VI

Niết-bàn

1. NIẾT-BÀN LÀ GÌ?— Đức Phật giải sơ về Niết-bàn, cảnh tuyệt cao và cực kỳ sung sướng của nhà đạo. Sự hiểu về Niết-bàn có khác nhau ở giữa các sư Tiểu-thừa và Đại-thừa. Một nhà sư giải về Niết-bàn. Trong Niết-bàn có nhiều bậc cao thấp tùy theo huệ đức của nhà giải thoát.

2. NIẾT-BÀN, MỤC ĐÍCH GIẢI THOÁT.— Nhà tu Phật diệt được cái vô minh thì được an-lạc, hết luân-hồi, hưởng Niết-bàn. Hiểu cho Niết-bàn là chỗ giải thoát, hết khổ là đủ rồi. Vậy ta hãy lo mà tu tập lần lần. Tâm cho quá sức cái trí phàm của ta thì lộn xộn chớ có ích gì.

3. NIẾT-BÀN Ở CÔI THẾ.— Nhà đạo khi thành Thánh thì hưởng quả Niết-bàn ngay kiếp sống. Cái qui là lúc diệt các tình dục.

4. TỊCH NIẾT-BÀN.— Khi thác, mấy vị thánh, Phật hưởng Niết-bàn thiết-thọ, không còn luân hồi nữa. Nhưng các ngài vì lòng từ bi, có khi giáng thế mà độ đời, nhưt là chư vị Bồ-tát.

5. MỘT SỰ LẦM TƯỞNG, NIẾT-BÀN LÀ HƯ KHÔNG.— Người ta nói hư-không mà người ta không hiểu nghĩa hư-không: bởi cái không mà ra cái có. Tịch Niết-bàn đâu có phải là mất, ấy là vào cảnh hoàn-mĩ vậy.

6. CÔI CỰC-LẠC.— Phật vượt lấy những bậc thành tín và ăn ở hiền lành. Ngài đưa họ về cõi Cực-lạc, sung sướng vô ngần. Vậy niệm: Nam-mô A-di-đà Phật chẳng phải là vô ích và dị-đoan theo mấy nhà thanh-niên bất-tin hiện thời.

1.— Niết-bàn là gì ?

Có tham thiền mình mới đạt Huệ, mình bèn cắt đứt các tình dục :

« Cái tâm giác-ngộ và trong sạch hoàn-toàn, mình thành thánh, thành Phật, đến Niết-bàn. Mình lướt tới cảnh tuyệt cao, cũng như kẻ lên tới đỉnh núi tuyết, ở trên còn có mình mông một bầu trời xanh mà thôi. Thần tiên quả vị thấp hơn mình, ước được như mình. Cảnh tang-thương trong tam giới không làm cho mình nghiêng ngã được. Mình sống đủ các kiếp, mình chết đủ các kiếp, cái Nghiệp không tạo chỗ ở cho mình nữa. Không cần cái gì nữa, mình có đủ tất cả; cái Bồn-ngả (Moi) của mình biến mất trong Vô-trụ. Những ai dạy rằng nhập Niết-bàn là không còn, những kẻ ấy làm.

Những ai dạy rằng nhập Niết-bàn là còn, những kẻ ấy cũng lầm. Vì họ đâu có biết gì đến Niết-bàn, họ đâu có hiểu rằng cao hơn những cây đèn bễ của họ có cái yển sáng mạnh là thế nào, họ đâu có hiểu rằng cảnh cực kỳ sung sướng vẫn ở ngoài vòng sự sống và thời-gian. »

Ấy là lời của đấng Thích-ca giải khi Ngài đã thành đạo và đạt Niết-bàn, Niết-bàn của Phật Thế-tôn.

Từ xưa đến nay ai chẳng trọng Niết-bàn, mọi người đều bảo rằng nó là quả đích-đáng hơn hết của nhà đạo đức chơn thật. Các sư trọng nó hơn hết và thường giảng-giải nó với cư-gia. Nhưng thật ra, Niết-bàn là khó hiểu lắm và ít ai hiểu nó cho rành. Tăng-chúng Đại-thừa hiểu nó một cách. Tăng-chúng Tiểu-thừa hiểu nó một cách khác. Như sư trên Tây-tạn cho rằng cái thể mất chớ cái hồn còn, cái hồn cứ tiến-bộ mãi từ cõi thấp đến cõi cao, luân hồi mãi, sau rốt nó vào Niết-bàn. Còn sư đảo Tích-lan (Ceylan) cùng sư các nước Xiêm, Cao-mên, Miến-diện hằng dạy rằng cái hồn vẫn là thể-chất, cái thể-chất mất thì nó cũng không còn cho nên nó không vào được Niết-bàn. Họ cho rằng tịch Niết-bàn là nơi-nghĩ trọn vẹn, cái nguyên-nhơn đã dứt cũng như cây đèn hết dầu không còn cháy nữa.

Sư Tiểu-thừa chuyên về triết-lý thiết-nghiệm, dạy cho tin-đồ cùng hiểu như mình. Sư Đại-thừa vì muốn khuyên-lơn, khuyến-khích, phổ độ cho mạnh-mẽ, dễ-dàng nên tạm khen tặng cảnh Niết-bàn bằng lắm bài giảng mà cư-sĩ rất mộ nghe. Thật ra thì trừ La-hán, Bồ-tát, không ai thông rõ Niết-bàn. Cảnh trí Niết-bàn không dễ thấu, ai chưa tầm học cho có huệ, tham thiền cho có quả thì dầu sư Đại-thừa miên trên hay sư Tiểu-thừa miên dưới không ai hiểu nổi Niết-bàn một cách minh-bạch. Vậy nên ai cố sức giải về Niết-bàn cũng chưa ắt là trúng, và ta có thể hiểu Niết-bàn một cách sơ-siển mà thôi.

Soạn-giả quyển *Phật-Giáo ở Cao-mên* (Le Bouddhisme au Cambodge) có giải như dưới đây: « Niết-bàn là một cảnh trí cao-viên hoàn-toàn, nơi ấy không còn cái gì thay đổi biến cải nữa, bởi vì tất cả những thể hiệp lại làm mạng sống con người đều tắt như cây đèn (soufflé), cho đến những cái

không phải là vật-chất như tánh trí, sự sống, linh-hồn, cũng đều tắt đi tất cả. Người Cao-mên nói rằng ấy là cái tịch thật, tuyệt-dịch, cao-viễn, nó không còn để lại cái gì về phần xác và phần trí hết, chớ cái chết thường lẽ xảy đến mỗi ngày chung quanh ta, chẳng qua là cái chết bóng dáng, một phương-thể luân-hồi. Cái mà nhập Niết-bàn, không phải cái thân, không phải cái trí sáng, không phải cái sanh-mạng chẳng còn vật-chất, không phải cái hồn; con mắt của chúng-ta thì thấy ít, mà lòng dạ của chư thánh thì biết nhiều. Tức riêng có bậc thánh mới thấu cảnh hoàn-rữ, trọn vẹn, cao siêu là Niết-bàn. Cái mà luân-bồi mãi cho đến Niết-bàn là cái Nghiệp hiệp lại những việc làm tốt và xấu, nó tạo thành sanh-mạng cá-nhơn (Individualité); sanh-mạng này chết đi sống lại bởi các quả-báo, bị cái lòng ham muốn thống-trị, chưa thoát khỏi tình dục, chưa được bình tĩnh tự nhiên, hãy còn luyến theo cuộc đời mà mọi vật đều thay đổi. Cái mà tịch Niết-bàn, thành Niết-bàn, nhập Niết-bàn là các quả phúc, tom góp bồi mình, mình tịch vào trong quả phúc ấy sau khi trừ một cái nghiệp tốt và cố sức mãi mà diệt cái nghiệp xấu với các sự ham muốn tội-tinh. Quả phúc của mình nó sống sau mình, nó vào một cảnh trí hoàn-toàn cho đến đời trí-giác mình không nhận hiểu nó nổi, bởi vì nó không còn giác-quan trí-thức, nó không ham, không muốn, không tưởng, không khoái cái gì. Ở vào cảnh trí này không có thể-chất hình thức, không còn cái gì sợng khổ, phải quây hết. Ở vào cảnh trí này có cái yên tĩnh sâu xa, chẳng những là lặng lẽ hoàn-toàn mà lại không có cái gì làm mất sự lặng lẽ ấy nữa. Nhập Niết-bàn chẳng phải bằng cái hồn, cái thân (personnalité) mà bằng quả phúc đã tom góp đó». Thật dầu ai khéo cất nghĩa cách gì cũng khó làm cho người ta thấu Niết-bàn lắm vì nó ở ngoài cái trí của người, cao hơn cái trí của người.

Trong kinh cồ, có một đoạn nói về Niết-bàn như dưới đây: « Có một cảnh kia không có đất, không có nước, không có khí, không có yển sáng, không có bờ cõi, không có chỗ khởi, không có chỗ cuối, không có ý-nghĩa, không có tư tưởng, không có cái này, không có cái kia; có cái yên tĩnh tuyệt

đích. Ở cảnh ấy không có mặt trăng, không có mặt trời, không có sao ; ở cảnh ấy không có địa-cầu, không có sanh, không có khổ, không có chết, bởi vì cảnh ấy là cảnh yên tĩnh mãi mãi, yên tĩnh tuyệt đích, cảnh không có sự sống tất không có khổ và không có biến đổi. Cảnh ấy là bất sanh, bất tạo, bất hóa, bất hiệp. Cảnh ấy là Niết-bàn.

Kinh Vidyamatra-Siddhi-Castra có phân ra bốn thứ Niết-bàn như dưới đây :

1./ Nirvana là cái Phật-tánh mà vạn vật đều có chứa ở trong mình.

2./ Sopradhicesha-nirvana là cảnh một Đấng hiền chơn-lý bằng cách diệt tình dục, nhưng chưa giải thoát cái thân.

3./ Nirupadhicesha-nirvana là hình thể và tâm hồn đều tịch còn có chơn-lý mà thôi.

4./ Apratishtha-nirvana là cảnh của chư-vị Đại Bồ-tát, các ngài còn vui chịu luân-hồi tuy các ngài có thể nhập Niết-bàn. Các ngài có huệ lớn, luân-hồi mà không nhiễm sự ô-trược trong đời, các ngài từ-bi với chúng-sanh nên chưa chịu nhập Niết-bàn. Chính Phật có đủ bốn thứ Niết-bàn.

Hay là trong Niết-bàn có nhiều bậc. Tuy là cảnh trong sạch chớ người cao thấp khác nhau. từ bậc ở quả thứ ba chừng lên quả La-hán thứ tư, tới bậc thứ năm là các vị La-hán ở thế tịch lên, cao hơn nữa là bậc thứ sáu Đại La-hán, Bồ-tát, Đại Bồ-tát Ma-ha-tát và bậc thứ bảy Phật Thích-Ca Như-Lai với các vị cồ Phật...

Ông Adhémar Leclère có hỏi một vị đại sư Cao-mên về Niết-bàn, đại sư rất khiêm tốn và dè dặt, tưởng cũng nên biên ra đây lời đối đáp của hai đàng.

— Nhập Niết-bàn có phải đưa mình vào đó như giọt nước rơi xuống sông, tịch Niết-bàn có phải cũng như một chút gió nhập vào không-gian chăng ?

— Bần-tăng không biết, vì Phật không có giải chỗ đó. Bần-tăng biết những điều Phật dạy. Phật dạy rằng Niết-bàn là cảnh vững bền tuyệt đích, ở đó hoạn nạn xâm nhập không tới, ở đó không biết sự đau khổ. Bần-tăng không biết hơn nữa vì Phật không muốn nói nhiều về Niết-bàn.

— Tại sao Phật không nói rõ thêm về Niết-bàn ?

— Vì dầu Phật có nói thêm cũng không ai hiểu nổi, họ chết mệt mà nghe chớ có ích gì. Những lý về Niết-bàn to lớn, mạnh-mẽ, tốt đẹp cho đến đổi tâm trí của kẻ phàm không thể nhận. Bởi vậy Phật không có nói thêm về Niết-bàn.

— Tôi chịu. Nhưng xin hỏi thầy vậy chớ theo thầy, thầy có nghĩ rằng con người nhập Niết-bàn có còn hay chẳng ?

— Không, nói còn không được.

— Hay là chính Niết-bàn là không không, con người không còn chớ gì ?

— Không, nói như vậy cũng không được.

— Có thể nói như vậy chẳng : Khi các chúng-sanh khắp các địa cầu, các nơi, thiên-đường, địa-ngục, đều Nhập Niết-bàn hết, bấy giờ chỉ có Niết-bàn không mà thôi phải chẳng ?

— Không, nói như vậy không được.

— Nói trái lại có đặng chẳng ?

— Không, nói trái lại cũng không đặng. Người ta không thể nói rằng các hoàn-cầu sẽ tuyệt hay sẽ còn, vì Phật không có dạy rằng tại sao mà có hoàn-cầu, tại sao mà hồi trước đã có hoàn-cầu và sau này nó lại còn mãi.

— Vậy thì thầy có biết gì đâu.

— Bản-tăng chúng-tôi chỉ biết những đên mà Phật có dạy, những đên mà Phật nhận là có ích đối với cuộc giải-thoát của chúng-tôi mà thôi.

2. Niết-bàn, mục-đích Giải-thoát.

Nhà tu Phật hoàn-toàn được ngơi-nghỉ trọn vẹn, không còn chịu luật thành bại thay đổi, dứt ra khỏi sự đời, tắt lòng dục vọng, diệt được lòng tham, đến cõi cuối cùng tức là Niết-bàn.

Thành thời thay hạng người ấy, gác mình ra khỏi vòng sanh tử, cuộc trần ai, không còn ở dưới quyền luật như quả nó đày-đọa và làm chủ các chúng-sanh. Rõ thông Tứ-diệu-đề, nhà Giải-thoát không còn thiếu cái muốn, không còn thiếu cái sống, không còn thiếu cái làm, không còn

triều cái Dốt (Vô minh – Ignorance). Nhà Giải-thoát đã diệt cái luân-hồi, được trong sạch hoàn-toàn, đã xữ tròn phận sự làm người, biết mình không còn luân chuyển lại cõi trần, tắt nghỉ như một cây đèn mà chủ không châm dầu. Nhà Giải-thoát đã diệt trọn Mười-bai cái nhơn-duyên (Nidānas), không còn biết cái khổ là gì, mà trước kia người cũng chung kiếp như các chúng-sanh, trải qua mọi mùi cay đắng!

Từ-bi thay cứu Thế-tôn! Ngài đã thành Phật, đạt Niết-bàn, nhưng chưa tịch, Ngài đi độ thế và tiếp-úng những nhà học đạo đồng thời. Ngài cố dắt các vị học-trò lên đường giải-thoát.

Một hôm đại-đức Máloukyâpoutta nghĩ rằng còn nhiều đề sâu xa đại-khái mà Phật chưa dạy tăng-đồ. Đại-đức đến chào Phật và bạch rằng: « Vô-trụ là thiên-cổ hay có bờ cõi trong thời-gian? Vô-trụ là vô cùng hay là cùng? Khi tịch Niết-bàn, Thầy còn sống hay không? Xin Thầy phân-giải cho. Như biết Thầy bảo rằng biết, không biết Thầy bảo rằng không biết, kéo đệ-tử trông hoài mà không thấu nghĩa-lý mấy điều ấy. » Phật đáp: « Này Máloukyâpoutta, hỏi trò chưa nhập học, ta có nói với trò cái gì không? Hỏi đó nhận trò làm đệ-tử, ta có hẹn dạy trò vô-trụ là thiên-cổ hay không thiên-cổ, nó là cùng tận hay vô cùng vô tận, cái sanh-lực (force vitale) làm một với thân thể hay tách riêng, Phật còn sống hay không còn sống sau khi tịch, hay vừa còn sống vừa không còn sống, ta có hẹn dạy trò những cái ấy chăng? »

— Bạch Thầy, Thầy không có hẹn như vậy.

— Hay là trò có nói như vậy chăng?

— Tôi muốn làm đệ-tử của Thầy, tôi muốn Thầy dạy tôi biết vô-trụ cùng tận hay không, tịch Niết-bàn còn sống hay không v.v....

— Bạch Thầy, tôi không có nói như vậy.

Phật mới phán: Có một người kia bị một mũi tên độc. Cha mẹ bà con nó liền rước đến một vị danh y. Như nó nói như vậy, trò nghĩ thế nào: Để cho tôi biết coi ai bắn tôi rồi sẽ bó rịt cho tôi, tôi muốn biết coi người ấy là dòng vua quan hay dòng Bà-la-môn, chường thương-gia hay

chương nông-gia. Hoặc nó nói : « Tôi chưa chịu bỏ vết thương tôi đâu, tôi muốn biết tên kẻ bắn tôi đã, nó là nhà nào, nó lớn, nhỏ, hay vừa vừa và cây cung nó ra làm sao ? »

Như vậy thì nó chết.

Vì làm sao Phật không dạy đệ-tử vô-trụ là cùng tận hay vô cùng vô tận, đức Phật khi tịch còn sống hay không còn sống ? Bởi vì biết những điều ấy không có ích trong sự tiến bộ về đạo-đức, không giúp được trong sự an-lạc và giác-ngộ. Cái gì giúp cho sự an-lạc và giác-ngộ thì Phật dạy nó cho tín-đồ : Khổ-đề, Tập-đề, Diệt-đề, Đạo-đề. Trò Málouankyá-poutta ơi, cái gì ta không dạy, cái ấy ta không nói ra, cái gì ta dạy, cái ấy ta nói ra ngay.

Giữ lòng đại-từ đại-bi, Phật không truyền những lý chẳng có công-hiệu với cuộc giải-cứu của tăng-đồ. Cho đến về Niết-bàn Ngài cũng không nói rõ. Ngài chỉ phân rằng nó là mục-đích cuộc giải thoát mà thôi. Con người đến đó thì hết khổ, hết luân-hồi trong tam-giải, được an-lạc đời đời kiếp-kiếp.

Bà Khê-má nữ tín-đồ của Phật, có giảng với vua Ba-tư Nặc-Vương (Prasenajit) rằng : « Biết thành Phật, nhập Niết-bàn là đủ rồi. Chớ cần gì biết nơi ấy Phật còn sống hay không còn sống. Niết-bàn giả như cái biển cả, làm sao mình biết nó rộng lớn thế nào, làm sao mình biết số nước và số cát của nó ? Phật nhập Niết-bàn, Ngài là sâu-xa, vô cùng vô tận như biển cả, người ta không thể dùng lời nói và tri-thức mà đo độ cảnh Niết-bàn của Ngài. »

3. Niết-bàn ở cõi thế

Thường thường người ta hiểu rằng nhập Niết-bàn là tịch khỏi hồng-trần. Nhưng lắm nhà thành đạo thượng Niết-bàn ngay lúc sanh tiền. Đức Thích-Ca chứng Niết-bàn hồi ở dương-thế và Ngài ở đó mà truyền Đạo cho đời. Chư vị học-trò chứng quả thứ tư, thành La-bán, tuy còn sống, ăn uống, làm lụng như người thường, nhưng hưởng cái khoái-lạc Niết-bàn, thường nhập đại-định một cách cực-kỳ sung-sướng. « Nhà học đạo đã dứt bỏ cái vui và cái muốn, giàu có về trí huệ, ngay ở cõi này đã được thoát khỏi cái chết, nơi-nghỉ,

hưởng Niết-bàn, cảnh thiên-cổ.» Và đức Xá-lợi-Phất có giảng với một thầy tu khổ hạnh Bà-la-môn nghĩa Niết-bàn như vậy : « *Niết-Bàn là diệt lòng ham muốn, diệt lòng ganh ghét, diệt mối sai-lạc.* »

Theo trong kinh, người ta gọi Niết-bàn chẳng những cái cõi ngoài nơi ấy vị Thánh, nhà Giải-thoát sẽ tới, mà lại là cảnh trí hoàn-mĩ hưởng ngay kiếp này. Cái gì phải tắt là tắt như lửa tham, lửa giận, lửa lầm. Lòng sợ-sệt và nỗi mong-mỏi đã xa-tít rồi, xa cho đến đôi mắt tăm-dạng ; cái sở-định (volonté) và sự triều-mến cái Bồn-ngả (cái của mình) đã bị dẹp rồi : ấy đó người ta bỏ qua một bên những cái sở-vọng, bèo-ảnh. Đức Thánh-Phật không quản cái sống cuối-cùng và tạm thời này, dầu cho sống lâu hay mau người cũng không cần. Người muốn tịch lúc nào cũng được, nhưng người bền-bỉ chờ cái giờ chót của mình.

Người không tiếc cái chết, người vẫn chờ nó như kẻ làm công chờ món thưởng.

Và cái giờ qui báu hơn hết của nhà Giải-thoát không phải là lúc tịch, ấy là lúc diệt các tình-tội và các nỗi khổ ở đời. Cũng như thế, giờ qui báu hơn hết của đức Thích-Ca là hôm Khoát-nhiên đại-ngộ dưới cây Bồ-đề, lúc từ quả Bồ-tát Ngài lướt lên bực Phật Thế-tôn.

4. Tịch Niết-bàn.

Những nhà đạo gắng sức tu-luyện đến chết mới chứng quả Thánh thì tịch Niết-bàn trong lúc ấy. Còn mấy người thông Bốn đề, diệt Mười-hai môn duyên khi còn khoẻ đã chứng Niết-bàn một lần rồi. Đến khi chết, các Ngài hưởng Niết-bàn lần thứ nhì. Những ai chưa hoàn-toàn trong-sạch, còn luyện-ái với trần, khi chết hồn còn đảo lại cõi trần, luân-hồi theo quả-vị cái Nghiệp. Nhưng chư vị La-hán còn có thề rở xuống cõi thế vì lòng từ bi muốn dắt nẻo cho chúng-sanh. Các Ngài và chư-vị Bồ-tát đầy lòng bác-ái, giáng trần mà cứu độ chớ không phải tuân theo cái Nghiệp.

Phật thác, tức là nhập Niết-bàn lần thứ nhì, chư tăng làm lễ thiêu rất long trọng. Các nhà vua Ấn-độ hội lại mà chia tro tàn của Ngài để đem về thờ. Kế ngoài một trăm

năm sau, vua A-dục có cất 84.000 cảnh tháp khắp nơi ở Ấn-độ mà thờ dấu-tích và tro tàn của Phật.

Rồi đến Phật sẽ nhập Niết-bàn kỳ thứ ba. Chừng ấy bao nhiêu dấu-tích và tro tàn của Ngài sẽ gom lại một chỗ. Liên đó có một ngọn lửa linh, lửa tam-muội thiêu các món ấy hết: Phật sẽ nhập Niết-bàn cao hơn nữa. Cái Thiên-chức của Ngài mãn, Ngài ngơi-nghỉ đời đời. Một ông Phật khác sẽ thế cho Ngài mà đắc nẻo cho chúng-sanh.

5. — Một sự lầm tưởng, Niết-bàn là hư không

Không, Niết-bàn chẳng phải là hư không vô-vị. Mấy ông thánh không phải mất đi một cách vô-lý. Một hai khi chư-tăng có nói Niết-bàn là hư không thật, chính Niết-bàn là cõi Hư-vô. Nói một đảng người ta hiểu một đảng khác chớ không phải hiểu theo chữ. Đức Nagarjuna (Long-Thọ Bồ-tát) hồi thế-kỉ thứ hai dạy rằng hư không là cảnh huyền-bí sanh ra vạn vật và vạn vật chung qui đều về nó, nghĩa là nhập Niết-bàn. Tức xét về chơn-lý tuyệt-đích (Vérité absolue) cái gì chẳng thuộc về hư-vô? Và đến một lúc kia vật nào được hoàn-toàn sẽ nhập hư-vô. Những người quen với chơn lý đối-đích (Vérité relative) đều ngỡ hư-vô là chẳng có gì hết.

Về sự hư không, một nhà sư Tiểu-thừa lấy làm ngạc-nhiên và thốt rằng: « Nếu vậy thì không có gì hết hay sao? Nếu con người không lai-sanh, nếu không có thiên-đường, không có địa-ngục, không có Niết-bàn thì không có gì hết. Chết là hết tất cả, không có gì hết. » Nhà sư cuối đầu, da trên trán nhăn, người nhắm mắt một chặp, mặt vẫn tự nhiên không xao-động. Người tham thiền. Kế gương mặt người lần lần sáng ra, người ngó lên và nói rằng: « Không, ở ngoài cõi sống còn có thiên-đường cho những người lành, địa-ngục cho những người ác; có luân-hồi và trên hết có Niết-bàn; có tất cả những cái ấy vì Phật đã dạy rằng có. Nếu không có những cái ấy thì con người hung ác cho đến làm cho địa-cầu cháy bùng như một cuống gai và mọi vật đều tiêu tan mãi mãi. »

Người ta không hiểu nghĩa rộng của Hư-vô. Và người ta rất ngán mà biết cho Niết-bàn là hư vô. Nếu Niết-bàn là không không thì tu mà làm gì? Kềm-chế cái trí mà làm gì? Cắt đứt tình dục mà làm gì? Người ta trông cây ở tôn-giáo, lấy nó bắt cầu từ cõi cùng tận đến cõi vô cùng vô tận. Rồi người ta chỉ thấy là không không thì cái cầu đó bình linh gãy đi. Minh không thể qua cõi vô tận lại phải lọt mất dưới hư không thâm thẳm.

Bởi thế cho nên một nhà soạn-giả có danh ông Max Müller phải an-ủy người ta rằng : « Không, Niết-bàn là cảnh trí cao hơn hết, con người đạt tới đó thì hoàn-toàn chớ nào phải là không, nào phải là tịch mất đâu.»

Chính con người, sau nhiều kiếp luân-hồi, tom góp công-đức mãi, tốt lành thêm mãi, sau rốt là hoàn-toàn, bèn tắt nghỉ, bỏ cái cảnh giả mà đến cảnh thiệt, bỏ nơi biến đổi mà đến nơi hoàn-mĩ không hề có sự biến đổi thành bại. Bấy giờ con người không mất, tức là lướt qua khỏi các nơi khổ và tới một con đường nó dẫn đến cảnh an-lạc, nghiêm-trang mát-mẻ và thanh thoi cực-điểm. Đạt Niết-bàn là hưởng sự cực-lạc đời này và đời sau mãi mãi, cực lạc vừa hình thể và tâm hồn.

6. Cõi Cực-lạc

Lòng từ bi của Phật lo cho chúng-sanh đương thời, lại lo cho chúng-sanh đời sau nữa : Phật đã tìm cách cứu-độ Nhơn-loại ở đời mạt-pháp này. Hồi trước, hồi đời thanh-pháp, con người thông-minh, có thể tự cứu lấy mình, tìm sự giác-ngộ, chứng quả Thánh và nhập Niết-bàn. Bây giờ con người không có huệ như trước, không có thể tự giải thoát, dầu có chút ít trisáng thì sa vào tình tội. Thấy đều mê-muội, lạc-lầm. Biết như vậy Phật rất thương tâm, bày phương-thế vớt người khỏi biển khổ. Tức Phật khuyên con người nên thành tâm mà cầu nguyện, Phật sẽ cứu đem về Cực-lạc-quốc, khỏi chốn trầm-luân khổ-hải. Đức Thích-Ca cho hay rằng ai niệm Phật A-di-Đà thì khi thác được đức A-di-Đà rước về cõi Cực-lạc.

Đức A-di-Đà Phật (Adi-Bouddha) là Đấng cao cả hơn hết, nguyên-thủy vạn vật, vô cùng vô tận, Ngài là linh-quang

chung cùng (Ame universelle), người ta cũng sánh Ngài với đức Phạm-Thiên (Brahma). Ngài dùng phép tham thiền lấy trong cốt-tủy của Ngài mà hóa ra năm vị Phật thiền (Dhyani (1) Bouddha) và mỗi vị Phật thiền biến ra một vị Bồ-tát thiền (Dhyani Boddhisatva). Đức Adi-Bouddha biến ra đức Phật thiền Amitabha, cũng kêu là A-di-Đà Phật, và đức A-di-Đà Phật biến ra đức Bồ-tát thiền Quan thế-âm. Một vị Phật người (Bouddha humain) đi với một vị Phật thiền và một vị Bồ-tát thiền. Đức Thích-Ca đi với đức A-di-Đà (Amitabha) và đức Quan-thế-Âm (Avalokitevara). Ngài là Phật người thứ-tư và đức A-di-Đà (Amitabha) là Phật thiền thứ tư. Hiện nay Phật thiền A-di-Đà ngự tại nước Cực-lạc với Quan-thế-Âm. Các sư Đại-thừa cũng sắp đức Đại-thế-Chi Bồ-tát đứng chung, thành ra ở Cực-lạc và trên bàn thờ đức Quan-thế-Âm và đức Đại-thế-Chi ngự hai bên đức A-di-ĐÀ (Amitabha).

Hay là người ta cũng nói rằng, vì muốn cứu nạn cứu khổ cho chúng-sanh nên đức A-di-Đà giáng thế, mượn thân đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni. Người ta cũng nhận rằng chính đức Thích-Ca là đức A-di-Đà. Ngài thương chúng-sanh nên muốn vớt chúng-sanh về Phật-quốc, cõi Cực-lạc. Một cách rất khéo để chỉ Niết-bàn, vì về cõi Cực-lạc con người hưởng sự sung-sướng, thanh-nhàn, hết kiếp đau thai, tức là nhập Niết-bàn đó.

Người đời dở yếu khó thế tự mình đến cõi Niết-bàn. phải nhờ đến sức tiếp giúp của Phật. Lúc sau này khắp nơi số người thất học rất đông. Phật biết rằng họ không tỏ sáng thông-minh được. Nhưng miễn là họ thành tâm nguyện-vái, niệm sáu tiếng « Nam-Mô-A-Di-Đà-Phật », thời Phật chứng cho họ, rước họ về cõi Phật khi họ qua đời. Mầu-nhiệm thay mấy tiếng niệm ấy, niệm nó thời Phật độ, niệm nó mà mình thành-tín với Phật, mình bền cố sức bỏ sự tà-vạy, bỏ sự muốn quấy, trở nên thanh-bạch, dứt cái nghiệp ác, hết luân-hồi về cõi Cực-lạc, sung sướng thanh nhàn.

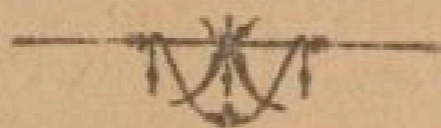
Nhờ ảnh-hưởng các sư, thiện-nam tín-nữ tin Phật A-di-Đà càng ngày càng đông, đông cho đến đôi người phương Tây

(1) Dhyani bởi chữ Dhyana, thiền.

dùng tiếng Amidisme mà gọi phái A-di-Đà. Và trong khi niệm Phật A-di-Đà người ta giữ giới rất kĩ, theo phong-hóa rất nghiêm : người ta sống một cách đơn-sơ, vừa-vặn, tinh-khiết, chê bỏ sự xa-xỉ chơi-bời. Thương cha-mẹ bà-con, người ta cũng kính mến láng giềng và kẻ khác, nhưt là người ta nhưn từ bố thí. Cả đời hiền hậu, người ta lần chuỗi niệm Phật, luôn dịp ăn năn sự lỗi lầm. Người ta trông về nẻo chết một cách tỉnh táo, yên trí rằng đức A-di-Đà sẽ đưa mình đến Mé lành. Dầu cho họ không tới Cực-lạc cảnh Phật chớ họ cũng hưởng được cảnh sướng bực tiên.

Biết bao tích các nhà thành-tiạ được về nơi Cực-lạc, châu Phật A-di-Đà. Ngay trong nước ta có nhiều người khi sắp chết cho hay giờ nào họ chết và giờ đó họ được Phật rước đi. Lắm người không biết một chữ, nhưng họ cũng thành đạo là nhờ dốc chí niệm Phật, được Phật chứng minh. Họ tin Phật mà diệt xong các tinh tội, không còn bị trôi buộ ở trần gian. Trái lại, bao kẻ học cao mà đức kém, tự tôn tự trọng, họ cứ lầm lỗi, cứ phạm tội, họ chìm mãi trong trầm-luân khổ hải.

Tin Phật A-di-Đà, được về nước Cực-lạc, chứng quả lành, lắm khi thành La-hán, và thác nhập Niết-bàn. Người ta không được như các sư đời thạnh pháp hưởng Niết-bàn tự mình và ngay lúc sanh tiền. Nhưng miễn là khi chết khỏi lai-sanh khổ não, khỏi lên xuống vô chừng trong tam giới, ấy là đạt mục-đích, là qui vô hạn rồi.



VII

Tư-tướng giúp đời

Tư-tướng này rút trong kinh Bodhicāryāvatāra, một bộ kinh rất có giá trị trong Phật-giáo. Nhà soạn là đại đức Çantideva (Triết-Lý nhà Phật 84-86). Kinh này có dịch ra nhiều thứ tiếng. Bản chữ tàu dịch hồi thế-kỉ thứ mười, bản chữ tây-tạng hồi đầu thế-kỉ mười một, còn bản chánh soạn hồi thế-kỉ thứ bảy.

Tôi dịch ra đây nương theo bản chữ pháp của Louis Finot đề tựa *La Marche à la Lumière* vì Bodhicāryāvatāra nghĩa là *nhập hành đạo đề đến cõi Bồ-đề*.

Çantideva là con vua Çrī-Harsa, một nhà vua anh-hùng ở Ấn-độ hồi thầy Huyền-Trang đi thỉnh kinh. Ngài sắp lên ngôi nhưng ngài nằm mộng thấy hai vị Bồ-tát đức ông Văn-Thù (Manjueri) và đức bà Tara khuyên ngài xuất gia. Ngài liền ẩn nơi rừng núi mà học đạo, thường nhờ hai vị ấy phò hộ. Ngài tham-thiền có hiệu quả và dọn thành bộ kinh Bodhicāryāvatāra làm cho các sư đồng thời nể huệ đức của ngài. Ngoài ra bộ này ngài có soạn hai bộ nữa nhan đề Sūtrasamuccaya và Çikshāsamuccaya.

...

Trong khi đêm hôm, mây ám làm cho cảnh trời thêm đen mịch, nhưng một cái chớp làm cho cảnh sáng ra, cũng như thế, nhờ oai đức của Phật, có khi tư-tướng con người ngừng nghĩ đến việc phải.

...

Nguyện trị cho một ít người hết bệnh nhưt đầu đã được công-từ khá rồi : huống chi muốn cứu nhơn-sanh khỏi bề thâm minh-mông và độ cho họ có tánh quý vô cùng vô tận !

...

Tinh dục không ở trong vật, cũng không ở trong ngũ-quan tri-giác, hoặc trong khoản cách hay ở chỗ nào. Vậy chúng-nó ở nơi đâu mà khuấy-rối cả hoàn-cầu ? Chẳng qua là bóng-dáng đó thôi. Tâm ơi ! người đừng sợ chi hết, hãy ráng mà theo trí-huệ.

...

Chớ chi lòng nhơn (charité) làm cho trần-thế thêm giàu, thì các Đấng cứu đời sao lại chịu nghèo, mà trần-thế cứ nghèo mãi ?

Dốc lòng thì cho chúng-sanh mọi vật mình có cho đến thì luôn công-đức của mình, như vậy mới thật là có nhưn đúng bực đó.

...

Tôi có thể làm mất gia tài, danh giá cho đến mạng sống của tôi chứ cái lương tâm tôi, không bao giờ tôi để cho nó mất.

...

Tình dục là bọn ăn cướp đi kiếm nỏ. Nếu kiếm được nỏ, chúng-nó bõc lột ta và phá nát phần phước ta ở đời tới nữa.

Vậy ta phải đề ý cho lắm đến chỗ cửa cái tâm mới được, cái ý-chỉ ấy dang xa ta phải kéo nó lại liền.

...

Không nên ngó qua ngó lại vô ích; phải ngó mãi xuống cũng như trong khi tham-thiền.

Phải giữ cho chính cái tâm, con voi dâm-dục ấy, đừng để nó sút dây chạy khỏi cây trụ này : Kinh Pháp.

...

Có làm việc gì chánh đáng ta đừng tưởng đến việc khác. Trước phải lo làm tròn một việc vừa chú trọn cái tâm vào đó. Như vậy thì mọi sự đều hoàn thành. Chớ không thì việc này việc kia đều trật bậy, rồi thì cái xấu nó nhập vào tâm, nó sẽ nảy thêm ra nữa.

...

Một người ngủ chiêm bao thấy mình sống trăm năm, rồi thức dậy. Một người khác ngủ thấy mình sống có một lát, rồi cũng thức dậy. Cả hai, khi tỉnh giấc, cái sống đã biến mất. Cũng như vậy, đến giờ chết kẻ thọ và kẻ yểu đều như nhau.

...

Thà chết bây giờ còn hơn kéo dài một kiếp sống vô ích.

...

Trong khi có một nhà bị cháy thì người ta lo dọn ở bên nhà gần đặng cho lửa đừng bắt qua được. Cũng như thế, phải lo trừ cái tu-tướng mà gần nó có thể sanh lửa ghét-ganh, lửa ấy nó đốt cháy các công-đức của ta.

Phách-lực (énergie) là gì? là can đảm làm việc phải. Những món nghịch của nó là gì?— Lười-biếng, ham làm ác, thói chí và tự chê mình.

•••

Can-đảm, phấn-đấu, chuyên-cần, tỉnh trí giữ mình, biết mình như người (cũng vui khổ như người) lật lẩy của mình làm của người, của người làm của mình (1) ấy là những bộ-hạ của phách-lực.

•••

Các ông thầy thuốc đều làm cho người bệnh đau mới trị họ hết được: vậy ta phải chịu đau chút ít để diệt trừ các sự khổ to.

•••

Cái thân được hữu-hạnh nhờ có nhơn-đức, cái tâm được hữu-hạnh nhờ có trí-huệ; bởi thương chúng-sanh nên mới lăn-lộn trong vòng luân hồi, người như vậy có khổ gì đâu?

•••

Cái sở-vọng của nhà nhơn-đức, dầu muốn việc gì cũng được trọn ý hết, là nhờ công-đức đã góp nhiều, họ được việc cũng như được đồ lễ của kẻ đến viếng thăm.

Còn cái sở-vọng của bọn độc-ác, dầu muốn việc gì cũng bị những lưới giuom nạn khổ chặt đứt hết, là bởi những tội đã gieo.

•••

Thối chí mà bỏ xui thì thất-bại dễ-dàng. Sốt-sắng và có phách-lực lại đứng đọt chống-chỏi nổi với các sự trở nghịch đáng ghê.

•••

Bị đánh ngã bởi sức tinh dục mà toan chinh-phục hoàn-cầu thật là chuyện buồn cười.

(1) Interversión de soi et d'autrui.— Cái tốt của mình đem dâng cho người, cái xấu của người mình vui lòng rước lấy.

Mấy kẻ chịu thua tánh tự cao là kẻ hèn nhác chớ chẳng phải kẻ tự cao, vì kẻ tự cao không chịu đầu giặc nghịch, chớ mấy kẻ kia thì ở dưới quyền của giặc nghịch: tánh tự cao.

Cũng như thuốc độc, nếu vào đến máu thì chạy khắp cả mình, vậy cái tật xấu nếu nó gặp trốn nó chạy khắp trong tâm-hồn.

Mình sanh ra một mình và chết một mình ; không ai gánh lấy một phần khổ cho mình. Vậy thì bạn-bạn, quen, thân, có nhằm vào đâu ? Dây ràng buộc.

Người đã trải biết bao nhiêu đời để lo kiếm cái lợi của người ; có gần-công cho lắm người chỉ gặt hái cái quả đau-dớn mà thôi.

Hãy vứt cái Bồn-ngả (Moi) người xuống khỏi cảnh vui-sướng đi, bắt nó mà thảng vào nạn khổ của người và người hãy coi chừng sự hành-động của nó Gặng làm cho mưu-kế nó không thành.

Có hai hạng người đối diện với nhau : người suy-nghĩ tham-thiền và người thường. Người suy-nghĩ tham-thiền cao quý hơn người thường và họ cũng chia ra nhiều bậc khác nhau : cao thấp tùy theo giá-trị ở trí-hóa. Người thường thấy biết và nhìn-nhận mọi vật là có thật chớ không cho chúng-nó là ảo-ảnh như người suy-nghĩ tham-thiền.

Cái thân không phải là bàn chơn, ống chơn, bắp đùi, háng, bụng, lưng, ngực, tay, bàn tay, hông, nách, vai, cổ, đầu ? Vậy cái thân là gì ?

Nếu cái thân có một phần trong tay chơn, ấy là phần này ở trong phần kia : còn trọn cái thân nó ở đâu ?

Và nếu trọn cái thân đều ở trong tay chơn thì có bao nhiêu tay chơn là có bấy nhiêu thân phải không ?

Cái thân không ở trong, không ở ngoài. Làm sao nó ở trong tay chơn? Nó cũng không ở ngoài tay chơn. Làm sao nó có được? Vậy thì không có tay chơn. Nhưng bởi theo tượng-ảnh người ta tưởng cho cái thân thuộc về chơn tay, dính với chơn tay như một người bị ghệt vào trụ.

Bao giờ một đám nhơn-duyên kia còn hiệp thì cái thân coi như một người, cũng như bao giờ nhơn-duyên ấy còn hiệp trong chơn tay thì người ta thấy ở đó một cái thân.

Cũng như thế không có bàn chơn: ấy là mấy ngón chơn hiệp lại. Ngón chơn chỉ là lóng hiệp lại, lóng là ít phần hiệp lại thôi.

Mấy phần này hiệp lại bởi nguyên-tử (atome), nguyên-tử hiệp lại bởi sáu đoạn, mỗi đoạn không phân ra được, chỉ là không-gian trống lỗng thôi. Vậy thì không có nguyên-tử.

...

Ấy hình-thể có khác nào mộng-ảo (rêve) đâu: người khôn không đeo theo nó. Và cái thân đã không có thì đờn-ông hoặc đờn-bà có làm sao được?

...

Nếu sự khổ là thật, sao nó không làm khổ mấy kẻ đương vui? Còn kẻ đương buồn sao lại không vui vì có đồ ăn ngon?

...

Phải chăng không cảm cái buồn hoặc cái vui là bởi có một cái cảm lớn hơn? Nhưng cái cảm mà không cảm thì làm sao gọi nó là cái cảm?

...

Cái khổ chẳng phát-hiện là bởi có một cái nhơn-duyên vậy. Cái cảm chỉ là tượng-tượng mà thôi.

...

Người ta thấy, người ta rờ: mà cảm là tùy theo trí tưởng, cái trí tưởng là như bào-ảnh hay là mộng-ảo, vậy thì không có cảm.

Ở các anh-em, chúng ta nên hiểu cho rằng mọi vật là trống rỗng như không-gian. Người ta hờn giận hoặc người ta vui chơi trong cuộc đua tranh hoặc rượu-trà. Muốn được sung-sướng, ta sống đời một cách khổ-nhọc trong việc lo buồn, lẩn cuớp, phiền lụy vừa đâm chém nhau, phá-hại nhau đủ lối.

Trích Kinh BODDICĀRYĀVATĀRA

...

Cuộc thăng sanh ra oán thù (Dham mapada)

...

Biếng nhác là sự đơ bản (Httbāna-sutta)

...

Chính nhờ làm việc nên loài người mới sống còn (Vāset-thasutta).

...

Giả như có ai noi theo lối hiền đức hơn từ mà đi, vậy người ấy có khi nào cố ý làm ác chăng? (Sha-mi-lu-l-yao-līo).

...

Những kẻ trong lòng chứa sự ác mà ngoài môi nói ngọt ngào thật giống như cái bình trét nhụy mà đựng đầy thuốc độc (Lalita Vistara).

...

Một điều vui khoái lớn hơn hết là kèm được tư tưởng duy kỉ về cái «Bồn ngả» (Udānavarga).

...

Kẻ bạc ác làm hại tôi thì tôi trả cái hại lại cho nó vừa cho cái lòng từ bi bác ái của tôi chở che đùm bọc cho nó : nó càng làm ác cho tôi, tôi càng làm phỉ cho nó. (Sutra des 42 sections Tứ thập nhị chương kinh).

...

Như người có ghê sợ sự khổ, không vui gì với nó thì đừng có làm quấy chán chường hay kín đáo gì hết (Udānavarga).

Có người bố thí dặng mua tiếng có nhưn, có người bố thí dặng nhờ sự lợi, cũng có người bố thí dặng mong phần phước trên Trời. Người hãy bố thí mà không có những ý tưởng ấy vui mà bố thí, như vậy mới thật là cao thượng. (Fo-sho-hing-tsan-king).

...

Người nói: người ta còn trẻ thì phải chơi bời vui vẻ, đến chừng già mới lo tu. Nhưng mà cái chết có khác nào kẻ cướp nó cầm gươm lên theo ta rình rập ta, một miếng mồi mong mồi của nó; như vậy làm sao người chắc mà chờ đến già dặng đưa tâm trí qua đường đạo-đức? (Fo-sho-hing-tsan-king).

...

Không có ai làm cho người khác trong sạch được (Dhammapada Pháp-cú).

...

Lòng tin nhiệm là dây liên lạc tốt hơn hết trong sự thân-thích. (Dhammapada Pháp cú).

...

Thú kia còn biết lấy sự cung kính, tín nhiệm, lịch sự biết đều mà đối đãi nhau thay. Vậy các anh em hãy phát hiện cái yếu sáng ở trong của các anh em và cư xử với nhau như cách đó vậy. (Cullavagga).

...

Cái tham dục là nguồn gốc sự buồn thảm. Nó đến với ta tưởng như một người bạn, mà thật nó là kẻ đại nghịch của ta (Fo-sho-hing-tsan-king).

...

Được sang chớ quên lúc hèn (Jit su-go-kiyo).

...

Cái tâm có mực: thước (cœur modéré) lúc nào cũng vui vẻ luôn luôn. (Fo-sho-hing-tsan-king).

Lỗi kẻ khác mình dễ thấy, lỗi mình mình khó thấy (Udanavarga).

...

Người ta hải tội kẻ ở gần như là sàng trấu, mà chính tội của họ thì họ lại giấu nhẹm cũng như tay cờ bạc lặn ém bài. (Dhammapada).

...

Thà chết trong sự công, chớ chẳng thà sống trong sự bất công. (Loweda-Sangtahaya).

...

Nếu đem cái ý định của cái trí ra khỏi cách cư xử của mình thì những sự hành động chẳng qua là cây mục mà thôi. Phải để cho cái trí quản trị tất cả, nhờ đó mà cái thân sẽ theo đường chánh (Fo-so-hing-tsarking).

...

Chớ làm phải mà chẳng được vui. (Mahamangala-sutta).

...

Đạo là gì? Là làm quấy càng ít, làm phải càng nhiều, làm lành, thương người và ăn ở trong sạch. (Bia đá vua A-Dục)

...

Không nên hành lễ theo mê-tin, nhưng tử tế với tôi tớ và kẻ bề dưới, lịch sự với kẻ đáng kính, vừa tự trị vừa kính mạng sống của chúng-sanh, những đức tánh ấy và mấy cái đức tánh tương tự như vậy mới thật là cuộc lễ nên xử cho tròn. (Bia đá vua A-Dục).

...

Phải nhìn tội lỗi của mình một cách thẹn thường. (Sianchi-kwan).

...

Đừng hỏi gốc gác cha-mẹ của một người nào mà hãy hỏi tánh tình của họ đã. (Sundarikabhâradvâja-sutta).

Ai làm việc công chánh không sợ gì hết. (Udanavarga).

...

Kẻ nào bây giờ bố thí cho người, về sau sẽ hưởng cái mình đã gieo; kẻ nào thí một chút nước cho người về sau sẽ hưởng như biển cả. (Sermon 20).

...

Cái tật xấu nó lan ra rất dễ. (Bia đá vua A-Duc).

...

Ai đến xin lỗi mình, mình không nên xua đuổi. (Mahavagga).

...

Không nên làm buồn kẻ đến xin lỗi mình. (Lalita-Vistara).

...

Ta hãy vui sướng, không ghét những kẻ ghét ta. Ở chung với những người oán ta, ta đừng thêm oán họ.

...

Vì lấy oán mà diệt oán không được đâu, phải lấy lòng thương mà diệt nó mới được, ấy là theo cồ-lệ đó. (Dhammapada).

...

Kẻ nào có thể tin chắc lấy mình thì được mạnh và vui. (Fo-sho-hing-tsan-king).

...

Không phải khóc lóc than tiếc mà mình được an lạc trong tâm. (Salla-sutta).

...

Ai có xin mình thì mình hãy cho, dầu cho ít mấy cũng nên cho. (Udanavarga.)

...

Hãy giữ cho tinh khiết và ăn ở với người tinh khiết. (Dhammacariya-sutta.)

Không có người bạn nào hiền lành cho bằng lòng bố thí trong sạch (Fo-sho-hing-tsan-king)

...

Nhà sư khát thực đương đâm nhắm với những tư-tưởng hiền đức, có thể nhận chịu các sự nóng lạnh, đói khát, hành xác, khổ hạnh, dầu cho khó nhọc đến đâu người chịu cũng nổi hết (Sabbâsava-sutta)

...

Một người kia có thể thắng hằng ngàn giặc nghịch, nhưng thắng nổi mình mới thật là đại thắng (Udânavarga)

...

Chẳng nên nói với ai cộc cẳng. (Dhammapada)

...

Dầu đương cơn giận, chớ nói tiếng cộc cẳng (Sariputtasutta)

...

Một lời mắng nhiếc cũng làm cho sùt-sanh đau đớn nữa (Suttavandonaanîti)

...

Cũng như kẻ ham sống tránh thuốc độc, đáng hiền hơn tránh sự dữ (Udânavarga)

...

Vạn vật đều mong sự vui sướng, vậy người hay rầy lòng lành (bienveillance) ra khắp nơi cho các chúng-sanh (Mahavanisa)

...

Việc nào làm cho mình đau khổ thì mình chớ đem nó mà tấp cho người (Metta-sutta)

...

Tôi dùng tư-tưởng trong sạch và lòng bác-ái mà bủa ra cho người, cũng như tôi bủa vào cho tôi. (Lalita-vitstara)

Hãy dùng cái thiện mà thắng cái ác (Udanavarga)

...

Kẻ đê-tử của Phật không hề cố ý giết một mạng sanh linh cho đến loài trùng. (Mahāvagga)

...

Tự tay mình giết, sai người giết, hay là vui mà thấy người giết, đều là phạm tội sát sanh hết. (Sha-mi-lu-i-yao-lio)

...

Ăn ở kiên đức là sung sướng khoái lạc. (Dhammapada)

...

Diệt lòng duy kỉ, tức là an nhàn. (Udanavarga)

...

Cái mà ta gọi là tên tuổi và gia đình chỉ là tiếng nói mà thôi. (Vasettha-sutta)

...

Việc gì đáng trọng thì người khôn trọng chứ không phân biệt là của ai. (Ta-chuang-yan-king-lun).

...

Phán đoán một người theo hiện tượng bề ngoài của họ không được đúng (Sermon 3)

...

Anh sanh ra trong chồi của kẻ hèn hạ mà anh có trí huệ, anh cũng như hoa sen mọc dưới bùn. (Jitsu-go-Kiyo).

...

Lời của Phật phán đầu cho nghiêm khắc chớ cũng chứa đầy sự từ-bi tựa như lời cha dạy con. (Questions du roi Milanda).

...

Phật không có ban phước cho những kẻ dưng cúng cho Ngài, mà cho kẻ xứng đáng kia. (Questions du roi Milanda).

...

Muốn dứt tuyệt cái khổ, hãy nông trang mà làm việc từ thiện. (Buddagosha).

Tôi muốn rằng sự bất công phải bị khinh bỉ. (Mahāvagga).

...

Ăn ở hiền lành theo phong-hóa đạo-nghĩa thì sướng lắm, khi ngủ giấc ngủ mình yên và khi thức mình lại vui dạ. (Udanavarga).

...

Ta không mong sự ban thưởng gì, ta không mong được sanh lên cõi Trời, nhưng ta quyết làm lợi cho người đời là dắt kẻ lạc đường, soi sáng kẻ lầm trong chỗ tối... tránh cho hơn loại các nguồn gốc sự buồn rầu đau đớn (Fo-pen-hing-tsih-king).

...

Thấy người than khóc, hãy chia sự than khóc với người; thấy người vui, hãy chia vui với người. (Jitsa-go-kiyo).

...

Em ơi, hãy thuật chuyện buồn của em với qua, vì sang sớm thì nó bớt buồn và dễ chịu (Nagananda).

...

Tôi nguyện không bao giờ phạm tội sát sanh, trộm đạo, tà dâm, vọng ngữ và tửu nhục. cho đến trong giấc mộng của tôi cũng vậy. (Attanagalu-vansa).

...

Chẳng nên kết bạn với những kẻ làm bậy; hãy chọn bạn những người lành. (Dhammapada).

...

Ta có thể nhận làm bạn người như thế này : thấy ta làm quấy người bảo trước cho ta tránh, thấy ta làm phải, người đốc sức ta; thấy ta bối rối hay hoạn nạn người giúp ta khuyên ta và giải cứu ta, như vậy mới là bạn thật và quý. (Fo-pen-hing-tsih-king).

Ta tự xét những tội lỗi của ta, thấy có cái gì xấu, ta phải bỏ nó ra, và ta phải làm điều lành không mà thôi. (Jataka).

...

Kẻ nào làm hại người vô hại thì sự hại quày lại nó cũng như bụi nhỏ bị gió thổi đi. (Kokaliya-sutta).

...

Ngu mà biết mình ngu thì khôn chút ít, chớ ngu mà ngỡ mình khôn mới thiệt là ngu. (Dhammapada).

...

Ôi thôi, sự giận nó đổi gương mặt thùy mỹ một cách lạ, nó làm mất vẻ xinh lịch của con người quá nhiều (Fo-sho-hing-tsan-king).

...

Kẻ quấy mà giận lại dùng lắm lời để thắng người ta, bao giờ nó cũng thua người bền bỉ hết. (Udanavarga).

...

Ta mong được hoàn toàn dễ tể độ người. (Fo-pen-hing-tsih-king).

...

Kẻ tin-đồ nhà Phật không nên sợ quở, cũng không nên tự cao vì được khen (Tuvataka-sutta).

...

Có bốn cách nhận rằng kẻ nịnh là một người bạn giả dối, nó hoan nghinh mình khi mình làm quấy, nó hoan nghinh mình khi mình làm phải, nó nói bợ mình trước mặt mình nó nói ác mình sau lưng mình. (Sigfâlouâda-sutta).

...

Không có lỗi gì mình mới có thể chỉ trích người, chớ cũng đồng phạm tội mà mình trách người thì mình làm cho chúng cười mình (Sermon 19).

Cho đến một ông vua cũng không khỏi bối rối; nhưng người thường mà thanh bạch thì an-lạc đời đời (Fo-Sho-hing-tsan-king)

...

Ta giữ công-lý mà tâm của, khi đã tâm của được theo công-lý, ta bèn đem nó ra mà thi theo phép công-lý cho một người, hai người, ba người, trăm người. (Magha-sutta)

...

Phật phán : như người muốn săn sóc ta thì hãy săn sóc những người bệnh hoạn đi. (Mahāvagga)

...

Muốn thờ Phật, người hãy theo gương kiên tâm và nhẫn nại của Phật. (Fo-sho-hing-tsan-king).

...

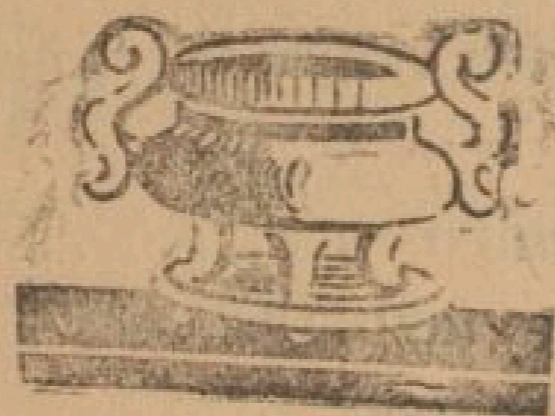
Kẻ tin-đồ đạo Phật không nên tự khen mình. (Tuvatakasutta)

...

Khen người đáng chê hay chê người đáng khen, như vậy là phạm tội ở lỗ miệng. (Kokaliya-sutta)

...

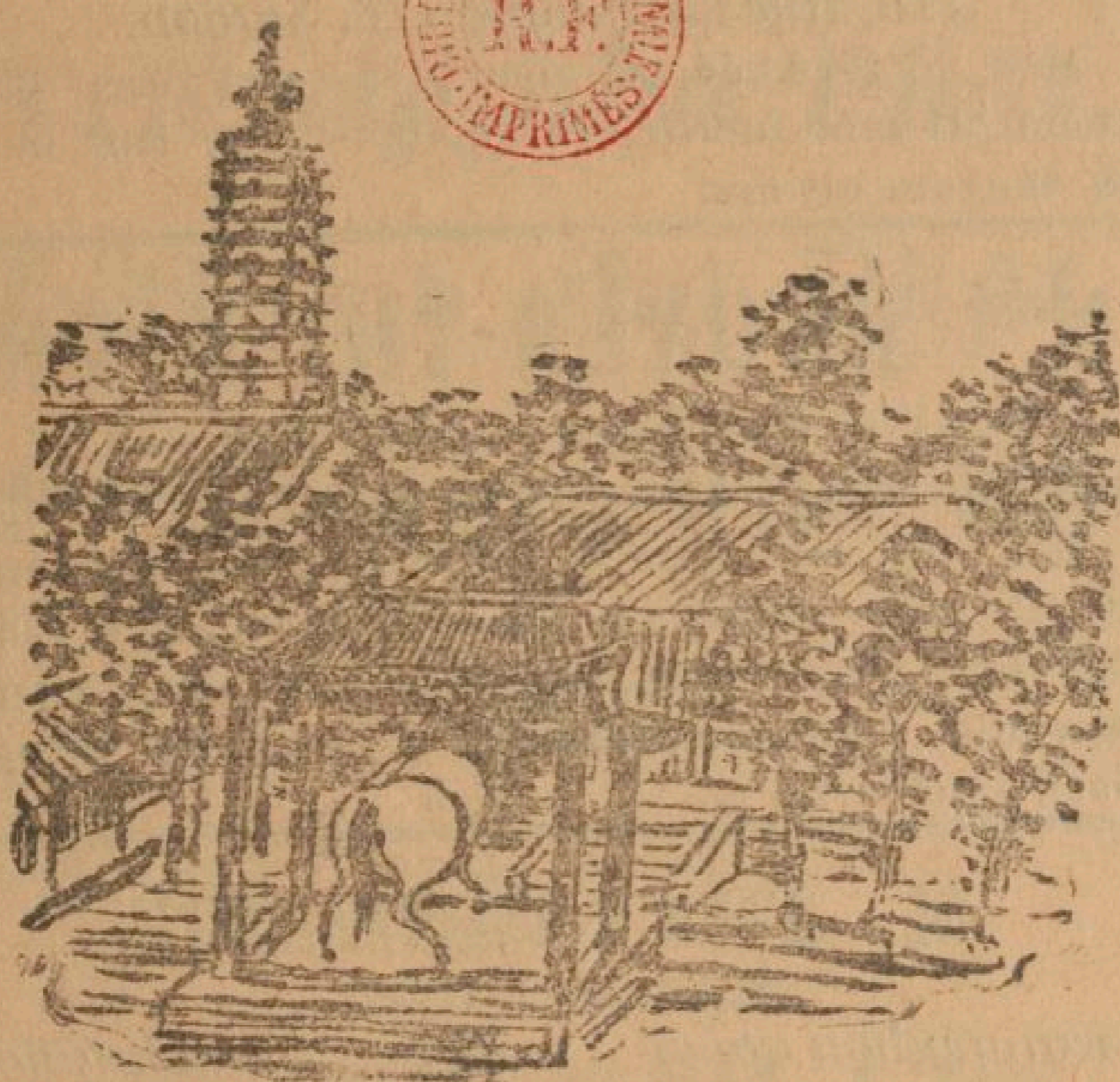
Những ai hành khổ người, người hãy tha thứ cho họ (Lalita vistara).



MỤC LỤC

SỐ	BÀI	TRƯỞNG
	Tiểu tựa	3
	Mấy lời nói đầu.	6
	I PHÁP LÀ GÌ.	<u>8—17</u>
1	Pháp theo Phật	8
2	Pháp theo Lão-Tử	13
3	Brahma (Phạm-Thiên) cũng là Pháp	13
	II VÔ-TRỤ VỚI VẠN VẬT	<u>18—38</u>
1	Vô-trụ	18
2	Ba cõi đời	20
3	Các bậc chúng-sanh	22
4	Dương-gian, âm-phủ, cảnh tiên và cảnh Phật	26
	III. NỀN TẢNG ĐẠO PHẬT	<u>39—63</u>
1	Linh-hồn	39
2	Luân-hồi	43
3	Quả-báo (ngiệp) : thân, khẩu, ý	49
	IV. TỬ DIỆU-ĐỀ	<u>64—107</u>
1	Môn giải-thoát	64
2	a) Sự khổ (Khổ-đề) : đời là khổ	67
3	b) Nguyên-nhơn sự khổ (Tập-đề) : lòng tham.	71
4	c) Diệt khổ (Diệt-đề) : diệt cái khổ, lòng tham	74
5	d) Đạo đề diệt khổ (Đạo-đề).	76
	Bát-chánh, — giải về Thập-nhị nhơn-duyên.	
6	Bút tích của một bậc nhàn cư giải-thoát.	102
	V. THAM-THIỀN	<u>108—143</u>
1	Tham-thiền là gì : ý kiến của mấy nhà biện triết và soạn giả	109
2	Ba thời tham thiền : định trí, thẩm xét, đại- định	111
3	Bốn bậc tham-thiền	114
4	Cách tham-thiền : ngồi, thở, giờ, v. v.. . . .	117
5	Tham-thiền là căn ích.	120

SỐ	BÀI	TRƯỜNG
6	Thiền-tông với sự tham-thiền	123
7	Lão-giáo với sự tham-thiền	128
	VI. NIẾT-BÀN	<u>132--143</u>
	Niết-bàn là gì	132
1	Niết-bàn, mục-đích giải thoát	136
2	Niết-bàn ở cõi thế	138
3	Tịch Niết-bàn	139
4	Một sự lầm tưởng : Niết-bàn là hư không	140
5	Cõi Cực-lạc (theo tông Tịnh-dộ)	144
6	VII. PHỤ TRƯỞNG	<u>144--157</u>
1	Tư-tướng giúp đời	144



THANH-CHÂU

Tiệm bán cơm chay và đồ điềm tâm chay nhà Phật.

Đường Colonel Grimaud số 31, dãy phố mới ngang ga xe điện đường giữa (ga Cuniac) trước chợ Bến-Thành. Tiệm dọn rộng rãi, sạch sẽ, gần bến xe hơi, gần khách-sạn rất tiện cho quý-khách ở xa đến Saigon, muốn dùng bữa chay. Rất tiện cho quý ông ở Saigon, Cholon, Giadinh, còn phải đi làm việc dùng lót lòng, hoặc dùng bữa chay. Bán thường ngày và cũng có nấu cơm tháng. Bất luận người tu hành hay là không tu mà muốn dùng bữa chay, xin thỉnh đến giúp giùm cho bổn-hiệu dặng bền vững lâu dài thì chúng tôi rất đội ơn.

PHAN-BÁ-LƯƠNG

TAILLEUR

118, Rue d'Espagne 118, Saigon

May đồ rất khéo, rất mau, chủ-nhơn đứng tiếp khách, là một người vui vẻ, bất-thiệp, làm mau và đáng tin cậy lắm.

M^{me} NGUYEN-THI-KINH

Góc chợ mới Saigon, cửa hàng số 11

Nhà ở đường Aviateur Garros số 30, Tél. 923

Bán giấy, viết, mực và đồ để học trò cần dùng đủ thứ. Đèn mấn-sông hiện Tito-Landi, đèn thấp dầu hơi. Tiệm mấn-sông, ống khói bán riêng Đèn điện thấp piles, có piles và bóng bán riêng. Hàng tạp-hóa v... v...

M. TRẦN-VĂN-SANG

Médecin civil

Lương y bốn quốc

Thudaumot

Giờ coi mạch : sớm mai : 8 h - 11 h, chiều 3h - 5h

Trị đủ các chứng bệnh

== SÁCH ĐÃ RA ==

1. *Truyện Phật Thích-Ca*

2. *Du lịch xứ Phật*

3. *Đạo-lý nhà Phật*

4. *Chuyện Phật đời xưa*

5. *Văn-minh nhà Phật*

6. *Triết-lý nhà Phật*

7. *Lịch-sử nhà Phật*

8. *Pháp-giáo nhà Phật*

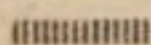
==
SẮP RA

9. *Tăng-đồ nhà Phật*

SÁCH SẮP XUẤT BẢN

TẶNG-ĐỒ NHÀ PHẬT

và giải-luật ti-kheo



Ấy là quyển sách rất quý giúp cho độc-giả
thấu rõ tình hình Giáo-hội tặng-đồ hồi Phật
còn sanh tiền và thuở xưa.

Các nhà khảo cứu đạo Phật, các vị cư-sĩ
học đạo-lý, các nhà ham mộ triết-lý, cần phải
biết cuộc sanh-hoạt của các nhà sư có
tịnh-hạnh.

Cuốn này càng giúp ích cho các nhà sư
hơn hết, vì nó biên đủ giải-luật của các ngài,
nó giải tại làm sao có những giải luật ấy.

Quý-vị đã từng xem và công nhận mây
cuốn trước là có giá trị thì cuốn *Tặng-đồ
nhà Phật* này tưởng không làm cho quý-vị
thất vọng đâu.

In tại nhà in Đức-Lưu-Phương 158, rue d'Espagne — Saigon